NĂM THỨ TÁM • #93 • JANUARY 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

CON NGƯỜI VIỆT NAM THEO TRUYỀN THỐNG ÂU LẠC

TRẦN NGỌC BÁU

BÀI THƠ CHO BẠN TÔI

KINH DƯƠNG VƯƠNG

MẢNH TRĂNG NON **NGUYỄN HỮU NHẬT**

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

Hoàn Mỹ EV-96

Anh-Việt, Việt-Anh

vượt xa các máy hiện nay

gồm Từ điển thông dụng

\+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

với từ chuyên môn của tất cả các ngành khoa học kỹ thuật:

TOÁN, VẬT LÝ, HÓA HỌC, SINH HỌC, ĐỊA LÝ, ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN, LUYỆN KIM, ĐIỆN, VÔ TUYẾN ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG,GIAO THÔNG, NÔNG NGHIỆP, CƠ KHÍ.....

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu. Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện.

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA
ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

Giá $259 + Tax
(Cho những người đặt mua trước.
Giới hạn trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $289+Tax

- Tăng cường trên 4,000 câu đàm thoại
- Tra cứu đối chiếu trực tiếp nhanh chóng và không hạn chế
- Màn ảnh thông minh, hiện lên đủ các chữ kế cận khi bấm vào từng ký tự
- Máy gọn nhẹ, trình bày mỹ thuật
- Phát âm hoàn toàn giọng Mỹ của Đại Học Berkeley

GS. LÊ CHÍNH LONG: Tôi giới thiệu các bạn bộ Từ Điển này

Đã có bán khắp Hoa Kỳ và Canada.
Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT BẢO VỆ NGƯỜI DÙNG MÁY TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
NÓI TIẾNG VIỆT: 1-800-248-3948 1-818-279-9911
Tel: (818) 279-9898 ● Fax: (818) 279-9899

LITTLE SAIGON 9200 Bolsa Ave., #226 Tel: (714) 897-9808	SOUND CITY 1012 Webster St., Oakland, CA 94607 Tel: (510) 444-7800 (504) 444-0464(F)
PACIFIC GIFTS & SHOES 2857 Senter Rd. Ste. #M, San Jose, CA 95111 Tel: (408) 226-2383	PHƯƠNG MỸ SOUTHWEST 8282 Bellaire Blvd., #153, Houston, TX 77036 Tel: (713) 772-5088 Fax: (713) 776-3112
PHONG LÊ CO. 103 Westbank Expwy, Gretna, LA 70053 Tel: (504) 366-5758 (504) 366-3176(F)	VIỆT NAM BOOK STORES (CANADA) 415 Spadina Ave., Toronto, ONT M5T 2G6 Tel: (416) 595-5199 Fax: (416) 595-1121

Quà Tết - Quà Giáng Sinh

Tặng cho người yêu, người thân, biếu cho khách hàng trong dịp cuối năm,
một món quà VĂN NGHỆ, QUÝ GÍA ($350,000 US), THANH LỊCH,
DÂY Ý NHẠC, Ý THƠ mang lại cho mọi gia đình vạn niềm vui,
trăm nụ cười không gì bằng:

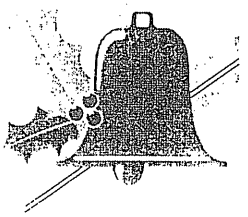

PARIS BY NIGHT 38

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

*** Tuyệt đỉnh Kỹ Thuật**
*** Tuyệt vời Nghệ Thuật**

Với sự góp mặt đặc biệt của:

Như Quỳnh - Ái Vân - Họa Mi - Hương Lan - Thanh Hà
Mỹ Huyền - Lưu Bích - Lynda Trang Đài - Ngọc Hương
Hoàng Lan - Châu Ngọc - Phi Phi - Thái Châu
Don Hồ - Tuấn Ngọc - Thế Sơn - Nguyễn Hưng
Tommy Ngô - Lê Toàn - Chí Tâm - Hoài Nam

Nếu quý vị đã nồng nhiệt khen ngợi video Paris by Night 37,
quý vị sẽ tuyệt đối thỏa mãn và hài lòng khi thưởng ngoạn
video Paris by Night 38

GÍA $25
1 bộ - 2 cuốn

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

VAALA
(714) 537-8352

Nghe chương trình phát thanh
VNCR trên lưới:
http://kicon.com/VNCR

THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

Số	Tên sách	Tác giả	Giá
9402.	Thơ Bùi Giáng	*(thơ, Bùi Giáng)*	$8.00
9403.	Hà Nội Trong Mắt Tôi	*(ký, Phạm Xuân Đài)*	$10.00
9503.	Câu Chuyện Của Lá Phong	*(truyện, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9504.	Để Em Làm Gió	*(thơ, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9506.	Vùng Đá Ngầm	*(truyện, Hà Kỳ Lam)*	$10.00
9507.	Hoa Vàng Cũ	*(kịch thơ Phạm Xuân Tích)*	$10.00
9508.	Những Ngày Xa Xưa Ấy	*(ký, Thu Tâm)*	$10.00
9509.	Đàn Bà	*(truyện, Phạm Văn Hải)*	$10.00
9510.	Thơ Tình	*(thơ, PVHải và DĐHưng)*	$10.00

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

L. ANDRÉ LÂM

Liên lạc:

DIAMOND BÍCH NGỌC

10221 Slater Avenue, Suite #211
Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

Chuyên lo bồi thường tai nạn xe cộ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI:

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra Văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ:

- **Di Trú (Immigration)**
- **Khánh Tận Tài Sản (Bankruptcy)**
- **Ly Dị Cấp Dưỡng (Family Law)**
- **Luật Thương Mại (Business Litigation)**
- **Hình Luật: Trộm Cắp và Tội Đại Hình**
- **Tai Nạn Nghề Nghiệp (Workers' Comp.)**

ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE!

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP PHỔ THÔNG DO **VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ANDRÉ LÂM** PHỤ TRÁCH VÀ **DIAMOND BÍCH NGỌC** THỰC HIỆN HÀNG TUẦN MỖI CHIỀU THỨ BA TRÊN ĐÀI **VNCR** — LÀN SÓNG **106.3 FM** — TỪ 2:15 PM ĐẾN 3:15 PM

VÀ

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP HAI TUẦN MỘT LẦN CHIỀU THỨ BẢY TRÊN ĐÀI **VĂN NGHỆ TRUYỀN THANH** — LÀN SÓNG **96.7 FM** — TỪ 2:00 PM ĐẾN 3:00 PM

TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẨY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

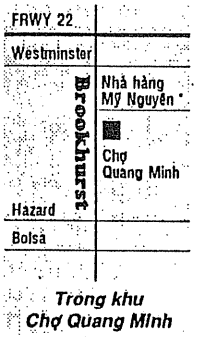

Trong khu Chợ Quang Minh

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

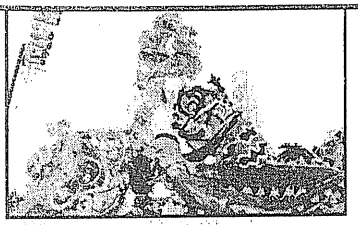

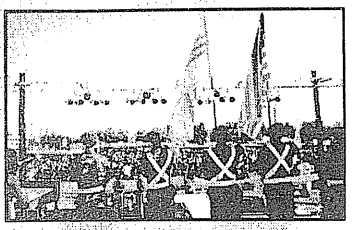

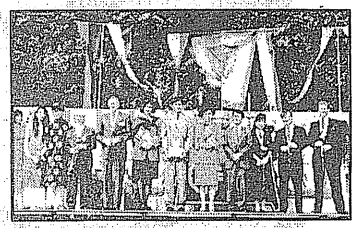

The 15th Annual TẾT FESTIVAL '97
Feb. 1 & 2, 1997 at Golden West College

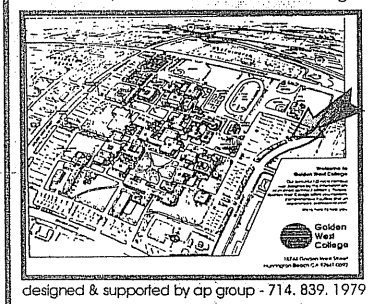

designed & supported by ap group - 714. 839. 1979

HỘI TẾT SINH VIÊN 97

Hội Tết Sinh Viên 97 sẽ tổ chức tại khuôn viên trường đại học Golden West College thuộc thành phố Huntington Beach, California vào hai ngày 1 và 2 tháng 2 năm 1997 tức là ngày 24 và 25 ta tháng Chạp năm Bính Tý.

Vẫn tiếp tục một truyền thống tốt đẹp suốt 15 năm qua, ngoài các giải thi đua về văn hóa, thể thao, và một chương trình văn nghệ đặc sắc hàng năm, Hội Tết Sinh Viên 97 còn có hàng trăm gian hàng thực phẩm với những món ăn độc đáo quê hương, trò chơi đầu năm, thương mại, triển lãm, và trưng bày đang chờ đón các hội đoàn , cơ sở thương mại, và quý đồng hương.

Giá Biểu Thuê Gian Hàng :

- Công ty thương mại (Corporation) $ 1,000.00
- Thực phẩm (Food) $ 600.00
- Trò chơi/thương mại (Game/Commercial) $ 500.00
- Triển lãm/trưng bày (Exhibition) $ 400.00
  Không buôn bán

Đặc Biệt Bớt 30% Cho Các Tổ Chức Vô Vị Lợi Để Phổ Biến Sinh Hoạt Và Gây Quỹ. Xin quý vị liên lạc sớm để được chỗ tốt.

Để biết thêm về những chương trình quảng cáo và bảo trợ, hoặc để đặt mua gian hàng, xin quý vị vui lòng liên lạc về:

Ban Tổ Chức Hội Tết Sinh Viên 97
Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam miền Nam California
12771 Western Ave., Suite H
Garden Grove, CA 92841
Điện thoại: (714) 893 - 3139
Message: (714) 753 - 3584
Fax: (714) 894 - 9549

Tranh bìa: **Rừng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Thị Hợp, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc, Trần Đại Lộc**

MỤC LỤC

Số 93 • Tháng Giêng 1997

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

13. Trước ngưỡng cửa năm 2000 - **Nguyễn Minh Cần**
17. Về vụ án Hà Sĩ Phu - **Hoàng Tiến**
22. Tư tưởng Hà Sĩ Phu có gì mới lạ? - **Lan Thạch**
54. Hội nghị dân tộc học tại Minsk - **Trần Quang Hải**
73. Tiếng chuông chùa lại ngân vang - **Tiểu Huyền**

ĐỜI SỐNG

51. Thích nghi: cái cầu phải qua - **BS Trần Minh Tùng**
61. Tôi chưa hãnh diện làm mán - **Phương Anh**
69. Tuổi trẻ đánh mất linh hồn - **Trần Quán Niệm**

KHOA HỌC - LỊCH SỬ

25. Con người Việt Nam theo truyền thống Âu Lạc - **Trần Ngọc Báu**
36. Tâm não và tâm - **Nguyễn Kết**
44. Về đảng Xã hội Dân chủ Đức - **Joachim Turke**
63. Góp ý về một phương pháp 'học vần quốc ngữ" - **Phạm Nguyễn Đoàn**
68. Hà Nội xưa qua dòng chữ cổ - **Trịnh Sinh**
71. Chiến tranh quốc cộng bắt đầu từ bao giờ? - **N.V.**

VĂN HỌC

47. Phỏng vấn Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp - **Mary Thiên Yên Lê**
76. Cái hay của thơ Đường - **Thái Việt**
79. Bạch Tuyết, một mình giữa trùng vấy - **Trần Hồng Châu**
82. Truyện: Chuyến Xe - **Trần Công Sung**
87. Đoản văn: Bài thơ cho bạn tôi - **Kinh Dương Vương**
88. Truyện: Mảnh trăng non - **Nguyễn Hữu Nhật**
97. Truyện: Gã từ quan - **Xuân Đỗ**

THƠ

84. Vô Cương Khúc - **Hoàng Xuân Sơn. 85.** Bài tặng H - **Đặng Hiền. 90.** Ta về - **Minh Hân. 93.** Nói chuyện loạn lạc thời nay - **Phan Nhật Nam. 95.** Vô đề - Màu xưa - **Nguyễn Thanh Giang. 98.** Phố cũ - **Nguyễn Chí Kham. 99.** Vào đông - **Ngọc Thủy.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Lời chào đầu năm - **Phạm Phú Minh**
9. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc
11. Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
31. Sổ tay
101. Khách trong tháng - **Lê Đình Điểu**
102. Vòng chân trời VHNT - **Lê Tam Ca**
105. Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Nhóm chủ trương:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
Chủ nhiệm:
Phạm Phú Minh
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

LỜI CHÀO ĐẦU NĂM

Khi tờ Thế Kỷ 21 ra đời năm 1989 thì trước mắt còn mười một năm để đến thế kỷ hai mươi mốt. Khi lấy tên thế kỷ sắp tới đặt cho tờ báo, những người chủ trương muốn nói một điều gì đấy về ý hướng của mình, một dự phóng, một chuẩn bị cho tương lai. Dĩ nhiên người ta chỉ có thể làm công việc chuẩn bị ấy trong hiện tại, và thời gian "hiện tại" ấy hết tháng này sang tháng khác, đến nay đã được tám năm.

Trong đời sống, chúng ta đánh dấu những cái mốc cụ thể để dễ sắp xếp công việc, để tạo ra những giới hạn cho sự hoạt động và suy nghĩ vốn hữu hạn của chúng ta trong dòng thời gian và dòng sống sinh động trôi chảy vô cùng. Đi trong cái dòng đó chúng ta vẫn sống với ý thức rằng mọi việc phải ngày một tốt hơn. Thế kỷ hai mươi mốt hay bất cứ một cái mốc nào rốt cuộc cũng chỉ là cái cớ đặt ra để giúp cho sự hoàn thiện được thực hiện một cách cụ thể.

Một năm mới lại bắt đầu, bây giờ là tháng Giêng năm 1997. Dù là sống trong môi trường văn hóa nào, người Việt Nam vẫn có hai cái năm mới, một cái theo dương lịch, một cái theo âm lịch. Số báo này mừng năm mới dương lịch, năm mới của công việc, của chương trình hoạt động. Số báo kế sẽ là báo Xuân, mừng cái niềm reo vui cổ truyền trong lòng mỗi chúng ta mỗi khi năm (âm lịch) hết tết đến. Như Lê Đình Điểu đã loan báo trên số báo 90, trong cái mốc thời gian đầu năm dương lịch này, cỗ xe Thế Kỷ 21 một lần nữa, thay người lái. Anh em chủ trương giao cho chúng tôi, Phạm Phú Minh, làm Chủ Nhiệm tờ báo từ số tháng Giêng 1997. Chiếc xe vẫn chạy, nhưng người lái mới, dù đã làm lơ xe một thời gian, chắc không khỏi có lúc cảm thấy run tay và hồi hộp trong nhiệm vụ mới. Nhưng dù sao chiếc xe đang ngon trớn, với độc giả thân mến vẫn ngày một thêm đông, với các văn hữu vẫn cộng tác trong tinh thần hiểu biết và thân ái, với quý thân chủ quảng cáo vẫn tin cậy vào sự hữu hiệu của tờ báo, và nhất là bên cạnh mình vẫn có nhóm anh em chủ trương luôn luôn coi tờ báo như là công trình của tập thể, người tài xế mới cầm tay lái cảm thấy yên tâm. Những mong chiếc xe tiếp tục chạy tốt về phía trước, những vùng đất lạ trước mặt sẽ là chất kích thích không ngừng làm cho chuyến viễn hành luôn luôn mới và đầy quyến rũ. Trong khi đó tờ báo sẽ không thay đổi đường lối cơ bản từ khi thành lập.

Nhân đầu năm dương lịch, thay mặt Tòa soạn và Nhóm chủ trương, chúng tôi xin gửi đến quý độc giả, quý văn hữu và thân chủ quảng cáo lời chúc sức khỏe và thành công. Hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục làm kẻ đồng hành lâu dài cùng nhau trên con đường sắp tới.

PHẠM PHÚ MINH, *Chủ Nhiệm*

Chuyện ngôn ngữ

Cùng với trào lưu tiến hóa của con người, ngôn ngữ cũng phần nào được thay đổi và bổ túc thêm theo thời gian. Tuy nhiên, có những thay đổi ngôn ngữ kiểu cán ngố nh 'xưởng đẻ" hay cà phê "cái nồi ngồi trên cái cốc" thì chắc rằng không ai "ngửi" được.

Gần đây chúng ta đã được nghe một số tiếng Việt bị dùng rất là sai trái, ngược tai. Điển hình là hai từ "chất lượng" và "cưỡng bức" hồi hương.

"Chất lượng" là danh từ của "xã hội chủ nghĩa" được dùng thay cho danh từ "phẩm chất" tại Việt Nam. Tiếc thay, một số người Việt hải ngoại cũng dùng theo một cách lầm lẫn. Chúng ta đã từng đọc hoặc nghe được quảng cáo như "Công ty chúng tôi cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt." "Phẩm" và "lượng" là hai tính chất riêng biệt của một sản phẩm. Danh từ "chất lượng" theo thiển ý thì cùng lắm có thể tạm thay chữ "lượng" chứ không thể dùng cho chữ "phẩm" được.

"Cưỡng bức" hồi hương là một danh từ nữa được dùng rất nhiều tại hải ngoại. Trong tiếng Việt, chữ "cưỡng bức" rõ ràng chỉ có nghĩa là "hiếp dâm," còn chữ "cưỡng bách" mới có nghĩa là "ép buộc," vậy thì phải là "cưỡng bách hồi hương" mới đúng. Điều ngạc nhiên hơn nữa là việc sử dụng sai lầm này lại do chính các cơ quan truyền thông, cả trên báo chí cũng như các đài truyền thanh và truyền hình, những cơ quan có ảnh hưởng nhiều đến sự suy nghĩ của mọi người, nhất là các thanh thiếu niên muốn học hỏi và duy trì tiếng mẹ đẻ. Mong rằng quý vị có trách nhiệm hãy thận trọng hơn trong việc sử dụng và phổ biến tiếng Việt mến yêu.

Mai Đông Thành *(Garden Grove, CA)*

Sau 1954 chế độ CSVN ở Hà Nội dần dần chuyển các tiếng Hán Việt mà ngôn ngữ Việt Nam đang dùng theo cách dùng mới của Trung Cộng (Trung Cộng sau khi chiếm được Hoa Lục đã đổi mới rất nhiều từ cho khác với các chữ cũ mà phe Trung Hoa quốc gia vẫn đang dùng ở Đài Loan). "Phẩm chất" biến thành "chất lượng" là trong trường hợp đó. Nó vẫn là một tiếng Hán Việt, nghĩa là một tiếng gốc Hán được người Việt vay mượn để dùng như đã làm như thế rất nhiều trong quá khứ, và đã được dùng quen ở miền Bắc mấy chục năm. Sau 1975 hệ thống tiếng Hán Việt mới ấy được dùng chính thức ở miền Nam, và cũng dần dần trở nên quen thuộc, nhất là trong giới trẻ. Người ta dùng chữ "chất lượng" để dịch chữ "quality," và "số lượng" để dịch chữ "quantity." Đúng như ông nói, ngôn ngữ cũng phần nào được thay đổi và bổ túc theo thời gian, thời gian hơn hai mươi năm qua đã chứng minh điều đó.

Còn chữ "cưỡng bức" quả thực đã được chúng ta quen dùng để chỉ hành động hiếp dâm, nhưng thiết nghĩ nó không chỉ có nghĩa *là hiếp dâm. Theo Đại Nam Quấc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của xuất bản ở Sài Gòn năm 1895 thì hai chữ Bức và Bách có dạng viết chữ nôm giống nhau, và nghĩa cũng tương tự nhau. Theo Hán Việt Tân Từ Điển của Nguyễn Quốc Hùng do Khai Trí xuất bản ở Sài Gòn trước 1975 thì Cưỡng bách có nghĩa là* "dùng sức mạnh ép buộc người khác," *và không có ghi từ Cưỡng bức. Tuy nhiên riêng từng chữ Bức và Bách thì có định nghĩa, nghĩa tương tự như nhau, là áp bức, cưỡng ép, và dạng viết chữ Hán hơi khác nhau. Theo Từ Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Hà Nội năm 1992 thì nghĩa chữ* Cưỡng bách *giống như của* cưỡng bức, *nghĩa là "Bắt phải làm, dù không muốn cũng không được." Do đó có thể kết luận chữ Cưỡng bức có nghĩa chung là "dùng sức mạnh ép ai làm việc gì," chứ không chỉ có nghĩa là hiếp dâm. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đồng ý với những người chủ trương dùng hai chữ với dụng ý khác nhau để câu văn sáng sủa hơn, và ngôn ngữ chúng ta giầu có thêm.*

Nói bay viết còn

Vụ trao đổi qua lại (chứ không phải 'lời qua tiếng lại') giữa ông Chiêu Thương của báo *Văn Nghệ* tại Hà Nội với bà Thụy Khuê thuộc đài RFI Paris được đăng trên *Thế Kỷ 21* số 92 vừa qua có một chi tiết rất thú vị. Tất cả bắt nguồn từ sự khác nhau giữa tiếng nói và chữ viết. Ông Chiêu Thương ngồi ở Hà Nội 'nghe đài," chắc chắn có ghi âm chương trình Văn Học của Thụy Khuê trên RFI ngày 22 tháng 9- 1996, rồi chép ra giấy những gì đã ghi được, rồi sau đó viết bài đả kích. Ký hiệu của ngôn ngữ nói là tiếng nói, của ngôn ngữ viết là chữ viết, bà Thụy Khuê dĩ nhiên viết bài của bà trước rồi mới đem đọc trên đài, nhưng phần ông Chiêu Thương thì ông chỉ được nghe chứ làm sao đọc được văn bản của bà Thụy Khuê. Vì thế ông gán cho bà Thụy Khuê cái tội đem râu ông nọ cắm cằm bà kia, đem tên hai tác phẩm của Huy Cận (*Trời Mỗi Ngày Lại Sáng, Đất Nở Hoa*) mà gán cho Xuân Diệu, rồi từ đó ông suy ra luôn là bà Thụy Khuê chỉ "nghe" loáng thoáng về các tác phẩm của miền Bắc xã hội chủ nghĩa chứ không đọc kỹ. Thật ra, theo thư trả lời của bà Thụy Khuê thì ông Chiêu Thương đã tự ý viết hoa những chữ *đất nở hoa* và *trời mỗi ngày lại sáng*, rồi cho rằng bà lầm lẫn lấy tác phẩm Huy Cận mà gán cho

Xuân Diệu, trong khi các chữ ấy bà viết thường, đó là một câu thường chứ không phải trích tên tác phẩm. Cuối cùng thì ra đây là một sự hiểu lầm, do chỉ nghe mà không trông thấy mặt chữ. Mặt chữ chỉ hiện ra trong bức thư đính chính của bà Thụy Khuê. Khi đọc bức thư của bà Thụy Khuê thì chúng ta thấy sự hiểu lầm ấy cũng dễ hiểu và bà cũng phải chịu một phần trách nhiệm trong ấy: trong cái câu được trích dẫn ấy, cứ sau khi nêu mỗi tác giả bà lại ghi tên một hay vài tác phẩm của người ấy, ví dụ Nguyễn Đình Thi thì có *Xung Kích, Vỡ Bờ*; Chế Lan Viên có *Ánh Sáng và Phù Sa*; Tố Hữu thì *Việt Bắc, Đẹp Vô Cùng Tổ Quốc Của Ta Ơi*; chỉ trừ Xuân Diệu. Sau Xuân Diệu chỉ có một dòng chữ viết thường, mà dòng chữ ấy lại trùng y chang hai tác phẩm của Huy Cận. Như thế hỏi ai mà khỏi hiểu lầm?

Nhưng, tóm lại, cứ cho đó là một hiểu lầm gây ra do sự khác biệt của ký hiệu giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Một người nói bên trời tây, một người nghe bên trời đông, thì cũng dễ hiểu lầm lắm.

Nhưng tác phẩm đã được in thì còn sờ sờ ra đấy. Ông Chiêu Thương cho rằng không nên xem các nhà văn miền Bắc đều là *những tay đem tài nghệ văn chương đi minh họa cho tuyên truyền chính trị*, không nên *xúc phạm đến những tài năng văn học lớn nước nhà, những phần đóng góp rất chân tình, rất thiêng liêng và đầy nghệ thuật của họ cho văn học thời kỳ hiện đại*. Tôi nghĩ không nên cãi nhau theo kiểu: "Tôi thấy cái này rất hay, không được chê," và: "Ngược lại, tôi thấy chẳng có giá trị nào cả," mà hãy cứ xem đời sống thực của các tác phẩm ấy. Ở trong nước có ai còn đọc các tác phẩm ấy không? Tôi rời Việt Nam cách đây năm năm, và tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng: vào đầu thập niên 90, sách vở trong nước khá phong phú và cởi mở, người ta in lại sách Tự Lực Văn Đoàn, sách Hồ Biểu Chánh, người ta dịch cả *Bác Sĩ Zhivago* của Pasternak, *Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà* của Trương Hiền Lượng v.v... nhưng cả một nền văn nghệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa tuyệt nhiên không thấy bóng dáng, cả những cái mà ông Chiêu Thương nói là "rất chân tình, rất thiêng liêng và đầy nghệ thuật" cũng lặn đâu mất tiêu. Tôi nghĩ là quần chúng rất sáng suốt, khi được tương đối tự do để chọn lựa thì họ sẽ chọn cái có giá trị thực sự. Họ biết rất rõ cái nào là sản phẩm của nô dịch, của văn nghệ chỉ huy, cái nào là sáng tạo tự do chứ. Về nhạc cũng vậy, thời gian đó, ngoài phương tiện truyền thông của nhà nước thì cả nước hầu như chỉ nghe băng nhạc hải ngoại.

Tôi đồng ý với ông Chiêu Thương là một số tác phẩm văn học miền Nam chịu ảnh hưởng các trào lưu văn học Tây phương, như ông đã dẫn chứng. Nhưng nếu dẫn chứng như thế để như ngầm bảo rằng: 'Chúng tôi phải sáng tác theo cây gậy chỉ huy của đảng thì các anh ở miền Nam cũng có hơn gì, cũng phải theo quan thầy phương tây đó thôi,' thì là sai, hoặc không lương thiện. Ở miền Nam theo hoặc không theo một trào lưu hay trường phái nào là vấn đề cá nhân, người ta có tự do chọn cái mình thích. Còn văn nghệ sĩ miền Bắc thì không giống như thế. Những giá trị của thế giới cộng sản và tự do thì khó có tiêu chuẩn chung để so sánh. Sau 75, người ta đã thấy các văn nghệ sĩ cộng sản được lệnh "đánh" các tác phẩm và tác giả miền Nam như thế nào, công việc ấy, mà này sách vở còn sờ sờ ra đấy, nói lên bản chất nền văn nghệ của họ, cho nên tôi nghĩ ông Chiêu Thương cũng không nên nhiều lời nói về những 'nguyên tắc cơ bản trong phê bình văn học" làm gì. Nguyên tắc gì thì ông cũng có một cây gậy chỉ huy lăm le trên lưng, rất khác với tình trạng của những con người tự do.

Trần Trọng Thảng *(Boston, Mass.)*

Sửa lại cho đúng

Trong bài *Nghĩ Về Đảng* của Hoài Nam đăng trong TK 21 số 92, có những lỗi sau đây, phiền độc giả sửa lại giúp:

- Trang 15, cột phải, dòng 10 từ dưới lên: Lê Nin, **Stalin**, Mao Trạch Đông (sót chữ Stalin).
- Trang 17, cột trái, dòng 29, từ dưới lên: Nó đã **từng** cuốn hút (thay vì *từ* cuốn hút).

Thành thật xin lỗi tác giả và quý độc giả.

Nhắn tin Paris

Monsieur Françoise Petitou,
Directeur du Département Des Périodiques
Bibliothèque Nationale De France - Paris

Nous avons reçu votre lettre du 25 Novembre 1996. N'hésitez pas, s'il vous plait, de nous communiquer pour d'autres publications pour la Bibliothèque Nationale de France.

The Ky 21

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Duflot Thủy Tiên, Trương Đăng Đệ, Nguyễn Thiên Ân, Hồng Khắc Kim Mai, Hoài Cẩm Lê Văn Hưng, Kinh Dương Vương, Ngọc Thủy, Kiêm Thiêm, Ngô Thế Vinh, Phan Hưng Nhơn, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Lương Diên, Nguyễn Lý, Phạm Trọng Chánh, Đỗ Thị Kênh G, Nguyễn Minh Cần, Bùi Khánh Đản, Trần Mộng Tú, Trần Công Nghị, Trần Minh Hiền, Cao Thị Nguyệt Lãng, Nguyễn Văn Cường, Văn Phong Thích

Trí Độ, Hạo Nhiên, Tạ Ty, Phan Thị Đỗ Quyên, Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Thị Thu Hằng, Khuyết Danh Thị Ngh., Nguyễn Ngọc Lan, Thảo Trường.

Bài sẽ đăng: TK của Khuyết Danh Thị Ngh., 'Nho Giáo...', 'BS HTK'của Phạm Trọng Chánh, 'Tìm Hiểu Nguồn Gốc...' của Phan Hưng Nhơn, 'Nhận Diện...' của Nguyễn Xuân Quang, 'Mười Thừa' của Hoài Cẩm Lê Văn Hưng, 'Con cá...' của Thảo Trường, 'Tản mạn...' của Nguyễn Ngọc Lan.

Trần Thượng Thủ *(Houston, TX)*: Thương xác với tác giả của một quyển sách về một số điểm nào đó, nhất là về các vấn đề lịch sử, chúng tôi nghĩ là việc rất nên làm. *Thế Kỷ 21* đã nhiều lần đăng các bài về loại đó. Chúng tôi rất mong bài nhận xét của ông về cuốn sách Nguyễn An Ninh. Kính.

Thái Việt *(Montreal, Canada)*: Hy vọng anh không phiền vì sự cắt xén của chúng tôi. Một bạn trong Tòa soạn mới đi qua Tàu, có chụp được hình của lầu Hoàng Hạc, chúng tôi bèn nghĩ nên dành phần Hoàng Hạc Lâu thành một bài riêng, có hình ảnh đàng hoàng, cho số Xuân. Chắc độc giả sẽ thưởng thức được một cách trọn vẹn hơn. Thân.

Sơn Tùng *(Falls Church, VA)*: Nhận được bài của anh thì bài vở số này đã xong. Số tới là số Xuân rồi. Vậy xin hẹn ra Giêng ngày dài tháng rộng chúng ta lại đề cập đến chuyện ấy. Thân chúc anh năm mới nhiều thắng lợi.

Trần Công Nghị *(Ontario, Canada)*: Về ba tuần, và buồn suốt năm! Thế mới biết tình quê tiềm tàng lắm nhỉ. Nhưng nếu cứ đi về dài dài vài ba lần nữa thì chắc thời gian buồn sẽ dần rút ngắn lại, và có thể một lúc nào đó triệt tiêu luôn cũng nên. Nhưng cũng nhờ nỗi buồn ấy mà có những vần thơ hay. Xin cám ơn.

Trương Đăng Đệ *(Montreal, Canada)*: Cám ơn sự lên tiếng của ông. Bây giờ hay có cái bịnh là "thấy mặt đặt tên," không cần đọc kỹ xem người ta viết gì mà cứ đưa lời phê phán trước. Hay là cũng có thể người ta có đọc mà không hiểu, hoặc cố tình không hiểu. Đằng nào thì cũng là do định kiến quá nặng. Cần giúp vén bức màn thành kiến đó lên, như ông đã làm. Thân kính.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Kim Hùng (Orange CA), Nguyễn Văn Be (Silver Spring MD), Mây Trần (Garden Grove CA), Nguyễn Victor (FRANCE), Nguyễn Đình Tuyên (Houston TX), Phạm Thao (Houston TX), Thúy Phạm (Oakland CA), Mai Đông Thành (Garden Grove CA), Trịnh Hoa (Houston TX), Nghiêm Phương Lan (Stockton CA), Mai Viết Thủy (AUSTRALIA), Nguyễn Tấn Thịnh (Montreal CANADA), Minh Quang Nguyễn (Santee CA), Trần Thị Phụng (Sacramento CA), Nguyễn Thanh Châu (Phoenix AZ), Kiệt Trang (San Diego CA), Trần Kim Thập (AUSTRALIA), Nguyễn Phong Châu (CANADA), Phạm Ngọc Khôi (CANADA), Hoa Trần (Rochester MN), Tiêu Như Mỹ (Rosemead CA), Phạm Thị May (Sacramento CA), Phillip Hoàng (Dahlgren VA), Khanh Dương (Pearland TX), Đỗ Văn Khanh (San Gabriel CA), Phạm Như Vân (Minot AFB ND), Trần Xuân Hà (San Leandro CA), Trần Quân (BELGIUM), Thạch Cẩn Nguyễn (Milwaukee WI), Võ Đăng Sâm (Westminster CA), Phượng Chung (Seattle WA), Đào Thị Tâm (LONDON), Nguyễn Lương Diên (San Jose CA), Huỳnh Được (AUSTRALIA), Phạm Quang Huyền (AUSTRALIA), Phùng Ngọc Tương (Fortworth TX), Võ Văn Định (Hatfield PA), Nguyễn Hảo (Diamond Bar CA), Trần Như (San Jose CA), Nguyễn Tấn Hưng (NETHERLAND), Nguyễn Dương (Garden Grove CA), Trương Văn Toàn (Houston TX), Lê Minh Hân (Dallas TX), Phạm Ngọc Hiển (Santa Ana CA), Trần Kinh Luân (Boston MA), Hà Minh Tân (San Jose CA), Trịnh Tấn Cương (Irvine CA), Lê Ngọc Lân (Portland OR), Nguyễn Thị Hồng Tâm (Dallas TX), Phan Khải (Louisville KY), Ngô Kim Long (Los Angeles CA), Hoàng Thị Trà (AUSTRALIA), Lâm Văn Hoài (Chicago IL), Trần Bích Vân (Philadelphia PA), Đỗ Xuân Thọ (Mission Viejo CA), Lương Nguyễn (Wichita KS), Lý Phương (Tustin CA), Đinh Ngọc Thọ (San Diego CA), Trần Phương Chi (Irvine CA), Lê Minh (San Jose CA), Triệu Sang (Diamond Bar CA), Trần Khánh (Santa Ana CA), Vũ Thế Truyền (Atlanta GA).

Phượng Chung *(Seattle WA)*: Đã gia hạn thêm một năm báo cho Hạ Đỏ. Cảm ơn bạn đã tín cẩn toà soạn đến độ gởi cho TK 21 một tấm *blank check*. Tình thân.

Khưu Ngọc Thanh *(Beaverton OR)*: Mấy tháng sau này, có một vài nơi, ngay Calif, và những tiểu bang khác, báo bị mất hoặc trễ, là do bưu điện. Chúng tôi có khiếu nại, nhưng coi bộ "con rùa" bưu điện ở đâu và lúc nào cũng là... con rùa. Đã gởi số 91 tới ông, sau khi số 92 đã phát hành! Chúc ông luôn vui.

Nguyễn Tấn Hưng *(NETHERLANDS)*: Đã nhận được bưu phiếu. Chúng tôi rất thông cảm việc một số độc giả gởi tiền gia hạn trễ, vì đó cũng là... bịnh của chúng tôi: nhiều khi được nhắc nhở, hoặc thậm chí có khi bị "phạt" rồi mới chịu ngồi xuống ký chi phiếu. Có lẽ chúng tôi sẽ nghe lời một số độc giả gợi ý là nên theo lối các báo Mỹ, gởi thư hoặc phiếu nhắc nhở độc giả gởi tiền báo TRƯỚC khi báo hết hạn. Hy vọng năm mới lề lối mới sẽ làm quý vị hài lòng

Mai Đông Thành *(Garden Grove CA)*: Cứ theo địa chỉ ông ghi trong thư thì hình như ông ở rất gần tòa báo. Bữa nào rảnh mời ông quá bộ lại tòa báo chơi. Vấn đề ông nêu ra trong thư về "chữ và nghĩa" sẽ được ban biên tập thảo luận và trình bày sau. Riêng hộp thư tri sự cám ơn ông đã gửi check gia hạn báo, dù trễ, vì trễ còn hơn không, có phải không ạ? Chúc ông luôn vui.

Đoàn Xuân Kiên *(London)*: Các anh trong tòa soạn bảo đáng lẽ phải gởi báo biếu anh, nhưng anh gởi tiền thì MS rất... thích. Đã nhận được IMO và đã gởi báo đến độc giả mới do anh mua tặng. Báo đi Âu châu 76 mỹ kim một năm đấy, MS cho anh thiếu 6 đồng nhé. Thân chào.

Bình Anson *(anson@central.murdoch.edu.au)*: MS theo địa chỉ trên tờ *printout* anh LDD đưa, chứ MS không dám 'lên lưới" sợ... lạc lối như anh Babui dọa trong một hí họa năm ngoái. Đã vào danh sách các độc giả mới do anh "recruit." Cám ơn anh và mong có dịp gặp lại. Thân ái.

Nguyễn Victor *(FRANCE)*: Đã nhận được *mandat* trả tiền báo. Ông có thể trả bằng quan Pháp, cho đại diện của TK ở Pháp (Mme Lê Tất Luyện, hoặc Mlle. Phạm Thu Hương, điện thoại có ghi nơi trang 8 mỗi số báo TK). Kính.

Vũ Thu Thủy *(Michigan)*: Cám ơn chị đã gởi tiền gia hạn báo cho... người khác! Tập "Hùng Sử Ca" do Hội VAALA ấn hành, không bán, mà chỉ để tặng các hội viên và thân hữu (như độc giả TK chẳng hạn). Chi phí ấn loát tập nhạc do các mạnh thường quân bảo trợ. Tuy nhiên, Hội VAALA cũng sẵn sàng (!) đón nhận các khoản tặng dữ (chị Thủ quỹ Bạch Thu Hà nhờ MS nhắn rằng "càng nhiều càng tốt").

Đoàn Quân *(Seattle WA)*: TK trước đây có gởi bán trên đó ở một tiệm... thực phẩm. Nhưng vì "thương vụ" nhỏ quá, không bõ làm sổ sách nên tiệm không nhận nữa. Hiện nay, báo chỉ bán qua bưu điện. Cám ơn ông đã chúc lành cho tòa báo, và hứa giới thiệu thêm độc giả. Về việc xuất bản sách, xin ông viết thêm chi tiết về cuốn sách và gởi về cho anh Ngô Mạnh Thu. Anh Thu sẽ cho ông biết thêm các điều kiện về xuất bản và phát hành, kể cả việc tổ chức ra mắt sách và đăng quảng cáo trên các báo ở... khắp nơi trên thế giới. Kính.•

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Anh Chị Lê Đình Điểu
báo tin Lễ Vu Quy cho Trưởng Nữ

LÊ ĐÌNH Y-SA

đẹp duyên cùng

Giu-se VŨ QUÍ HẠO-NHIÊN

Thứ Nam của Ông Bà Bác Sĩ Vũ Quí Đài

Hôn lễ sẽ cử hành tại tư gia ở Bellflower, California, vào ngày 28 tháng Mười Hai 1996.Thánh lễ Hôn Phối sẽ cử hành tại thánh đường Saint Bonaventure, Huntington Beach cùng ngày.

Xin mừng hai họ có rể quý dâu hiền
và chúc Y Sa - Hạo Nhiên trăm năm hạnh phúc.

BAN QUẢN TRỊ BÁO THẾ KỶ 21
NHẬT BÁO NGƯỜI VIỆT
ĐÀI PHÁT THANH VNCR
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

TRƯỚC NGƯỠNG CỬA NĂM 2000

(Nhân đọc Thử Thách Và Hy Vọng do Thông luận xuất bản)

NGUYỄN MINH CẦN

Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba —chỉ còn hơn ba năm nữa thôi, thế kỷ 21 sẽ lù lù đến gõ cửa từng nhà rồi — thế mà trước bao nhiêu kiến nghị đổi mới, cải cách ích nước lợi dân đều bị các người cầm quyền đất nước bịt tai, bưng mắt, không những thế còn vu khống, đàn áp, khủng bố...

Dân ta quả là quá bất hạnh! Do sai lầm cuối thế kỷ 19, nước ta đã tụt hậu trong suốt thế kỷ 20! Bây giờ lại do sai lầm cuối thế kỷ 20, chúng ta sẽ còn tụt hậu đến thế nào nữa trong thế kỷ 21? Mà thế kỷ 21, thế kỷ của khoa học kỹ thuật tiến vọt, sẽ diễn tiến với vận tốc trăm, ngàn lần nhanh hơn thế kỷ trước, nước nào đã tụt hậu đầu thế kỷ 21 sẽ không bao giờ còn có hy vọng vươn lên được nữa! Không biết những kẻ đang "trị vì" thời nay có nghĩ đến điều đó hay không? Có nhận thấy trách nhiệm của họ trước bao nhiêu thế hệ mai sau hay không? Hay họ sẽ mặc kệ số phận đất nước, miễn là độc quyền thống trị của họ không ai đụng đến là được?

Những lầm lạc của thế kỷ

Những người đang sống những năm cuối cùng của thế kỷ, khi nhìn lại suốt dòng lịch 97 năm qua, chắc không khỏi cảm thấy một nỗi buồn chua xót... Vì, theo tôi, thế kỷ 20 chủ yếu là thế kỷ của lầm lạc, thế kỷ của bạo lực, thế kỷ của hận thù, thế kỷ của đau thương. Lịch sử còn ghi rõ, vào giữa thế kỷ 18, chủ nghĩa xã hội (socialisme) của Saint Simon, Fourier, Owen... ra đời; cuối thế kỷ 18, xuất hiện chủ nghĩa cộng sản (communisme) của Babeuf, rồi đến giữa thế kỷ 19, chủ nghĩa cộng sản của Marx, Engels..., về sau, trong thế kỷ 20, chuyển thành chủ nghĩa cộng sản của Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Kim Nhật Thành, Fidel Castro, Pol Pot... công nhiên dùng bạo lực cưỡng ép trên một tỷ dân ở nhiều nước châu Âu, châu Á, thậm chí châu Phi, châu Mỹ làm cuộc thí nghiệm đẫm máu chưa từng thấy trong lịch sử loài người! Cùng lúc đó xuất hiện nhiều thứ chủ nghĩa khác, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa chủng tộc, đặc biệt là chủ nghĩa xã hội - quốc gia (gọi tắt là chủ nghĩa quốc xã, nazisme) của Hitler, chủ nghĩa phát-xít (fascisme) của Mussolini... cực kỳ hiếu chiến và khát máu! Tất cả các thứ chủ nghĩa ấy đều tự xưng là cách mạng nhất, khoa học nhất, đều lớn tiếng rao giảng tham vọng cứu thoát loài người khỏi những ung nhọt của chủ nghĩa tư bản, đem lại công bằng xã hội. Những thế hệ trẻ, lớp người nhạy cảm và cả tin nhất, đổ xô nhau phụng thờ những thứ *"ismes"* (chủ nghĩa) mới đủ loại đó như những kẻ cuồng tín. Thế là... những dòng sông máu tuôn tràn trong những cuộc chém giết lẫn nhau, những cuộc huynh đệ tương tàn khốc liệt chỉ vì ý thức hệ, chỉ vì chủ nghĩa! Thêm vào đó, những tập đoàn kinh tế, chính trị, quân phiệt thế giới vì quyền lợi ích kỷ của chúng đã lao vào hai trận đại chiến thế giới cực kỳ đẫm máu. Thế kỷ 20 đã trôi qua trên xác chết hàng trăm triệu người ngã xuống trong những cuộc chiến tranh khủng khiếp, những cuộc nội chiến điên rồ, những cuộc tàn sát lẫn nhau, những trận đàn áp khủng bố khốc liệt của kẻ cầm quyền đối với lương dân!

May thay, đến cuối thế kỷ 20, loài người dường như đã phần nào "tỉnh ngộ": cái gọi là "thế giới xã hội chủ nghĩa" của những người cộng sản với cột sống của nó là Liên Xô đã sụp đổ, "sẩy đàn tan nghé" chỉ còn lại bốn nước bơ vơ; cuộc "chiến tranh lạnh" đã bị đẩy lùi, loài người đã đứng xa ra khỏi miệng hố của chiến tranh hạt nhân... Vì thế chúng ta sắp bước về thế kỷ 21 với một niềm hy vọng nào đó là đứng trước những hiểm họa mới, nhất là hiểm họa sinh thái, loài người sẽ khôn hơn, sẽ bớt hận thù hơn, sẽ biết nâng niu hơn ngôi-nhà-trái-đất mình đang sống, sẽ biết quý trọng hơn những giá trị đạo đức chung toàn nhân loại, như tình thương yêu lẫn nhau, tinh thần dân chủ, sự tôn trọng tự do, tôn trọng con người, quyền của con người, khát vọng chung sống với nhau trong hòa bình và hữu nghị để duy trì cuộc sống của loài người trên hành tinh quê hương. Cố nhiên, niềm hy vọng đó không được ru ngủ dân mình quên mất ý chí vươn lên trong cuộc đấu tranh "khôn sống mống chết," khi quanh ta còn nhiều lực lượng đen tối của mưu đồ xâm lược, của tinh thần bành trướng vẫn rình mò. Nhưng... làm sao cho dân mình sẵn sàng tại điểm xuất phát của thế kỷ 21 với tư thế đấu thủ được, một khi đôi chân đang bị cùm lại trong một chế độ cực quyền phi nhân!?

Trên thế giới đầy đau thương này có rất nhiều dân tộc bất hạnh, nhưng có lẽ các dân

tộc bị áp đặt cái chế độ của những người cộng sản, mệnh danh là "chủ nghĩa xã hội" (xin phân biệt rõ với chế độ thường gọi là *chủ nghĩa xã hội Scandinavia* hay *Bắc Âu* không phải của những người cộng sản), là những dân tộc bất hạnh nhất. Trên một tỷ ba trăm triệu người ở Nga và các nước trong Liên Xô cũ, ở Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Cuba, Campuchia... bị đánh lừa hoặc tự lừa dối mình trong một cuộc "vỡ mộng" tệ hại nhất. Theo tổng kết không đầy đủ thì dưới chế độ cực quyền cộng sản Xô-Viết, có 65 triệu sinh mạng trong các dân tộc Liên Xô đã chết oan uổng, trong đó 21 triệu người ngã gục dưới lưỡi gươm của những cuộc đàn áp chính trị! Còn bao nhiêu chục triệu sinh mạng nữa ở Trung Quốc và ở các nước khác trong cái gọi là "phe xã hội chủ nghĩa"? Bất hạnh chính là ở chỗ các dân tộc đó thiết tha mong muốn tranh đấu để xây dựng nên một xã hội công bằng, không có người bóc lột người, không còn giai cấp bóc lột, người với người là bạn, thế nhưng chính ở trong xã hội của họ, những người lớn tiếng nhất hô to khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa, thì sau khi nắm được chính quyền trong tay, đã trở thành một đẳng cấp, một giai cấp riêng biệt, lợi dụng danh nghĩa đảng, danh nghĩa giai cấp công nhân, danh nghĩa nhân dân để thống trị đảng, giai cấp công nhân, thống trị toàn dân! Đó là một thực tế không thể nào bác bỏ được, một thực tế quá phũ phàng, đang làm nhiều người phẫn nộ, kể cả những người cộng sản có lương tâm.

Cũng như tất cả các giai cấp thống trị khác, giai cấp thống trị mới này vô cùng bảo thủ, lạc hậu, cực đoan, giáo quyệt và tàn ác. Khoác áo "đổi mới" để che đậy cái thói bảo thủ bất trị của nó và cự tuyệt mọi sự đổi mới chân thật, triệt để. Nấp dưới chiêu bài "xây dựng nhà nước pháp quyền" nhưng lại bác bỏ mọi nguyên tắc của một nhà nước pháp quyền thật sự. Tất cả những ngụy biện, dối trá, tất cả những việc làm của giai cấp chỉ nhằm một mục đích: duy trì đến cùng quyền lực của nó. Lịch sử nước nhà lặp lại cái thời những năm 60, 70, 80 thế kỷ 19, khi các quan lại triều đình lắc đầu nguầy nguậy trước những điều trần chân thành và sáng suốt của những Nguyễn Trường Tộ, Đinh Văn Điền, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Hiệp, Lê Đỉnh, v.v... Ngày nay, tập đoàn cầm quyền không chỉ lắc đầu mà còn tống ngục những ai có sáng kiến đổi mới nền chính trị chuyên chế. Bao nhiêu vụ án trắng trợn theo "luật rừng" đã qua và gần đây đã nói lên điều đó! Trong cục diện chung của thời cuộc, trước sự sôi sục của những đầu óc dân chủ trong nước, tập đoàn cầm quyền lo lắng cho cái địa vị lung lay của họ, càng co cụm lại, bảo thủ hơn, độc tài hơn. Càng làm thế, họ càng bị cô lập, càng đi vào ngõ cụt bế tắc, càng tiến gần đến ngày sụp đổ không tránh khỏi.

Những người Dân Chủ phải chuẩn bị

Tôi bỗng nhớ lại cuộc nói chuyện cách đây không lâu với vài người quen đang làm việc trong hệ thống Ủy ban khoa học nhà nước. Đó là vào khoảng tháng Tư hay tháng Năm gì đó, trước ngày Đại hội VIII họp. Bên ấm trà nóng, chúng tôi nói chuyện linh tinh đủ thứ trên trời dưới đất. Tôi hỏi: "Thế các anh nghĩ gì về kế hoạch 'vĩ đại' nâng GDP (tổng sản phẩm quốc dân) hiện nay từ 200 USD/đầu người vọt lên 2000 USD/đầu người đến năm 2020 được nêu ra trong báo cáo nhan đề là *'Việt Nam - con đường phát triển tới năm 2020'* của Viện nghiên cứu dự báo chiến lược khoa học và công nghệ và được bệ gần như nguyên xi vào bản báo cáo chính trị của ông Mười?" Một anh trả lời bằng cách vặn lại tôi: "Thế anh không nhớ là sau 75, ông Ba Duẩn huênh hoang như thế nào trước bàn dân thiên hạ à? Ông hứa hẹn trong vòng 10, 15 năm nữa Việt Nam sẽ trở thành cường quốc, ông còn dõng dạc tuyên bố về kế hoạch mỗi hộ một căn nhà, có đủ tivi, tủ lạnh, máy giặt... anh có nhớ không? Rồi kết quả thế nào?" Anh kia nói thêm: "Thì người ta cũng phải vẽ ra bức tranh cho quốc dân thấy tiền đồ xán lạn của dân tộc chứ. Có thế mới xác lập được cái sứ mệnh lịch sử của người ta và mới bám được quyền lực chứ!" Tôi chỉ gật gù: "À ra thế! Để chứng tỏ họ không phải là lũ quần thần cổ hủ của vua Tự Đức, không biết ngọn đèn điện thế nào mà chúc ngược xuống vẫn cứ sáng!" Chung quy chỉ vì... quyền lực!

Nhưng... đó là ý muốn của giới cầm quyền, còn khát vọng của người dân là *chuyển quyền lực từ tay một nhóm người trả lại vào tay dân chúng,* suy cho cùng là *xóa bỏ chế độ cực quyền để xây dựng nền dân chủ đích thực.* Đích thực, chứ không phải là "bánh vẽ"! Đó là cái đích trước mắt mà dân ta nhắm tới. Con đường đi tới mục đích đó là *con đường hòa bình, bất bạo động,* con đường đoàn kết đại đa số dân chúng đấu tranh *đòi quyền dân chủ tự do sơ đẳng, như tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, báo chí, tổ chức, đòi trả tự do cho các tù nhân lương tâm, đòi xóa bỏ độc quyền của một đảng,* con đường tìm kiếm sự thỏa hiệp, đồng thuận giữa các nhóm phái dân chủ, các tầng lớp, qua những cuộc thương thuyết, những hội nghị bàn tròn để tiến tới *cuộc phổ thông đầu phiếu thật sự dân chủ,* có sự kiểm soát của các tổ chức dân chủ trong nước và quốc tế, để bầu ra *quốc hội lập hiến* xây dựng một *hiến pháp thật sự dân chủ* làm tiền đề cho mọi cuộc cải cách kinh tế, chính trị, xã hội triệt để nhằm xây dựng nên chế độ dân chủ.

Nói đến chế độ dân chủ, tôi nhớ một câu nói chí lý, hình như của Churchill, đại ý: "Không nên coi chế độ dân chủ là lý tưởng, nó có những mặt yếu của nó. Nhưng, cho đến nay chưa ai bày ra được một chế độ nào tốt hơn thì ta phải dùng nó vậy thôi, rồi tiếp tục hoàn

thiện nó." Thái độ này khác hẳn với thái độ của những người cộng sản. Chế độ dân chủ đã là một thực thể, tuy có mặt yếu, nhưng có nhiều thành quả rõ rệt, thế mà người dân chủ vẫn không lý tưởng hóa chế độ của họ và đòi hỏi phải hoàn thiện nó không ngừng. Còn chế độ cộng sản mới có trong trí tưởng tượng của một số người vẽ ra nó, kiểm nghiệm trong thực tiễn áp dụng ở nhiều nước, chỉ thấy 'âm tính," thì người cộng sản lại coi đó là lý tưởng, là bất di bất dịch. Và thái độ như thế họ lại coi là... "khoa học"!

Tôi đã sống như *một người dân thường* 29 năm ròng rã ở Liên Xô dưới chế độ cực quyền "thuần nhất cộng sản trăm phần trăm," "chính thống Marx-Lenin trăm phần trăm" qua năm "triều đại" từ Khrutshev đến Gorbachev, và tôi đang sống trên năm năm rồi ở nước Nga hậu cộng sản, nước Nga đang đi tới nền dân chủ đích thực và xây dựng nhà nước pháp quyền. Tôi cảm nhận vô cùng thấm thía, sâu sắc bằng muôn ngàn thớ thịt và dây thần kinh của mình sự khác biệt lớn lao giữa hai chế độ và giá trị cao quý của cuộc sống tự do thật sự trong chế độ dân chủ còn non yếu của nước Nga hiện nay. Đồng thời tôi thu nhận được một *bài học thật đơn giản* này của nước Nga: *những người dân chủ phải chuẩn bị đầy đủ về mặt tinh thần,* vì chuyển từ chế độ cực quyền thâm căn cố đế hơn bảy thập niên trên một nước rộng lớn bao la trải dài trên hai đại lục sang chế độ dân chủ thật là khó. Xô đổ cái chế độc cực quyền to lớn như người khổng lồ kia (dù là với đôi chân bằng đất sét nhồi rơm đi nữa) ngã uỳnh một cái mà không đè chết nhiều người đã rất khó, mà từ trên cái đống đổ nát của nó với bao nhiêu di họa khủng khiếp, nhất là di họa tư tưởng, tinh thần, đạo đức, mà xây nên một chế độ dân chủ đích thực lại càng khó lắm! Nhất là trong lúc đó chính quyền dân chủ phải gánh chịu hậu quả cuộc khủng hoảng nặng nề của chế độ Xô-Viết, đồng thời phải tôn trọng "luật chơi" của chế độ dân chủ đa nguyên; khi mà ý thức dân chủ của đa số người dân còn rất thấp, trước khó khăn về đời sống, tâm lý 'hoài cổ" thời Xô-Viết còn mạnh; khi mà các lực lượng cộng sản hung hãn, quyết lao vào một trận phục thù sống mái cuối cùng và những cán bộ của chế độ cũ mang nặng lề thói cũ, còn ẩn náu nhiều tên phá hoại ngầm; khi mà các lực lượng dân tộc cực đoan, phát xít ngóc đầu dậy và các lực lượng dân tộc ly khai ra sức gây rối... Muôn vàn khó khăn, phức tạp! Tôi nói thế không phải để làm những người dân chủ nước mình chùn bước, sợ hãi, rút lui, mà để học chuẩn bị đầu óc tỉnh táo, sáng suốt, không lạc quan tếu, chuẩn bị tinh thần quyết tâm cực kỳ lớn, tinh thần đảm gánh trách nhiệm cực kỳ cao.

Bí quyết vượt qua mọi khó khăn trên bước đường chuyển biến từ chế độ cực quyền sang chế độ dân chủ đích thực và xây dựng nhà nước pháp quyền - chỉ có một. Đó là *sự "tỉnh thức" của đại đa số dân chúng,* chủ yếu là ở trong nước, kể cả những người trong bộ máy đảng và nhà nước, quân đội và công an, và *lòng quyết tâm phấn đấu* cho sự chuyển biến đó của người dân. Để có được sự 'tỉnh thức" và lòng quyết tâm đó, những người dân chủ trong và ngoài nước phải làm việc rất nhiều trong dân chúng, phải kịp thời đưa ra những khẩu hiệu thích hợp trong từng thời điểm để thu hút, tập hợp dân chúng trong từng cuộc vận động dân chủ một, dần dần đưa lên thành một phong trào dân chủ rộng lớn của tuyệt đại đa số nhân dân nhắm tới mục tiêu chung vì một nước Việt nam dân chủ tự do đích thực, văn minh, giàu mạnh. Để có một tập hợp rộng rãi, gần đây, một số

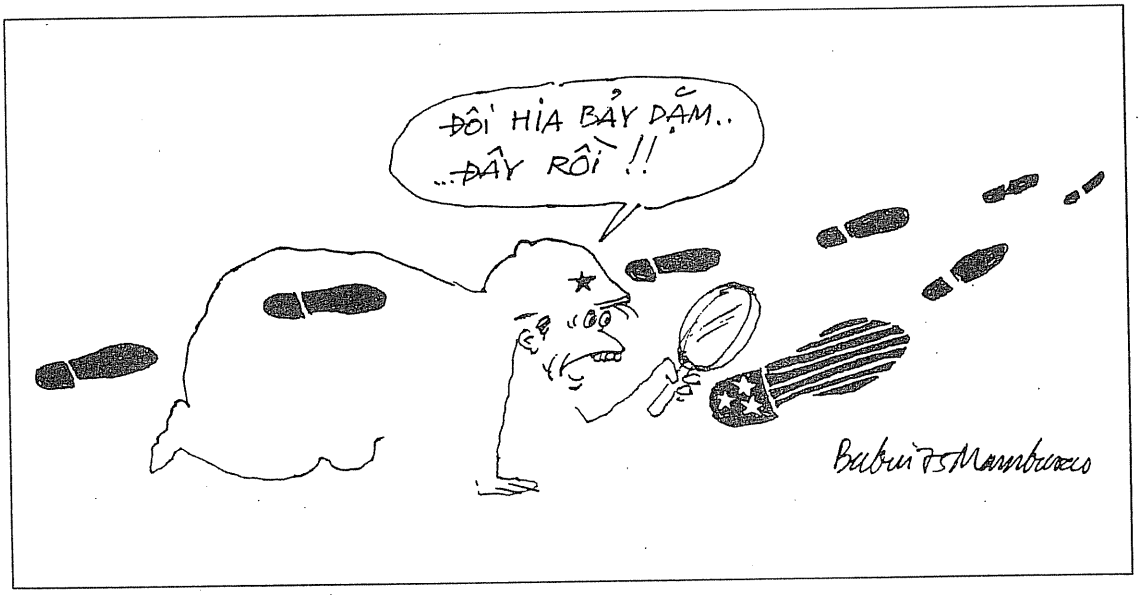

người nêu ra ý kiến lập *mặt trận dân chủ*. Theo tôi, *.tinh thần chính* của ý kiến đó là tập hợp rộng rãi nhất đại đa số dân chúng trong và ngoài nước thành một lực lượng quyết định sự chuyển hóa từ chế độ cực quyền sang chế độ dân chủ. Tinh thần đó là đúng. Nhưng *xét về mặt hình thức tổ chức* thì mặt trận dân chủ chưa chắc đã đáp ứng được đầy đủ tinh thần đó, chưa chắc đã là tổ chức rộng rãi và hữu hiệu nhất. Có khi phải dùng những kiểu tập hợp lực lượng quảng đại dân chúng rộng rãi và linh động hơn nữa mà không câu nệ về mặt hình thức, thí dụ như Phong trào, Hiến chương, Cương lĩnh... Nghĩa là những tổ chức rất rộng, hầu như không có ranh giới rõ rệt về mặt tổ chức, nhưng lại có khả năng huy động rất đông dân chúng nên rất mạnh. Dễ hiểu là một kiểu tập hợp rộng rãi như thế không thể thiếu được nòng cốt, tức là những tổ chức dân chủ chặt chẽ có tính chất đảng. Cố nhiên, đây mới chỉ là những ý nghĩ chủ quan, còn thực hiện thế nào ở nước ta thì *phải do chính cuộc sống thực tế trong nước đưa ra,* chứ không ai nặn óc nghĩ ra được.

Hòa giải và Hòa hợp như thế nào?

Nói đến vận động dân chúng tham gia phong trào dân chủ, ai cũng nghĩ đến *hòa giải hòa hợp dân tộc*. Đó là một việc rất cần thiết. Vì dân mình đã phải chịu quá nhiều cảnh dân tộc bị chia rẽ, đất nước bị chia cắt, khi thì Đàng Trong, Đàng Ngoài, khi thì ba kỳ Bắc, Trung, Nam, khi thì hai miền Bắc, Nam hận thù chồng chất trong những cuộc phân tranh, huynh đệ tương tàn đẫm máu, những cuộc chém giết vì ý thức hệ, vì chính kiến, những cuộc đấu tố, tước đoạt tài sản vì sự xúi giục đấu tranh giai cấp, vì sự xung đột dân tộc, đảng phái, tôn giáo... Nếu không dần dần giải tỏa những hận thù, hiềm khích, thành kiến, ít nhất là trong một bộ phận lớn dân chúng, thì khó thực hiện được những mục tiêu chung. Mặt khác, cần thấy là con người bao giờ cũng là những cá thể riêng biệt, có quyền lợi, sở thích, ý hướng, nhóm phái khác nhau, có khi đối chọi nhau, cho nên mọi đòi hỏi tuyệt đối về hòa giải hòa hợp dân tộc chỉ là ảo tưởng. Tuy nhiên, trong một thời điểm nào đó, quyền lợi sống còn của số đông trong đó có bản thân mỗi cá nhân có thể nhất trí với nhau, chẳng hạn, khát vọng dân chủ, người ta có thể tạm thời xóa bỏ những bất đồng, hiềm khích, xung đột, thậm chí những hận thù để cùng bắt tay nhau thực hiện khát vọng chung. Chỉ *trong hành động chung* như vậy mới nâng dần mức độ hòa giải hòa hợp dân tộc lên cao được.

Hơn nữa, hòa giải hòa hợp sẽ chỉ là một câu nói suông, nếu tình thương yêu, lòng từ bi, sự khoan dung, độ lượng không ngự trị trong tâm mỗi người. Các đức Giáo chủ của đạo Phật cũng như đạo Chúa đều rất quan tâm dạy bảo tín đồ về điều này. Trong *"Kinh Pháp Cú"* đức Phật có nói, đại ý rằng: "Không thể lấy hận thù diệt hận thù được, làm thế hận thù chỉ thêm chồng chất. Phải lấy từ bi, lòng thương mà diệt hận thù."

Người dân chủ nói đến hòa giải hòa hợp dân tộc, tập đoàn cầm quyền cũng nói đến hòa giải hòa hợp dân tộc, nhưng giữa hai "cái" đó có sự *khác nhau một trời một vực* về mục đích và thực chất. Người dân chủ *chân thành muốn* hòa giải hòa hợp dân tộc nhằm xóa bỏ chế độ cực quyền, xây dựng chế độ dân chủ tự do đích thực, còn giai cấp cầm quyền *nói* hòa giải hòa hợp dân tộc nhằm mục đích duy trì chế độ cực quyền, duy trì sự thống trị lâu dài của họ, nên thực chất là giả dối, cạm bẫy. Vì thế, hòa giải hòa hợp giữa các tầng lớp dân chúng với nhau thì dễ hiểu, chứ làm sao có thể hòa giải hòa hợp giữa dân chúng với tập đoàn thống trị được? Với họ, khi tình hình cho phép, người dân chủ có thể có sự đối thoại cần thiết. Tuy nhiên, khi phong trào dân chủ lên mạnh, vào một thời điểm nào đó, trong giai cấp cầm quyền, hay trong đảng cộng sản, có những cá nhân, những lực lượng nào đó tự chuyển hóa, thật tâm muốn có sự thay đổi tích cực theo hướng dân chủ hóa đất nước thì người dân chủ sẽ hoan nghênh và chân thành đoàn kết với họ. Nghĩ vậy, vì tôi cho rằng trong mỗi con người cộng sản đều có hai "tính" cùng tồn tại và phát triển ngược chiều nhau: nhân tính và đảng tính. Nhân tính là khi anh ta xem xét và giải quyết mọi việc với con mắt vô tư của con người bình thường, dựa trên những giá trị chung toàn nhân loại, dựa trên lòng thương yêu, tình nhân ái rộng lớn. Còn đảng tính là khi nhìn và giải quyết mọi việc chỉ dưới con mắt thiên lệch về phía đảng, giai cấp, tưởng đó là để bênh vực quyền lợi đảng, giai cấp mà không ngờ thực ra chỉ là để bênh vực cho quyền lực của một nhóm người lợi dụng đảng và giai cấp. Khi nhân tính mạnh thì người cộng sản mong muốn, chẳng hạn, dân chủ hóa đảng và xã hội, bỏ "chế độ tập trung dân chủ," bỏ "chuyên chính vô sản;" còn khi đảng tính ngự trị trong lòng họ thì họ chỉ muốn bóp nghẹt dân chủ tự do của người khác, tăng cường chế độ tập trung, chế độ độc tài, chuyên chế của đảng mà thực chất chỉ là của một nhúm người. Như thế là người cộng sản có khả năng hướng thượng, tự chuyển hóa và có thể đóng vai trò đặc biệt trong sự chuyển hóa chung của xã hội, đồng thời cũng có khả năng hướng hạ, trở thành trở lực cho tiến bộ xã hội. Sự "giao động" từ "tính" này sang "tính" kia tùy thuộc ở mức độ "tỉnh thức" của người cộng sản và mặt khác, tùy thuộc ở sức mạnh và sự khôn khéo của phong trào dân chủ. Vì thế mọi thái độ hẹp hòi, định kiến đều có hại không nhỏ cho sự nghiệp dân chủ chung.●

Viết xong 30/10/96,
Ngày quốc tế Tù nhân chính trị.

VỀ VỤ ÁN HÀ SĨ PHU

HOÀNG TIẾN

(Do ĐINH QUANG ANH THÁI thực hiện trên đài VNCR)

Tôi là bạn ông Hà Sĩ Phu, quá trình bắt ông và xử ông tại Tòa án Hà Nội ngày 22 tháng Tám 1996, báo chí không được tường thuật, chỉ được đưa vài tin vắn tắt theo lệnh trên nên tôi thấy mình có trách nhiệm phải trình bày những điều tôi biết về vụ án Hà Sĩ Phu, và nhân đây, xin nói vài điều về quyền tự do dân chủ ở nước mình.

Cuối tháng Mười Một năm 1995, Hà Sĩ Phu từ Đà Lạt ra Hà Nội, ông đi thăm họ hàng và bè bạn quen biết. Ngày 29 tháng Mười Một 1995, tôi được công an phường Thanh Xuân Bắc nơi tôi cư trú, mời ra đồn hỏi về tác giả Hà Sĩ Phu vừa ở Đà Lạt ra và những bài viết của ông.

Do có những câu nói bất nhã, thiếu lịch sự của người công an, lòng trí thức của một người văn nghệ sĩ bị xúc phạm tôi đã phản ứng bỏ ra về. Sau đó, tôi đã viết đơn gởi các cấp có thẩm quyền nói về việc ấy.

Trưa ngày 4 tháng Mười Hai năm 1995, tôi đang trên phố Trần Hưng Đạo bỗng gặp Hà Sĩ Phu đi xe đạp, mừng quá, vì tôi rất muốn gặp Hà Sĩ Phu để báo cho ông biết tôi bị công an hỏi, và công an đang theo dõi ông. Rồi tôi rủ ông đi ăn cơm "bụi" vì vừa lĩnh mấy chục ngàn tiền nhuận bút bài báo. Chúng tôi vào một quán ăn đầu đường Trương Hán Siêu và Nguyễn Du, khi chia tay, tôi còn nhắc ông nhớ chiều đến ăn cơm ở nhà một người bạn văn hẹn từ trước.

Buổi đó chúng tôi chờ mãi đến tối mịt, vẫn không thấy Hà Sĩ Phu đến, chúng tôi đành ngồi ăn với nhau mà lòng dạ thấp thỏm, linh tính như mách bảo có chuyện gì không hay đã xảy ra với ông đây.

Mấy hôm sau, cháu gái tên Nhàn ở Đê Tô Hoàng gọi điện cho tôi: "Chú Tụ, tức Hà Sĩ Phu ba hôm nay không về nhà." Thế là có chuyện rồi. Tôi bàn với cháu cách đi tìm, trước đến hãy đến công an giao cảnh hỏi xem mấy hôm nay có tai nạn giao thông gì? Tên tuổi những người bị nạn? Không có tên Hà Sĩ Phu! Vậy thì các cháu đến công an thành phố xem có bắt giữ ông Hà Sĩ Phu xin báo cho gia đình biết và cho gia đình gửi quần áo, đồ ăn. Công an Hà Nội trả lời: không bắt giữ. Lạ nhỉ! Các cháu đã làm đơn trình bày với công an sự mất tích của ông chú từ Đà Lạt ra chơi, và yêu cầu họ tìm giúp hộ. Công an Hà Nội trả lời rằng họ bận nhiều việc, muốn tìm người nhà mất tích thì nhờ báo đăng hoặc tivi.

Cháu Nhàn đã đến đài truyền hình nhờ đăng tin tìm người nhà, nộp 200,000 đồng, sẽ phát ba lần trên tivi vào ngày hôm sau. Cháu hồ hởi báo tin cho tôi biết, và tôi rất chăm chú theo dõi tivi nhưng không thấy gì. Tôi gọi điện hỏi, cháu cũng không hiểu ra sao, cháu đến đài hỏi, thì họ trả lại tiền và nói trường hợp này phải về xin giấy chứng nhận của địa phương là mất tích, thì họ mới phát.

Thật kỳ quặc! Công an đã huýt còi lên đài rồi! Tôi nghĩ việc công an bắt người sau 24 tiếng phải thông báo cho gia đình biết mới phải luật pháp. Tôi gọi điện cho bè bạn quen biết ở các tòa báo nhờ can thiệp giúp, ít nhất là phải báo cho gia đình ông Hà Sĩ Phu biết nhưng mọi nơi đều từ chối. Dính đến công an phiền lắm ông ạ!

Tôi gọi điện cho người bạn có chức quyền ở thành phố, nhờ bạn can thiệp bên công an làm đúng thủ tục bắt người theo luật định, chứ sao lại làm như Mafia bắt người vậy, bạn tôi hỏi lại "Có thật thế không? Nhỡ văn nghệ sĩ các ông giữ nhau uống rượu ba, bốn ngày chưa về thì sao?" Tôi khẳng định Hà Sĩ Phu không nghiện rượu, mà dù ông có ở nhà bè bạn cũng phải điện cho gia đình các cháu biết chứ.

Vài hôm sau thì đài nước ngoài đưa tin Hà Sĩ Phu bị bắt. Trong nước báo chí vẫn im re. Người ta sợ hãi nói đến tin bắt Hà Sĩ Phu. Bạn bè quen biết của Hà Sĩ Phu ai cũng nơm nớp lo sợ có thể họ sẽ đến bắt mình. Ngay cả tôi, vì tôi đã phản ứng với công an điều tra. Tôi chuẩn bị sẵn một chiếc ba lô, dặn dò con cái khi tình huống công an sục đến bắt đi, lòng nghĩ đến hồi ký của một người Nga thời Stalin, lúc nào cũng chuẩn bị sẵn một vai li con.

Bạn quen tôi nói, không đến nỗi như thế đâu! Muối mặt dám làm thế. Nhưng biết đâu được, ở một đất nước không có tự do ngôn luận, không có tự do báo chí, thì việc gì cũng có thể xảy ra.

Những bài viết của Hà Sĩ Phu đã thức tỉnh lương tri của nhiều người; tất cả mới có ba bài thôi: "Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ," "Đôi điều suy nghĩ của một công dân," và "Chia tay ý thức hệ," đều không được báo chí in, chỉ truyền tay nhau đọc. Ông phân tích tình hình thế giới, phân tích tình hình

trong nước, chỉ ra những sai lầm của chủ nghĩa Marx v.v... Nhiều ý kiến trái tai những người lãnh đạo. Ông rất thành thật thực hiện quyền của một công dân trí thức, trình bày những suy nghĩ của mình trước vận mệnh dân tộc. Ông gửi cho những người lãnh đạo cao nhất nước, các cơ quan báo chí, bè bạn quen biết để xin ý kiến. Tấm lòng ông trong sáng, ý nghĩ ông minh bạch, không một chút khuất tất, không có gì vi phạm luật pháp, nhưng bây giờ người ta đã bắt ông!

Không khí khủng bố, lo ngại lan tràn trong trí thức văn nghệ sĩ, lại như năm nào bắt Dương Thu Hương trước Đại hội VII để bịt mồm văn nghệ sĩ lại. Bây giờ bắt Hà Sĩ Phu trước Đại hội VIII để bịt mồm giới trí thức lại. Dân chủ, tự do lại bị xiết chặt. Ngột ngạt, lo âu.

Người ta cố tìm một triết lý để tự an ủi: thì đã bao giờ có dân chủ tự do mà bảo sợ xiết chặt! Nghĩ thế mà cảm thấy yên tâm thật, mà sẵn sàng tinh thần chịu đựng một khi tai họa ập đến.

Việc bắt Hà Sĩ Phu mãi đến ngày thứ 12 công an mới thông báo cho gia đình biết, sau khi nhiều đài nước ngoài đã nói ầm lên. Cháu Nhàn kể với tôi, có hai ông công an đến giơ cái giấy của chú Tụ, tức Hà Sĩ Phu viết về, nói chú "đến ở chỗ công an" yêu cầu cháu đưa các đồ dùng của chú cho hai đồng chí công an cầm giấy này mang về. Các cháu gái đã bình luận: "Đã bắt giữ thì nói là bắt giữ, lại nói chú cháu viết về là 'đến ở chỗ công an,' làm như ở gia đình chúng cháu không tốt đẹp bằng chỗ công an hay sao?" Tôi cười bảo cháu, 'Để họ dễ có đường rút, họ có bắt người bố láo đâu? Đây là ông Hà Sĩ Phu tự nguyện dọn đến ở với họ đấy chứ!"

Thời hạn tạm giữ theo luật định không được quá ba ngày đêm. Bắt Hà Sĩ Phu là lệnh tạm giữ do Trung tá Vũ Hiền, công an Hà Nội ký. Giấy này bà Hà Sĩ Phu sau mới nhận được, họ vin lý do là Hà Sĩ Phu 'có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước." Lệnh tạm giữ là ba ngày mà rồi trở thành chín tháng mới được đem ra xét xử tại Tòa án Hà Nội.

Tôi may mắn có tham dự phiên tòa.

Về cái tội danh gọi là 'có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật Nhà nước" của ông Hà Sĩ Phu, đã bị ông lật tẩy trước phiên tòa: Ông đang đi xe đạp về phía Bờ Hồ thì bị hai người đi xe máy tông vào sau xe làm ông ngã xuống. Cái túi treo ở ghi-đông văng ra đường, có người định giật lấy thì ông kêu lên 'cướp, cướp" thì công an ập đến bắt tất cả vào đồn công an Hàng Bài, đòi khám chiếc túi. Ông hỏi lý do, họ bảo xem có mất gì không? Ông bảo không mất gì cả. Nhưng rồi họ vẫn cứ khám và lấy được hai bản photocopy lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị, đề ngày 9 tháng Tám năm 1995, có in dấu tối mật.

Thì ra cái hành vi tông xe người ngã, cướp túi không thành tội danh mà lại trở thành cái lý do để kết tội 'có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật Nhà nước" cho người bị hại. Lạ lùng thay, và cũng buồn cười thay cho lối bắt người kém cải tiến như công an Hà Nội đã làm.

Nhớ lại cái lần bắt Dương Thu Hương, công an cũng làm đạo diễn lớp kịch cho Tâm, Việt kiều, ra sân bay đi Mỹ; khám vali thấy một đống tài liệu phản động: Thư ông Nguyễn Khắc Viện gửi Mặt Trận Tổ Quốc, bản góp ý của ông Hoàng Minh Chính gửi Đại Hội Đảng lần VII, Kiến nghị của các cụ nghỉ hưu quận Đống Đa gửi lãnh đạo Nhà nước v.v... Tâm khai nhận ở nhà văn Dương Thu Hương và Dương Thu Hương bị bắt.

Ai cũng hiểu rằng thời đại khoa học kỹ thuật phát triển như ngày nay, chỉ cần một cái fax trên trời là ở nước ngoài nhận được một bản sao nguyên bản; và còn cổ lỗ như nhiều chục năm về trước thì cũng đã có những máy ảnh nhỏ xíu, bắt rất nhạy, thu nhỏ những tài liệu mật vào cuộn phim chỉ bằng ngón tay, nhét vào đâu chẳng được mà phải lại kềnh càng cho những bản kiến nghị, bản góp ý vào một chiếc vali để công an sân bay bắt được. Mẹo của công an khôn nhưng chỉ đánh lừa được những người nhẹ dạ, chứ chưa ngoan để bịp nổi những người có suy nghĩ đôi chút.

Trong phiên tòa, cả ba bị cáo Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang, và ba luật sư Đàm Văn Hiếu - Hà Nội, Nguyễn Hiếu Nhuận - Hà Tây, Trần Lâm - Hải Phòng đều cãi rất hay.

Cái quan trọng nhất của một phiên tòa là vật chứng thì lại không có. Tức lá thư ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị ngày 9 tháng Tám năm 1995, tòa giải thích là đã gửi nộp lên Văn phòng chính phủ cất giữ bảo quản; người phó văn phòng chính phủ, ký công văn xác nhận lá thư ông Võ Văn Kiệt là tài liệu bí mật Nhà nước, cũng không có mặt tại phiên tòa.

Các luật sư lập luận: không một ai, không một cơ quan nào được quyền xác nhận là bí mật hay không bí mật, điều này phải được tòa xem xét và phán định dựa trên luật pháp đã ban hành. Bị cáo Lê Hồng Hà nhận trước tòa có đọc lá thư ông Võ Văn Kiệt vì thế mà bị cáo khẳng định, hiểu theo luật pháp, nội dung lá thư không nằm trong bảy điều được gọi là bí mật Nhà nước đã ghi rõ trong sách luật. Lá thư nói về đường hướng phát triển kinh tế đất nước, khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân tỉ lệ như thế nào cho hài hòa; những

---

* "Anh làm gì mà nhảy tưng tưng vậy?"

"Tôi vừa uống thuốc. Bác sĩ dặn tôi lắc chai thuốc kỹ trước khi uống, tôi lại quên mất."

điều đó sau này đã biến thành bản dự thảo để toàn dân tham gia ý kiến, có gì là bí mật!

Trớ trêu là phiên tòa không được phép bàn vào nội dung bức thư. Chủ tòa Nguyễn Sơn điều khiển phiên tòa chỉ cho phép bàn về hình thức có in dấu tối mật ở đầu bức thư, và căn cứ vào công văn của Văn phòng Chính Phủ xác nhận bức thư là tài liệu bí mật nhà nước. Thật là hết sức khó khăn cho các luật sư tham gia vụ án. Thư là thư tay của ông Võ Văn Kiệt gửi các Ủy viên Bộ Chính Trị, bên chữ ký của ông Kiệt không có dấu đỏ, dấu đen gì cả, chỉ cùng lắm đó là tài liệu bí mật của Đảng chứ sao lại trở thành bí mật Nhà nước được?

Các luật sư cũng chỉ ra các kiểm soát viên buộc tội không chứng minh được sự thiệt hại nghiêm trọng do việc làm lộ lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị được gọi là bí mật Nhà nước, vì thế theo các luật sư, vụ án chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Hà Sĩ Phu

Luật sư Hải Phòng Trần Lâm, đề nghị hội đồng xét xử nên bãi bỏ phiên tòa hoặc dừng lại, tiếp tục điều tra một điều gì lớn hơn đằng sau vụ việc này, nếu điều đó thành tội danh, thì gắn vụ việc này vào, nếu không thành thì tự nó sẽ triệt tiêu.

Ông Hà Sĩ Phu nói lời cuối cùng, đã đặt một câu hỏi: Như bản án kết tội ông là 'cố ý làm lộ bí mật Nhà nước,'' chịu khung án từ 9 tháng đến 12 tháng tù giam, trong khi ông chỉ mới cầm tài liệu, chưa kịp đọc, đem photo làm hai bản thì bị tông xe và khám túi. Công an đã lấy lại cả hai bản photo, thế mà ông bị kết án là ''cố ý làm lộ bí mật Nhà nước.'' Vậy tất cả mọi người tham dự phiên tòa ngày hôm nay, chẳng hóa ra cũng dính vào tội danh 'cố ý làm lộ bí mật Nhà nước'' cả ư! Cả phiên tòa đã bật cười. Lối nói của Hà Sĩ Phu vẫn rất Hà Sĩ Phu như thế.

Có lời bàn sau phiên tòa, kiểu dân giã: ''Bà có cái của ấy, ai bảo bà để nó ra thì người ta nhòm. Sao lại đi bắt tội cái người nhòm? Không kết tội cái người để hở?'' Lại có tiếng xì xào, ''Đáng lẽ Hà Sĩ Phu chỉ bị tù chín tháng thôi, thời gian giam giữ vừa hết hạn nhưng vì lời nói cuối cùng mà bị đẩy lên khung án cao nhất của ông.'' ''Một lời nói thật, bộc lộ một nhân cách kẻ sĩ mà lãnh thêm ba tháng tù, một cái giá phải trả mang nhiều ý nghĩa đấy chứ!''

Chủ tòa Nguyễn Sơn cùng kiểm soát viên buộc tội Phùng Tiến Lập, không bác bỏ được một ý kiến nào của các luật sư cũng như của các bị cáo. Nhưng rồi cứ tuyên án theo án đã viết sẵn từ bao giờ: Lê Hồng Hà 2 năm tù giam, Hà Sĩ Phu 12 tháng tù giam, và Nguyễn Kiến Giang 15 tháng tù cho hưởng án treo.

Thật là một màn kịch vụng về — vụng về ngay từ khi kéo màn xử án. Bản cáo trạng qui tội ''cố ý làm lộ bí mật Nhà nước,'' việc đem xét xử để làm tấm gương răn đe mọi người chớ làm lộ bí mật nhà nước, hẳn phải được xử công khai, đăng báo cho nhiều người tới dự mà lấy đó làm bài học ngẫm chung; đằng này lại xử kín, rất ít báo chí được mời, dân chúng thì đừng hòng được vào.

Mọi người tò mò, tập trung đông đúc ở cổng Tòa án phía đường Hai Bà Trưng, bị công an ra giải tán. Thiếu dân chủ như vậy mà không báo chí nào dám đưa tin.

Cuộc sống mất dân chủ và dân quyền ở đất nước đã kéo dài. Quốc Hội đang họp Kỳ thứ 10 của Khóa 9, vừa công bố trên tivi con số 497 vụ bắt người oan trong năm; tính trung bình một ngày gần 2 người bị bắt oan. Công an được giao quyền quá lớn trong chiến tranh vẫn theo quán tính con lăn, đến nay vẫn chưa thu mình được vào luật pháp.

Chỉ kể sơ qua những vụ án bắt oan mà nhiều người biết:

Năm 1955, vừa tiếp quản Hà Nội được ít lâu thì dấy lên vụ án 'Gián điệp Mỹ phá hoại hiện hành.'' Bị cáo là ông Nguyễn Phổ, con cụ Nguyễn Văn Vĩnh, người có công truyền bá chữ quốc ngữ trở thành chữ viết của dân tộc hồi đầu thế kỷ nhưng lâu nay ta vẫn coi là một đại Việt gian. Gián điệp Mỹ Nguyễn Phổ, là con của một đại Việt gian đã chỉ đạo việc đốt

nhà máy in Tiến Bộ thì đúng quá đi rồi! Hợp lý quá đi rồi! Ai còn dám nghi ngờ điều gì. Ông Lê Quốc Thân, Giám đốc Sở Công An Hà Nội thời bấy giờ ký lệnh bắt, cùng các ông Nguyễn Thực, Trưởng phòng Chính Trị Công An Hà Nội và ông Trần Nam Đăng (tức Lê Hạt), Trưởng phòng Chấp Pháp Công An Hà Nội thời gian 1955. Ba ông này đã làm rùm beng vụ án xử ở sân sau Tòa án Thành Phố vào ban đêm treo đèn, căng khẩu hiệu, rồi sau đó phát thanh, đăng báo, in áp-phích loại bướm tuyên truyền rầm rĩ. Mục đích nhằm đề cao thành tích của công an và để toàn dân nâng cao cảnh giác với âm mưu phá hoại của địch.

Ông Nguyễn Phổ bị giam 17 năm 1 tháng 1 ngày (bản án hình sự số 271, ngày 26 tháng Mười Một 1955, Tòa án Nhân Dân Hà Nội). Ngôi nhà biệt thự số 25 Nguyễn Gia Thiều của ông bị thu giữ, rồi trở thành trụ sở của Ban Đối Ngoại Trung Ương Đảng. Cuối năm 1972, ông Phổ được thả. Sau đó ông được minh oan là vô tội, theo bản án Giám đốc Thẩm số 9 HS1 của Tòa án Nhân Dân Tối Cao ký ngày 28 tháng Ba 1978: Việc đốt nhà in Tiến Bộ là dựng chuyện. Giám đốc nhà máy in Tiến Bộ đã xác nhận với cán bộ thanh tra đi thẩm tra lại vụ án theo đơn kêu oan của ông Phổ: không có việc nhà in bị đốt, mà hồi đó là làm theo yêu cầu của bên công an.

Ông Phổ lại là người của Bộ Quốc Phòng đưa vào Hà Nội để hoạt động và hiện nay được nhận lương hưu Quân Đội theo quyết định số 873QĐ của Bộ Tổng Tham Mưu Bộ Quốc Phòng ký tháng Năm 1981, và được đền bù 100 triệu vào tháng Tám 1995. Ông bây giờ đã ngoài 80, hàng xóm với tôi. Ông nói trường hợp của ông là muôn một may mắn được minh oan trong hàng vạn những người bị oan kiểu như ông. Con cái ông nay thoát khỏi cái lý lịch phản động, tài sản của ông được đền bù nhưng ngôi nhà của ông vẫn chưa lấy lại được. Ông đã làm đơn đòi lại ngôi nhà và hi vọng trước lúc nhắm mắt, được Nhà nước giải quyết.

Điều kỳ lạ là những người tạo nên vụ án không hề bị trừng phạt. Nhóm ông Lê Quốc Thân vẫn lên chức, lên lương nếu không vấp phải vụ đại tá Tình Báo Nguyễn Công Tài - con nhà văn Nguyễn Công Hoan, thì Lê Quốc Thân lúc ấy đang làm Thứ trưởng Thứ Nhất Bộ Công An kiêm Bí thư Đảng Đoàn, hẳn sẽ lên Bộ Trưởng.

Thời kỳ cải tạo tư sản ở miền Bắc có một sắc lệnh do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký năm 1961, bắt tập trung cải tạo những người có tư tưởng chống đối chủ nghĩa xã hội. Thế là hàng loạt những người trong cao trào công, tư hợp doanh bị đưa đi cải tạo. Rồi phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, hàng loạt văn nghệ sĩ bị đưa đi lao động cải tạo. Tiếp đến vụ án Xét Lại Chống Đảng, hàng loạt cán bộ trung, cao cấp bị đưa đi tập trung cải tạo. Tất cả đều không có án, thời hạn là ba năm, nhưng thường là gấp hai, ba lần cái ba năm đó với lý do mơ hồ: chưa tiến bộ hoặc chưa cải tạo tốt. Ấy là chưa kể trước đấy luật cải cách ruộng đất đã giết oan hàng mấy ngàn người (Chính phủ chưa công bố con số).

Ông Phạm Văn Đồng khi ký sắc lệnh mơ hồ và rộng nghĩa đó, có biết đâu rằng sau chữ ký của ông, hàng ngàn, hàng vạn gia đình đã phải ly tán, cha bỏ con, chồng bỏ vợ, con cái mang cái lý lịch phản động, không xin đâu được việc làm; học lên cao lại càng khó. Nói ngay đến một người nổi tiếng như Tiến sĩ Luật sư Nguyễn Mạnh Tường chỉ vì phát biểu ở Mặt Trận Tổ Quốc sau những tổn thất cải cách ruộng đất, đề nghị được làm một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm chính phủ, thế là bị vô hiệu hóa, các chức vụ giáo sư, luật sư không được dùng, đến mức ông muốn đi dạy Pháp văn để kiếm sống mà cũng không có ai dám đến học. Ông sống thui thủi như cái bóng, về già viết cuốn Hồi ký "Người dứt phép thông công," in ở bên Pháp, mà rồi lại sợ bị trong nước đàn áp đã chuẩn bị tuyệt thực cho đến chết nếu công an trờ đến.

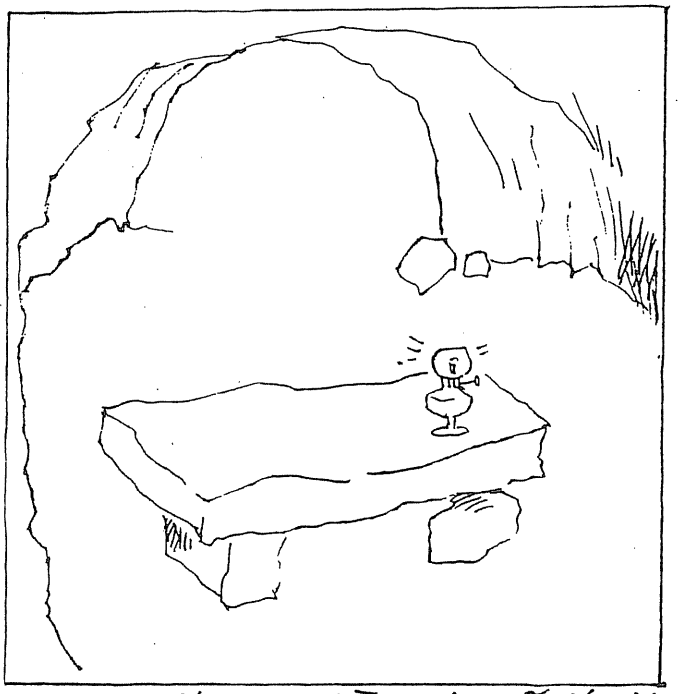

Ông Phạm Văn Đồng hiện nay đã ngoài 90, ông an hưởng tuổi già ở tòa biệt thự ở bên

Hồ Tây hưởng cảnh trăng trong gió mát. Tôi rất muốn những hàng chữ này lọt đến tay ông trước khi ông nhắm mắt xuôi tay, để ông nhìn ra một sự thật là: lòng mong muốn sự tốt đẹp nhiều khi lại là việc độc ác.

Vụ công an bắt giữ nhà văn nữ Dương Thu Hương đã phải trả giá. Sự phản ứng của trí thức và văn nghệ sĩ trong nước bị o bế, vẫn in ra, nhưng bù vào đấy là công phẫn của trí thức nước ngoài, nhất là ở Pháp. Bà Mitterrand, phu nhân Tổng thống Pháp lúc bấy giờ sang nước ta tuy bị công an từ chối không cho gặp nhà văn Dương Thu Hương nhưng bà đã gây một áp lực với giới cầm quyền, rồi sau đó, bằng sức ép ngoại giao, công an đã phải thả Dương Thu Hương. Thiếu tướng Công An Quang Phòng, người chỉ đạo vụ Dương Thu Hương bị thải hồi về hưu.

Sau khi ông Lê Đức Thọ mất, vụ án Xét Lại Chống Đảng đã được ông Nguyễn Trung Thành, Trưởng ban Bảo Vệ Đảng, người đứng thứ hai sau Lê Đức Thọ chỉ đạo vụ án, do lương tâm thức tỉnh đã làm đơn trình bày với Bộ Chính Trị sửa sai cho 38 cán bộ đảng đã bị xử trí oan.

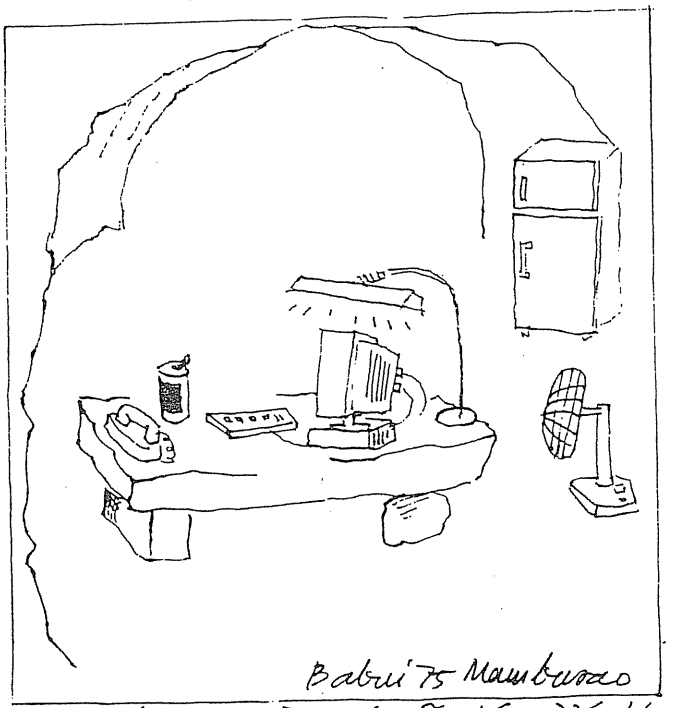

HANG BẮC BÓ: THỜI RƯỚC MỸ CỨU NƯỚC !!

Sự mất dân chủ với dân đã dẫn đến sự mất dân chủ trong Đảng.

Tôi đã được đọc tờ đơn của ông Lê Liêm nguyên Trung ương ủy viên Đảng thời kỳ Lê Duẩn, kiến nghị việc vô cớ khai trừ ông ra khỏi Trung ương, không lập Hội Đồng Kỷ Luật, không hỏi ý kiến cá nhân.

Tôi cũng đã được đọc lá thư ông Võ Nguyên Giáp gửi Bộ Chính Trị thanh minh một số việc khi giao ban nói không đúng về ông với yêu cầu, giao ban đến cấp nào thì lá thư của ông cũng được gửi đến cấp đó để thanh minh.

Tôi cũng đã được đọc lá thư của bà Vũ Đình Huỳnh gửi Trung ương, tố cáo việc bắt giữ ông Vũ Đình Huỳnh. Công an đã dùng dây thừng trói giật cánh khuỷu ông Huỳnh đưa ông ra xe. Chắc có lệnh của Lê Đức Thọ để trấn áp ông Huỳnh. Bà Vũ Đình Huỳnh đã đòi minh oan cho chồng.

Việc bắt ông Đặng Kiên Giang như một việc bắt cóc. Bà Giang đi tìm chồng khắp nơi, người ta mách bà đi tìm Lê Đức Thọ. Bà đến hỏi, Lê Đức Thọ bảo: 'Chị yên tâm, anh đang ngồi viết kiểm điểm. Viết xong thì về."

Những đảng viên có chức có quyền còn bị đối xử mất dân chủ như vậy nói chi đến dân thường thấp cổ bé miệng. Sự mất dân chủ và tự do ở nước ta đã đến mức báo động. Nó đã thành vật cản làm xã hội trì trệ và gây những tội ác. Tôi khẩn thiết đề nghị các nhà lãnh đạo Việt Nam cho thực thi dân chủ và dân quyền, cụ thể như sau:

1. Công nhận quyền làm báo tư nhân và xuất bản tư nhân. Có như thế dân mới có phương tiện để thực hiện dân chủ và dân quyền. Nếu không, nói dân chủ và dân quyền là nói xạo.

2. Bãi bỏ Ban Văn Hóa Tư Tưởng, thực chất nó là ban dò thám tư tưởng trí thức văn nghệ sĩ và ban kiểm soát tư tưởng các giám đốc xuất bản và tổng biên tập các báo.

3. Buộc công an cũng phải tuân theo luật pháp. Nghiêm trị thật nặng những công an bắt người oan. Không xử lý nội bộ mà đưa ra xét xử tại tòa để làm gương cho mọi người.

Có thế thì mới xóa được con số 497 vụ bắt oan theo công bố của Quốc Hội họp Kỳ thứ 10 Khóa 9 tháng Mười Một 1996.

Vài lời thành thật, nói thẳng của một công dân nhà văn cao tuổi đã tham gia Cách Mạng Tháng Tám, Kháng Chiến Chống Pháp cho tới ngày nay, những lời nói có thể trái tai những nhà cầm quyền lúc này, nhưng thuốc đắng giã tật, với lòng mong mỏi góp phần xây dựng một đất nước phát triển không thua kém các nước bạn trong vùng và trên thế giới. Ngược lại, nếu những nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay phiền lòng muốn trừng phạt, thì kẻ viết này xin sẵn sàng lãnh chịu những hình phạt với tấm lòng thanh thản, đã nói thật được nỗi lòng mình.●

Hà Nội ngày 6 tháng 11 năm 1996.

TƯ TƯỞNG HÀ SĨ PHU CÓ GÌ MỚI LẠ?

LAN THẠCH

Trong Tập san Y sĩ số 132 tháng 8-96 của Hội Y sĩ Việt Nam tại Canada, tôi được đọc bài 'Tư tưởng Hà Sĩ Phu có gì mới lạ' của ông Nguyễn Gia Tiến. Theo bác sĩ Tiến thì *diễn đàn hải ngoại đang 'phát sốt' vì một số diễn giả đang trầm trồ đề cao những 'sáng kiến độc đáo' trong tư tưởng Hà Sĩ Phu,* điều mà ông Tiến cho là quá đáng vì theo ông thì *tư tưởng này nếu có mới lạ chăng thì chỉ đối với đồng bào miền Bắc, hoặc đối với một số trí thức hải ngoại còn mơ ngủ và 'vọng Cụ!'* Ông cũng đưa ra nhiều ý kiến khác như *người Quốc gia không có gì để học hỏi thêm trong tư tưởng HSP, ... người Quốc gia chưa bao giờ nhầm lẫn về bản chất của nhóm Hồ Chí Minh ngay từ đầu kháng chiến chống Pháp 1945...* và *chỉ cần nhớ lại và bớt u mê, không cần phải nghiên cứu phân tích nhiều, mới tìm ra được 'Mặt thật' của cái 'triều đại phong kiến cuối cùng' hiện nay ở Hà Nội.* Và ông kết luận là ông phải *suy nghĩ và khá buồn* khi ông thấy đôi người mà ông ngưỡng mộ như nhà văn Như Phong Lê Văn Tiến và Phạm Duy cũng rất 'thán phục tư tưởng HSP.

Đó là vài ý chính trong bài của ông Tiến mà tôi xin nhắc lại, đồng thời tôi cũng xin mạo muội đưa ra vài nhận xét về bài viết của ông Tiến và góp thêm đôi ý kiến nhỏ:

Trước hết HSP không phải là đảng viên Cộng sản như ông Tiến nói. Trong 'Tuyển tập Hà Sĩ Phu' (TTHSP) do Thế Kỷ 21 và Phong trào Nhân quyền cho Việt Nam năm 2000 thực hiện tháng 1-96, có đăng tiểu sử của HSP là ông đã từng được CSVN mời gia nhập, nhưng ông từ chối nên bị cho nghỉ hưu non, vì vậy ông không thể là *một người Cộng Sản phản tỉnh* như ông Tiến bảo. Giả sử HSP là một đảng viên CS đã phản tỉnh và *lên tiếng thuyết phục những đồng chí của mình từ bỏ cái lý thuyết Mác xít không tưởng và lừa bịp* thì chúng ta rất hoan nghênh và khuyến khích, và thán phục nữa. Cũng như ta thán phục thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã từng lên án các tội ác của CS, Hà Sĩ Phu đã can đảm lên tiếng vạch rõ những sai lầm của lý thuyết Mác, của đảng CSVN, trong một chế độ đã từng bắt giam bao người phản đối họ như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, và ngay cả những đồng chí của họ như trong vụ án xét lại. Nếu có ai chê thi sĩ Nguyễn Chí Thiện chẳng nói gì mới để học hỏi thì chúng ta sẽ phải nói là người đó đang chê nho còn chua.

Ông Tiến nói trong suốt 50 năm lịch sử, *người quốc gia chưa bao giờ nhầm lẫn về bản chất của nhóm Hồ Chí Minh ngay từ đầu chống Pháp 1945.* Theo tôi thì ngược lại mới đúng. Trừ một số trí thức và lãnh đạo của các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Cách mạng Đồng Minh Hội, Duy Dân..., hầu hết những người Việt Nam yêu nước hoặc đã không hiểu, hoặc đã nhầm lẫn về bản chất Cộng sản nên nhiều người đã nhiệt tình tham gia hay ủng hộ Việt Minh để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp từ Nam bộ vào tháng Chín năm 1945, nhiều thanh niên trí thức yêu nước đã xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, và từ khi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-46, có thể nói hầu hết nhân dân Việt Nam đã tham gia kháng chiến trong mọi ngành từ quân đội đến hành chánh, từ giáo dục đến y tế, tư pháp..., hoặc ít nhất cũng tản cư không hợp tác với quân xâm lược.

Nếu người dân, kể cả nhiều nhà trí thức không hiểu hay nhầm lẫn thì cũng dễ hiểu vì lúc đó, hầu như chẳng ai có kinh nghiệm gì về Cộng sản, và có rất ít sách vở, báo chí nói về Cộng sản, trừ vài tờ báo như tờ *Việt Nam* của VNQDĐ, chẳng có mấy hiệu quả trước kinh nghiệm tuyên truyền của CS. Tiếc là các đảng phái quốc gia dù được Quốc Dân Đảng Tàu giúp đỡ cũng không địch nổi CS, phải rút sang Tàu, thành thử CS giành độc quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Khi dân ta đã thắng được quân thực dân xâm lược, dù không ưa gì CS cũng phải công nhận phần nào công lao của đảng CS.

Có người cho rằng nếu không có sự lãnh đạo của đảng CS thì trước sau, với trào lưu đả thực của lịch sử, nước ta cũng sẽ giành được độc lập như Algérie, Ấn Độ, Nam dương... Điều đó không sai. Nhưng chẳng may thay cho vận mệnh dân tộc ta, sự lãnh đạo của đảng CS trong thời kháng chiến là một thực tế lịch sử, chứ không phải là một *huyền thoại* như ông Tiến nói. Chúng ta công nhận mặt đó, nhưng chúng ta chống điều CS cho rằng nhân dân phải biết ơn đảng CS. Dương Thu Hương đã nói thêm rằng ngược lại đảng CS cũng phải biết ơn nhân dân. Không có nhân dân, ĐCS không thể thành công, còn nhân dân không có ĐCS vẫn sẽ có độc lập, và với một cái giá ít đắt đỏ hơn nhiều.

Đồng thời chúng ta cũng không *bạch hóa* những tội lỗi của Hồ Chí Minh tay sai của Cộng sản Quốc tế, đã đem giai cấp đấu tranh lồng vào cuộc kháng chiến chống thực dân, điều mà HSP gọi là một ký sinh trùng của

phong trào dân tộc, gây ra bao tội ác với nhân dân ta, làm cho dân tộc ta nghèo khổ, đất nước ta lụn bại như ngày nay, thua cả những nước xưa kém ta.

Ông Tiến có nhắc để muốn kết tội HSP vì ông này đã nói là *nhân dân ta đã có những ngày sống đẹp như thần tiên.* Ông HSP đã giải thích câu nói của mình trong khi trả lời phỏng vấn của đài VNCR (Hà Sĩ Phu Tuyển Tập trang 240). Tôi thấy với khát vọng độc lập 80 năm của nhân dân ta, những năm 1946-47 khi dân ta khởi nghĩa đấu tranh cho độc lập trong một thời gian ngắn, nói chung nhân dân có vui mừng thật. Lời ông HSP có thể gọi là thỏa đáng.

Ông Tiến cũng nói rằng *người quốc gia không có gì để học hỏi tư tưởng HSP. Tư tưởng này, nếu có mới lạ chăng là (...) đối với một số trí thức hải ngoại đang còn mơ ngủ và 'vọng Cụ!' (..) Chỉ cần nhớ lại, bớt u mê, không cần phải nghiên cứu, phân tích nhiều mới tìm ra được 'Mặt thật' của cái 'triều đại phong kiến cuối cùng' hiện nay ở Hà Nội.*

Tôi thì lại thấy những bài viết của HSP là một món ăn rất bổ ích cho tinh thần. Có đôi điều tôi chưa hẳn đồng ý với ông HSP, có những điều tôi cũng nghĩ như ông, và thành thực mà nói, vì không có cái hiểu biết rộng như ông Tiến, hoặc có thể đã đọc rồi quên đi, nên có nhiều ý kiến của ông HSP quả thật tôi thấy là mới mẻ và độc đáo. Khi đọc những gì mình cũng nghĩ như ông HSP thì có cái thích thú như gặp một người bạn tri kỷ. Khi đọc những gì mình quên hay không nghĩ ra thì nhắc lại hay bồi bổ thêm cho kiến thức của mình thì nó cũng là điều tốt. Và nói chung thì phải công nhận rằng cách đưa vấn đề, phân tích nó ra một cách khoa học, rành mạch, với những lý luận khúc triết rõ ràng là ưu điểm nổi bật của ông HSP. Ông ở ngay trong nước nên ông nhắm đúng cái yếu huyệt của chế độ CS để tấn công. Các sai lầm của chủ nghĩa và chế độ CS nhiều người biết cả rồi. Nhưng chọn đúng các yếu huyệt để tấn công đảng CS thì chúng ta vẫn cần nhiều người viết như Hà Sĩ Phu.

Bởi vậy, trái với ông Tiến, tôi lại thấy việc nghiên cứu, phân tích ngay cả những điều mình đã biết, như đã nói trên, không phải là vô bổ... Hơn nữa, những ý kiến của ông HSP hầu hết nói lên những sai lầm của lý thuyết Mác, học thuyết CS, và vạch trần những mặt trái của chính quyền CS hiện nay ở Việt Nam thì lại càng cần thiết nữa.

Cần thiết vì một số không ít Việt Kiều, trong đó có cả những nhà trí thức, đúng như ông Tiến nói, *sau khi mất nước đã quá lâu* nên *ngủ quên:* trước kia đua nhau liều chết đi tị nạn CS, nay lại xin phép chính quyền CS trở về thăm Việt Nam với những lý do chẳng mấy chính đáng, có khi còn đáng trách nữa, mà không ý thức được rằng mình đã vô tình công nhận một chính phủ không có chính nghĩa, một chính quyền đã gây bao tội ác với nhân dân.

Cần thiết để — cũng đúng như ông Tiến nói —

Vừa Phát Hành tại Paris :

THUYẾT TOÀN DỤNG CỦA JOHN MAYNARD KEYNES CÓ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM KHÔNG ?

Bài Thuyết Trình của
Giáo sư VŨ QUỐC THÚC
và toàn văn
cuộc hội luận do
Nhóm Thụ Nhân Paris
tổ chức ngày 30.6.1996.

Cùng bài Phỏng Vấn Giáo Sư Thúc
của Đài RFI
và Ý kiến của Lê Đình Thông, chủ tịch
Hội Ái Hữu Cựu Giáo sư và Sinh Viên Dalat
về vấn đề Toàn Dụng tại Việt Nam

Do Thụ Nhân Âu Châu ấn hành
80 trang giá bán 40 F, 8 $ US.
*
Xin liên lạc với Hội
số 7 rue du Dessous des Berges
75013 PARIS FRANCE

Ngân phiếu xin đề
Mme Nguyễn Thị Ngọc Thường

làm thức tỉnh *một số trí thức hải ngoại còn mơ ngủ và 'vọng Cụ'*, như một bác sĩ đã hồ hởi đón một phái đoàn thương mại của CS và làm môi giới cho các nhà đầu tư Mỹ. Cũng may mà số này chẳng có bao nhiêu, tuy nhiên cũng có thể có một số đã len lỏi vào được các đoàn thể quốc gia để chia rẽ, phá rối ngầm, hoặc còn đang ẩn mặt chờ thời cơ phá rối.

Đặc biệt cần thiết hơn nữa vì ở hải ngoại có khá nhiều thanh niên trí thức trẻ chưa biết nhiều về CS. Lớp trí thức này cần được trang bị một số vốn kiến thức đầy đủ về chính trị, vì chính họ sẽ là những người xây dựng đất nước. Hà Sĩ Phu đã cung cấp nhiều kiến giải lý luận cho lớp trẻ này, như những bạn trong nhóm Nhân Quyền 2000. Chúng ta cần nhiều người như Hà Sĩ Phu nữa, cần khích lệ họ nhiều hơn!

Sau khi đọc những bài tiểu luận của ông HSP, tôi rất mừng vì thấy ở trong nước có nhiều người, kể cả cán bộ, đảng viên cao cấp CS, đã đề cao và cảm phục HSP (Chia tay ý thức hệ - Phụ bản *Tin Nhà* 1995), và vì những bài của HSP bị cấm lưu hành nên họ chuyền tay nhau đọc lén. Như vậy chứng tỏ còn rất nhiều cán bộ đảng viên tốt, họ rất có thể là những người con quý của đất nước. Tôi cũng mừng khi được ông Tiến cho biết là *diễn đàn hải ngoại đang 'phát sốt' vì một số diễn giả đang trầm trồ đề cao những 'sáng kiến độc đáo' trong tư tưởng HSP* vì như vậy chứng tỏ là ở hải ngoại có rất nhiều người còn ưu tư hướng về đất nước và đồng bào trong và ngoài nước cùng chống Cộng như nhau. Và theo như Tiêu Dao Bảo Cự thì những đoạn quan trọng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng (Ngày Nay, Houston số 352 ngày 1-10-96).

Nếu những tư tưởng của HSP được nhiều nhà trí thức trong và ngoài nước đề cao thì cũng chẳng có gì lạ: chúng là những viên đạn, hay đúng hơn là những hỏa tiễn lớn bắn vào cái vỏ ý thức hệ mà nhà cầm quyền Hà Nội đang khoác lấy để lừa gạt đảng viên CS. Nhóm lãnh đạo CSVN ngày nay phải sợ và kiếm cớ bắt giam ông. Cần phải đọc kỹ và ngẫm nghĩ nhiều lần nếu cần, đối chiếu với thực tại, tự khám phá những tư tưởng đó thì mới thấy cái hay của tác giả. Ông HSP không những đả kích, ông còn đưa ra những ý kiến xây dựng nên có người gọi ông là Nguyễn Trường Tộ ngày nay. Nếu trước kia, khi đọc Đoàn Viết Hoạt, đã có người nói là 'cả 17 vị trong Chính trị bộ, không ai bằng Đoàn Viết Hoạt; cả 17 vị cộng lại cũng không bằng' *(Đối thoại* số 4, tháng 11-94, trang 187), thì tôi cũng có thể nói một cách khiêm nhượng hơn là cả Bộ Chính trị Hà Nội ngày nay, ít có người bằng HSP.

Tình trạng trì trệ của nước ta khiến đảng CS còn bám víu được vào quyền hành, không phải vì các lãnh tụ CS tài giỏi, mà bởi vì thái độ chán nản và sợ sệt của người dân. Khi người dân cứ nghĩ là cán bộ, công an CS vẫn trung thành, bảo vệ đảng, thì họ sẽ chỉ lo miếng ăn, không quan tâm đến chính trị. Nhưng nếu họ được nghe tiếng nói can đảm của những người dám mắng thẳng vào mặt chế độ như Hà Sĩ Phu thì dần dần dân ta sẽ hết sợ, hết thờ ơ. Rồi chính các đảng viên CS cũng phải tỉnh dậy, họ cũng sẽ hết sợ!

Tôi thấy đáng lẽ ông Nguyễn Gia Tiến nên phổ biến những ý kiến có giá trị của ông HSP, khuyến khích người khác viết và đọc, thì ông lại gián tiếp bảo người khác chẳng cần đọc vì *không có gì để học hỏi.* Thậm chí ông còn chụp mũ *'vọng Cụ'* cho những ai đề cao HSP, để người khác sợ mà không đọc. Vô tình, ông đã thực hiện đúng ý muốn của đảng CS và nhà cầm quyền Hà Nội.•

Montreal 20-11-96

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

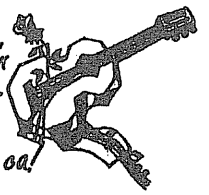

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

Nhân đọc "Mắt Và Tim Trên Bàn Tay" của Giáo Sư Nguyễn Văn Thành

CON NGƯỜI VIỆT NAM THEO TRUYỀN THỐNG ÂU LẠC

TRẦN NGỌC BÁU

Lời mở đầu

Ngày 5 tháng Tám vừa qua, tại khóa Đại Học Hè do Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ tổ chức tại Thụy Sĩ, LM. Tiến sĩ Vũ Đình Trác đã thuyết giảng về huyền thoại dựng nước của dân tộc Việt Nam: *"Huyền thoại đóng vai trò quan trọng trong công cuộc dựng Nước và là căn bản cho Văn Hóa Dân Tộc."* Đó là nội dung rất phong phú, bao la, mà Linh mục gọi là *"một vấn đề khẩn thiết của người Việt trong giai đoạn này."* Tuy nói là "huyền thoại," — chuyện hoang đường mang nhiều ẩn ý, — nhưng theo tiến sĩ Vũ Đình Trác, huyền thoại Việt Nam không phải là chuyện bịa đặt để các bà dùng ru ngủ cháu, mà là một kho tàng văn học truyền khẩu nói về nguồn gốc dân tộc ở thời tiền sử và bao gồm tất cả nền tư tưởng triết học và văn hóa tiềm tàng nơi truyền thống dân tộc. Tiến sĩ Vũ Đình Trác đã gián tiếp chứng minh rằng huyền thoại ấy có căn cơ trong sử sách, vì dựa trên tập *"Bách Việt Tiên Hiền Chí"* trong bộ sử "Lĩnh Nam di thư" của Trung Hoa, thì Việt tộc đã có từ lâu đời trước Khổng Tử và trước khi nhà Hán thôn tính lân bang và lập quốc, với tên nước là Trung Hoa cho đến ngày nay. Sự thể là, theo Tiến sĩ họ Vũ, *"cả hơn mười tộc Việt bị Hán tộc đồng hóa, chỉ trừ Lạc Việt và Việt Thường tự cường, không bị thâu hóa, mà tồn tại thành nước Việt Nam ngày nay."*

Sở dĩ phải trích dẫn sách Tàu là vì sách vở và sử liệu của ta, theo Tiến sĩ Vũ Đình Trác, đã bị nhiều thời đại ngoại bang đô hộ đánh cắp và tiêu tán đi khắp nơi. Mai này, cần nhiều công phu sưu tầm tra cứu để làm sáng tỏ thêm nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

Song song với công cuộc khảo cổ-văn và khảo sử của các bậc triết gia tiên sinh (theo định hướng và phương pháp tiếp cận của Giáo sư Kim Định) để tìm hiểu và xác định nền văn hóa Việt Nam — và bản sắc của con người Việt Nam —, người ta nhận thấy xuất hiện ba xu hướng mới trên văn đàn hải ngoại.

Thứ nhất là khuynh hướng triết học đặt nghi vấn hay phủ định bản sắc con người Việt Nam mà tiêu biểu là bài *"Về sự thể chưa hoàn tất của một con người Việt Nam"* của Giáo sư Nguyễn Hữu Liêm. (1)

Thứ hai là khuynh hướng triết học 'trở về nguồn," như trở về một 'đại ký ức,' một 'Non cao khuất mặt, thật xa và cũng thật gần' của Giáo sư Nguyễn Đăng Trúc (2), để khắc khoải truy tầm lại bản chất đích thực của con người và đón nhận cái 'Khổ cứu thoát.' Khuynh hướng này không chủ trương xuất thế và yếm thế, mà là khám phá cảnh giới tương giao giữa người và người đã có từ trong 'đại ký ức' và luôn phản ánh trong cuộc sống năng động hiện tại. Bằng chứng cụ thể là Giáo sư Nguyễn Đăng Trúc đang cho xuất bản tiếp quyển *"Văn hiến, nền tảng của Minh Triết" (3),* khảo luận về những "trực giác căn nguyên về hữu thể con người" để từ đó mà truy nguyên nền tư tưởng căn cơ truyền thống, đã từng xây cất cái gọi là bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Ngoài ra, chúng ta còn nhận thấy có một khuynh hướng thực tế, đầy năng động và sinh lực, của Giáo sư Nguyễn Văn Thành (4), người chủ trương 'tri hành hợp nhất' khởi điểm từ chính bản thân của mỗi người. Giáo sư là tác giả quyển *"Mắt và tim trên bàn tay"* vừa mới cho xuất bản tại Pháp. Trái với thái độ 'hoài nghi' của một số người và thái độ thâm cứu 'minh triết,' Giáo sư tra vấn nguồn gốc dân tộc Việt Nam qua huyền sử *với phương pháp phân tâm học* để kiến giải và phát huy vốn liếng văn hóa dân tộc, hầu đáp ứng nhu cầu khẩn thiết của người Việt Nam hiện đại. Trong bài này, chúng tôi muốn bàn đến một cách đặc biệt chương nói về "Con người Việt Nam theo truyền thống Âu Lạc" trong tác phẩm nói trên. (5)

Truyền thống Âu Lạc

Bàn về truyền thống nói chung, tức là bàn về một nền tảng chung cho nếp sống và nếp cảm nghĩ được lưu truyền liên tục —tuy có khi tiềm ẩn và có khi xuất hiện nhiều trạng thái và trong nhiều trạng huống khác nhau, —của một nhóm người, một cộng đồng, một dân tộc vẫn trường tồn từ một thời điểm nào đó đến ngày nay. Truyền thống có đặc điểm là cố gắng nhất mực duy trì cái sở đắc lâu đời của

tập thể mà, đồng thời, cũng không loại trừ nhu cầu thích nghi với môi trường luôn biến động, để lúc nào cũng có thể thành mẫu mực chi phối nếp sống và suy tư của tập thể.

Như vậy, truyền thống Âu Lạc là gì? Cứ theo sử sách, thì dân Lạc Việt đã có một nền văn minh nông nghiệp rất cao, trước khi bị người Trung Hoa xâm chiếm vào thế kỷ thứ I trước công nguyên. Lúc bấy giờ xã hội Việt Nam đã, từ lâu đời, được tổ chức thành đoàn ngũ có cương thường đạo lý và có cơ chế lãnh đạo. Cơ cấu chính trị gồm có đội ngũ vua quan, đứng đầu nước là Lạc vương, quan văn và Lạc hầu, quan võ là Lạc tướng. Xã hội có quân lực giữ gìn an ninh bờ cõi, có luật pháp (6) làm giềng mối quan hệ hỗ tương, có văn hóa nghệ thuật làm phương tiện biểu dương nếp sống sinh hoạt tâm linh (mà trống đồng là tiêu biểu), có kinh tế phát triển so với các dân tộc khác cùng thời. Nền kinh tế nông nghiệp lúc bấy giờ đã đạt đến mức phát triển rất cao, như đã có kỹ thuật trồng lúa với hệ thống đê đập và dẫn thủy nhập điền, có sản xuất tơ tằm và hàng lụa dùng để may mặc như thời nay.

Nếu dân tộc Việt đã có một nền văn hóa phát triển cao như vậy, thì chắc chắn phải có một truyền thống dân tộc lâu đời. Dĩ nhiên, thời bấy giờ chưa có khoa học nhân văn như ngày nay để ghi nhận phần nội dung của cái truyền thống văn hóa dân tộc đó là gì. Vì thế, mới có những truyền thuyết để lại từ đời này qua đời khác trong dân gian để ghi lại trong trí nhớ tập thể những nét đậm của truyền thống văn hóa ấy.

Nhà tâm lý học Nguyễn Văn Thành, tác giả quyển "Mắt và tim trên bàn tay," đã *không đặt nặng vấn đề thực hư của huyền thoại* theo quan điểm lịch sử, mà chỉ chú trọng đến tác dụng của những huyền thoại ấy trên tâm lý tập thể của dân tộc Việt Nam. Tác dụng ấy chắc chắn phải có, vì mỗi lần đất nước có biến động, thì tập thể người Việt Nam hợp lực với nhau để đương đầu, dựa trên niềm tự hào dân tộc được gầy dựng nên từ những truyền thuyết hay huyền thoại ấy. Chẳng hạn, trong bài Bình Ngô Đại Cáo vào năm 1428, Nguyễn Trãi, tuy không nhắc gì đến thời huyền sử Hùng Vương, nhưng đã đề cao tinh thần tự lập, tự cường, bất khuất của giống nòi khi nêu tên những triều đại có ghi chép trong sử sách mà rằng: 'Nước Việt ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần đã gây nền độc lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương."

* Chó được coi là bạn thân thiết nhất của con người, vì nó không có tật khuyên bảo người khác, không bao giờ kèo nài mượn tiền, cũng không có họ hàng thân thiết gì cả.

Thực vậy, huyền thoại về giòng giống Tiên Rồng của dân tộc Việt Nam muốn ghi khắc gì mãi mãi trong tâm khảm con người Việt Nam mọi thời đại, để có thể trở thành một truyền thống đối ứng trước thời cuộc như là một phản xạ tự nhiên của tập thể người Việt?

Để có thể trả lời, trước tiên chúng ta nên đọc lại đoạn chót của câu truyện họ Hồng Bàng, trong liệt truyện 'Lĩnh Nam Chích Quái" do Vũ Quỳnh hiệu chính vào cuối thế kỷ thứ 14; đoạn văn như sau:

"Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai. Nàng đem về nuôi nấng, không phải cho ăn cho bú mà làm sợ mới tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

"Long Quân ở lâu dưới Thủy phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc... mà không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: 'Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ!'

"Lạc Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dạ. Âu Cơ nói: 'Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau, chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vò võ.'

"Long Quân bảo: 'Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu. Bây giờ phải ly biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy phủ phân trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì **cùng nghe, không được bỏ nhau." (7)**

Theo cái nhìn tâm lý học của giáo sư Nguyễn Văn Thành, truyền thống Âu Lạc đã đi vào nội tâm của người dân Việt, tạo nên thái độ nhất quán linh động cho cuộc sống cộng đồng dân tộc, có khả năng liên tục chi phối và điều hành nếp sinh hoạt và tâm thức của dân gian. Truyền thống ấy là:

Thứ nhất: tâm hồn người dân Việt bao la như trời biển, đầy hiểu biết và yêu thương.

Hai dòng máu Tiên Rồng do huyền thoại Cha Ông ta lưu truyền, cốt là để nhắc nhở con cháu phải giữ tâm hồn cao đẹp như trời biển bao la bát ngát, vừa hùng vĩ vừa thi vị, vừa đậm đà hiểu biết và vừa nồng nàn tình nghĩa với nhau:

"Cha chúng ta là Rồng. Biển cả, đáy sâu của Thái Bình Dương, là Thủy phủ, quê quán của Người. Khi mang dòng máu Lạc Long Quân, bản chất đích thực của con người Việt Nam là bao la, cởi mở, rộng lượng và khoan dung. chúng ta sẵn sàng đón nhận mọi dòng sông chảy về từ muôn hướng.

"Mẹ chúng ta là nàng tiên Âu Cơ. Quê hương của Người là bầu trời, đỉnh núi. Cũng vòi vọi bao la, khí thiêng hùng vĩ như sấm sét, xanh tươi diệu vợi như ngàn thu man mác... cho nên, quả tim của con người Việt Nam ấp ủ những chân trời rộng mở và thi vị như mưa nắng bốn mùa.

"Hai dòng máu Rồng Tiên ấy đã toại thành hôn phối trong con người Việt Nam. Vì thế, con đường chúng ta đi là cao cả và bao la, làm bằng chất liệu yêu thương và hiểu biết." (8)

Thứ hai: Con mắt tuệ năng đã ở sẵn trên bàn tay để con người Việt Nam hành động sáng suốt.

Lời căn dặn của Lạc Long Quân là, tuy phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, cuộc sống phân tán, Chàng về Thủy phủ với 50 con và Nàng ở trên đất với 50 con, nhưng khi hữu sự, thì hai dòng máu hãy gọi nhau về, quyện sát vào nhau, không được bỏ nhau:

"Con mắt tuệ năng đã ở sẵn trên bàn tay chúng ta. Mỗi lần quốc gia hữu sự, hai dòng máu hãy quyện sát vào nhau. Hãy gọi nhau về, như lời Lạc Long Quân đã dạy bảo: 'Ta thuộc giống Rồng, nàng thuộc giống Tiên, thủy hỏa khác nhau, người thích ở cạn, người ưa ở nước, tính tình đôi bên khác nhau. (...) Tuy đôi bên, kẻ ở rừng, người ở biển, song khi hữu sự thì tin cho nhau, không được bỏ nhau.' (9)

Thứ ba: Người dân Việt luôn cảnh giác trước họa diệt vong của dân tộc!

Nhưng đã bao nhiêu lần chúng ta quên bẵng đi lời dạy của tổ tiên, đã nại những lý do quyền lợi và tư tưởng bất đồng để không chịu "gọi nhau về," đối thoại với nhau, nhất thống tâm tư và hành động. Trái lại, có khi chúng ta đi làm tay sai cho ngoại bang, bất kể những chứng tích lịch sử phân tranh, chia rẽ, gây bao đau thương và tang tóc cho đồng bào:

"Trong lịch sử Đất Nước, bao nhiêu lần rồi chúng ta đã quên bẵng đi lời căn dặn tối hệ trọng này. Thay vào đó, chúng ta đã dựng lên những bức tường 'bế quan tỏa cảng'... Tệ hại hơn nữa, có người đã "rước voi về dầy mả tổ," bất kể những chứng liệu lịch sử "một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây" còn rành rành ra đấy...

"Cũng vì những việc làm tắc trách ấy mà bao nhiêu tai họa đã đổ xuống trên non nước chúng ta, di lụy mãi cho đến ngày nay và không biết đến bao giờ mới chấm dứt." (10)

"Một chi tiết sau cùng đáng lưu tâm đặc biệt, là Bà Âu Cơ và Vua Lạc Long Quân biết tôn trọng tính khác biệt và độc đáo của nhau. Một bên là Tiên. Và bên kia là Rồng. Người này xuất phát từ Trời. Người kia quê quán ở biển cả. Nhưng họ đã yêu nhau. Họ đã cần nhau. Và họ đã 'làm người với nhau.' Thế thì phải chăng đối thoại là phương thức xử sự giữa những người mang dòng máu Rồng Tiên trong huyết quản? Đối thoại phải chăng là con đường chúng ta đã cưu mang trong tâm hồn?" (11)

Thứ tư: Mọi người Việt Nam có giá trị tuyệt đối bằng nhau.

Tai họa lớn lao và căn cơ nhất, chính là khi chúng ta cố tình lãng quên nguồn gốc 'đồng bào," xuất phát từ một trăm quả trứng hoàn toàn giống nhau, bình đẳng với nhau:

"Sau khi toại thành hôn phối với Lạc Long Quân, Bà Âu Cơ đã sinh ra một trăm quả trứng hoàn toàn giống nhau, thay vì đẻ con như bao nhiêu bà mẹ khác... Qua chi tiết quan trọng và lạ thường này, Tổ tiên đã khẳng định lập trường "mọi người có giá trị tuyệt đối giống nhau," không có bên hơn bên thua, bên trọng bên khinh, bên trước bên sau. Hệ luận là, giữa những con người với nhau, không có tôn ti đẳng cấp về giá trị làm người. Mọi người đều có quyền bình đẳng, sắp theo hàng ngang với nhau." (12)

Người Việt theo truyền thống Âu Lạc

Theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành, huyền sử có vai trò đánh thức con dân nước Việt trước những hiện tượng suy thoái và xây dựng phẩm chất con người Việt Nam: *"Tổ tiên chúng ta đã dùng những câu chuyện huyền sử lưu truyền lại cho con cháu đời sau. Từ thế hệ này qua thế hệ khác, những câu chuyện này nói được là một phương tiện truyền thông xã hội rất hữu hiệu trước khi xuất hiện những hệ thống truyền thanh, truyền hình ngày nay. Qua những câu chuyện đầy hình tượng ấy, Tổ tiên muốn trối trăn lại những* 'bài học làm người' *để xây dựng và giáo dục từng từng lớp lớp con cháu Rồng Tiên đã và đang sinh ra trên Quê Hương Việt Nam thân yêu chúng ta." (13)*

Nhận định về tình hình hiện nay trên thế giới, Giáo sư Nguyễn Văn Thành cho rằng lịch sử hiện đại diễn ra theo hai chiều ngược nhau. Khoa học, kỹ thuật, đã bước những bước khổng lồ. Con người đã đặt chân lên mặt trăng, đã rút ngắn khoảng cách trên địa cầu nhờ vận chuyển phản lực cơ và nhờ các phương tiện truyền thông trực tiếp qua vệ tinh. *"Thế nhưng, trong lãnh vực giao tiếp giữa người với người, con người còn đi những bước chập chững, quờ quạng, chậm chạp, để không nói là đi thụt lùi." (14)*

Con người ngày nay man rợ và dã thú như và còn hơn con người thời tiền sử: *"Con người đang còn tiếp tục chém giết con người, không thua gì muông thú, mà còn muôn ngàn lần dã man hơn. Mặc dù trải qua bao nhiêu kinh nghiệm khổ đau, con người vẫn chưa thực sự biết ngồi lại rút tỉa bài học chung sống hòa bình. Bài học tôn trọng lẫn nhau. Bài học chia sẻ phần dư thừa phụ trội của mình, trước khi biết chia sẻ cả phần nhu yếu của cuộc sống." (15)*

Trong cái nhìn phân tâm học, Giáo sư Nguyễn Văn Thành đào vào chiều sâu của tâm thức tập thể để tìm ra nguyên nhân của tình trạng vong thân của nhân loại ngày nay nói chung và của dân tộc Việt Nam nói riêng: *"Bên dưới tình trạng tranh chấp, xung đột, đàn áp man rợ... chúng ta dễ dàng khám phá những hiện tượng thiếu giáo dục: con người bị* bế tắc, bế tỏa, ứ

động, khó học và khó hiểu về bài học làm người. *Tôi gọi đó là những hiện tượng dị ứng, thoái hóa trong vấn đề học tập, tiến bộ, đổi mới bản thân và cuộc đời." (16)*

A. Ba loại thoái hóa trong cuộc đời làm người, nói chung

Theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành, những hiện tượng thoái hóa phổ biến, thường hằng, rõ nét và dễ nhận thấy nhất trong mọi thời đại là:

1. Bảo thủ lập trường và quan điểm cục bộ địa phương: *"Mỗi người cứ khư khư, ngoan cố, cứng nhắc, bám trụ với những gì mình đã thu thập trong môi trường sinh trưởng của mình: đó là lập trường bảo cựu, quan điểm cục bộ, địa phương. Vì bầu trời của họ bị khép kín, cho nên tầm mắt của họ bị giới hạn. Họ sống trong lo sợ, co rút vào vỏ ốc của mình. Từ góc độ tầm nhìn đó, họ dễ dàng loại thải những ý kiến và đóng góp mới lạ của người khác. Bên trong nội tâm loại người này, một tiếng nói cứ nhai đi nhai lại ám ảnh họ: 'Tao tốt, nó xấu. tao hơn, mầy thua. Tao đúng, mầy sai.' Và cứ như vậy, họ leo thang mãi hoài, và cuối cùng tự cho mình cái quyền năng tiêu diệt kẻ khác. nhất là những ai nói khác, làm khác, thấy khác, suy nghĩa khác." (17)*

Như vậy, theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành (18), giáo dục là nới rộng bầu trời nhãn quan ra, là học tập đưa tầm mắt xa hơn cái lỗ mũi mình, thấy được những quan hệ ràng buộc với người 'đồng hội đồng thuyền' với nhau. Giáo dục còn là tạo hoàn cảnh thuận lợi để con người nhờ kinh nghiệm mà chấp nhận học hỏi lẫn nhau, rằng người khác mình cũng có giá trị như mình, cũng có liên hệ với mình và có thể bổ túc cho mình những cái mình thiếu sót. Đó là học tập đổi mới cái nhìn của mình, đổi mới nội tâm của mình, như là điều kiện tiên quyết để làm người.

2. Khuynh hướng đổ lỗi cho người khác: *"Hiện thượng thoái hóa, phản tiến bộ thứ hai, là khuynh hướng qui lỗi cho người và chạy chữa cho mình, khi có chuyện trắc trở thất bại. Lúc nào trong đầu họ cũng thấy mình sáng suốt hơn người, thấy trước hơn người và đã cảnh cáo trước rồi: 'Tôi đã nói mà...!'.*

Khi hai đứa bé đánh nhau, mà có người lớn tra hỏi, thì coi như cầm chắc là đứa nào cũng qui tội cho đứa kia là kẻ gây sự trước. *"Trong mọi lãnh vực,* Giáo sư tiếp, *như gia đình, nghề nghiệp, chính trị..., chúng ta cũng thường hành động giống như những đứa trẻ trên dưới sáu tuổi ấy. Lời biện minh thường tình là: 'Tôi vô tội vạ trong cái chuyện đó à; ai làm người đó biết." (19)*

Theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành, danh từ 'đồng bào' của người Việt Nam có ngụ ý rằng *'trong người có ta, trong ta có người,' tất cả đều liên đới tất yếu với nhau, tất cả đều có căn cơ gốc rễ trong tâm tưởng con người. Kẻ nội thù số một làm hại công trình đời tôi chính là tôi.*

3. Tương giao đối thoại bị xuống cấp thảm hại: *"Hiện tượng thoái hóa thứ ba là tinh thần và phương pháp đối thoại đang xuống giá thảm thương trong mọi quan hệ giữa người với người. Thậm chí nơi những người lải nhải kêu gào liên lỉ 'cởi mở,' 'đối thoại,' 'hợp tác.' Tệ hại hơn, người ta dùng chiêu bài 'đối thoại và hợp tác' để áp đặt kế hoạch và phương pháp thực hiện đã hoạch định sẵn." (20)*

Làm người trong thế giới phức tạp ngày nay, theo Giáo sư, là một chức năng rất phiền toái. Những giải pháp hữu hiệu và có giá ngày hôm trước có thể đã trở nên lỗi thời và vô dụng ngày hôm sau! Ngày nay, không thể suy tôn một minh chủ hay một vị thần đồng nào là vị cứu tinh cho thế giới, là vị có thực lực giải quyết một mình nạn thất nghiệp, nạn xì ke ma túy, nạn mãi dâm trẻ em, nạn suy thoái kinh tế cả... Hơn nữa, ngày nay, không có chuyện *'sống chết mặc bây,'* nhưng là nếu *'bây chết, thì tao cũng chết.' Chỉ còn một phương pháp tất yếu là ngồi lại với nhau, lắng nghe nhau, đối thoại và hợp tác với nhau để cùng giải quyết 'vấn đề của chúng ta.'* Phương pháp ấy, theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành, chúng ta cần thường xuyên học tập, tôi luyện, kiện toàn với sức sáng tạo không ngừng. Kinh nghiệm ngàn đời cho thấy điều ấy không dễ!

"Mỗi lần ngồi lại với nhau, lẽ ra chúng ta phải hóa ra một trăm con mắt để thấy. Một trăm đôi tai để nghe. Một trăm đôi tay để làm. Một trăm đôi chân để tiến tới giải quyết vấn đề. Tiếc thay, thực tế đã chứng minh ngược lại: 'nhiều thầy thối ma'; càng nhiều người, càng rắc rối thêm." (21)

Thật sự, khó khăn nằm tại chính tâm thân chúng ta. Thường lệ, chúng ta thích tỏ ra nhún nhường, nhân nhượng, nể nang, nuông chiều nhau để làm vui lòng nhau, để khỏi bị liên lụy, hoặc để thỏa thuận dễ dãi với nhau cho xong chuyện. Thay vì chúng ta chân thành nói thẳng, nói thật với nhau, *"phấn đấu với toàn bộ tim óc đi tìm sự thật..., chúng ta tìm cách thỏa hiệp, ém nhẹm những xung đột. Đồng thời, chúng ta dập tắt và làm tê liệt mọi năng động xuất phát từ những nét khác biệt và độc đáo của từng người. Đó là sách lược của kẻ nội thù nham hiểm, là chính mình chúng ta." (22)*

Theo tác giả, cần ba điều kiện để cùng nhau thắp đuốc đi tìm sự thật.

1. Hiện diện tích cực và năng động bên nhau: Có nghĩa là cùng nhau phấn đấu đương đầu với thực tại trước mắt đang thách đố chúng ta nhận diện và qui thuận. Dĩ nhiên, tích cực phấn đấu với nhau không có nghĩa là *'ông nói gà bà nói vịt,'* hay là *'đối lập một cách hệ thống'* theo kiểu ở nghị trường: phe kia nói trắng thì phe ta phải nói đen! Tích cực kiểu ấy là vô kỷ luật, gây rối, đập phá, đạp đổ. (23)

2. Hy sinh quyền lợi cá nhân, phe nhóm, giai cấp: Phấn đấu đi tìm sự thật là sự thật, chớ không phải sự thật của phe cánh, của quyền

lực, theo kiểu 'mẹ hát con khen,' tâng bốc, suy tôn lãnh tụ anh minh, ca tụng *'phe ta là trí tuệ của loài người!'* Các triều đại vua chúa đã sụp đổ vì óc bè phái, nịnh thần, đặc quyền đặc lợi, ăn trên ngồi trốc. Cùng với họ, đổ nát mọi công trình xây dựng sự thật của Đất Nước. (24)

3. Nhìn nhận quyền phát biểu là quyền làm người: "Quyền phát biểu là quyền đóng góp, phê bình xây dựng, của mỗi người. Nó thuộc bản chất và chân tướng làm người, bẩm sinh và bất khả xâm phạm. Phát biểu nhằm phục vụ sự thật, tôn vinh sự thật. Chứ không phải là chửi bới, phá hoại, 'phóng uế bừa bãi,' thiếu trách nhiệm trong lời ăn tiếng nói. Phát biểu cũng không nhằm xách động quần chúng đả đảo người này, hoan hô người nọ, theo chiến thuật sắp sẵn hay theo chủ nghĩa thời cơ." (25)

Theo tác giả, lẽ ra "phát biểu" phải là một bộ môn khoa học được phổ cập trong đại chúng để dùng làm phương tiện phục vụ con người và xây dựng Đất Nước. (26)

B. Họa xung đột thường xuyên giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh (27)

Riêng đối với con người Việt Nam, hiện tượng thoái hóa phổ quát và *đặc thù nhất*, chính là hiện tượng "Sơn Tinh và Thủy Tinh." Giáo sư Nguyễn Văn Thành nhìn thấy, xuyên qua lối kiến giải phân tâm học về truyện thần thoại Sơn Tinh và Thủy Tinh, những lời nhắn nhủ của Tổ Tiên cho hậu thế như sau:

- *"Sơn Tinh và Thủy Tinh là hai vị thần linh. Và bản chất đích thực của thần linh là hạnh phúc và yêu thương...*

- *"Cả hai vị này là anh em ruột thịt cùng cha cùng mẹ với chúng ta là Vua Lạc Long Quân và Bà Âu Cơ.*

- *"Công việc của hai người mỗi lần gặp gỡ thăm viếng nhau là cùng nhau giải quyết vấn đề no cơm ấm áo cho tất cả bà con họ hàng xa gần.*

"Thế nhưng, vì lập trường 'tao hơn mày thua,' họ đã thoái hóa trong chức phận làm người. Gà một nhà 'bôi mặt đá nhau.' Những tranh chấp trở nên xung đột trầm trọng của hai người đã tạo nên những khổ đau, lầm than, cơ cực điêu linh từ đời này qua đời khác. Lập trường 'hơn thua' cũng đang nằm vùng, bám trụ, trong tâm tưởng của từng người chúng ta." (28)

C. Thánh Gióng, hình tượng lãnh đạo điển mẫu của Đất Nước

Truyện thần thoại Thánh Gióng không nhấn mạnh khía cạnh 'hơn người,' 'xuất chúng.' Theo giáo sư Nguyễn Văn Thành, Thánh Gióng là biểu tượng điển hình của người con dân Việt Nam biết sống vì dân vì nước. Nhờ đó mà trở nên biểu tượng lãnh đạo điển mẫu: xuất thân từ lòng dân, lớn mạnh nhờ cơm áo của dân, hùng khí dân tộc do dân hun đúc, làm hết nhiệm vụ dân giao phó thì lại về vườn, biến dạng...

"Theo ý hướng sâu xa của chuyện này, không có cơm gạo của người dân nuôi dưỡng, không có sức mạnh của dân tộc làm áo giáp che thân, không có ngựa sắt là chí khí can trường và hùng lực nội tâm làm thuẫn đỡ..., thì người lãnh đạo chỉ là một đứa bé yếu đuối, còi cọt, không có khả năng lớn khôn, không biết đi, không biết nói... Theo ngôn ngữ ngày nay, không có hậu thuẫn của toàn dân, bất kỳ người lãnh đạo tài ba nào, xuất phát từ bất kể đâu ra, do bất kể cường quốc nào ủng hộ và yểm trợ... đều chỉ là đứa bé thiếu khả năng, khuyết tật tâm thần..." (29)

Theo Giáo sư Nguyễn Văn Thành, người lãnh đạo đương nhiên xuất hiện từ trong chúng ta và giữa chúng ta, mỗi khi chúng ta muốn hành động chung với nhau vì con người và cho con người: *"Khi hai ba người trong chúng ta ngồi lại với nhau trong tinh thần yêu thương và chia sẻ, người lãnh đạo sẽ xuất hiện giữa chúng ta. Và mỗi lần cùng nhau chia sẻ 'chiếc bánh thân phận làm người,' tự khắc chúng ta làm nên Quê Hương và xây dựng Đất Nước. Và dưới một góc độ nào đó, dù muốn hay không, dù ý thức hay vô thức, chúng ta đang đảm nhiệm vai trò lãnh đạo của mình với tất cả ý nghĩa thâm sâu và toàn diện của nó." (30)*

Cứ theo lối nhìn phân tâm học của Giáo sư, người lãnh đạo đất nước *phải xuất phát* từ cung lòng của Quê Hương. Tóm lại, câu truyện Thánh Gióng cho phép chúng ta kết luận rằng:

Thứ nhất: *Người lãnh đạo phát xuất từ lòng dân. Chính người dân cưu mang, nuôi dưỡng và trang bị người lãnh đạo.*

Thứ hai: *Không ai bẩm sinh là người lãnh đạo cả. Nói cách khác, tư cách lãnh đạo không tự nhiên phát xuất từ máu huyết, nguồn gốc gia đình hay là giai tầng xã hội, hoặc do chính kiến hay niềm tin tôn giáo của mình.*

Thứ ba: *Chính thời cuộc tạo người lãnh đạo và chính yêu cầu của thời cuộc ấn định hình thức và sắc thái lãnh đạo.*

Thứ tư: *Sau khi hoàn tất nhiệm vụ, người lãnh đạo tự ý trả lui cho người dân những gì thuộc về người dân...*

Thứ năm: *Hoàn tất nhiệm vụ có nghĩa là yêu cầu của thời cuộc đã được đáp ứng và thỏa mãn.*

Thứ sáu: *Nhiệm vụ và giai đoạn lãnh đạo cuối cùng của người lãnh đạo chân chính là 'về vườn,' 'ra đi,' trở về thinh không của Bà Âu Cơ hay là lắng vào cõi Đại Dương bao la hùng vĩ của Lạc Long Quân. (31)*

* Trong một nhà hàng của thành phố Berlin đầy gián điệp thời chiến tranh lạnh, người khách gọi bồi bàn:

"Anh dọn cho tôi ba cục thịt băm, nhưng có một cục tôi không thể nào cắt được."

"Thưa ông, xin ông đừng lấy làm lạ. Cục thịt ấy là máy thu âm đó ạ."

Theo Giáo sư, không thể lãnh đạo nếu không cưu mang trong xác thân và máu huyết mình những thao thức cao cả và trọng đại, nếu không chọn lựa lòng yêu mến Quê Hương, bao dung và tha thứ làm căn bản cho cuộc đời. *Thiếu một trong hai dòng máu Âu Cơ và Lạc Long Quân ấy, bất kỳ người lãnh đạo Việt Nam nào cũng là mối đe dọa thường trực cho vận mệnh của Đất Nước và cho tương lai của Dân Tộc cả." (32)*

D. Thần Kim Qui: lương tâm của dân tộc Việt Nam

Từ đáy sâu của lòng sông lòng biển, Thần Rùa tổ tiên của dân tộc Việt Nam sẵn sàng hiện về, nếu người Việt chúng ta biết thành khẩn mời gọi. Ngài là vị thần gìn giữ thanh kiếm và mỏ thần bảo vệ Quê Hương. Ngài trao lại những của gia bảo ấy mỗi khi chúng ta cần đến. Như thế, nghĩa là Ngài có đó, sẵn đó, như là tiếng nói của lương tâm dân tộc, sẵn sàng đáp ứng những đòi hỏi của tiếng nói ấy nơi lòng chúng ta.

"Để sống an bình và hạnh phúc, chúng ta hãy ngày ngày xây dựng và tu bổ ngôi đền tâm linh của chúng ta trong chính bản thân và cuộc đời. Trường hợp chúng ta 'mất nước mất nhà,' tên địch thù phản bội chúng ta chẳng ai khác hơn là 'máu xương da thịt của chúng ta.

"Thần Kim Qui phải chăng là tiếng nói lương tâm của dân tộc Việt Nam?"(33)

Kết luận: Mắt và Tim trên bàn tay!

Giáo sư Nguyễn Văn Thành, qua lối nhìn và lối kiến giải các câu truyện huyền thoại thời dựng nước, đã muốn đánh thức lương tri người thanh niên Việt Nam thời đại, khi xác quyết: *"Em là quê hương!" (34)*

"Trước khi đòi hỏi Đất Nước làm gì cho em, có bao giờ em đã tự hỏi lòng mình, như Tổng Thống Mỹ Kennedy đã đề nghị: 'Tôi đã và đang làm được gì cho Đất Nước và hai anh chị em đồng bào của tôi chưa?'

"Bốn ngàn năm văn hiến đã trôi qua. Kỷ nguyên mới đang mời gọi chúng ta. Thế mà anh chị em đồng bào chúng ta chưa đủ 'no cơm ấm áo,' trước khi nói đến những tiện nghi vật chất và tinh thần khác, như nhà ở, phương tiện giao thông, trường ốc, bệnh viện, v.v...

"Dòng máu Lạc Long Quân và Âu Cơ vẫn còn sôi trào và nóng hổi trong da thịt xương máu mỗi người chúng ta, từ Nam Quan đến Cà Mau.

"Đã một thời, Vua Lý, Vua Trần, Quang Trung, Lê Lợi... đã làm quên những đại sự, tạo nên những thành tích vẻ vang trên mảnh đất quê hương này. Không vì lý do gì mà chúng ta ngày nay không làm được những điều mà các vị tiền bối đã làm trong các thế kỷ qua!" (35)

Là một nhà tâm lý, chuyên về tâm lý trị liệu, Giáo sư bắt mạch và chẩn đoán bệnh tình của Đất Nước ngày nay. Như trước một con bệnh tâm thần, Giáo sư đã đào sâu vào vô thức của dân tộc, vào 'tiếng nói không lời' của giấc mơ, của *huyền thoại*, để nhận diện *"con người Việt Nam."* Theo Giáo sư, con người Việt Nam, cũng như mọi người sinh ra từ cửa lòng mẹ, đều mang trong mình một huyết thống và một truyền thống văn hóa dân tộc. Gia sản ấy là một thứ quặng sản pha trộn quí kim và bùn đất sỏi đá.... Cần có can đảm để nhìn nhận thực tế ấy của chúng ta. Cần 'gọi nhau về' như Tổ tiên đã nhắn nhủ, nắm tay nhau, mặt đối mặt, lòng hỏi lòng, góp gió thành bão, quét sạch khỏi tâm hồn chúng ta những 'hàng rào kẽm gai,' những 'con sông Bến Hải,' những cảnh tranh chấp 'Sơn Tinh - Thủy Tinh'... Chúng ta hãy giúp nhau lớn lên theo hình tượng của Thánh Gióng. Hãy thành khẩn mời gọi Thần Rùa trở về, thắp sáng ngọn đuốc ý thức, xua đuổi bóng tối u minh, soi sáng tâm linh, và truy rèn bàn tay rắn chắc để luôn sẵn sáng đối phó, đối ứng trước cuộc sống... *Mắt và Tim trên bàn tay! Tri hành hợp nhất từ chính bản thân của mỗi người.*

Phải chăng đó là những lời răn dạy đạo đức của các nhà nho thủ cựu, các bậc tu trì đức hạnh. Thưa không, Giáo sư Nguyễn Văn Thành đã không 'giảng luân lý' cho giới trẻ Việt Nam, mà trái lại là đề nghị những phương thuốc trị liệu cho con bệnh Việt Nam, bắt đầu từ chính bản thân mỗi người.

Phương thuốc thứ nhất: *Chương một, Đối ứng thay vì phản ứng.* Phương thuốc thứ hai: *Chương 2, Các định mục tiêu (để lời nói có thể trở thành hành động).* Phương thuốc thứ ba: *Chương ba, Định hướng cuộc đời (với nguyên tắc bất dịch là 'cứu cánh không biện minh cho hành động').* Phương thuốc thứ tư: *Chương bốn, Khai sáng bản đồ tâm lý (để thấy đúng, mới hy vọng làm đúng).* Phương thuốc thứ năm: *Chương năm, Lắng nghe và đối thoại (để cùng có một lối nhìn).* Phương thuốc thứ sáu: *Chương sáu, Thất bại là mẹ thành công, (biết lượng giá, học hỏi ưu khuyết điểm, sửa sai và tiến tới).* Và phương thuốc cuối cùng: *Chương bảy, tìm hiểu 'tổng chương trình hành động' của mỗi người (để tìm phương phối hợp cái riêng với cái chung và để mỗi người có một chỗ đứng trong xã hội).*

Dĩ nhiên, cái lối "tiếp cận" theo khoa tâm lý trị liệu là phân tích nội tâm con người và đề xuất cách chữa trị căn cứ và sự thức tỉnh của mỗi người. Mỗi một người phải *"làm một con én"* cho dù *"một con én không làm nên mùa xuân!"* Và thay vì đi xa hơn trên bề mặt (với phương pháp nghiên cứu xã hội học, chính trị học, hoặc tra vấn khoa nhân loại học về văn hóa), giáo sư Nguyễn Văn Thành đi sâu vào tiềm thức của dân tộc (với các truyện thần thoại, huyền thoại, truyền thuyết) để giúp đánh thức lương tri mỗi người con dân Việt Nam và đề ra phương pháp cải tiến. Âu đó cũng là một lối nhìn sáng giá vậy...●

Fribourg 03.09.96

ĐÔ NO DỤ ĐÔ ĐÓI

Danh từ *đô no* đã được một vị ngoại trưởng đưa vào ngôn ngữ Việt Nam. Đó là phiên âm của tiếng Anh "donors" nghĩa là "các nước và tổ chức cấp viện," dưới hình thức tặng hay cho vay, mà phần lớn là cho vay. Nói đến *đô no* làm chúng ta nghĩ phải có *đô đói*. Đó là chế độ đang đói đô la. Các đô no mới họp ở Hà Nội tháng trước, và họ hứa sẽ cấp viện cho Việt Nam 2,4 tỷ mỹ kim trong tài khóa 1997.

Trước phiên họp, đại diện của Ngân Hàng Thế Giới đoán các đô no năm nay sẽ hứa hẹn 2 tỷ, giảm đi so với con số 2,3 tỷ hứa cho tài khóa 1996. Nhưng nhờ Nhật Bản đã mở hầu bao rộng hơn, số tiền hứa hẹn tăng lên. Trong khi Mỹ đang chuẩn bị đón tướng Trì Hạo Điền, bộ trưởng Quốc Phòng Trung Quốc, Nhật chắc thấy nhiều lý do nên giúp chính quyền một nước ở phía nam của Trung Hoa. Trong thế kỷ tới hai nước Nhật và Trung Hoa sẽ là hai cường quốc kinh tế ở Á Châu cạnh tranh với nhau.

Số tiền hứa hẹn 2,4 tỷ cho thấy các đô no đang đánh cá vào việc cải tổ kinh tế ở Việt Nam. Nhưng họ đánh cá vào ai? Rõ ràng là họ đánh cá vào con ngựa mà họ đã nuôi trong các năm qua, đó là nhóm chủ trương cải cách kinh tế nhanh chóng, mà đại diện là thủ tướng Võ Văn Kiệt. Nếu để con ngựa thủ cựu khác lấn lên trước, làm kinh tế Việt Nam suy kiệt, thì vốn liếng họ đã đã hứa hẹn từ trước (hơn 8 tỷ) có thể biến ra khói.

Các đô no đã bỏ vốn vào Việt Nam trong ba năm qua, nay phải lựa chọn. Nếu họ thất hầu bao lại thì chỉ làm cho phe cải cách yếu thế đi, vốn liếng họ đã bỏ vô sẽ tan theo bèo nước. Tiếp tục hứa hẹn cấp viện là đưa ra củ cà rốt, dụ dỗ cứ tiếp tục sửa đổi sẽ có thêm tiền.

Tiếp tục sửa đổi như thế nào?

Các đô no đưa ra những điều kiện rõ ràng trong bản tuyên bố của họ. Thứ nhất là phải nới lỏng sự kiểm soát trong lãnh vực mậu dịch; thứ hai, cải tổ các xí nghiệp quốc doanh; thứ ba là cho lãnh vực tư được cơ hội phát triển, trong đó có việc đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư ngoại quốc.

Về mậu dịch, hiện nay nhà cầm quyền ở Việt Nam còn tìm cách ngăn cản việc nhập cảng thay vì thúc đẩy việc xuất cảng. Cán cân mậu dịch trong mười tháng đầu năm của Việt Nam thâm thủng 3,5 tỷ mỹ kim, bằng 12% tổng sản lượng quốc nội. Muốn giảm mức thâm thủng thì phải tăng hàng xuất cảng, hay giảm số nhập cảng. Nhưng chính phủ Hà Nội không dám chính thức phá giá đồng bạc. Họ chỉ dùng các biện pháp hành chánh như giới hạn các tín dụng thư. Họ còn ngăn cản tư nhân xuất cảng, để dành độc quyền cho xí nghiệp nhà nước, qua các "kô ta" kỳ thị lãnh vực tư. Dùng các biện pháp hành chánh thay vì để thị trường tự điều chỉnh, đó là điều mà các đô no không chấp nhận.

Sở dĩ đảng không cho tư doanh phát triển là vì họ muốn nuôi dưỡng các doanh nghiệp nhà nước, cho các đảng viên đói đô la có cơ hội hưởng. Các đô no đã cảnh cáo không thể kéo dài tình trạng phí phạm tài nguyên cho các xí nghiệp quốc doanh, tiêu phí những món tiền họ cho vay hay viện trợ.

Đòi mở cửa cho tư doanh cũng là mở cửa cho các nhà đầu tư ngoại quốc. Những người này đang than phiền về ba khó khăn chính. Thứ nhất là hệ thống pháp luật ở Việt Nam không rõ ràng, cho cán bộ nhà nước quá nhiều quyền giải thích luật pháp tùy tiện. Thứ hai là tình trạng bòn rút của người cầm quyền, qua thuế má hay giá thuê nhà, đất, khiến chi phí kinh doanh ở Việt Nam ngày một gia tăng. Nhiều nhà đầu tư ngoại quốc đang tìm xứ khác làm ăn. Một tờ báo ở Sài Gòn trong tháng qua cho biết số vốn đầu tư ngoại quốc vào vùng này đã giảm bớt 52% so với cùng thời gian năm ngoái. Nói chung trên toàn quốc số cam kết đầu tư giảm 40%. Một nguyên nhân khác làm chi phí đầu tư gia tăng chính là hệ thống hành chánh nặng nề, luộm thuộm vì thiếu tinh thần trọng pháp. Mà muốn giảm bớt thiếu hụt trong cán cân chi phó thì Việt Nam cần tăng gấp đôi số đầu tư từ nước ngoài.

Nhưng một vấn đề còn đè nặng trên nền kinh tế Việt Nam là các món nợ khổng lồ. Có 95% liên doanh là với các xí nghiệp nhà nước. Các xí nghiệp này phải vay tiền của các ngân hàng của nhà nước. Nhưng xí nghiệp nhà nước thường chỉ làm ăn thua lỗ, cho nên sẽ đến lúc họ vỡ nợ, kéo theo các liên doanh. Nếu đảng Cộng Sản tiếp tục bao cấp các công ty đó thì các gánh nợ của lãnh vực quốc doanh sẽ chuyển sang cho nhà nước. Ngân sách quốc gia khiếm hụt quá thì sẽ không còn tiếp tục vay các ngân hàng quốc tế nữa, và tương lai sẽ không có tiền cho các dự án kinh tế mới. Hiện nay Việt Nam còn đang lo thanh toán 900 triệu nợ quá hạn đối với các ngân hàng tư. Nhật báo Financial Times tiên đoán rằng chính những

gánh nợ quá lớn sẽ khiến Hà Nội phải thúc đẩy việc cải tổ kinh tế mạnh hơn, nếu không thì không tìm đâu ra chỗ vay nợ. Đó là điều đã xảy ra ở Ba Lan vào thập niên 1980. Đó là một diễn biến hòa bình!

Các món tiền hứa hẹn năm nay, cũng như năm ngoái, phần lớn được qui định để chi tiêu cho các dự án tu bổ hạ tầng cơ sở, giáo dục và đào tạo. Đó là những món đầu tư lâu dài cho quốc gia. Đảng Cộng Sản có thể hưởng lợi qua các dự án này khi họ đứng thầu. Nhưng việc thực hiện các dự án đều được các đô no theo dõi, nếu không đủ tiêu chuẩn thì họ sẽ thắt hầu bao lại, dù đã hứa hẹn. Trong các món tiền đã hứa hẹn cho năm 1996, Ngân Hàng Thế Giới mới chỉ tháo khoán 27%, các tổ chức và quốc gia khác còn ít hơn nữa, có nước chỉ đưa cho 1% số tiền họ hứa hẹn. Các nước cho vay hay viện trợ đều đặt các điều kiện ràng buộc, họ làm kinh tế, không đóng vai các cơ quan từ thiện. Khi họ đánh cá vào nhóm cải cách ở Việt Nam, họ còn chờ coi con ngựa của họ chạy thế nào, cẳng có bị vướng té hay không.

LẼ PHẢI THẮNG BẠO LỰC

Ngày 4 tháng 12, Hà Sĩ Phu được ra khỏi nhà tù. Ông cho biết ban giám thị nhà tù đã đến gặp ông với một chai rượu Vodka và mấy bao thuốc lá Marlboro! Họ còn xin chụp hình và quay phim để kỉ niệm! Cai tù Cộng Sản đã mang rượu Nga, thuốc lá Mỹ đến tặng một người tù Việt Nam, đó là hình ảnh có ý nghĩa.

Ban giám đốc nhà tù còn hỏi Hà Sĩ Phu có phiền trách gì trong thời gian họ giam giữ ông không. Hà Sĩ Phu trả lời rằng việc bắt giam ông xúc phạm đến lẽ phải và luật pháp, xúc phạm cơ thể và nhân phẩm của ông, nhưng người cầm quyền xúc phạm chứ các người coi tù không có trách nhiệm. Ông ghi nhận cảm tình của họ.

Khi ra ngoài nhà tù, một nhóm đông đảo các người trí thức đã đợi sẵn, mang hoa tặng ông và cùng nhau đi ăn. Khi vào tới Sài Gòn, ông đã được 30 người bạn tiếp đón ngay tại phi trường. Họ cũng tặng hoa và mời đi ăn uống.

Ngày 7 tháng 12, Hà Sĩ Phu về đến Đà Lạt. Nhóm bạn của ông cũng mang hoa ra phi trường đón tiếp. Họ đã thuê hai chiếc xe đi đón ông. Hai lần, công an đã chận lại, hỏi giấy tờ từng người nhưng vẫn phải để họ đi, chỉ yêu cầu không được làm rầm rộ. Họ đã tới ăn ở quán Quê Hương, đến 3 giờ chiều mới giải tán. Trong thời gian đó luôn luôn có công an 'tháp tùng'' để theo dõi. Nhưng việc Hà Sĩ Phu trở về nhà là một dấu hiệu cho thấy bạo lực đang chịu thua trước trí óc con người.

Tại sao Cộng Sản không dám đưa Hà Sĩ Phu ra tòa về các bài lý luận bài xích chủ nghĩa Mác xít và chế độ 'phong kiến mới''? Khi trả lời điện thoại một người Việt ở Pháp, Hà Sĩ Phu nhận xét rằng họ không mang các lý luận của ông ra tranh cãi vì biết rằng họ đã đuối lí. Họ không còn lời lẽ nào để tranh luận nữa, mặc nhiên chấp nhận đã thua trên mặt tư tưởng.

Trong suốt thời gian bị bắt và bị giam, nhiều người của đảng Cộng Sản đã đến gặp Hà Sĩ Phu, nhưng không một ai cãi lí với ông về vấn đề chủ nghĩa Mác cả. Có người còn tỏ ra ân hận về việc ông bị bắt.

Một dấu hiệu đáng mừng khác là sau khi Hà Sĩ Phu ra khỏi nhà tù, nhiều người đã công khai tiếp đón ông. Hành động tập thể này chứng tỏ trong giới trí thức ở Việt Nam, nhiều người không còn sợ bạo lực nữa. Chúng ta biết rằng ai đã ở tù rồi thì bớt sợ tù tội. Nhưng đối với trí thức ở Việt Nam bây giờ, còn có hiện tượng là sau khi một, hai người đã bị tù rồi thì những người khác cũng không còn sợ nữa!

Một trường hợp tiêu biểu là nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự. Trong một cuộc điện đàm với thân hữu ở Pháp, nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, cũng ở Đà Lạt, cho biết ông đã bị công an gọi tới làm việc lần thứ ba. Công an hỏi ông có biết các bài viết trước khi đưa ra nước ngoài đều phải đưa kiểm duyệt không? Ông trả lời rằng ông không biết, mà nếu có biết thì cũng không chấp hành vì điều đó trái với hiến pháp, trong đó nói người dân có quyền phát biểu và phổ biến ý kiến của mình. Ngay cả khi hiến pháp trái với lẽ phải và lương tâm thì cũng phải chống. Vả lại đảng Cộng Sản đã đổi hiến pháp hai lần, sao không chịu thay đổi lần nữa?

Nhà văn Bảo Cự đã có cuốn 'Nửa Đời Nhìn Lại'' do nhà Thế Kỷ xuất bản ở California, ông cũng trả lời nhiều cuộc phỏng vấn điện thoại của đài VNCR. Khi công an hỏi Bảo Cự, có biết những bài ông viết và nói có thể bị bọn xấu lợi dụng để chống chế độ không, Bảo Cự trả lời rằng ông và nhà nước không có cùng một định nghĩa ai là tốt, ai là xấu. Nếu là 'bọn xấu'' thì cái gì chúng cũng tìm cách lợi dụng. Bọn xấu không thể lợi dụng những gì ông viết hay nói, vì đó đều là những lời ôn hòa và có trách nhiệm, chỉ có những người tốt mới dùng được mà thôi. Còn bọn xấu sẽ chỉ lợi dụng các tham nhũng, tệ đoan xã hội. Chúng cũng có thể lợi dụng cách chính quyền đối xử thô bạo đối với những người ôn hòa, để chúng cổ động cho bạo lực.

Các thân nhân của nhà văn Bảo Cự đang bị công an bao vây, yêu cầu họ hãy khuyên bảo ông bớt cứng rắn. Trong số đó có cả các người bạn của ông như bà Nguyễn Thị Thục, vợ của nhà thơ Bùi Minh Quốc. Hôm đi đón Hà Sĩ Phu ở Đà Lạt, đáng lẽ Bảo Cự phải đến ''làm việc'' với công an. Ông đã nói thẳng cho họ biết rằng vì bận đi đón Hà Sĩ Phu nên không

tới "làm việc" được!

Đây là một hiện tượng đáng nói ở nước ta: giới trí thức không còn sợ hãi chế độ bạo lực công an, và họ sẵng sàng dùng lí luận, dùng lẽ phải và tiếng nói của lương tâm để đương đầu với bạo lực. Ngay những người giám đốc nhà tù ở Hà Nội hay công an ở Đà Lạt cũng tỏ ra họ biết điều khi đối diện với các người trí thức. Đó cũng là một dấu hiệu tốt.

Những người như Hà Sĩ Phu và Bảo Cự hiện nay còn là một thiểu số ở Việt Nam. Nhưng việc chống đối chế độ cộng sản một cách công khai của họ là dấu hiệu cho thấy người dân Việt Nam không còn sợ nữa. Họ biết là đường dây điện thoại của họ bị công an nghe lén và ghi âm, để dùng buộc tội họ nếu đưa ra tòa. Nhưng họ không che dấu, thản nhiên phát biểu các quan điểm của mình. Họ ý thức rằng cuối cùng lẽ phải sẽ thắng bạo lực. Và niềm tin của họ đã thể hiện qua các hành động can đảm.

Thái độ điềm tĩnh và can đảm của Hà Sĩ Phu và Bảo Cự khiến chúng ta thêm tin tưởng rằng người dân Việt Nam ý thức các quyền tự do cần thiết để sống xứng đáng phẩm giá con người. Với ý thức đó, sắp đến ngày người Việt Nam sẽ không còn chấp nhận để cho bạo lực đè nén họ nữa.

KHOẢNG TRỐNG LÃNH ĐẠO

Sau cuộc bầu cử Tổng thống, người dân Mỹ sắp quên hẳn ông Clinton, nếu không có các vụ xì căng đan về mấy đệ tử của bà Thanh Hải góp tiền vào quĩ trả tiền luật sư của ông! Nếu ông Clinton làm lễ nhậm chức lần thứ hai một cách khiêm tốn thì cũng tốt thôi! Dân Mỹ không cần những lễ đăng quang, họ không cần lãnh tụ!

Một nước dân chủ thường không cần lãnh tụ. Chỉ trong các trường hợp đặc biệt, như thời chiến tranh hay trong cơn khủng hoảng, chế độ độ dân chủ mới có các lãnh tụ xuất hiện. Ông Clinton không phải là lãnh tụ của dân Mỹ, ông chỉ là lãnh tụ của đảng Dân chủ. Mà điều này cũng chưa chắc. Đảng Dân Chủ chấp nhận ông ta làm đại diện để tranh cử, cũng như đảng Cộng Hòa đã đề cử ông Bob Dole - sau khi thất cử ông Dole bị cả đảng quên ngay. Bà Margaret Thatcher đã làm thủ tướng Anh hơn mười năm, nhưng chỉ có một khoảng thời gian một năm, khi Anh quốc lâm chiến ở đảo Falklands với Argentine thì dân Anh mới nhìn bà như một nhà lãnh tụ của quốc dân. Nói đến lãnh tụ tức là nói đến sự ủng hộ lãnh tụ không cần bàn cãi. Mà đó không phải là đặc tính của chế độ dân chủ.

Vì vậy, trong chế độ dân chủ, người ta thay đổi người lãnh đạo theo nhu cầu giai đoạn. Một thí dụ tiêu biểu là nước Anh trước và sau Đại Chiến Thứ Hai. Trong thập niên 1930 nước Anh đang trải qua cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, người dân chọn Chamberlain làm thủ tướng. Ông ta xuất thân từ một gia đình chuyên về kinh doanh, chính ông cũng là một doanh nhân thành công. Đúng là loại người mà nước Anh đang cần để lái con thuyền quốc gia lúc kinh tế khó khăn. Nhưng khi Thế chiến bắt đầu, con người chuyên đi thương lượng và hòa giải đó không còn hợp thời nữa, dân Anh đã chọn Winston Churchill, một lãnh tụ có tài hùng biện, biết kích thích chí phấn đấu của toàn dân, kháng cự trước Đức Quốc xã. Ông đúng là một vị lãnh tụ cần thiết trong lúc 'tổ quốc lâm nguy." Ngay sau khi Anh quốc và đồng minh đại thắng, dân Anh không cần một lãnh tụ thời chiến nữa. Họ bỏ rơi Churchill, bầu cho đảng đối lập, và lãnh tụ đảng là Clement Attlee lên làm thủ tướng. Ông là người bị tất cả chê là tầm thường, không có cá tính. Ông chỉ thay mặt đảng Lao Động quản lý việc nước để thi hành chính sách thiên về xã hội.

Chế độ dân chủ cho người dân cơ hội thay đổi lãnh tụ theo nhu cầu của tập thể trong mỗi giai đoạn. Nhờ cơ chế bảo đảm việc chuyển giao quyền hành một cách hòa bình, người dân có thể thay đổi người lãnh đạo tùy theo nhu cầu của đất nước. Người tới sau có thể thay đổi chính sách trị nước của người đi trước, nhưng không ai sợ bị thanh trừng, chưa kể họ có thể chờ cơ hội trở lại cầm quyền, như Churchill hay De Gaulle chẳng hạn.

Trong chế độ độc tài người ta không có cơ hội đó. Khi chế độ độc tài do một đảng cầm quyền không cho ai bàn tán, không ai được chống đối, thì lãnh tụ đảng đương nhiên trở thành lãnh tụ của cả nước. Nếu người đó đủ thủ đoạn gian manh thì sẽ nắm quyền lãnh đạo suốt đời, may rủi dân cũng rán mà chịu đựng. Các nhà độc tài, đảng độc tài thường nói họ được nhân dân cử ra lãnh đạo, nhưng chẳng bao giờ hỏi dân có đúng như vậy hay không! Ai đặt câu hỏi là chết!

Một đảng độc tài thì mới tạo cơ hội cho những tay đồ tể như Hitler, Mao Trạch Đông và Stalin nắm tất cả quyền sinh sát. Khi những người đó sai lầm thì toàn thể đất nước khốn khổ. Stalin đã giết hàng chục triệu người bằng chính sách tập thể hóa nông nghiệp, cũng như Mao Trạch Đông. Hitler đưa nước Đức vào một cuộc chiến tranh gây đổ vỡ và những tội ác diệt chủng bị nhân loại lên án. Các đảng viên chạy theo, tôn thờ họ, đương nhiên phạm tội đồng lõa trong các tội ác đó, con cháu sẽ còn xấu hổ.

Nhưng trong một chế độ đảng trị, khi người lãnh tụ hung thần đó mất đi thì họ có thể quay sang chọn một lãnh tụ rất lu mờ, lẩm cẩm. Vì đó là cách tốt nhất để các đảng viên đang nắm quyền chung quanh lãnh tụ được an thân, khỏi

lo sợ bị thanh trừng vì một hung thần mới. Như Leonid Brezhnev ở Liên xô, một người không đặc sắc, lên ngôi để giữ hòa khí nội bộ, các đồng chí khác an tâm hưởng thụ trên địa vị lãnh đạo. Chế độ Brezhnev là giai đoạn ngưng đọng và sơ cứng của cộng sản Liên xô. Nó đưa cả nước Nga vào tình trạng "giậm chân tại chỗ", không tạo được sinh khí để tự thay đổi, rồi từ từ đi đến chỗ tàn lụi. Sự sụp đổ của đế quốc Xô viết bắt đầu từ khoảng trống về lãnh đạo thời Brezhnev.

Trong đảng cộng sản Việt Nam, các ông Đỗ Mười cũng như Nguyễn Văn Linh đóng vai trò giống Brezhnev. Họ cũng là những lãnh tụ trong lúc đảng chưa biết đi đường nào, nhưng cần tồn tại. Họ được đưa lên vì thỏa hiệp của nhiều phe phái, hay chính vì không có thể thỏa hiệp được để ai khác lên, sau khi các hung thần như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ qua đời. Sự có mặt của họ trên ngôi vị lãnh tụ bảo đảm cho các nhóm trong đảng rằng không có gì thay đổi đến nỗi có ai bị thiệt thòi. Từ mười năm nay, trong đảng cộng sản Việt Nam cũng là một khoảng trống lãnh đạo vì tất cả không biết đi về đâu, ngập ngừng giữa quyền lợi cố hữu và nhu cầu thay đổi.

Đại hội thứ Tám của đảng cộng sản Việt Nam cũng là một giải pháp thỏa hiệp giữa các phe phái như vậy. Ba vị lãnh đạo được giữ lại để đóng vai trò ba ông Brezhnev, tiếp tục "giậm chân tại chỗ." Ba ông Vua táo mà có một ông đổ thì sợ vỡ nồi cơm, chứ cỗ Troika của đảng Cộng Sản Việt Nam thì không sợ cảnh đó. Cho nên ông Lê Đức Anh bị trọng bệnh nằm đó, dù ông nằm đó mãi thì cũng không hại gì cả. Trừ khi có người trong đảng thấy nguy quá, hay tủi quá, nhục quá, không chịu nổi. Vì cả nước đang đòi tiến tới mà các ngài cứ giằng co nhau giậm chân tại chỗ mãi sao được?

Điều khác biệt giữa thời Brezhnev và Việt Nam ngày nay là nước ta bây giờ không yên ổn như Liên Xô hai chục năm trước. Nước ta đang trải qua một cuộc khủng hoảng. Đó là một tình trạng đất nước cần có lãnh đạo thực sự. Cần biết đi đường nào và mạnh dạn bước tới. Cho nên nếu đảng cộng sản Việt Nam đi theo con đường thoả hiệp nội bộ để giữ nguyên khoảng trống lãnh đạo ở cấp cao nhất, chỉ cốt cho anh em phe đảng bên dưới ôm giữ quyền hành, lợi lộc, thì họ kìm hãm cả dân tộc không cho tiến, mà chính các đảng viên sẽ có ngày không chấp nhận được.

TẠI SAO NƯỚC MỸ LẠM PHÁT THẤP?

Có hai điều ai cũng ghét trong nền kinh tế: Lạm phát và Thất nghiệp. Theo sách vở kinh tế học từ nửa thế kỷ nay thì các quốc gia không có cách nào khác là phải chọn giữa hai tai họa trên: Khi tỷ lệ thất nghiệp giảm thì lạm phát sẽ tăng lên, ngược lại nếu muốn giữ mức lạm phát thấp thì phải chịu để nhiều người thất nghiệp hơn. Lý do rất dễ hiểu: Khi rất ít người thất nghiệp thì mọi người không sợ thất nghiệp nữa. Các nghiệp đoàn đòi tăng lương, mà các công ty biết khó kiếm người cũng tự động tăng lương cho nhân viên. Lương bổng tăng sẽ làm chi phí sản xuất và giá cả tăng theo, từ đó sinh lạm phát.

Giữa thập niên 1970 lý thuyết trên đã bị nghi ngờ. Vì thời đó nước Mỹ trải qua một giai đoạn kinh tế thoái trào, tỷ lệ thất nghiệp lên mà mức lạm phát không xuống, vẫn cứ tăng. Người Mỹ đã phải đặt ra một từ mới 'Stagflation", ghép "stagnation," kinh tế đình đốn, với "inflation," lạm phát.

Hai mươi năm sau, bây giờ thì ngược lại, tình trạng thất nghiệp rất thấp mà tỷ lệ lạm phát cũng thấp. Hai năm trước đây, khi tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ xuống tới 5,5% người ta báo động: sắp lạm phát lớn rồi! Đến bây giờ tỷ lệ thất nghiệp vẫn xấp xỉ bấy nhiêu mà mức lạm phát lại xuống thêm!

Năm nay mức lạm phát ở Mỹ vào khoảng 3%, có thể thấp hơn. Sang năm, nhiều nhà kinh tế tiên đoán tỷ lệ lạm phát cũng chỉ 3% thôi. Tại sao lạm phát cứ thấp hòai trong khi tỷ lệ thất nghiệp cũng thấp như vậy?

Nếu chúng ta biết cơ cấu nền kinh tế Mỹ đã thay đổi thì tạm hiểu được lí do. Thay đổi lớn nhất là trong kỹ thuật, trong kinh tế toàn cầu hóa, và trong tâm lý người lao động. Trong cả thập niên qua, kinh tế cạnh tranh toàn cầu khiến các công ty đua cắt giảm chi phí lao động, bàn chuyện "thu hẹp" (downsizing), "cho người ngoài thầu" (outsourcing). Điều đó khiến giới công nhân, trí thức cũng như tay chân, thấy mối đe dọa về mất việc mới nặng, còn chuyện lo tăng lương là nhẹ. Chính các nghiệp đoàn cũng thay đổi, quyền lực của các đại công đoàn ở Mỹ yếu hẳn đi.

Tình tranh thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu vì tự do mậu dịch khiến cho các công ty đều bị cạnh tranh ráo riết. Họ phải cạnh tranh nhau trước hết về giá cả, vì nói chung kỹ thuật không hơn kém nhau bao nhiêu. Vì thế phải cắt chi phí. Cho nên họ không dám tăng lương nhân viên, sợ làm giá thành cao quá không cạnh tranh nổi. Thay vì tăng lương đồng loạt, các công ty đặt tiền thưởng tùy thao thành quả từng công việc một.

Về phương diện kỹ thuật, một yếu tố khiến tỷ lệ lạm phát thấp là giá máy điện toán xuống đều đều. Tỷ lệ lạm phát được tính dựa trên giá các món hàng, nhân với hệ số lớn hay nhỏ tùy theo món đó được mua nhiều hay ít trong cả nền kinh tế. Trong các năm qua số computer dùng tăng lên trong cả nền kinh tế, mà giá thì hạ xuống rất nhanh. So với năm năm

trước, giá computer hạ 48,6% thấp hơn, trong khi các công ty chi tiêu về computer nhiều hơn. Trong 12 tháng vừa qua, giá computer xuống 15%. Năm năm trước, số tiền các công ty đầu tư vào computer chỉ đến 20% tổng số đầu tư, năm nay tăng lên thành 25%.

Chi phí y tế của các công ty cũng không tăng nhiều như xưa. Mươi năm trước, chi phí y tế tăng 8% mỗi năm, năm vừa qua chỉ tăng 2%. Trong tổng sản lượng quốc nội Mỹ khoảng 7 ngàn 6 trăm tỷ mỹ kim, chi phí về computer và y tế chiếm một ngàn tỷ mỹ kim. Cho nên khi hai món đó giảm giá hay tăng nhẹ thôi, lạm phát cũng chỉ tăng rất nhẹ.

ĐỘC TÀI VÀ MA TÚY

Trước khi các nước ASEAN họp bàn về việc thâu nhận Miến Điện (Myanmar), trong lúc viếng thăm Bangkok, Tổng thống Clinton mượn ngay diễn đàn ở Đông Nam Á để chỉ trích chế độ quân phiệt (SLORC) ở Miến. Mượn thủ đô một nước đồng minh để phê bình chính quyền nước láng giềng của họ, đó không phải là một hành động ngoại giao bình thường. Ông Clinton chắc phải có chủ ý rõ rệt, và đã đoán trước được ảnh hưởng của những lời ông nói đối với chính phủ Thái, và các chính phủ khác trong vùng.

Tại sân trường đại học Chulalongkorn ở thủ đô Thái Lan, ông Clinton nhấn mạnh đến tình trạng chính quyền độc tài ở Myanmar đã dung túng việc sản xuất và phân phối ma túy: "á phiện, bạch phiến, và nay thêm metamphetamines." Ông nối kết tội ác đó với việc đàn áp đối lập: *"Vai trò của ma túy trong đời sống kinh tế và chính trị ở Miến Điện và việc chính quyền ở đó từ chối không thực hiện lời hứa tiến tới nền dân chủ đa đảng thật ra chỉ là hai mặt của một đồng xu, bởi vì cả hai cho thấy sự vắng mặt của tinh thần pháp trị."*

Tinh thần pháp trị - một thể chế lấy luật pháp làm căn bản, không những vắng mặt ở Myanmar mà còn chưa có ở Việt Nam, Campuchia, v.v..

Các nước Đông Nam Á sẽ có thể làm ngơ trước các đòi hỏi thực hiện nhân quyền ở Myanmar, vì nhiều chính phủ ASEAN cũng đang vi phạm nhân quyền của người dân xứ họ. Nhưng khi nhắc đến ma túy, ông Clinton đã nói lên một sự thật mà họ không thể thờ ơ.

Trong lúc ông Clinton đang nói ở Bangkok, một thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ viết trên tuần báo Viễn Đông Kinh Tế (FEER) về liên hệ giữa nhóm độc tài SLORC với ma túy. Ông ta đưa ra những chứng cớ hãi hùng. Vùng đông bắc Myanmar vẫn có tiếng là một vùng làm ăn của các trùm ma túy. Họ thu mua á phiện từ các dân miền núi và chế biến, phân phối ra khắp thế giới. Trước khi nhóm độc tài quân phiệt Newin lên cầm quyền, Miến Điện chưa sản xuất ma túy nhiều. Nhưng từ thập niên 1980, nước này đã trở nên nước sản xuất ma túy bậc nhất thế giới. Từ khi nhóm độc tài SLORC cầm quyền năm 1988, số sản xuất ma túy tăng gấp đôi. Những trùm ma túy ở vùng Tam Giác Vàng gồm các sứ quân địa phương như Khun Sa, và các viên chỉ huy quân Cộng Sản Miến đã đầu thú như Lin Mingxian. Những tên tuổi trong nghề ma túy đang bắt tay làm ăn với "đảng SLORC ta."

Trong năm qua, Khun Sa đã trở về sống cuộc đời phú ông ở ngay thủ đô Rangoon, nhường việc khai thác ma túy cho các đàn em, dưới sự kiểm soát của chính quyền độc tài SLORC. Đổi lại, các tay buôn ma túy có cơ hội hợp thức hóa các món tiền lời phi pháp của họ. Họ lập công ty, đấu thầu khai thác xe đò, vận tải, mở khách sạn, trung tâm du lịch và sòng bài. Trùm ma túy Khun Sa còn liên doanh với các công ty ngoại quốc, ngôi nhà ông ta ở được quân đội Miến bảo vệ.

Từ Miến Điện, ma túy đã được phân phối qua các nước trong vùng, mà nạn nhân đầu tiên là dân cư các nước đó. Thứ trưởng ngoại giao Mỹ, ông Robert S. Gelbard tiết lộ ở Thái Lan có khoảng 500 ngàn người ghiền. Trung Quốc cũng có chừng đó nạn nhân, đa số ở vùng Vân Nam giáp Miến Điện. Có hơn 200 ngàn người ở Việt Nam mắc bệnh ghiền. Tại Mã Lai Á, 14% thanh niên dùng ma túy, và ma túy truyền sang đến Campuchia, Hồng Kông, Đài Loan, Singapore. Tại Miến Điện, 70% trong số 300 ngàn người ghiền trong máu có siêu vi khuẩn HIV, dễ lây bệnh AIDS.

Những con số và dữ kiện đó liệu có báo động các nước ASEAN về hiểm họa của ma túy phát xuất từ Myanmar hay không? Các nước này có thể làm ngơ về các vụ vi phạm nhân quyền ở Myanmar, lấy cớ đó là chuyện nội bộ. Nhưng họ sẽ phải trả lời trước dư luận thế giới và người dân của họ về vấn đề ma túy nữa.

Nhưng, như ông Clinton nói, ma túy, với chế độ độc tài, chỉ là hai mặt của cùng một đồng xu. Cả hai đều do tinh thần của một chế độ không coi luật pháp là quan trọng. Khi một chế độ độc tài coi thường luật pháp thì họ không chấp nhận đối lập, đàn áp báo chí. Và cũng vì coi thường tinh thần pháp trị nên họ có thể dung dưỡng lái buôn ma túy, để thủ lợi. Khinh thường pháp luật cũng gây ra hai hiện tượng ở Việt Nam: tham nhũng và độc tài. Tham nhũng là bộ mặt thứ hai của chế độ độc tài, mà mặt thứ nhất là hành động đàn áp những người bất đồng chính kiến, để duy trì độc quyền chính trị và kinh tế. •

* Trí nhớ đôi khi mách chúng ta rằng ta biết một người nào đó, nhưng lại không cho chúng ta biết người đó là ai.

TÂM NÃO VÀ TÂM

NGUYỄN KẾT

(tiếp theo)

9.Khoa Học versus Khoa học

Như đã phác họa, tâm học phật giáo là con đường siêu việt kinh nghiệm, mà trong tương quan với sự thẩm định khách quan 'từ ngoài' thì sự chứng đắc tánh Không là thành tựu cao nhất. Dạng kinh nghiệm giống-như-chết-nhưng không-là-chết này là điều khó tin là có thật và trực tiếp thách thức với hiểu biết của khoa học tây phương, về khả năng của não bộ trong tương quan với kinh nghiệm tông giáo. Điều này có lẽ có một vai trò nào đó khi nhiều chuyên gia tông giáo học cho đến nay vẫn còn xem tâm học, hay đạo học phật giáo nói chung là 'huyền học thuộc dạng thuần túy,'' một trong các hệ thống chuyên tìm kiếm cái chân lí huyền diệu, huyền bí đàng sau kiến trúc khái niệm, của mọi tông giáo.

Kinh nghiệm tông giáo thuộc loại huyền niệm *(mystical exp.)* là dạng đáng kể nhất, nhìn theo quan điểm thực nghiệm. Tuy đôi khi xảy ra một cách hoàn toàn tự phát nhưng thông thường đây là kết quả của sự rèn tập lâu dài, bằng các kĩ thuật thiền định và quán tưởng, hoặc, như các nhà tông giáo học hiện nay muốn, nói chung bằng 'nghi thức,' đại khái là sự lập đi lập lại một ý tưởng và/hoặc chuỗi cử động được qui định trước, trong sự thành khẩn và với một nhịp độ nhất định. Dạng kinh nghiệm này cũng không có bản sắc tông giáo (như các kinh nghiệm tông giáo ít thâm sâu hơn), một phần vì cốt lõi của kinh nghiệm này cũng có thể có nơi người không có niềm tin tông giáo. Khi các 'lớp sơn' tông giáo và văn hóa bị loại bỏ, kinh nghiệm huyền niệm là một *cảm thức,* trước hết là về sự bước vào một thế giới trong đó những giới hạn, khuôn khổ quen thuộc của thế giới hàng ngày bị nhòe đi, và cao nhất là về sự quên mình hoàn toàn, sự hòa nhập vào, hay hợp nhất với cái Một vô biên, tuyệt đối, bất khả tư nghị v.v...

Cảm thức có trong dạng kinh nghiệm này được mô tả như kì diệu, huyền diệu, không thể định nghĩa hay diễn tả (không thể hiểu bằng lí trí), nhưng bị nhà khoa học xem như không có gì đặc biệt khác thường trừ sự sâu thẳm hơn và cường độ mãnh liệt hơn (có thể so sánh hai mức độ nêu trên của cảm thức này với cảm giác khi thăm viếng một cảnh trí kì thú và cảm giác hoàn toàn quên mình trong cảnh trí kì thú đó; và cả hai cảm giác này cũng phải nói là khó diễn tả). Chỉ khi được đặt trong bối cảnh văn hóa và tông giáo thì cảm thức này và đối tượng của kinh nghiệm mới có thêm sắc thái khác và do đó trở nên có hay không tác dụng chuyển hóa. Chẳn hạn cảm thức khi thấy, hoặc hợp nhất với, Đạo của Lão giáo, *Brahman* Bất khả nghị trong triết lí Vedanta, Thần thể của Meister Eckhart v.v... thì ít cảm tính, ít sắc thái phái phiêu phưởng, ngây ngất, không có sự vừa vui mừng vừa kính sợ như sự thấy Tạo vật chủ Toàn trí, Toàn năng. Điểm quan trọng cần lưu ý ở đây là, kinh nghiệm huyền niệm trong dạng cao nhất, sâu thẳm nhất của nó ít sắc thái cảm tính chứ không phải không có sắc thái này.

Mô tả vắn tắt ở trên là kết quả của sự so sánh, đối chiếu các mô tả truyền thống về kinh nghiệm tông giáo và kinh nghiệm huyền niệm trong khuôn khổ của sự thử nghiệm và mô phỏng với các chất 'đổi thức' *(psychdelic)* như LSD, Mescalin v.v... Sự mô phỏng này phải nói là khá thành công, như được chứng minh với sự kiện rất nhiều người có niềm tin tông giáo sâu xa đã có được kinh nghiệm mà truyền thống mô tả khi được cho sử dụng một liều lượng xác định các 'thuốc say' này. Nếu đây là tất cả những gì có thật về kinh nghiệm tông giáo tối thượng, thì theo một nghĩa quan trọng, Giác ngộ thì có nhưng không ở trong liên hệ với khái niệm tâm-phi-vật, không cần thiết phải qua trung gian sự phân biệt chân lí công ước và tối hậu, và theo đó qua các phương pháp, kĩ thuật *tiệm tu* nương tựa trên sự phân biệt này. Nói cụ thể thì sự chứng đạt tánh Không cũng chỉ khác hình thức nhất nguyên, ít sắc thái cảm tính nhất của kinh nghiệm huyền niệm, ở điểm các hành giả phật giáo, do niềm tin vào tánh Không, nên thấy cái Một vô biên, bất khả tư nghị v.v... như tánh Không và có *ảo giác, ảo tưởng* về sự tan biến vào tánh Không của tri giác và cảm thụ.

Đây là điều có thể có khi chúng ta nghĩ đến ảnh hưởng của ma túy. Tất nhiên có thể có những khác biệt căn bản giữa kinh nghiệm các chất ma túy quen thuộc và các dạng kinh nghiệm huyền niệm. Nhưng phản ứng hóa học tạo ra nơi não bởi phân tử nha phiến ở một phía và phía khác kĩ thuật huyền niệm, giống nhau ít nhất ở điểm đưa người ta vào một thế giới khác thường, với cảm giác phiêu phưởng, ngây

ngất mà nhà huyền niệm và người nghiện đều nói là "có sức mạnh lấn áp cao độ." Suy đoán này nếu đúng thì "sức mạnh lấn áp cao độ" của kinh nghiệm huyền niệm là một trong các nguyên nhân căn bản khiến nhà huyền niệm *tông giáo* có thể trở thành một bậc thánh. Mặt khác, nó cũng có thể đẩy người ấy đến chỗ sống bất chấp các công ước xã hội (vì nó thấp kém so với thế giới huyền niệm 'núi không là núi sông không là sông') và chẳng những thế còn đến độ rất phi nhân, chẳng hạn sẵn sàng hi sinh con để tỏ lòng vâng ý thần linh, hô hào việc giết bọn ngoại giáo để thực hiện nước trời trên thế gian, tỏ ý vui mừng vì Ơn Trên giúp tàn sát lũ phản giáo, lạc giáo, hoặc vì chiến tranh loạn lạc được tạo ra như cơ hội để duy trì sự thống nhất giáo hội, hoặc có người dù được tôn thờ như thánh nhưng lại hân hoan khi người thân của mình lần lượt chết đi để bà có thể tiếp tục theo đuổi con đường 'tâm linh,' vân vân. (46)

Dù sao thì trong trạng thái mà lí trí bị lấn áp như thế, không có gì khó hiểu nếu những ảo tưởng, ảo giác được xem như có thật. Theo đó, không chỉ riêng tánh Không, mà ngay chân lí huyền nhiệm nhất nguyên nêu trên, dù được đồng thuận bởi những nhà huyền niệm lỗi lạc nhất trong các truyền thống *không* phật giáo, cũng rất có thể chứa đựng những điều không thật. (Lí luận ở trên về sự khả tín của ý niệm tâm-phi-vật không cho phép xem tất cả đều là ảo tưởng).

Đạo Phật nói chung chắc chắn là phong phú về kinh nghiệm huyền niệm. Tuy nhiên tâm học phật giáo, nhất là trong dạng được phác họa ở trên, thì không thể nói là một huyền học theo nghĩa thông thường của tên gọi này do ba lí do căn bản. Thứ nhất là nó là một lí thuyết thực nghiệm thuần lí, không có gì gọi là theo định nghĩa không lí giải được hay phủ nhận khả năng của lí trí (lưu ý là 'sự hữu' theo định nghĩa phật giáo là cái kinh nghiệm, suy tư hợp lí được, và *mọi* thành tựu về tánh Không cũng là sự hữu, tức vẫn thuộc phạm vi chân lí công ước). Thứ hai, khi sự siêu việt kinh nghiệm với sự phát triển bát nhã theo hình thức này hay hình thức khác là chủ trương chung của mọi truyền thống phật giáo. Điều dễ hiểu là cái phát sinh trong thiền tập là kinh nhgiệm được kiểm soát, và không bao giờ được đề cao mà trái lại bị xem như kết quả phụ thứ, rằng dù có thể kì diệu đẹp đẽ nhưng chúng cũng bị điều kiện hóa, không bền vững, và như thế không thể là hạnh phúc chân thật. (47) Việc Thiền tông xem các học giả chưa thể vượt qua cảnh giới 'núi không là núi sông không là sông' như mắc Thiền bệnh, cũng như sự kiện rằng hiện tượng cuồng Thiền (sự 'chết chìm' trong cảnh giới nói trên, khiến lúc nào cũng như say như tỉnh, dở dại dở khôn) không đưa đến những hậu quả luân lí trầm trọng như các nơi khác, là những ví dụ đầy ý nghĩa cho thấy rằng, cho dù chịu ảnh hưởng của tư duy huyền niệm địa phương (48) thì một hệ thống tâm học phật giáo cũng không "phiêu lãng trong rừng kinh nghiệm huyền hoặc" mà ý thức rất rõ về những lối rẽ và ngõ cụt của thế giới tâm linh, chỉ nhắm đến những kinh nghiệm được thẩm định như cần thiết hay có lợi cho lí tưởng tự giác giác tha mà thôi. Và thứ ba, cùng với tính cách thuần lí và xác minh của tâm học phật giáo, các phát biểu đầy tính nghiệm giả của Phật và người khác về các thành tựu tánh Không bắt người ta ít nhất phải có thái độ 'chờ xem,' cho đến khi có dữ kiện cụ thể cho thấy rằng dạng siêu nghiệm này đúng là không có gì thật sự khác với các kinh nghiệm huyền niệm quen thuộc.

Vấn đề, tất nhiên là tâm học phật giáo thật sự có khả năng đến độ như người phật giáo tin tưởng hay không. Như đã nói, hiểu biết của khoa học tây phương cho thấy câu trả lời phải là không: dù thích hợp cho sự khảo sát thực tại nội tâm (hiểu theo nghĩa nó tạo ra một con đường ít hiểm nguy và có nhiều lợi ích tâm lí, tâm linh) nhưng khái niệm tánh Không vẫn chỉ là một khái niệm không chứng minh được, khi mà nỗi lực siêu việt kinh nghiệm mà người phật giáo nói đến cuối cùng cũng phải dừng lại ở nơi mà huyền học nói chung và thần kinh học hiện đại ít nhiều đồng ý với nhau. Có lẽ do niềm tin này mà Susan Blackmore đã đưa ra một kết luận và tiên đoán chắc nịch trong bài thuyết trình đọc tại hội nghị Phật giáo và Tâm lí học do British Psychological Society tổ chức vào năm 1983.

Tiếp nối các công trình trước đó về việc giải thích hai kinh nghiệm huyền niệm bằng giả thuyết của tâm lí học nhận thức, về bản ngã như các mô hình thực tại do não, như một bộ máy xử lí thông tin, tạo ra (tức là những điều có trong các kinh nghiệm liên hệ là ảo giác), bà cho thấy rằng giả thuyết "còn có những sơ hở nghiêm trọng" này cũng đưa đến kết quả khả quan khi áp dụng vào việc giải thích các lợi ích tâm lí (bước đầu) của một kĩ thuật thiền quán quen thuộc, chánh niệm. Do đó, 'Bằng việc chấp nhận rằng 'cái tôi' chỉ là những mô hình... chúng ta có thể không còn bị dính mắc trong sự chấp ngã. Nếu đưa điều này đi đủ xa và nếu chấp nhận nó đủ sâu, chúng ta có thể thấy rằng tâm lí học tây phương dẫn chúng ta đến nơi rất là giống với chỗ mà các truyền thống tâm linh trong hàng ngàn năm qua đã đưa người khác đến." (49)

Phát biểu này có một điểm khác rất xa với một nhận định (trong một tác phẩm khoa học phổ thông) năm năm sau đó. Sau khi nhắc sơ qua các hiểu biết mới về tâm và ý thức, về các lợi ích y học và tâm lí học của thiền tập, về Giác ngộ trong quan niệm phật giáo, Blackmore nói, "...Trong vòng 30 năm nữa, nhiều

khoa học gia sẽ luyện tập (thiền quán) đúng mức để có thể đi vào các biến thái ý thức và khảo sát địa vực *mênh mông* của các thế giới có- thể-có của tâm." (50) Đây là sự gián tiếp thừa nhận rằng giải thích duy vật của bà dù rất sáng tạo (xem chú thích trước) nhưng vẫn quá nhỏ hẹp so với thực tại tâm thức.

Sự thay đổi quan điểm này phải nói là bắt đầu thành hình trong giới chuyên gia kể từ khi Dalai Lama đồng ý để các khoa học gia nghiên cứu các thành tựu thiền tập cao cấp nơi các đệ tử của ngài, trong ý nghĩ việc làm này tuy vi phạm giới cấm nhưng "...sẽ có lợi ích chung cho nhân loại." Điều các khoa học gia được phép nghiên cứu là một vài (chứ không phải tất cả) hiện tượng sinh lí lạ thường được các tác giả tây phương uy tín trước đây khẳng định là có nơi Hỏa du già *(tumo Yoga;* cũng được gọi là Hỏa tam muội), một trong các phép quán tưởng *(visualization)* căn bản của Phật giáo Ấn Tạng. (51) Đó là lần đầu tiền các chuyên gia tây phương có cơ hội quan sát, đo lường và thử nghiệm một hiện tượng tâm-thân siêu thường nhiều lần, trong khoảng 10 năm hơn (từ đầu thập niên 80 đến nay), mà vẫn không thể 'giải huyền' nó bằng, và từ đó mô phỏng với, các định luật khoa học quen thuộc.

Nói thật vắn tắt thì các hành giả bắt đầu tiến trình thực tập phương thức như Hỏa du già bằng việc đi vào nhận thức rằng lớp thân-tâm, hay bản ngã thô phù và môi trường của nó, là một mô hình không thực chất. Kế đó, người ấy thâm nhập vào một bình diện thân tâm vi tế hơn, quán tưởng mình như có nhiều đầu, nhiều tay, hai thân với đầy đủ các đặc trưng phái tính và thế giới thì trở thành một đàn tràng *(mandala)* hay đất Giác ngộ. Hành giả như thế bước vào một cảnh giới tự-bổ-sung khác với thế giới hàng ngày quen thuộc, nơi *P* không thể là cái không-*P* (nam thiếu những đức tính của nữ và ngược lại, lí trí thiếu tình cảm và ngược lại v.v...). Tuy nhiên người ấy cũng không dừng lại ở đây, mà lại nhận diện nó như cũng chỉ là một mô hình, bỏ nó lại sau lưng và đi vào một lớp thân-tâm vi tế hơn nữa, nơi 'tâm là tâm và vật là vật,' nơi thân được thấy như chỉ còn là một ống tiêu với các chakra như lỗ tiêu. Ở đây, tương tự như thổi tiêu với các lỗ tiêu bịt kín, trừ lỗ ngoài cùng, để tạo ra một nốt nhạc như ý muốn, hành giả dùng ý lực và sự tỉnh thức của mình dẫn luồng năng lượng vật lí vi tế từ các chakra 'thấp' lên chakra 'cao' nhất để phát triển hạnh phúc siêu thế và và tình thương không biên giới (có từ cảnh giới tự bổ sung đã nêu) và qua đó tinh luyện trí tuệ (hay làm nhận thức về thực tại trở nên sâu thẳm, tròn đầy hơn với sắc thái tình cảm). Trong trường hợp Hỏa du già, năng lượng vật lí vi tế là *chân hỏa* hay năng lượng hỏa đại. (52)

Các tu tập như thế nếu thực hiện được thì không thể không đặt căn bản trên một trình độ đủ sâu xa của *bát nhã hay trí tuệ về tánh Không.* Như đã nói, kĩ thuật thôi miên hoặc đôi khi sự chụp thuốc mê đúng là có thể làm người ta thấy mình như không là một với cái người phật giáo gọi là bình diện thân-tâm thô phù (xem lại phần 8). Tuy nhiên cái thấy này không có chiều sâu thật sự vì người ấy vẫn dính mắc vào niềm tin bẩm sinh vào ý niệm 'tôi' và 'của tôi,' chấp vào lớp thân-tâm này như thật hơn, và hoang mang, sợ hãi, không hiểu vì sao mình lại như mất liên hệ với nó. Việc mô phỏng với thuốc 'đổi thức' như phương tiện thì chắc chắn không phải là cách thích hợp với ý niệm bát nhã, phải nói là thông thường nó chỉ tạo ra một dạng say sưa ngây ngất cao độ và sự lệ thuộc vào trạng thái đó, xem lớp thân-tâm thông thường và thế giới của nó là thấp kém, ít thật hơn. Đó là hai trong nhiều trường hợp biện minh cho quan điểm rằng người ta không thể có đủ định lực và sự tỉnh thức để đi trọn tiến trình Trung đạo như trong Hỏa du già, trừ phi đã có kinh nghiệm thật sự về sự thiếu vắng tự thể của *mọi* tầng lớp thân-tâm. Như có thể suy ra từ trình bày của Herbert Benson, giáo sư y học của Harvard Medical School, nhân vật đầu não trong các nghiên cứu về Hỏa du già, và phần thảo luận sau đó trong hội nghị Mind Science, nhà khoa học quả thật cũng không nghĩ là kinh nghiệm này giống với các kinh nghiệm huyền bí 'quen thuộc' mà họ hoặc ghải thích được hoặc có thể đưa ra một *suy đoán* vững chắc, hợp khuôn mẫu khoa học *(Mind-science, tr.37-48)*

Điều các khoa học lần này qua lần khác thấy được trong Hỏa du già là, các hành giả dù ngồi bất động và hầu như không vận y phục trong khí hậu tương đối lạnh nhưng họ không có một dấu hiệu nào của cảm giác lạnh lẽo; nhiệt độ tên da của họ không giảm xuống như thông thường, mà tự động gia tăng rõ rệt. Và khi sự thực hành Hỏa du già có sự cố ý vận dụng năng lượng hỏa đại (khác với Địa du già, Thủy du già, Diệt tưởng thụ định v.v...) tất nhiền nhà khoa học cũng thấy rằng, những hành giả đã liên tục thực hành phép tu hành này cả năm dài thì chẳng những có khả năng ngồi thản nhiên suốt đêm trong sự giá rét (4.5 độ C) mà còn có thể làm nhiệt độ trên da của họ tăng cao đến mức làm khô ráo hoàn toàn những mảnh vải ướt quấn quanh người họ trong vòng 45 phút. Ở nhiệt độ này và trong một thời gian lâu dài như thế, chẳng những chúng ta mà ngay kẻ không cảm thấy lạnh nhờ thuốc mê cũng sẽ chết cứng trước khi hồi tỉnh. Thế nên không có gì khó tin nơi những chuyện kể về các nhà ẩn tu không y áo, ngồi một mình trong hang động tuyết phủ trong ba năm ba tháng ba ngày hay trong ba mươi năm hơn mà không chết vì rét (và vì buồn chán!). Và khi biết rằng Hỏa du già có nguồn gốc Ấn Độ, chúng ta có thể nghĩ rằng các hành giả cũng

có thể tạo ra nơi mình một máy điều hòa nhiệt độ nếu bị nhốt trong sa mạc! Ngoài ra, vì hỏa đại hay chân hỏa không đơn giản là nhiệt như chúng ta biết, nên trong Hỏa du già phải còn có những biểu hiện sinh lí siêu thường khác, như tính khoa học của tâm học phật giáo, lí luận thuần lí và các truyền thuyết cho phép suy đoán. Tuy nhiên các khoa học gia có được phép thăm dò toàn bộ các hệ luận này hay không lại là chuyện khác. Điều chắc chắn là, vì các hành giả không chỉ tu tập theo một kĩ thuật duy nhất, nên các biểu hiện này tất nhiên không nhất thiết giống hệt nhau từ người này đến người khác: một trong các đối tượng thí nghiệm thì khác với những người khác ở điểm lượng dưỡng khí mà ông tiêu thụ thì ít đến độ không thể nghĩ là có —giảm 64% so với bình thường (trong khi các phương cách thiền tập thông thường chỉ làm giảm 16 đến 17%). Nhưng Benson nhận xét, vị hành giả này có lẽ sẽ không chết nếu bị chôn sống vì lượng không khí trong lòng đất dù quá ít nhưng với một khả năng như thế thì nó vẫn đủ.

Nhìn chung, do đó có thể khẳng định rằng, một khi làm chủ các phương thức tinh luyện, đào sâu bát nhã hay khả năng siêu việt lên sự đồng nhất mình với các bình diện thân-tâm, thì trong khi làm công việc này thiền gia không bị xao động hay ảnh hưởng bởi các tác động trên chúng: người ấy chẳng những sẽ không cảm thấy nóng hay lạnh vì thời tiết, không có cảm giác đau đớn khi bị đánh đập hay mổ xẻ (như người bị đánh thuốc mê mà 'không mất ý thức') và, nói chung, sẽ giống như chết nhưng "...sự sống của người ấy chưa hết, thân nhiệt chưa chìm lắng, các khả năng hoàn toàn nguyên vẹn," như Phật từng giải thích. Như trường hợp Hỏa du già cho thấy, khi thiền gia luôn luôn có sự tỉnh thức, biết rõ những gì xảy ra, điều này cũng có nghĩa là ông/bà ta có thể tùy ý đổi sang một kĩ thuật thích hợp để bảo vệ thân mạng của mình, để có thể về với thế giới phàm tục, nếu các điều kiện giúp tồn tại trong thế giới này không bị tác hại quá đáng. Điểm cần phải nhắc lại là, các hiệu ứng sinh lí như thế chỉ là hệ quả phụ thuộc chứ tuyệt đối không phải là mục đích của các phương thức tu tập phật giáo: điều các hành giả muốn có xuyên qua những tu tập khó khăn của họ là lí tưởng tự giác giác tha, ban vui cứu khổ; và nhiều người trong họ có vẻ như đạt được điều này theo một cách thế rất lạ khi mà sự vui vẻ, từ hòa, tình thương hoặc, như trường hợp thường thấy nơi các cao tăng Thiền tông hoặc Phật giáo Nam phương, sự 'yên tĩnh như mặt hồ lặng gió' v.v... chẳng những thấy rõ nơi họ mà dường như còn lan tỏa sang người khác, khiến, như nhiều người có thể đồng ý với Gs Robert Thurman, người ta có ngay cảm giác thiếu vắng, trống trải khi họ đi khỏi.

10. Thực tại và Thực tế

Trong một bài giảng lừng danh của mình vào năm 1932. Nields Bohr nói rằng (tâm) não và tâm có lẽ là một cặp ý niệm bổ sung cho cùng một thực tại, tương tự như cặp khái niệm hạt và song trong vật lí lượng tử. Bohr không nói rõ hơn, và thật ra khoa học lúc bấy giờ cũng không có gì để ông có thể lí luận cho niềm tin rằng bổ sung không phải là một biệt lệ nhận thức giới hạn. Thế nên cho đến đầu thập niên 90 vẫn có tác giả nói rằng tâm não và tâm cũng chỉ là một trong hình ảnh mà Bohr dùng để giúp người khác làm quen với nguyên lí bổ sung của vật lí học vốn xa lạ với tư duy tây phương. Chỉ trong thời gian gần đây mới có một chuyên gia, John R. Smythies nghĩ, dù với sự miễn cưỡng, rằng nghịch lý nhận thức mà hiểu biết thực nghiệm về não bộ dẫn tới chỉ có thể được giải quyết bởi mọt lý thuyết bổ sung cho quan hệ tâm não và tam, theo đó "...một thực tại là tam/não có thể cho thấy một bộ đặc tính khi được quan sát bởi nhà thần kinh giải phẫu và một bộ khác khi được quan sát bởi chính nó." (53)\

Nếu bổ sung là một nguyên lý phổ quát thì để P và -P thật sự là một cặp khái niệm/ lý thuyết (khoa học v.v...) bổ sung cho nhau, chúng ít nhát phải đáp ứng được các điều kiện mà cặp khái niệm bổ sung căn bản của vật lí thỏa mãn, đó là *(a)* có đồng giá trị trên lãnh vực dụng chung của chúng (chẳng hạn, đều phải là khái niệm khoa học), *(b)* có chung với nhau những cứ điểm căn bản trên lãnh vực này (chẳng hạn dựa trên và/hoặc đưa đến một số hiểu biết, quan điểm giống nhau), và *(c)* có những lợi điểm riêng, trên nguyên tắc không thể thay thế cho nhau. Thế nên như Bohr đã bị lên án là áp đặt niềm tim bổ sung lên các lãnh vực khác, đề nghị trên sẽ còn xa lạ/với đa số các nhà khoa học, và đặc biệt các chuyên gia thần kinh học, bị xem như chỉ đặt ra nhiều vấn đề mới và quá lớn so với điều nó muốn giải quyết: để giải quyết một nghịch lý *triết học,*nó *viện đến một quan niệm chứa nhiều khó khăn triết học (54), đặt ra một giới hạn có tính nguyên tắc, ít người muốn nghĩ là có, cho khoa học về não, và đồng thời bắt khoa học này phải sóng đôi với một khoa học về tâm chưa từng có trong bối cảnh tây phương cũng không hề được nghĩ,* như Smythies cũng gián tiếp nói, *là có thể có.*

uTuy nhiên, do sự có mặt của tâm học phật giáo, chúng ta không còn lí do chính đáng nào để chỉ thảo luận trong phạm vi thần kinh học hay cả trong phạm vị khoa học tây phương. Bổ sung là một sự kiện có chỗ đứng vững chắc trong thực tiễn phật giáo, có cơ sở lí luận hoàn chỉnh trong triết lí Trung đạo, và như thế không bị giới hạn trong vật lí cực vi mà cũng không rơi vào các vấn đề như trong quan niệm Bohr, như 'duy phương tiện' *(instrumentalistic),* tức việc phải xem các cặp khái niệm đối đãi như hoàn toàn không có giá trị chân lí, và theo đó

bất khả tri, rằng thực tại (electron v.v...) là có nhưng không thể biết. Và, như được trình bày trong bài này, tâm học phật giáo không đơn giản là khoa học do khả năng tạo ra và làm việc một cách hệ thống với kinh nghiệm, mà còn là một khoa học không thể bị thay thế trong lãnh vực của mình bao lâu các hiểu biết thực nghiệm đặc thù của nó chưa được tái tạo hoặc giải thích hợp lý do mọt lý thuyết khoa học khác, và bao lâu các tiên đoán căn bản của nó chưa bị chứng minh như sai lầm, bằng thực nghiệm. Do vị thế trỗi vượt như thế trong lãnh vực tâm thức, do chia sẻ với thần kinh học nhiều hiểu biết căn bản trong biên địa tâm-phi-vật cũng chỉ là một chân lý tương đối), tâm học phật giáo rõ ràng có các *điều kiện đủ* để có thể được xem như bổ sung cho thần kinh học tây phương.

Về *điều kiện cần* hay giới hạn có tính nguyên tắc của thần kinh học, trước hét là sự kiện phương pháp khảo sát 'từ ngoài' và dựa trên ngôn ngữ vạt lý của nó đang gặp một khó khăn *thực nghiệm* nghiêm trọng hơn là các khó khăn thấy trong lãnh vực của các nhà não học. Khi được sử dụng để thăm dò thực tại tâm thức thì ngay trong phạm vi các phương thức thiền tập thông thường nhất, nó cũng chỉ thấy giới hạn của mình hơn là cho biết những gì thật sự xảy ra bên trong thìn giả. Và nó thật sự bị bế tắc nơi trường hợp Hỏa du già; các biểu hiện sinh lý ở đây quá rõ, quá dễ đo lường, nhưng mặt khác các chuyên gia đã không tìm ra các nguyên nhân và điều kiện vật lý cho chúng. Nói cách khác, chẳng những điều xảy ra bên trong hành giả, mà cả các biểu hiện bên ngoài, nó cũng không biết. Thảo luận quanh Hỏa du già cũng cho thấy rằng, còn có rất nhiều điều cần thăm dò, nghiên cứu trước khi nhà khoa học tây phương có một ý niệm vững chắc và hệ thống về các hệ quả sinh lý của dạng kinh nghiệm tâm linh cao đẳng mà người phật giáo tạo ra, và rõ ràng là chưa có một lý do chắc chắn nào để nói rằng việc làm này sẽ giúp hiểu biết, theo khuôn mẫu khoa học tây phương, về thực tính của tâm (xem lại phần 8 và 9).

Thứ hai, vấn đề không là những hiện tượng lạ, vì lúc nào cũng có những hiện tượng mà khoa học chưa biết thật giả hoặc chưa giải thích được mà nằm ở sự kiện có một khoa học khác 'tùy ý' tạo ra và làm việc một cách hệ thống với các hiện tượng nằm ngoài khả năng giải thích và tiên liệu của thần kinh học. Theo công ước khoa học, thần kinh học do đó phải bị loại trừ khỏi lãnh vực này. Tuy nhiên quan hệ hợp lý giữa hai khoa học và hai phương pháp khảo sát liên hệ không phải là thù địch, mà phải bổ sung, do thần kinh học và phương pháp khảo sát của nó có lợi thế hiển nhiên trong lãnh vực mà cả hai khoa học đều đồng ý là có quan hệ mật thiết với lãnh vực tâm thức. Mặt khác, khi *thực tại duy nhất mà chúng ta có thể quan sát là thực tại được kiến lập,* tức thanh hình ngay trong chính tiến trình quan sát, như thần kinh học hiện nay đồng ý với vật lí lượng tử và đạo Phật, thì vấn đề là, nếu thực tại này là một kiến lập của *riêng* não bộ và thần kinh hệ, làm sao chính não bộ lại có thể là một phần của thực tại này? Đây chính là nghịch lý mà Smythies thấy rằng lời giải duy nhất cũng phải là khái niệm bổ sung.

năng 'phản ánh thực tại khách quan', chúng ta dù muốn dù không phải tin rằng, thế giới mênh mông của tâm và mọi ảnh hưởng của tâm trên thân, trên nguyên tắc, phải được giải thích bằng quan niệm tâm-do-vật. Nhưng để giải thích thỏa đáng các hiện tượng như Hỏa du già mà không phải từ bỏ giả định này, lý thuyết của chúng ta phải chứa đựng một tương quan nhân quả rất có giãn, thuộc loại tin là có nhưng không sâu xa, không từ đàn ông, đàn bà thành cha, mẹ, mà từ người thành thần linh. Một lý thuyết như thế sẽ càng lúc càng ít tính khoa học, ít nhất ở điểm mỗi khi một khía cạnh mới hoặc/ và mức độ cao hơn của ảnh hưởng của tâm trên thân được biết đến thì ý niệm 'phạm trù hoàn cảnh' của nó lại biến đổi tùy tiện để không phải xét lại tiền đề tâm-do-vật không chứng không bàn của mình. Điều này cũng có nghĩa là nó trở nên bí hiểm, mờ ảo hơn để có đủ lý lẽ mà tiếp tục xem lý thuyết khoa học đối nghịch như chỉ "khả dụng ở một giai đoạn" và phương pháp khảo sát đối nghịch với mình như chỉ "khả dụng ở một mức độ" (55). Loại lý thuyết như thế chắc chắn tạo công việc cho giới chuyên gia nhiều hơn là đưa đến tri thức thật sự. Nhờ rằng sự sống như phụ tượng

KHAI THUẾ VÀ KẾ TOÁN

VĨNH KHẢI

Enrolled Agent

Chuyên gia thuế vụ
Đại diện thân chủ trước các cơ quan thuế
Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại (HEC) tại Pháp
BS Computer Science
Nguyên Giám đốc Kế toán (Controller) nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ

10872 Westminster Ave. #102, Garden Grove, CA 92843
(Khu Vanco)

Tel: (714) 530-0678

của vật chất là một giả định chưa bao giờ có vị thế thiết yếu trong lịch sử lâu dài của sinh học, chúng ta có thể khẳng định rằng giả định tâm = tâm não, vốn cực kỳ chông chênh so với giả định sinh học nêu trên, chẳng những chưa có mà còn sẽ khó có một vai trò trong việc tìm hiểu thế giới nội tâm.

Lý do thứ tư để nói về giá trị phương tiện của phương cách khảo sát từ ngoài và trên căn bản ngôn ngữ vạt lý là nhận thức rằng, khoa học càng tiến thì càng thấy chân lý như một đường tiệm cận, tức là ngày càng gần nhưng không bao giờ đạt tới. Nhận thức này hay bị lạm dụng để biện minh cho những niềm tin 'siêu lý trí' và do đó người nhắc đến nó thường bị kết án là 'huyền bí'. Tuy nhiên nhiều khoa học gia, trong đó không ít thuộc hạng thượng thặng, đã chấp nhận nó mà vẫn không rơi vào cực đoan của sự phủ nhận lý trí, và nó chắc chắn không thể nói là một suy đoán thiếu căn cứ. Định lý Gôdel (1930) cho biết rằng một lý thuyết cho các số nguyên tắc nếu nhất quán thì không thể hoàn chỉnh. Nhất quán là thông suốt, mạch lạc, một phần của thuần lý, và hoàn chỉnh là mọi mệnh đề đều được chứng minh, lý luận rốt ráo. Nếu một lý thuyết giới hạn như thế của toán học mà không chứng minh được, làm sao có thể nói đến chân lý thuyết tuyệt đối của các khoa học dựa trên mô tả toán học? (56) Nguyên nhân sâu xa của sự việc không thể chứng minh được là vấn đề 'tự qui chiếu', đại khái là các số nguyên và tương quan giữa chúng nằm trên cùng một bình diện này. Theo đó, có thể nói đây không hẳn là vấn đề của khoa học, mà của các khoa học với mô tả về *hiện tượng* và tương quan *định lượng* giữa chúng.

(cũng như trong tông giáo) tây phương, điều đã được vạch ra bởi nhiều công trình nghiên cứu. Hiện nay, tâm lý học đặt căn bản trên thần kinh học và tâm lý học phật giáo như hai hệ thống bổ sung cho nhau đang là một lãnh vực đầy triển vọng, càng ngày càng hấp dẫn nhiều chuyên gia. Goleman chắc chắn được nhiều người đồng ý khi ông nói, với 'tâm lý học đã hoàn thành của Phật giáo", lần đầu tiên tâm lý học phương tây gặp gỡ một dạng trí tuệ siêu phàm đem đến tình thương và tri thức, hầu như không ai ngơ là có, giống như một "close encounter of the third kind" *(Mind-science, tr.4). Trong tương quan này, chúng ta thấy có một chuyển hướng quan trọng: như Goleman nói, thái độ học hỏi của nhiều chuyên gia tây phương lừng lẫy trước đây hiện bị xem như đã làm tâm lý học tay phương bỏ lỡ nhiều cơ hội — nó giông như được mô tả trong một tục ngữ Ấn độ, "tên móc túi khi gặp một vị thánh thì chỉ thấy cái túi của vị ấy' — và do đó chủ trương hiên nay là nghiên cứu tâm lý học phật giáo theo đúng đòi hỏi của nó để bằng cách đó có thể tiếp thu đúng đắn "a way for civilization to grow beyond its discounter" (nt., tr.98-102). Và khi hạnh phúc trong bối cảnh của một tâm học chân chánh có tương quan mật thiết với sự thực hiện chân lý nơi chính mình, như Blackmore cũng khẳng định, điều dễ hiểu là nhiều người đã dấn mình vào việc tập luyện thiền quán"... để có thể đi vào các biến thái ý thức và khảo sát địa vực mênh mông của các thế giới có-thể-có của tâm." Bên cạnh đó, tất nhiên các lợi ích tâm lý và y học của tâm học phật giáo cũng được tiếp tục tìm hiểu và ứng dụng từ xuất phát điểm tây phương, và kết quả mang đến đã làm nên một số trung tâm nghiên cứu và đào tạo có chỗ đứng vững chắc trong khoa học giới (như Mind/Body Medical Institute, thành lập năm 1988, do Benson điều khiển). Tại các trung tâm như thế, vai trò của các hành giả phật giáo được thấy rất rõ, qua việc họ, theo sự đồng ý của Dalai Lama, đã và đang tiếp tục đem thân làm vật thí nghiệm cho các chuyên gia tây phương; bằng trình độ tu tập của mình, họ cho thấy các mức độc của sức mạnh tâm ý trong việc đề kháng các tác động ngoại tại, giúp các chuyên gia tây phương thử nghiệm các kỹ thuật trị liệu có nguồn gốc phật giáo v.v..., và như thế đã có những đóng góp vô giá cho 'sự nghiệp bổ sung'.*

Như một hệ luận, các hiện tượng và sự kiện được trình bay trong bài này nếu có được đề cập thì thông thường và dù muốn dù không cũng bị tách rời bối cảnh và chắc chắn là khó mà có ý nghĩa thách đố đối với giải thích đặt căn ban trên ngôn ngữ vật lý. Một số kỹ thuật trị liệu mới đã bị nhắc đến như thể chúng là sáng tạo của riêng y học hoặc tâm lý học tây phương, và Hỏa du già cũng chỉ được trình bày như một hiện tượng có một không hai, điều như đã nói tự nó không có nghĩa thách đố đối với khoa học, v.v...

Điều cần lưu ý là, bên ngoài phạm vi chuyên môn thì các sự kiện như thế thường không biết đến một cách đúng đắn. Là một tông giáo, đạo Phật vẫn bị hiểu theo các định nghĩa mà đa số các chuyên gia tông giáo học đồng thuận, đó là chẳn có dính dáng gì đến khoa học ngoại trừ việc nó là một đối tượng cho nghiên cứu khoa học, chẳng thể nào không là "hệ thống các tín nhiệm, ý niệm được tin như chân lý nhưng nói về một thực tại không chứng minh được". Sự việc này trở nên trầm

* Chúng ta bao nhiêu tuổi rồi? Điều này không quan trọng, quan trọng là tình yêu của chúng ta bao nhiêu tuổi rồi. Bởi tình yêu có một tuổi riêng và đời sống riêng của nó. Rồi chúng ta sẽ già hơn, nhưng điều này không làm cho tình yêu cũng phải già theo.

— Fiedrich Torberg

trọng do việc phần lớn người tây phương vẫn còn trong tiềm thức ý niệm về sự trỗi vượt tuyệt đối của văn hóa tây phương hay về sự tiến hóa văn hóa, rằng các tông giáo, luân lý và nền văn hóa khác theo định nghĩa là thấp kém, thoái hóa hơn (37), và trong tương quan này không thiếu người khoa bảng hoặc có uy tín lớn muốn Phật giáo phải là một tông giáo nguy hiểm nhất cho văn hóa tây phương, phủ nhận cuộc sống, và như thế không thể đóng góp gì cho nhân sinh cả. Một số trong họ có thể nói là duy vật hơn cả người duy vật và vô thần khi tỏ vẻ tin tưởng tuyệt đối vào phương pháp khảo sát truyền thống và chế diễu, bài bác,, xem các đề nghị và nỗ lực nghiên cứu tâm thức theo phương hướng khác như một trong các 'mốt tâm linh' thiếu căn bản hoặc ngang hàng với chiêm tinh, bói bài v.v... trong phong trào New Age.

Trong bối cảnh như thế, người phật giáo còn thiếu nhiều điều kiện khách quan để có thể đẩy mạnh việc tạo ra, và thế đứng cho khoa học, một lý thuyết bổ sung về quan hệ não-tâm. Để có một minh họa đơn giản thì việc không được chấp nhận và tình trạng thiếu quần chúng ở Tây phương sẽ làm đạo Phật tiếp tục không thể thành lập được những trung tâm nghiên cứu và đào tạo độc lập cho mục tiêu này, và như thế các đóng góp của nó sẽ còn lệ thuộc nhiều vào sáng kiến cá nhân của nhà khoa học tây phương hoặc việc ông/bà ta có hay không được tài trợ, v.v... Khoa học tự nhiên tây phương trước đây cũng ở trong một hoàn cảnh tương tự, và ngay hiện nay, nếu không được tin tưởng sâu xa (bởi cả người lúc cần thì rất thù nghịch nó!) thì nó cũng chẳng thể tiếp tục phát triển. Ở Đông phương, dù sao vẫn còn là đất đứng của Phật giáo, thì một việc làm thực tiễn như thế cũng khó thực hiện trừ phi có một thay đổi nhận thức lớn rộng: tồn tại trong điều kiện nghiệt ngã trong nhiều trăm năm, đạo Phật hiện vẫn chưa kịp bước vào thế kỷ 20, và, trừ một vài trường hợp như Phật giáo Tây tạng với truyền thống sẵn có, một *hàng ngũ* nội minh gia và chuyên gia, trí thức Phật giáo được đào tạo đúng mức, có hệ thống nhìn chung vẫn là một trong nhiều vấn đề mà có vẻ chỉ một số cá nhân chứng tỏ là có nỗ lực để giải quyết. (38)

Do đó, để chấm dứt, dù có rất nhiều lý do để nói về một phát triển bổ sung trong nghiên cứu khoa học về quan hệ não và tâm, nhưng thực tế là trong tương lai gần chúng ta vẫn sẽ chỉ có một thuyên giải được đa số khoa học gia xem như thuyên giải khoa học duy nhất cho *tâm,* trừ phi có một khám phá mang tính cách mạng. Đó là thuyên giải bị quy định bởi kinh nghiệm của các chuyên gia thần kinh học, kinh nghiệm cho rằng không có bất kỳ quan niệm khoa học nào khác có đủ điều kiện thích hợp cho sự nghiên cứu *não* ngoài quan niệm duy vật — thuyên giải tâm là tâm não.•

Chú thích

(46) Giáo sư Gunapala Dharmasiri trong phân giải đầy tính khai phá của ông về kinh nghiệm huyền niệm đã cho thấy rằng chiều kích luân lý là khác biệt căn bản giữa 'huyền học túy dược' và huyền học tông giáo (chẳng hạn cảm thức vị tha trong kinh nghiệm túy được, ví dụ, được biết như chỉ là sự ích kỷ trong trạng thái tạm thời bị quên đi). Một hệ luận thuần lý là, khi tông giáo mà có một đạo đức học giới hạn (chẳng hạn xem người ngoại đạo là xấu xa thấp kém theo định nghĩa) hoặc không hoàn chỉnh, cho phép, hay tàng chứa việc xem luân lý thế tục như phải bỏ khi cần thiết, thì nhà huyền niệm sẽ có thể trở nên phi nhân như các trường hợp đã nêu ở đây, vì các khuyết điểm luân lý được ghi chép trong kinh sách lúc bấy giờ được đem ra để biện minh, xem *A Buddhist Critique...* chg. VI. Nhưng sự kiện nhiều nhà huyền niệm đã không bị cắn rứt mà thật sự vui mừng với những điều người khác xem như phi nhân hoặc vô luân (mà trong dạng hiện đại là sự sát tập thể, phun hơi độc giết người v.v...) thì tất nhiên không thể giải thích được chỉ với chiều kích tín niệm trừ phi tính cả sức mạnh lấn áp, khống chế lý trí của kinh nghiệm cảm tính.

(47) Để hình dung hạnh phúc chân thật, có thể nhắc đến một tỉ dụ quen thuộc mà Nagarjuna đưa ra về nó và các hạnh phúc cảm tính, bị điều kiện hóa: nếu cái sau giống như sự đê mê, sung sướng khi gãi ghẻ, thì cái trước là thứ hạnh phúc chìm lặng của tình trạng không ghẻ! Tỉ dụ này cũng giúp hiểu rằng, khi thành tựu về tánh Không v.v... được nói đến như 'bất khả tư nghị' thì do đi kèm với các mô tả, phát biểu cụ thể, nên nhóm từ này không thể hiểu như sự phủ nhận lý trí, ám chỉ sức mạnh lấn áp huyền bí của cảm tính. Quả thật, như lý luận đã dẫn của Shantideva có thể cho thấy, nhóm từ này chỉ hàm nghĩa ngôn từ, khái niệm đã đóng trọn vẹn vai trò của nó, không còn nữa khi mà đối tượng của, và cả phương tiện cho nó lúc bấy giờ đã lặn vào tánh Không.

(48) Theo học giả Nguyễn Hiến Lê (trong *Đại cương Triết học Trung quốc)* thì Trung hoa thuở xưa là nơi luân lý không có vai trò đáng nói nào trong tư tưởng và học thuật.

(49) Susan Blackmore, 'Who Am I? Changing Models of Reality in Meditation', trg. *Beyon Therapy,* sđd., tr.73-85. 'Chấp nhận đủ sâu' giả thuyết về bản ngã/ý thức như những mô hình có nghĩa, như Blackmore trình bày, là không xem *consciousness* như một thể đơn nhất và chấp nhận ý niệm 'biến thái ý thức.' Đòi hỏi này lúc bấy giờ rất táo bạo và đầy suy biện nhưng sau đó không lâu nó trở thành cần thiết một cách hiển nhiên (xem lại phần 2 và 3). Còn 'đưa điều này đi đủ xa' là mang nó vào sự tập luyện thiền quán, điều chuyên gia 'tâm lý học ngoại biên' *(parapsychology)* thượng thặng này thực hành hàng ngày nhưng đối với trào lưu chính của khoa học, nhất là khoa học duy vật, thì nó tất nhiên là một phương cách khảo sát phi lý, không thể nói là có gì hứa hẹn, khi mà tâm

thức được xem như phụ tượng của não bộ.

(50) 'Bevidshed' ('Ý thức'), trg. Nigel Calder & John Newell (ed.), Videnskabens Graenseomrader ('Các Biên địa của Khoa học', Politikens Forlag, Copenhagen 1989), tr. 179. (Nt. *Future Earth,* Equinox, Oxford 1988). Nhấn mạnh là của người viết bài này.

(51) Sự đắn đo của Dalai Lama lúc đầu, cũng như việc các khoa học gia chỉ được phép nghiên cứu một số khía cạnh đã được tường thuật là có trong Hỏa du già, có lý do căn bản là sự tiết lộ các thành tựu tâm linh tự nó bị xem như một vi phạm giới luật nghiêm trọng (nếu không thì không thể nào ngăn chận sự mạo nhận, mạo xưng v.v...) chứ không có nghĩa là vì không muốn để cho người ngoài biết đến các bí mật của tông phái, như ấn tượng mà các tác giả tây phương tạo ra nơi người đọc. Một cách tình cờ, việc Dalai Lama đồng ý cho các khoa học gia nghiên cứu Hỏa du già đã xảy ra gần như đồng thời với việc công bố các khám phá căn bản về ý thức của Benjamin Libet, năm 1979 (xem lại phần 2).

(52) Xem thêm Robert A.F. Thurman, 'Tibetan Psychology: Sophisticated Software for the Human Brain', *MindScience*, tr.51-74.

(53) Xem trong Michael R. Trimble & Tom G. Bolwing (ed.), *The Temporal Lobes and the Limbic System* (Wrighton Biomedical, Ptersfied 1992), tr.274.

(54) giới hạn bởi hằng số Planck, nghĩa là chỉ áp dụng được cho các hiện tượng nguyên tử, tiềm nguyên tử mà thôi. Ông cũng bị lên án là thiếu nhất quán ở nhiều điểm, nhất là xem thế giới hàng ngày là thật, còn 'thế giới lượng tử' là hư ảo, không thật. Không có lý do gì để phân biệt như thế nếu các hiện tượng này làm nên thế giới hang ngày quen thuộc và nếu bổ sung là một nguyn lý phổ quát. Do vấn đề mà hàng loạt đề nghị thay thế được đưa ra, và chưa một đề nghị nào được chấp nhận rộng rãi.

(55) Đàng sau thành kiến phổ biến nay là kinh nghiệm về sự thất bại của tâm lý học nội quán và một điều có vẻ hiển nhiên, đó là phương pháp khảo sát của khoa học tây phương dù sao vẫn có nhiều ưu điểm hơn. Tuy nhiên, nếu không được liên tục rèn luyện, từ ít nhất lớp 10 cho đến khi một người có đủ bản lãnh để bước và thế giới của các khoa học gia, thì phương cách khảo sát 'từ ngoài' sẽ chỉ là chuyện 'trông mặt mà bắt hình dong' (?) mà thôi. Và chuyện này thì ngay nhiều khoa học gia cũng chỉ cố gắng tránh vấp phải khi học viết, nói và biết chỉ cần một tí sơ hở là bị cả làng xúm vào chỉ trích, nhạo báng và có thể mất cả việc làm. Đó là một trong nhiều bằng chứng cho thấy lý trí cho đến nay vẫn chỉ có chỗ đứng khiêm tốn trong sinh hoạt con người. Trong Phật giáo, chương trình biến thiền quán thanh một lợi khí hữu dụng thì cũng chỉ mất bằng ấy thời gian, dù chắc chắn là gian khổ hơn: theo truyền thống Tây tạng, chương trình này tính trung bình là 11 năm, với các môn Tổng quan (1 năm), Bát nhã Balamật (5 năm), Trung đạo quan (2 năm), Giới luật (1 năm), A tì đàm ('Tri thức; 2 năm), và Nhận thức học *(pramana)* thì được dạy trong suốt 11 năm này. Đó là chương trình bắt buộc để học nhân có thể thi lấy bằng cấp cao nhất về Phật học, trở thành một *gheshe,* hoặc nếu không muốn lấy bằng thì cũng đủ trình độ để bắt đâu làm công việc của một nội minh gia, chuyên gia về triết tâm lý học phật giáo. So với sự rèn luyện trong chương trình đào tạo này chứ không cần tính đến những kỳ tu nhập thất ngắn và dài hạn sau đó thì nội quán như nó được sử dụng trong tâm lý học tây phương trước đây rõ rang chỉ là một con dao chưa thành hình.

(56) Cần có một bài viết riêng để trình bày nghiêm chỉnh, nhưng đại khái thì sự suy rộng ở đây là điều có thể làm được nhờ các dạng tổng quát của định lý Goedel. Bên cạnh đó các hiểu biết mới trong vật lý về các hiện tượng tình cờ, hỗn loạn v.v... gợi ý rằng, để có một mô tả khoa học hoàn chỉnh cho các hiện tượng, thì mô tả này phải phức tạp hơn là 'thực tại các hiện tượng', một điều trái ngược với mục tiêu của khoa học và có thể nói là không thể thực hiện được.

(57) Mới đây một nhóm 13 nghiên cứu sinh và sinh viên phân khoa khoa học nhan văn và thần học ở Viện Đại học Aarhus đã công khai lên án một số giáo sư và chuyên gia nổi tiếng ở các phân khoa này như năm này qua năm kkhác tuyên truyền một cách có hệ thống cho ý niệm phản khoa học này và tìm cách khóa miệng các nghiên cứu sinh có ý kiến đối nghịch. Chuyện này tù lâu đã trở thành một đề tài tra dư tửu hậu của toàn trường, nhưng cảm thấy bị dồn vào đường cùng, nhóm người trẻ trên đã ra báo để chống lại, xem *Faklen* ('Đuốc') số 1, tháng 9/1996. Việc vạch mặt chỉ tên, với bằng chứng cụ thể đã làm chẳng những Viện đại học Aarhus xấu mặt, hầu như bị phân đôi, mà toàn thể thế giới đại học của Denmark rúng động. Biến cố này đang có một vài triệu chứng lan rộng, và những người bị tố cáo hoặc vẫn im lặng hoặc chỉ mới nói về nhóm nổi loạn như 'vô thần', hoặc nói như Gs J. Aargaard (đã nhắc trong một ct. trước), 'chống Kitô giáo, thờ Satan', chứ chưa đưa ra lý lẽ gì để biện hộ.

(58) Phật giáo Nhật bản ở điểm này có lẽ cũng không có gì khá hơn, khi mà tu sĩ ở đây phần lớn dừng lại ở vai trò cán bộ hay chuyên viên tín ngưỡng, và Phật giáo của hàng ngũ chuyên gia phật học và giới trí thức là tư tưởng, triết lý nhiều hơn là khoa học.•

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. #699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

VỀ ĐẢNG XÃ HỘI DÂN CHỦ ĐỨC

JOACHIM TURKE

LTS: Các đoạn sau đây trích từ bài nói chuyện tại Dresden của tiến sĩ Joachim Turke, một người thuộc đảng Xã Hội Dân Chủ (SPD), Cộng Hòa Liên Bang Đức. Ông Turke đã nói trước một cử tọa Việt Nam, gồm các người thuộc đảng Dân Chủ Xã Hội Việt Nam đang sống tại đây. Bài này trích từ tạp chí Tia Sáng *xuất bản tại Đức. Nhiều đoạn nói về lịch sử đảng SPD chúng tôi không đăng vì quá dài, xin tác giả và quí vị tha lỗi. Mong rằng bài nói chuyện này sẽ gây được những cuộc thảo luận hữu ích, nhất là trong phần cuối khi ông Turke đặt câu hỏi liệu Việt Nam có thể áp dụng đường lối dân chủ xã hội hay không.*

Quá trình Đảng SPD thành hình

Vào năm 1891 ở Erfurt đã có một đại hội đảng của những người Xã Hội Dân Chủ và tên đảng là Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức (Sozialdemokratisch Partei Deutschland - SPD) đã giữ đến ngày nay. Đại hội này đã ghi vào cương lĩnh là nền tảng, cơ sở lý luận của Karl Marx là đường lối của họ.

Nói về chủ nghĩa Marx người ta chia nó làm hai phần lý thuyết và thực tiễn. Về lý thuyết, người ta công nhận mọi lý thuyết về kinh tế học, về tư bản của K. Marx. Nhưng về phần thực tiễn lại có cái khác. Những người Xã Hội Dân Chủ sử dụng cương lĩnh Gotha, tức là chủ chương xây dựng xã hội mới bằng cách cải tạo xã hội cũ, xây dựng nhà nước mới trong hòa bình tức là dùng con đường bầu cử giành đa số để nắm chính quyền chứ không phải cướp chính quyền bằng bạo lực. Trong khi đó những người theo chủ nghĩa Marx chủ trương lấy cách mạng, lấy lật đổ chính quyền bằng bạo lực làm phương tiện để nắm chính quyền.

Những người Xã Hội Dân Chủ tham gia vào việc bầu cử và đạt được nhiều kết quả tốt, số phiếu thu được ngày càng tăng lên. Điều này khiến cho Engels, người bạn của Marx, đã rút ra ba điểm quan trọng là:

- Ở nước Đức không thể dùng bạo lực để giành chính quyền.
- Có thể dùng con đường nghị viện để nắm chính quyền.
- SPD phải dùng con đường nghị viên để chiếm đa số và qua đó giành chính quyền.

Một điều cần phải nói là những người cộng sản gần như cố tình lãng tránh luận điểm rất quan trọng này của Engels. Sau này người ta cố tình bóp méo luận điểm trên của Engels. Thế nhưng không ai có thể chối cãi rằng Engels là một người cải cách đầu tiên, người xét lại đầu tiên chủ nghĩa Marx.

Trong thời gian bị cấm, SPD đã lập nên nhiều tổ chức nhỏ ở các nơi như: Hội Thể Thao, Hội Tương Trợ Hữu Ái v.v... của công nhân. Sự mở rộng và bắt rễ sâu vào các tầng lớp nhân dân đó là sức mạnh to lớn nhất của những người Xã Hội Dân Chủ. Nhờ đó SPD đã trở thành một phong trào rộng lớn ở Đức.

Sự ban hành ngày càng rộng rãi các chính sách xã hội từ thời Bismack song song với các hoạt động của SPD và các tổ chức thợ thuyền v.v... đã làm cho nhận thức của giai cấp thợ thuyền ngày càng sâu sắc. Và các bạn cũng biết Karl Marx đã có một luận đề "Vật chất quyết định tinh thần." Ông ta từng có một câu rất nổi tiếng là trong cuộc đấu tranh giai cấp, "giai cấp thợ thuyền không mất gì ngoài xiềng xích." Nhưng thực tế đã khiến cho thợ thuyền thấy rằng thực ra họ sẽ mất nhiều thứ chứ không phải chỉ mất xiềng xích mà thôi. Và người mở đầu trào lưu xét lại chủ nghĩa Marx chính là Ferdinand Lassalle.

Ferdinand Lassalle là người phát triển chủ nghĩa Marx về mặt lý thuyết nhưng quan điểm của ông lại thực tiễn hơn nhiều. Ông cho rằng đạt đến mục tiêu không quan trọng, phong trào và sự vận động mới là quan trọng. Từ đó dẫn đến một nhận định là tuy chủ nghĩa xã hội với tất cả những mục tiêu mà Marx và những nhà lý luận ca ngợi là rất tốt đẹp, nhưng lại quá viển vông. Do đó một trong những đặc điểm tích cực của SPD là không giáo điều, không bao giờ bị những lý thuyết khô khan ràng buộc.

SPD đã bị chia rẽ trong Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Nhất. Nguyên nhân là do thái độ ủng hộ chiến tranh của SPD trong những năm đầu tiên. Và những người tách ra khỏi SPD hồi đó được gọi là USPD (những người Xã Hội Dân Chủ độc lập). Những lãnh tụ của xu hướng độc lập này là Rosa Luxemburg và Karl Liebknecht. Cả hai đến năm 1919 đã bị các lực lượng phản động giết hại một cách tàn bạo. SPD và USPD đã song song tồn tại trong một thời gian dài, cùng tham gia vào quốc hội. Nhưng USPD đã trở thành đảng đối lập trong khi SPD đã trở thành đảng cầm quyền. Về sau hai đảng đã tham gia vào đại hội ở Grolitz (9-1921). Đại hội này đã khẳng định lại những mục tiêu của SPD là đảng của toàn dân.

Đến cuối những năm hai mươi, những lực lượng dân chủ tiến bộ bị sự lớn mạnh của Quốc

Xã đẩy ra ngoài rìa.

Người ta đã biết đảng Quốc Xã cầm quyền, gây chiến tranh và đã thua như thế nào, nhưng người ta không thể quên một điều rằng vào đầu những năm ba mươi sở sĩ Hitler và đảng Quốc Xã lên cầm quyền được là vì thời gian đó đảng Cộng Sản Đức đã có một vai trò xấu xa. Thời đó đảng Cộng Sản rất mạnh. Họ đã có những ủng hộ hộ quan trọng cho sự thành công của Hitler. Mặc dù có sự ủng hộ ngấm ngầm hay hoạt động chung của đảng Cộng Sản như thế, nhưng khi Hitler lên cầm quyền, đảng Cộng Sản là một trong những nạn nhân bị bọn Quốc Xã tàn sát một cách đẫm máu nhất.

Đến năm 1933, Hitler lại cấm SPD hoạt động. Đây là lần bị cấm lần thứ hai trong quá trình ra đời và phát triển của đảng.

Sau Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Hai, nước Đức bị chia cắt thành Đông và Tây, do Nga và quân đồng minh chiếm giữ. Từ đó, phần bên Đông đã diễn ra quá trình đàn áp và xóa bỏ đảng Xã Hội Dân Chủ ở Đông Đức, Tiệp Khắc và các nước Đông Âu khác. Bên Tây những ý đồ hợp tác giữa đảng Cộng Sản và SPD chỉ sau một thời gian ngắn đã chấm dứt. K. Schumacher đã tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt và dai dẳng chống lại những người cộng sản. Và chẳng bao lâu sau, những người cộng sản đã không còn chỗ đứng ở phía Tây, không phải là do bị khủng bố mà là do số phiếu của họ thu được ngày càng ít đi và cho đến một lúc nào đó thì gần như biến khỏi chính trường.

Cương lĩnh Berlin 1989

Vì ra đời trước khi thống nhất nước Đức nên cương lĩnh cơ bản này chắc chắn có nhiều chỗ đã trở nên lỗi thời cần phải thay đổi, nhưng về cơ bản nó vẫn còn đúng rất lâu nữa. Sau khi cương lĩnh này được thông qua, Gorbachev đã cho dịch toàn bộ cương lĩnh này ra tiếng Nga. Ông muốn biến đảng Cộng Sản Liên Xô thành một đảng Xã Hội Dân Chủ. Ông cho rằng những mục tiêu đã được ghi vào cương lĩnh của SPD là một trong những đường hướng cần theo đuổi, có thể có tác dụng đối với đảng Cộng Sản Liên Xô. Ông cho rằng có hai đảng Xã Hội Dân Chủ có tính mẫu mực là đảng Xã Hội Dân Chủ Thụy Điển và đảng Xã Hội Dân Chủ Đức. Ảnh hưởng của đảng Xã Hội Dân Chủ Đức ở Âu Châu nói riêng và thế giới nói chung là rất lớn đặc biệt là đối với Quốc Tế Xã Hội không phải chỉ vì SPD đã có những chính sách chứng minh con đường đúng đắn của mình mà còn là nhờ nhân vật Willy Brandt.

Điều đặc biệt là SPD không bao giờ đưa ra một hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh, không có một bức tranh có sẵn về một mô hình xã hội hay thế giới mà mình hướng tới. Tất cả giá trị và nguồn gốc tư tưởng của SPD nằm trong cả Cơ Đốc Giáo, trong những tư tưởng nhân đạo của loài người, thậm chí trong cả tư tưởng kinh tế của Marx v.v..tức là nằm trong những tinh hoa của loài người.

Tự do là một trong những nội dung cơ bản và quan trọng nhất của cương lĩnh SPD. Khái niệm này được dựa trên quan điểm cơ bản của Rosa Luxemburg, một người chống lại Lenin kịch liệt là: *Tự do trước hết là tự do của những người bất đồng ý kiến.* Và tự do này không phải là tự do về thân thể, mà là cái tự do giúp người ta không sợ bất cứ cái gì. Thứ hai là khái niệm **Công bằng** dựa trên qui luật công bằng về nhân phẩm, công bằng trước pháp luật, về quyền lợi chính trị và xã hội, công bằng giữa đàn ông và đàn bà. Điều đó không có nghĩa là đánh đồng tất cả ai cũng như ai mà chính là đòi hỏi sự công bằng đối xử giữa các tầng lớp với nhau. Về khái niệm **Đoàn kết** được coi là giá trị cơ bản tạo nên xã hội loài người, đó cũng là vũ khí hữu hiệu của những kẻ yếu chống lại kẻ mạnh, kẻ thống trị. Ngày nay, nói rộng ra chúng ta có thể liên hệ đến sự ủng hộ lẫn nhau ở các nước phát triển ở thế giới thứ ba. Nếu không có tình đoàn kết của công nhân và những người nghèo khổ ấy thì chắc chắn cũng sẽ không có sự viện trợ phát triển ở các nước giàu có.

Ba khái niệm cơ bản này đã thấu suốt toàn bộ chương trình, trong từng điểm, từng lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực kinh tế phản ánh một điểm thay đổi tư tưởng rất cơ bản của SPD là từ bỏ quan niệm cũ "nhà nước hóa, công cụ hóa sản xuất." Thực tế phá sản của nền kinh tế kế hoạch ở các nước Đông Âu đã chứng minh đường lối kinh tế của SPD là hoàn toàn đúng đắn. Người ta cũng bảo đảm được sự an toàn của đời sống xã hội cho những tầng lớp yếu thế. Và vì vậy bên cạnh chính sách kinh tế phải có những chính sách xã hội.

Khả năng tiếp nhận và phát triển tư tưởng Xã Hội Dân Chủ ở Châu Á và Việt Nam

Khả năng tiếp nhận và phát triển tư tưởng Xã Hội Dân Chủ ở Châu Á và Việt Nam nói riêng là một vấn đề quan trọng. Có một câu hỏi cần đặt ra là Việt Nam liệu có thể tiếp nhận kiểu xã hội dân chủ Tây phương hay không, hoặc nó sẽ có nguy cơ trở thành một vật lạ

* Trong sở làm, một bà khoe với các bạn cùng sở về thành tích của con cái bà: "Cháu lớn hiện đang dạy học tại Bolivia, thằng thứ hai đang làm việc tại Ý, cháu gái thì đang tập sự tại Ấn Độ..." Một bà cắt ngang: "Bà đã làm gì đến nỗi các con bà phải bỏ nhà đi xa hết như thế?"

* "Bác sĩ nghĩ tôi sẽ bị dị ứng với thứ gì?"

"Với hóa đơn tiền khám bịnh mà anh sẽ nhận được."

trong cơ thể một xã hội, một đất nước mang truyền thống hoàn toàn khác. Từ đó, dẫn đến yêu cầu là phải chăng là ở Việt Nam cần có một nền dân chủ theo kiểu khác.

Nếu các bạn thấy cương lĩnh SPD (1989) hợp với ý nguyện và tình hình của nhân dân Việt Nam thì có thể tiếp thu nó hoặc biến thái nó đi để có thể mang tính tự do hơn một chút, hoặc thậm chí theo hướng có tính chất tôn giáo, nhưng những giá trị cơ bản vẫn được bảo đảm. Thế nhưng việc đưa một cương lĩnh như thế vào Việt Nam chỉ có thể thực hiện được khi Việt Nam có một nền dân chủ đa nguyên. Việc chuyển biến đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay, từng bước thành đảng Xã Hội Dân Chủ là điều không tưởng. Bởi vì sẽ có hiện tượng đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ đổi tên thành đảng Dân Chủ nhưng vẫn cứ giữ chế độ độc quyền của mình, đó là điều không chấp nhận được. Hay là các bạn có thể lập một đảng ở Việt Nam, có khả năng thuyết phục các đảng viên cộng sản theo đảng của các bạn. Nhưng như thế sẽ đặt ra một vấn đề là phải có bầu cử tự do, tuyệt đối tự do thì mới được. Liệu một sự phát triển về dân chủ như thế có thể xảy ra ở Việt Nam hay không?

Mặc dù quá trình dân chủ có thể diễn ra một cách rất nhanh chóng ở trong lòng một nước cộng sản, như chúng ta đã chứng kiến điều này ở Đông Âu, nhưng một tình huống như vậy có thể xảy ra ở Việt Nam hay không? Liệu những người cầm quyền hiện nay có tự nguyện rời bỏ quyền lợi riêng để trao quyền hành cho những người dân chủ hay không? Hay là họ chỉ chịu nhả quyền lợi ra dưới một sức ép nào đấy? Vậy sức ép ấy từ đây ra? Bây giờ chúng ta hãy chơi với nhau những trò chơi chính trị. Trên tư thế của những nhà chính trị, và nhà chiến lược chúng ta hãy đặt ra với nhau về những khả năng. Ví dụ có một nhóm trí thức tập hợp được quần chúng để đấu tranh. Đối phó với tình huống như thế, chính quyền cộng sản sẽ có hai khả năng: một là người ta để như thế cho nhóm này hoạt động, hoặc là đến một lúc nào đó họ sẽ đàn áp, ví dụ như vụ Thiên An Môn ở Trung Quốc chẳng hạn. Chuyện này rất có thể xảy ra ở Việt Nam. Hoặc là đến một lúc nhân dân ở khắp nơi nổi dậy và những người cầm quyền sẽ thấy nguy cơ sụp đổ đến nơi sẽ cầu cứu cộng sản Trung Quốc chẳng hạn. Lúc đó Trung Quốc sẽ kéo quân vào và ở lại đấy, khi đó các nhà chiến lược tính sao?

Một hướng khác lâu dài hơn, đáng suy nghĩ hơn là nâng cao dần dần đời sống người dân bình thường theo qui luật tự nhiên là một khi đời sống vật chất được nâng cao, tự khắc các nhu cầu khác càng lớn lên như nhu cầu về tinh thần mà một chế độ độc tài không bao giờ đáp ứng nổi, tức là các nhu cầu về tự do, dân chủ. Và vấn đề của những người cải cách là thúc đẩy quá trình ấy. Và chúng ta có thể thúc đẩy hay tận dụng một thực tế là có rất nhiều người Việt Nam từng sinh sống và học tập ở Đức, với kiến thức và hiểu biết của họ sẽ đóng góp vào quá trình chuyển biến giúp cho xã hội được cải tạo từ bên trong?

Những cường quốc có nền dân chủ lớn trên thế giới sẽ không thích thú gì khi Việt Nam mất ổn định. Vì khi Việt Nam trở thành yếu tố bất ổn định ở trong vùng thì hoàn toàn không có lợi trong lúc những nước xung quanh như Miến Điện, Lào, Cambodia v.v... đã mất ổn định rồi. Lúc bấy giờ Trung Quốc sẽ tràn xuống nữa thì sẽ hỏng hết, thà cứ chịu đựng một anh độc tài còn hơn! Đấy là sự cân nhắc chiến lược về mặt toàn cầu. Có một thực tế ở Indonesia - Sự ổn định của nước này có được trong những năm vừa qua cũng vì đã phải chấp nhận một vị nguyên thủ độc tài. Trong sự nghiệp dân chủ hóa ở Việt Nam, phải chăng cần cân nhắc trước hết con đường 'tự thân vận động'' ấy? Tấm gương Anbani mà các bạn đề cập đến trong khi thảo luận, có lẽ không hợp với hoàn cảnh Việt Nam, bởi một lẽ tự nhiên là Anbani không nằm cạnh Trung Quốc! Các diễn biến ở Anbani hẳn sẽ khác, nếu Anbani nằm sát kề Trung Quốc về mặt địa lý.

Để thúc đẩy quá trình dân chủ hóa ở Việt Nam, tất nhiên, người Việt ở nước ngoài có thể tổ chức nhau lại, học tập, phổ biến thông tin, gây quan hệ mật thiết với các lực lượng chính trị, các đảng phái... Chúng ta hãy tự hỏi xem vì lẽ gì nhà cầm quyền Hà Nội tỏ ra lo ngại, không dám nhận chính đồng bào của mình về nước? Phải chăng là họ sợ sự hiểu biết, sự giác ngộ của những người Việt từng sinh sống ở nước ngoài? Hãy tìm cách khoét sâu thêm mâu thuẫn đó, làm tăng thêm mối lo sợ đó!

Chúc các bạn suy nghĩ, cân nhắc, và hành động thành công.•

Hoàng Oanh
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc - compact disc và video

- Băng nhạc quê hương
- Băng ngâm thơ
- Thánh Ca
- Video Ca nhạc

P.O BOX 9541
FOUNTAIN VALLEY, CA 92728
(714) 964-7591

NHÀ VĂN NGUYỄN HUY THIỆP: 'TÔI LUÔN LUÔN CỐ GẮNG'

MARY THIÊN YÊN LÊ

Nguyễn Huy Thiệp - Seattle, tháng Mười 1996.

Nguyễn Huy Thiệp ra nước ngoài lần đầu tiên trong đời. Ông sang Mỹ do lời mời của Sở Thông Tin Hoa Kỳ (US Information Agency) thuộc Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, với sự chấp thuận của bộ Ngoại Giao Việt Nam. Ông được thăm viếng nhiều thành phố, trong đó có New York, New Haven, Boston, Washington DC, Seattle và Houston, từ 27 tháng Chín đến mùng 1 tháng Mười Một 1996.

Nguyễn Huy Thiệp hiện được coi là một nhà văn lớn. Ông vốn là một giáo sư trung học dạy sử, và bắt đầu viết từ năm 1986. Ông viết nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, kịch, tiểu luận. Ông mạnh bạo đụng chạm đến những đề tài chính trị, lịch sử, tính dục thường được coi là "cấm kỵ" ở Việt Nam. Nhà văn Phạm Thị Hoài có lần đã viết rằng: "Sau Nguyễn Huy Thiệp, các nhà văn Việt Nam không còn viết như họ đã viết được nữa."

Sinh năm 1950, tại Thanh Trì, Hà Nội, Nguyễn Huy Thiệp theo cha mẹ đi nhiều nơi như Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Yên. Ông được cha dạy học nhiều hơn là học ở trường. Từ 1960 đến 1970, ông được học với một linh mục Thiên chúa giáo, và được dạy học tại một trường dành cho cán bộ đảng ở cao nguyên Bắc phần. Một trong số những học trò của ông, trở thành viên chức cao cấp ở Hà Nội, đã giúp ông vào làm việc ở Bộ Giáo Dục, có nhiệm vụ phát hành sách giáo khoa, do đó, ông được đi nhiều nơi.

Ông là tác giả của khoảng 40 truyện ngắn và kịch. Ông dự định in một cuốn truyện dài vào năm tới.

Hiện nay, ông làm chủ một quán ăn có tên là quán "Hoa Ban" ở Gia Lâm, ngoại ô Hà Nội.

Trong dịp nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đến thăm trường Đại học Washington tại Seattle vào cuối tháng Mười, nhà báo Mary Thiên Yên Lê đã có một cuộc trao đổi cùng nhà văn. Cô Mary Thiên Yên Lê đặt các câu hỏi bằng tiếng Anh, có người dịch ra tiếng Việt, ông Nguyễn Huy Thiệp trả lời bằng tiếng Việt, các câu trả lời được dịch ra Anh ngữ. Sau đây là một phần của cuộc chuyện trò, trích từ các câu hỏi và đáp bằng tiếng Việt.

Mary: Ông bắt đầu viết từ hồi mấy tuổi?

Nguyễn Huy Thiệp: Tình yêu văn học có trong tôi từ rất sớm, nhưng thật sự có ý thức viết văn thì khá muộn. Sống, làm việc, đi lại, gặp gỡ nhiều người, lúc đó trong tôi lẫn lộn rất nhiều thứ tình cảm. Tôi vừa yêu thương những tình cảm tốt đẹp trong con người ta, vừa căm ghét khinh bỉ những cái xấu xa hèn kém ở họ. Tất cả những cái ấy biến thành một thứ tình cảm lẫn lộn, và những giòng chữ tuôn chảy... Trong một khía cạnh nào đó tôi viết để tìm cách nâng dậy những cái hèn kém, và tôi không biết tôi có làm tốt được điều đó hay không.

Mary: Ông đọc sách gì, cảm tưởng của ông ra sao về những gì ông đọc?

NHT: Khi viết văn tôi luôn luôn tìm lại những giá trị truyền thống. Tôi có đọc lại những nhà văn từ 1945 đến 1975.

Mary: Của cả miền Bắc lẫn miền Nam chứ?

NHT: Cả hai, nhưng dĩ nhiên miền Bắc nhiều hơn. Nhưng thú thật tôi học được rất ít ở họ. Tôi lại phải đọc ngược lại từ đầu thế kỷ hai mươi cho đến 1945, cũng có thu lượm được đôi điều hay, nhưng vẫn còn cảm giác thất vọng. Sau đó tôi đọc ngược lại từ thế kỷ 15 đến 20, rồi từ 12 đến 15. Tôi nghĩ một nhà văn phải bắt đầu từ những kinh nghiệm nguyên thủy nhất của dân tộc mình. Tóm lại phải đi từ con người Việt Nam nguyên thủy, con người Việt Nam từ nguồn gốc, từ đó lần trở về sau.

Mary: Có lẽ vì thế mà ông viết về những nhân vật lịch sử có tính cách huyền thoại?

NHT: Có thể đấy cũng là một lý do, nhưng mà tôi bắt đầu từ chỗ rất đơn sơ như câu tục ngữ, bài dân ca, câu truyện cổ, rồi đến sách sử. Phải đọc rất nhiều. Đọc xong rồi quên hết đi và nói tiếng nói của bản thân mình. Và phải có giọng điệu riêng của mình.

Mary: Ông nói ông thất vọng khi đọc các tác phẩm từ thế kỷ 12 đến 1975, vậy trong những tác phẩm ông viết về những nhân vật huyền thoại, ông có vẻ chê trách những nhân vật đó — có phải đó là biểu hiện sự thất vọng của ông?

NHT: Tôi nghĩ sách viết ra bao giờ cũng chứa sự lầm lẫn rất lớn; và bản thân tôi, tôi không muốn mắc phải lầm lẫn. Nhưng thật sự đấy là điều không tưởng. Có khi viết ra lại tạo nên những nhầm lẫn mới. Trong Kinh Thánh, Chúa đã mắng mỏ các văn sĩ... Có lẽ chỉ có một tác phẩm văn học (hoàn hảo) thôi: đấy là Kinh Thánh, Kinh Phật... Các văn sĩ chỉ giải thích kinh một cách rất nhảm nhí theo kiểu của mình thôi.

Mary: Khi viết về các nhân vật lịch sử, ông hạ họ từ huyền thoại xuống cấp bình thường của con người...

NHT: Ở trong cuộc sống người ta tạo ra rất nhiều thần tượng khác nhau. Con người phải vừa tìm cách bỏ đi một số các thần tượng, đồng thời cũng lại tiếp tục xây dựng những thần tượng mới. Cuộc sống vừa đòi hỏi phải bỏ đi, đồng thời phải xây dựng. Chỉ có những thần tượng tôn giáo là duy nhất tồn tại. Còn bản thân những thần tượng do con người nghĩ ra thì chỉ mang ý nghĩa tương đối của một thời gian nào đấy.

Mary: Khi hạ những nhân vật lịch sử huyền thoại xuống mức độ bình thường của con người, như vậy ông có tỏ ra không tôn kính các nhân vật đó không?

NHT: Hạ bệ các thần tượng cũng là một cách tôn vinh họ đấy chứ. Những giá trị của con người cũng cần được tôn vinh chứ. Tôi nghĩ trả lại cho thần tượng những giá trị của con người cũng là một cách tôn vinh họ. Sống

MỜI ĐỌC

THƠ, V.V...và V.V...

Nguyễn Hưng Quốc

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". (Mai Thảo)

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Vẫn bằng một giọng rất đỗi thơ". (Nguyễn Mộng Giác)

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". (Võ Phiến)

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". (*Hợp Lưu*)

Sách dày 294 trang.
Giá bán 14 MK, ngoài nước Mỹ 16 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

mãi trong bầu không khí được thờ phụng mãi họ cũng chán chứ.

Mary: Theo ông, tác phẩm nào của ông được coi là đặc thù?

NHT: Những gì tôi viết bao giờ cũng có dấu vết của tôi, và sự sống của những con người đồng thời của tôi. Nhưng tôi chưa hài lòng với những điều tôi đã làm được. Nó còn chưa đầy đủ.

Mary: Có phải khi ông gặp khó khăn nhất là lúc ông viết hay nhất không?

NHT: Có thể một phần như vậy, nhưng có thể không phải như vậy. Tôi nghĩ nhà văn thường thường có hai giai đoạn viết, một giai đoạn không hiểu biết về cuộc sống và một giai đoạn hiểu biết, từng trải, thận trọng viết ra những điều mình cần viết. Đấy là các giai đoạn văn học. Giai đoạn thứ nhất tôi đã trải qua rồi, tôi đang ở trong giai đoạn thứ hai, và tôi cũng không biết kết quả ra sao. Tôi phải dựa một phần vào nỗ lực của cá nhân tôi, một phần dựa vào cái may mắn của số phận, và còn phải dựa vào vật liệu của của sự sống.

Mary: Trong tác phẩm của ông, nhân vật phụ nữ không có cái đặc thù về phụ nữ, tại sao?

NHT: Theo quan niệm phương Đông, sự sống có hai yếu tố âm dương phối hợp. Và khi được sinh ra, được quy định bởi giới tính thì chúng ta đã mang một bài toán đặt ra với số phận của chúng ta. Bí mật của giới tính, bí mật của quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, giữa âm và dương cũng là bí mật của cuộc sống, của vũ trụ, của xã hội, của tất cả mọi người. Tôi không biết trong những truyện của tôi, những nhân vật nữ dựng ra có thành công hay không, nhưng có thể coi như một tiếng gọi, như một cái gì đấy là một nửa phần ở trong tôi.

Mary: Người đàn bà lý tưởng trong nhân vật của ông là như thế nào?

NHT: Thật khó trả lời câu này. Bản thân tôi cũng không hình dung nó như thế nào. Chúng ta vẫn đi tìm bản thân mình — đi tìm bản thân hay là nửa bản thân?

Mary: Ông muốn nói trong một con người có một nửa nam tính, một nửa nữ tính?

NHT: Chắc không phải là một nửa đâu. Nhưng trong người đàn ông thì có chứa một yếu tố nữ tính nào đấy, nhưng mà họ vẫn là đàn ông. Và trong người phụ nữ thì có chứa một yếu tố nam tính nào đấy, nhưng mà họ vẫn là phụ nữ. Một nhà văn có nói một câu thế này: "Này cô gái, nếu mà cô đánh mất đi tính chất nam tính ở trong con người cô thì mọi người sẽ bỏ rơi cô. Còn nếu cô đánh mất đi cái nữ tính trong con người cô thì cô sẽ giết chết cô." Đại khái thế, tôi không nhớ rõ nguyên văn...

Mary: Một số tác phẩm của ông đã được dịch bởi những dịch giả khác nhau. Ông có hài lòng với các bản dịch đó không, và những bản dịch đó có diễn tả được những điều ông muốn biểu lộ không?

NHT: Sách của tôi đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và tôi biết trong đó có những bản dịch thành công, và những bản không thành công, rải rác đây đó. Cần phải được tập hợp lại, có như thế người ta mới có được một cái nhìn tương đối rộng lượng đối với tôi. Khi viết, tôi có gắng viết nhiều, đa dạng, mỗi truyện khác nhau. Đời sống rất đa dạng, và tôi cố gắng phản ánh sự đa dạng, phong phú ấy.

Mary: Về ông Tướng Về Hưu, nếu ông tướng ấy còn sống thì ông nghĩ bây giờ ông ta đang làm gì?

NHT: Tướng Về Hưu là một nhân vật hư cấu, nhưng nó cũng có hình ảnh của những vị tướng đương thời. Một số các vị ấy vẫn còn sống, một số đã mất...

Mary: Khi viết về những nhân vật lịch sử có tính cách thần tượng, ông có tiên liệu có những phản ứng nào của độc giả không?

NHT: Khi viết tác phẩm ra thì tôi cũng không dự đoán được cái phản ứng xã hội về nó đâu. Theo tôi, một nhà văn khi viết cố gắng làm cho tác phẩm tương tự nhất theo cái "cấp" của họ. Cũng giống như các nhà sản xuất khác họ làm ra đôi giầy, cái máy ảnh, quần áo..., người ta làm với tất cả sự khéo nhất, với tất cả cái tử tế nhất. Và tôi nghĩ văn chương cũng là cái gì rất giống các thứ hàng hóa kia. Nếu được làm một cách tốt nhất, nó sẽ tồn tại, sẽ được người ta ưa thích và mua dùng.

Mary: Trong một nhà văn có những yếu

Nhà xuất bản AN TIÊM

HOA THƠM CỎ LẠ

Tập truyện ngắn đặc sắc của các tác giả Anh đầu thế kỷ XX
Do **NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** chọn dịch

Liên lạc:
- Tại Pháp: Mr Trương Tuệ (nxb An Tiêm), 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Épinay, 95360 Montmagny, France. Tel: **39 84 00 84.**
- Tại Mỹ: Mr Võ Thắng Tiết, (nxb Văn Nghệ), P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: **(714) 527-5761.**

tố nào?

NHT: Nhà văn giỏi có hai yếu tố. Một yếu tố của người thợ, một người thợ thủ công rất bình thường. Nhưng đồng thời cũng có một nhà bác học, một người bay bổng mà người bình thường không thể có được. Công việc viết văn nó có đòi hỏi giống như một người thợ thủ công, đồng thời cũng đòi hỏi một sự hiểu biết rất bác học và một tâm hồn nghệ sĩ. Victor Hugo là một con người như thế, Hemingway là một con người như thế.

Mary: Những tác phẩm của ông rất kỳ thú, nhưng một số người không biết thưởng thức chúng. Ông nghĩ thế nào?

NHT: Tôi nghĩ đó là một thiệt thòi cho họ, nếu thực sự tác phẩm của tôi là kỳ thú. Nhưng cũng có thể là họ đúng. Tác phẩm văn học nó phù hợp với sự thưởng thức tùy từng người. Tôi biết là tôi làm được đến đâu, và không thể làm được đến đâu.

Thời thế ở Việt Nam từ 1986 đến nay có rất nhiều thay đổi so với trước kia. Bầu không khí tự do dân chủ có cởi mở hơn, sách báo được phổ biến nhiều. Công tác báo chí xuất bản vẫn là do nhà nước. Ở việt Nam chưa có báo và nhà xuất bản tư nhân. Văn học là một bộ môn nghệ thuật, điều quan tâm của nhà văn là viết cho nó hay thôi. Chính trị của nhà văn nó khác với chính trị của nhà cầm quyền đương thời. Đừng có đồng nhất cái chính trị của nhà văn với cái chính trị của thể chế.

Nguyễn Huy Thiệp trả lời phỏng vấn của Mary Thiên Yên Lê

Mary: Trong truyện ngắn của ông hay có thơ...

NHT: Những bài thơ của tôi lẫn lộn trong các truyện cũng giống như hình thức các truyện cổ phương Đông người ta viết thôi. Có những thứ mà diễn đạt bằng thơ tốt hơn là văn xuôi.

Mary: Ông có làm thơ?

NHT: Viết thơ là cái rất khó. Ngày xưa ở Việt Nam các cụ nói "thi ngôn chí" tức là thơ để nói lên cái chí của con người. Đấy cũng là một quan niệm. Có nhiều loại người làm thơ khác nhau. Thi sĩ thực sự ở lứa tuổi khi người ta còn rất khờ dại, thơ của họ như là lời ca hát rất hồn nhiên, và nó hay thì người ta không hiểu vì sao nó hay. Đấy là giai đoạn khi người ta hãy còn trẻ, một giai đoạn ngắn ngủi trong cuộc đời.. Những thi sĩ nổi tiếng trên thế giới cũng như Việt Nam, có những tập thơ khi còn rất trẻ, giai đoạn tuổi từ 15 đến 20. Còn loại thứ hai là loại "thi ngôn chí," khi người ta đã trưởng thành, làm thơ để nói cái chí của con người. Nguyễn Du hay một số các nhà thơ khác của Việt Nam cũng thuộc loại này. Chí của họ có thể là một cái chí thanh cao, có thể là chí anh hùng, có thể là phản ứng lại một điều gì đấy, như Trần Tế Xương của Việt Nam cũng là một "thi ngôn chí." Ông ta căm ghét tất cả những cái dung tục, những cái tầm thường. Hồ Xuân Hương cũng thế, cũng là "thi ngôn chí," muốn vươn tới sự cao thượng. Có lẽ chín mươi phần trăm thơ là nói cái chí của con người.

Mary: Không hài lòng với văn chương hiện đại, hiện thời ông có muốn sống với một thời đại khác không? Một thời trong quá khứ chẳng hạn?

NHT: Người ta không thể muốn thế này, muốn thế kia được. Con người ta phải chấp nhận sự sống chứ. Không ai chọn cái thời cho mình sống. Chúng ta chỉ có một cuộc đời, một số phận thôi. Một tiếng ừ, một tiếng không, một con đường thẳng, một cái đích để tới. Một tiếng ừ để mà chấp nhận tất cả, chấp nhận cả những điều hay điều dở của cuộc sống trong thời đại mình. Một tiếng không để không chấp nhận những điều không phù hợp với mình. Một con đường thẳng của số phận để mình đi, một mục tiêu, một chí hướng để mình đi cho hết cuộc đời.

Cuộc sống cần rất nhiều cảm giác khác nhau. Tác phẩm văn học trước hết gây cho người ta một cảm giác, cảm giác gì cũng được, yêu thương, thù hận, thô bạo, vui vẻ, thậm hí đố kỵ. Nhưng dứt khoát phải có một cảm giác. Thực ra trong tacx phẩm của tôi không phải chỉ có cảm giác thô bạo đâu. Trong tác phẩm của tôi có rất nhiều cảm giác khác nhau, và chúng gây thích thú cho người đọc. Dĩ nhiên khi viết những cảm giác ấy ra thì tôi cũng chấp nhận những cảm giác của thời thế của tôi, của hoàn cảnh của tôi.

Mary: Ông có nghĩ có một tác phẩm của mình sẽ đoạt giải Nobel không?

NHT: Giải thưởng ấy là mơ ước của các nhà văn. Không phải là tôi không có tham vọng để có những giải thưởng lớn, còn làm được đến đâu thì còn tùy sự cố gắng và sự may mắn của số phận tôi. Tôi không phải là một người có thiên tài, nhưng tôi luôn cố gắng.•

THÍCH NGHI: CÁI CẦU PHẢI QUA

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Cách đây vài năm, tôi có được dịp đi Đức. Ngoại trừ những lúc tôi được bạn bè hướng dẫn, được đi thăm viếng Stuttgart và các danh lam thắng cảnh phụ cận, cũng có những khi tôi đi một mình, mua sắm lặt vặt, la cà, lẩn thẩn, làm đúng kiểu khách du lịch. Tôi không nói được tiếng Đức nên phải ráng dùng tiếng Anh, tiếng Pháp và nhứt là thứ ngôn ngữ đại đồng: ra dấu bằng tay... Cuối cùng cũng xong, mặc dầu không khỏi những lúc hổi hộp, lúng túng hay bực mình.

Lúc đó là tôi nghĩ đến một chuyện từ trước ít khi để ý: thân phận của người tỵ nạn, hai triệu đồng bào Việt Nam, rải rác trên khắp năm châu. Nhìn qua kinh nghiệm ngắn ngủi (và thật ra không đáng kể) của mình, tôi càng thấy thương và càng thán phục con người tỵ nạn vô danh, đã và đang đương đầu và thường khắc phục bao nhiêu hoàn cảnh nghiệt ngã, khó hơn một trăm ngàn lần cái bực nho nhỏ mà tôi gánh chịu. Thế nhưng họ đã chịu nổi, trải qua tháng ngày dai dẳng, không những họ đã sinh tồn mà còn thăng tiến, phát đạt và khiến thiên hạ nể vì. Tôi càng hiểu thêm và thấm các mối tủi buồn, nuối tiếc, lo âu của người tỵ nạn và của chúng ta hết thảy đã qua từ ngày bỏ xứ ra đi. Cái lạ không phải tại sao chúng ta bực dọc, khó chịu, đổi tánh, chán đời khi phải sống như câm như điếc, thấy mình bất lực, thua kém thiên hạ, chỉ vì mình ở xứ lạ, quê người. Mà làm sao chúng ta, tuy vậy, vẫn sống, tiếp tục làm việc, học hành, sinh hoạt... mà không phát điên, tuyệt vọng tức thì hay là từ lâu.

Tất nhiên muốn được như thế phải có thời gian, cố chịu giao động, uyển chuyển đổi dời, quen dần với khung cảnh lạ, với điều kiện mới: phải có *thích nghi,* rồi mới nhập với cộng đồng chủ, hòa mình với hoàn cảnh mới. Do đó mà sanh ra những bài toán tâm trí, nghịch cảnh, vấn nạn, bởi chuyện thích nghi không phải là dễ, hay là luôn luôn suông sẻ. Có những dấu chứng cá nhân cảm nhận: lo âu, bực bội... tại vì hội nhập, có những xung đột, éo le xảy cho gia đình hay cho tập thể: tội phạm, gảy đổ... cũng tại thay đổi. Nói chung thì việc thích nghi tự nhiên phải có, dầu muốn hay không và các chứng nói trên là giá phải trả, nhiều ít tùy người và tùy trường hợp.

Thái độ

Sự việc hiển nhiên như thế, nhưng có nhiều người vẫn ngờ, không tin rằng ta phải đặt vấn đề. Phản ứng thực tế tùy theo loại người.

Có người dứt khoát *chối phăng vấn đề,* như một bạn già của tôi, là cựu công chức Ngoại giao, đã sống nhiều năm ở các nhiệm sở ngoại quốc, nói thạo tiếng Anh và khi di cư, năm 1975, liền có việc làm ở một cơ quan thiện nguyện. "Có thấm gì tôi: di cư hay không di cư, tôi vẫn sống như bình thường. Tôi không cần phải thích nghi gì cả. Không có vấn đề cho tôi."

Thực tế tức nhiên không luôn giản dị, dễ dàng như thế. Định nghĩa nhu cầu thích nghi cho rằng chỉ cần vài chữ Ăng lê, hay thuộc đường xá, hay có việc làm, là quá hời hợt, nông cạn. Kiểu ấy chỉ ngó bề mặt và quên bề sâu, quên những nhu cầu tâm linh, quên bẵng buồn phiền, lo âu, những chiều thất vọng khi thấy bơ vơ, những đêm không ngủ vì nhớ thương cách biệt. Anh bạn có thể có nhiều kinh nghiệm vật thể nhưng anh không nhớ vợ con gắt gỏng và không để ý chính mình cũng đổi, khó tánh khác hơn bình thường.

Còn có người khác cho rằng mình *sẽ tránh được vấn đề.* Điều kiện là phải chọn sống ở trong cộng đồng Việt Nam thuần túy, chỗ nào sẽ không tiếp xúc gì nhiều với lại Mỹ, hay Pháp, hay Úc. Chỉ cần cư ngụ ở tại quận Cam, Cali, hay quận 13, Paris, hay là Cabramatta, Úc Châu hay là đại loại như thế, giao thiệp, buôn bán với toàn người Việt, ăn uống, nói năng cũng rặt Việt Nam, tìm lại không khí Sài Gòn mà không cần ở Sài Gòn, thì khỏi ác mộng lìa xứ.

Cái khó là chỉ thiểu số mới được như thế và những "cảng nương náu" Cali, Texas hay Louisiana cũng chỉ có chừng vài trăm ngàn người, một phần rất nhỏ trong tổng số dân tỵ nạn. Còn lại và trên thực tế, thì người Việt Nam đã bị trải mỏng ở trên nhiều vùng và chỗ họ ở không đồng bào tập trung như thế. Ngay đến những người ở "vùng Việt Nam," tuy được ưu đãi, cũng chưa thiệt chắc mình được bao che hoàn toàn: chính họ cũng phải thích ứng, thay đổi, chính họ cũng không thoát khỏi các dịp chạm trán với cộng đồng chủ, dầu cách gián tiếp hay dưới hình thức nhẹ hơn.

Đa số đồng bào còn lại thì không nhất quyết như trên, nhưng vẫn tiêu cực và *có cái nhìn lưng chừng:* họ nhận là có khó khăn và hiểu lờ mờ rằng có thích nghi, nhưng cho là chuyện bình thường, và rồi sẽ qua. Thái độ ấy

hợp với triết lý và nhân sinh quan của người Á đông: chịu đựng, nhẫn nhục, và kín đáo, không muốn thố lộ chuyện riêng của mình, và nhứt là không chờ người khác giúp mình về chuyện riêng tư. Và trên thực tế, kết quả rất là tốt đẹp. Người Việt thành công trên nhiều lãnh vực, đáng hãnh diện chung và họ đã có cách thích nghi, dầu không biết mình thích nghi, cũng bằng Jourdain làm văn mà không nghĩ rằng mình đang làm văn. Tội nghiệp là một số người gẫy đổ, trong khi phương tiện có sẵn để giúp cho họ, nhưng họ không biết để lấy mà dùng.

Tại sao ta sẽ thích nghi?

Hai mươi mốt năm sau khi định cư mà vẫn phải nói thích nghi thì thật hơi trễ nhưng vẫn đáng nói vì nhiều lý do và nhứt là tại câu chuyện vẫn còn xảy ra dài dài và vẫn nóng bỏng như mới thuở nào. Nó vẫn xảy ra vì tại căn bản người Việt ở tại ngoại quốc đòi phải thích nghi: nó vẫn nóng bỏng vì vẫn có nhiều đối tượng, vừa mới, vừa cũ, nên vấn đề vẫn là thời sự.

Người Việt hải ngoại *cần phải thích nghi,* dù giai đoạn nào, vì chính bản thân của họ là một con người phức tạp đòi phải thích nghi, vì họ là rất nhiều thứ, mang nhiều chức năng, chung cùng một lúc. Nếu đem phân tách, họ là:

1. Những người ngoại quốc, khác giống, bất đồng ngôn ngữ, dị biệt phong tục với người bản xứ, Anh, Pháp hay Đức. Nếu ta ở Mỹ hay Pháp, và chỉ đi du lịch vài ngày ngoài xứ mình ở, thăm Tàu, Nhựt hay Ý, là ta đã thấy bỡ ngỡ bởi vì lạ cảnh, lạ tiếng. Ta cố ra dấu, ta học một vài phong tục bản xứ: tối thiểu ta cố làm ra sao để bớt lạc loài, hòa mình với dân tại xứ mà ta viếng: cố gắng thích nghi. Huống hồ người Việt còn phải

2. Ở lâu hay là ở luôn. Làm nhà ngoại giao hay anh sinh viên du học không khác gì mấy với người du khách vì cả ba chỉ ở tạm thời: vài ngày, ít năm... và biết có ngày trở về. Trong khi người dân di cư ở lại rất lâu, có khi cả đời cũng nên, chẳng có ngày về. Khi ở tạm thời thì ta đứng ở bên ngoài xã hội và nhìn sự việc một cách khách quan. Còn như người Việt bây giờ, tỵ nạn, di cư thì không thế được. Họ phải gia nhập vào xã hội mới, tìm việc để sống, giao thiệp với người chung quanh, làm sao hòa hợp với lại thiên hạ nơi chỗ mình sống. Cái nhìn của họ có thể dửng dưng khi họ còn là du khách, sinh viên du học; nay thì bắt buộc phải là một sự chăm chú kỹ lưỡng của người liên can, biết phận mình dính liền với điều mình đang chứng kiến.

3. Liên can ở mọi khía cạnh. Con người di cư liên hệ một trăm ngàn thứ với xã hội chủ, nơi họ đã "nhận làm quê hương": nếp sống, cảm nghĩ, thói quen ăn uống, cách ở, cách giáo dục con... Tuy ta không phải rập theo y khuôn, nhưng cũng không thể khác lạ quá đáng vì bởi cả đời ở đây nên phải 'tùy tục" mọi mặt, và không có chút nào chọn lựa. Vật thể, tâm lý, tinh thần thảy đều đổi thay, dầu ít dầu nhiều, nhiều khi chính mình không hay, nhưng vì hoàn cảnh, không sao cưỡng lại môi trường. Người Việt di cư, tuy không khác hẳn, nhưng không còn giống người Việt bên nhà lúc trước hay là hiện tại, vì họ đã đổi để cho thích ứng thời thế, thành ra Mỹ hóa, Pháp hóa, Úc hóa dầu chỉ một phần, và chính thâm tâm không muốn.

4. Họ là thiểu số trong các thiểu số. Ở đâu cũng vậy, tuy ta đông thật khi nhìn riêng ta, nhưng người Việt Nam di cư vẫn là thiểu số thường không đáng kể so với người dân bản xứ. Một triệu dân Việt tại Mỹ không thấm gì với tổng dân số 250 triệu hoặc với 70 triệu Mỹ đen, hay với 22 triệu người nói tiếng Tây Ban Nha đến từ Trung và Nam Mỹ. Chúng ta hãy còn ít hơn người Mỹ gốc Hoa (1 triệu 700 ngàn), hay là gốc Phi (1 triệu 400 ngàn). Chúng ta vừa lại mới đến, và không có nhiều phương tiện vật chất, nhân lực như người Do Thái hay là Cuba, nên khó có thể có chỗ đứng riêng và càng nhận nhiều áp lực để phải phục tùng - và giống - đa số.

5. Là người tỵ nạn. Những lúc sau này mới có một ít trường hợp "đoàn tụ gia đình" (ODP) với những thành phần không nêu rõ ràng chánh kiến. Nhưng mà nói chung, tập thể di dân phải lìa bỏ xứ vì không tán đồng chánh thể Cộng sản. Một số đã đi về nước để thăm gia đình, xứ sở nhưng rất ít ai ở lại: sự việc không vì lý do kinh tế thuần túy, nhưng vì họ vẫn đinh ninh: họ là tỵ nạn, muốn tránh chế độ hà khắc. Dầu sau một năm hay hai chục năm, họ vẫn coi mình là người tỵ nạn (refugee), khác hơn là người di dân (migrant). Họ phải ra đi vì bắt buộc đi và không lựa chọn, không có hay là rất ít chuẩn bị, tinh thần hay là vật chất. Trong khi di dân như kiểu người gốc Đài Loan, Hồng Kông, hay Ý, hay Đức sang Mỹ hay Pháp, đã có thì giờ cân nhắc kỹ lưỡng, sửa soạn cẩn thận hành động của mình và đã đầy đủ hành trang trước khi lên đường. Họ, người tỵ nạn, quyến luyến quê cha đất tổ, trìu mến lịch sử, quá khứ, khác với di dân, chỉ ngó đăng trước, chăm chú tương lai, đặt nặng hiện tại.

6. Là loại thiểu số đặc biệt. Một việc mà ta thường quên là người Việt chúng ta có những nét mặt mũi đặc thù, rõ ràng da vàng mũi xẹp, dầu bao nhiều đời ở Mỹ, ở Âu cũng vậy, không

* "Cái gì dành cho một người thì nhiều quá, cho hai người thì vừa đủ, nhưng với ba người thì chẳng còn nghĩa lý gì cả?"
"Sự bí mật."

thể làm sao cải đổi, để thành giống người Tây phương. Do đó, họ không cách nào lẫn lộn, ẩn trong đám đông các người bản xứ, khác các di dân người Nga, hay Hung Gia Lợi hay Tây Ban Nha, chỉ sau vài năm rồi thì 'thành" Mỹ, bề ngoài như Mỹ, dầu chưa nói hẳn giọng Mỹ. Do đó mà các kiều dân gốc Á không thể làm sao đồng hóa (assimilate) hoàn toàn với lại dân Mỹ, dầu sanh ở đây và lớn tại đây, hoàn toàn Mỹ hóa, dầu đã hội nhập (integrate) về phương diện khác: ngôn ngữ, suy nghiệm, nhãn quan.

Ai sẽ thích nghi?

Thích nghi là một quá trình tự nhiên phải đến vì có quá nhiều lý do, như chúng ta đã vừa kể, và nhứt là vì chúng ta muốn mình 'giống như người khác," ít nhứt là đừng quá khác, chạm tránh với người xung quanh cách quá lộ liễu khi ta dung thân xứ ngươi. Ta quen với câu tục ngữ: "Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục," nên ta càng muốn hòa đồng, mong cho gia chủ khỏi phải thắc mắc, nhứt là khi mình thế cô và phải nhờ vả kẻ khác. Như thế là *hết mọi người đều đổi và sẽ thích nghi,* để hợp hoàn cảnh, lối sống. Vấn đề do đó luôn luôn nóng bỏng và ta vẫn phải thích nghi, dầu người mới qua hay là người cũ.

Rõ nhứt là *người mới qua,* sau khi đặt chân ở tại xứ mỹ, hay Đức hay Gia Nã Đại. Hiện nay vẫn còn những người mới đến: tỵ nạn từ các trại ở Đông Nam Á Châu, các người thân nhân bảo trợ (ODP), các cựu tù nhân chính trị... Số lượng nhỏ hơn là lúc cao trào thuyền nhân nhưng vẫn sẽ có người mới một khi đã có đầu cầu: người cũ, cộng đồng Việt Nam ở tại ngoại quốc sẽ còn liên tục đỡ đầu người mới vì bởi liên hệ gia đình chặt chẽ. Thích nghi, cho những người mới, sẽ phức tạp hơn vì cần sẽ nhắm hai mặt: vừa với cộng đồng chủ (Mỹ, Pháp, Úc...), vừa với cộng đồng Việt Nam hải ngoại, khác với xã hội bên nhà vì tại cả hai đã đi đường khác sau bao nhiêu thăng trầm trong hai chục năm vừa qua. Nhưng nhìn theo khía cạnh khác, thích nghi sẽ dễ phần nào vì sẵn cơ cấu giúp đỡ và sẵn đồng bào đã từng đi qua đường đó, cho nên sẽ bớt ngỡ ngàng, hơn là nếu phải một mình tìm ngã để đi.

Nhưng việc thích nghi còn liên can đến nhiều người khác hơn là những người mới không thôi. Nói chung là *người tỵ nạn hết thảy* đều không ngừng thích nghi dầu ở đã lâu. Mục tiêu hơi khác, nhưng vẫn còn là thích nghi. Khi mới đến đây, chúng ta chạm trán một số vấn đề thực tiễn: ngôn ngữ, việc làm, sinh sống trong môi trường mới... Sau đó vài năm, phần lớn xem như là đã giải quyết: Anh ngữ nói thạo, việc làm tạm yên, láng giềng ổn định. Nhưng nhiều vấn đề mới mẻ phát hiện. Con cái, yên hàn lúc còn ít tuổi, lắm khi là chuyện phải lo khi chúng lớn lên. Chúng thành 'Mỹ hóa," "Âu hóa," không hẳn cứng đầu, nhưng có những tư tưởng mới và nguyện vọng mới, khó sao cảm hóa như ý mình muốn. Riết rồi nhiều nhà không dám đoán trước tương lai, nhiều khi chỉ đùa một nửa khi nói: 'Con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đó."

Người lớn, tuy đã gần như yên phận, nhưng vẫn còn đứng ngoài lề "giòng chánh" (mainstream), bên ngoài cộng đồng bổn xứ, không thật hội nhập về mặt xã hội, chưa nhận hoàn hoàn hệ thống giá trị của xứ mình ở. Phương vị họ thật bấp bênh và việc họ vẫn hướng về quê xưa và những giá trị truyền thống khiến để đụng chạm các giới trẻ, sanh trưởng ở tại ngoại quốc và không quen với cách nghĩ của người Việt Nam.

Người già, đã tưởng là được hoàn toàn cách biệt thế giới bên ngoài, bắt đầu lo lắng vào tuổi đáng lẽ chỉ hưởng thôi. Vì tuổi cao niên ở đây không giống Việt Nam: con cháu tản mác, tương lai mù mịt, không biết rồi sẽ phải ở với ai, hay vô nhà già hay viện dưỡng lão... Ngay khi ở với cháu con, cũng thấy một trời ngăn cách khi mối liên quan gia đình trở thành lỏng lẻo, người lớn đi làm, trẻ em đi học, và những người già ở nhà một mình. Xã hội ngoại lai trở lại quấy rầy khi đám con cháu đem theo về nhà âm hưởng của Mỹ hoặc Úc, hiện thân của một môi trường đã tưởng không cần tiếp xúc.

*

Thích nghi, tên nghe khác lạ, nhưng là sự việc rất thường, do đó không ngưng và là công tác hằng ngày mọi người, mọi lớp người Việt di cư: có ai dám nói là mình sống đúng Việt Nam 100% mà khỏi thích ứng được đâu? Thích nghi là giá phải trả khi ta xuất ngoại và tìm tự do ở miền đất mới. Số nào may mắn sống còn, vun quén sung túc ở trong tự do, mong sẽ mang về một phần để cho đất mẹ. Đa số vươn lên, nhờ hưởng phóng khoáng xứ người. Có người bịnh tật vì không thích ứng đúng cách. Một số gẫy đổ vì không đủ sức chịu đựng. Tất cả đều phải qua cầu như nhau và ai cũng có kinh nghiệm bản thân về những lúc lo hay phiền hay là những ngày khổ ải, bực bội. Không ai giống ai, nhưng ai cũng bị, không sao tránh khỏi. Kết quả tùy người nhưng là chuyện khác sẽ bàn về sau. Hôm nay chỉ là tưởng niệm, nhắc đến thực thể vẫn còn sống động, mong sao tiếng vọng sẽ giúp thử thách nhẹ hơn và không khốn đốn như lúc ban đầu.•

* "Má à, con có phải là hậu duệ của con khỉ không?"

"Thực sự má cũng chẳng biết nữa, vì má chưa từng gặp gia đình giòng họ bên phía cha của con."

HỘI NGHỊ DÂN TỘC HỌC TẠI MINSK (BELARUS)

TRẦN QUANG HẢI

Đây là lần đầu tiên tôi được mời dự hội nghị tại thủ đô Minsk của xứ Belarus, một quốc gia thuộc khối Liên Xô cũ, vừa được tuyên bố độc lập từ năm 1991. Hội nghị này đưa ra đề tài dân tộc nhạc học dân lạp phu (slavic ethnomusicology) được tổ chức tại Minsk, thủ đô của xứ Belarus từ 22 tới 27 tháng 10, 1996.

Tôi không phải là chuyên gia loại nhạc này. Sở dĩ họ mời tôi sang dự đại hội quốc tế này với tính cách thượng khách của khối nghiên cứu dân tộc nhạc học của Tây Âu, là họ muốn biết đường lối nghiên cứu nhạc dân tộc của Pháp. Cơ quan nghiên cứu của Pháp đồng ý gởi tôi sang và đài thọ chi phí di chuyển, trong khi ban tổ chức trang trải phí tổn ăn ở suốt thời gian đại hội.

Trần Quang Hải

Một vài giai đoạn lịch sử, hình thành và phát triển văn hóa, giáo dục, tôn giáo

Lịch sử

Xứ Belarus hay còn gọi là Biélorussia, với thủ đô là Minsk (1.600.000 dân) có tổng số dân là 10 triệu người, được độc lập từ năm 1991 sau khi khối Liên Xô bị chia thành 15 quốc gia.

Ngôn ngữ chánh là Belarusian, nhưng tiếng Nga vẫn còn được thông dụng. Tiền lệ là đồng Rouble. Nhưng Rouble của Belarus chỉ bằng 1/4 Rouble xứ Nga. Hiện nay 1 dollar Mỹ tương đương với 20.000 Rouble Belarus.

Năm 1667 thành phố Minsk được nói đến đầu tiên trong lịch sử dưới tên Mensk hay Menesk.

Năm 1667, con đường bưu điện đầu tiên được xây cất để đi từ Vina tới Minsk, rồi đi Mogilyov, Smolensk và Moscow.

Năm 1871, đường xe lửa đầu tiên tại Belarsu được khánh thành.

Ngày 17 tháng 7, 1890, nhà hát thành phố được khai trương.

Năm 1900, thư viện Pushkin mở cửa.

Tháng giêng 1919, bản tuyên bố thành lập xú cộng hòa xã hội chủ nghĩa với thủ đô là Minsk.

Tháng 7, 1921, khánh thành trường đại học quốc gia.

Ngày 19 tháng 4, 1927, dàn nhạc giao hưởng quốc gia chào đời.

Ngày 1 tháng 1, 1929, thành lập hàn lâm viện khoa học.

Ngày 25 tháng 5, 1933, khánh thành nhà hát Opera và Ballet tại Minsk.

Ngày 28 tháng 6, 1941, quân đội phát xít Đức tiến vào thủ đô Minsk và xâm chiếm xứ này cho tới 1945.

Ngày 1 tháng 1, 1956, xây xong đài truyền hình.

Ngày 27 tháng 7, 1990, bản tuyên ngôn độc lập của xứ Belarus (ngày quốc khánh xứ Belarus)

Ngày 8 tháng 12, 1991, thành lập liên bang các quốc gia độc lập (CIS-Commonweath of Independant States) với thủ đô là Minsk.

Thủ đô Minsk (diện tích là 220 Km vuông) được xây cất dọc theo bờ sông Svisloch một dòng sông nhỏ chảy vào ngọn sông lớn Dnieper. Từ khi được độc lập (1991) Minsk có trên 1000 tiệm, trung tâm siêu thị, và khoảng trên 1.200 nhà hàng cho toàn thủ đô. Vào cuối tháng 11, 1996 MacDonald mở ba tiệm tại thủ đô và dự rù sẽ bành trướng cả trăm tiệm trên toàn xứ từ đây tới năm 2.000. Coca Cola và thuốc hút Malboro của Hoa Kỳ được thấy quảng cáo cùng khắp thành phố Minsk.

Văn Hóa

Về mặt văn hóa, xứ Belarus có nhà hát lâu đời nhứt, nhà hát quốc gia Yanka Kupala. Ngoài ra còn có nhà hát Opera và Ballet, nhà hát múa rối. Dàn nhạc giao hưởng trình tấu mỗi đêm với các nhạc sĩ ngoại quốc được mời tới. Nhạc thính phòng được nghe tại thánh đường công giáo Catholic Saint Rokh Cathedral, ở đường Solotay Korka không xa nhà hòa nhạc giao hưởng. Tại Minsk có 22 phòng hòa nhạc và vài chục rạp hát bóng. 14 viện bảo tàng được phân phối tại Minsk. Có viện bảo tàng nhân chủng để lưu trữ những di tích lịch sử tiền sử và dân tộc học của xứ Belarus. Có

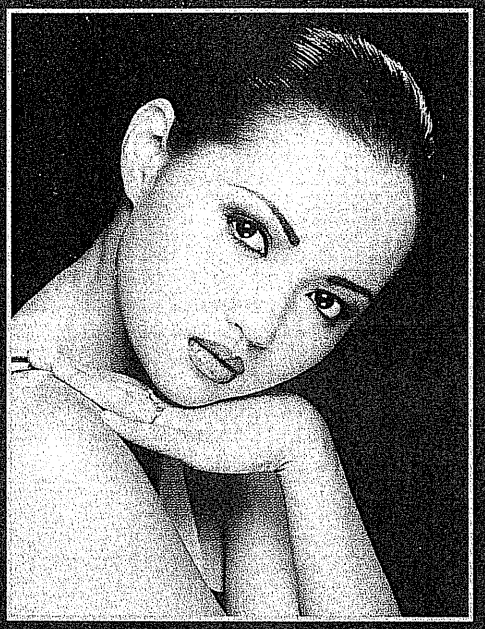

TRỊ DỨT MỤN

$20

Giải phẫu Thẩm mỹ **$100**

- Facial nam nữ $20
- Xâm thẩm mỹ, Xoá nốt ruồi, tàn nhang
- Làm móng tay - móng chân $15
- Tỉa lông mày và wax $10
- Lột da mặt bót 50%
- Uốn lông mi cong $25
- Lột da mặt nhẹ $50
- Nhuộm lông mày lông mi

(714) 839-9979

Có quà tặng dưới mỗi khách hàng

Model: Mai Thy
Photo by L'amour

Mỹ Viện
Xuân Lan
BEAUTY CLINIC

10451 Bolsa Avenue # 216, Westminster, CA 92683
(khu nhà hàng Đồng Khánh, lầu 2 trên chợ Anh Minh)
(714) 839-9979 1-800-MUỐN ĐI SỬA Fax (714) 839-9976

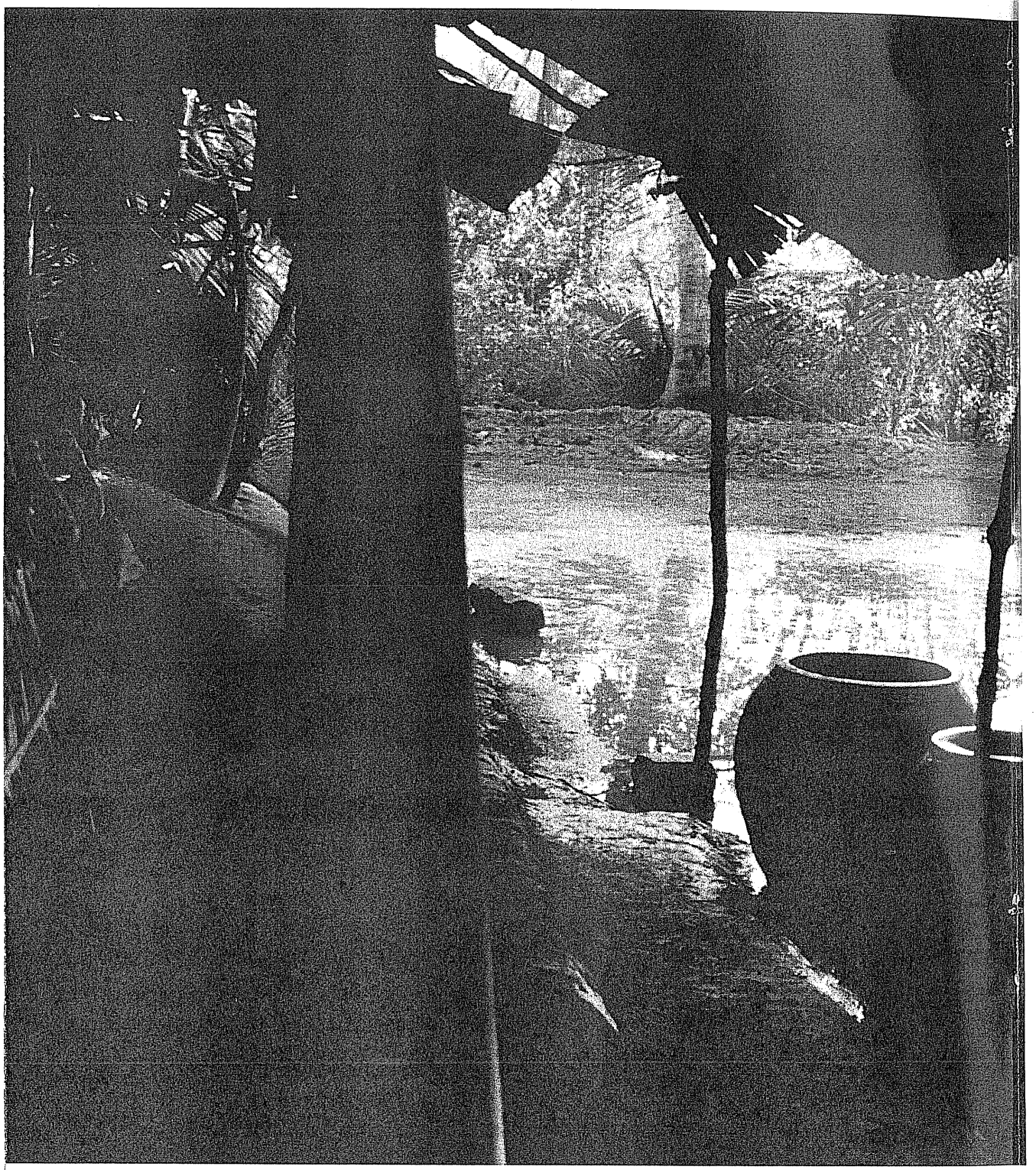

"Quê nghèo"
Ảnh của Dương Xuân Phương
Hội Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam (CA, USA)

"Lật trang giữa của tạp chí Thế Kỷ, mình chợt có cảm tưởng như đang mở một đặc san du lịch Á Châu hay một tạp chí thời trang Âu Châu vậy. Kỹ thuật ấn loát mà lên đến chỗ tinh vi và mỹ thuật như vậy thì phải gọi là nghệ thuật.

PrecisionColor hẳn là rất tận tụy với từng yêu cầu của khách hàng, y như một nghệ sĩ luôn luôn trân quí các tác phẩm nghệ thuật..."

Danh ca Quỳnh Giao

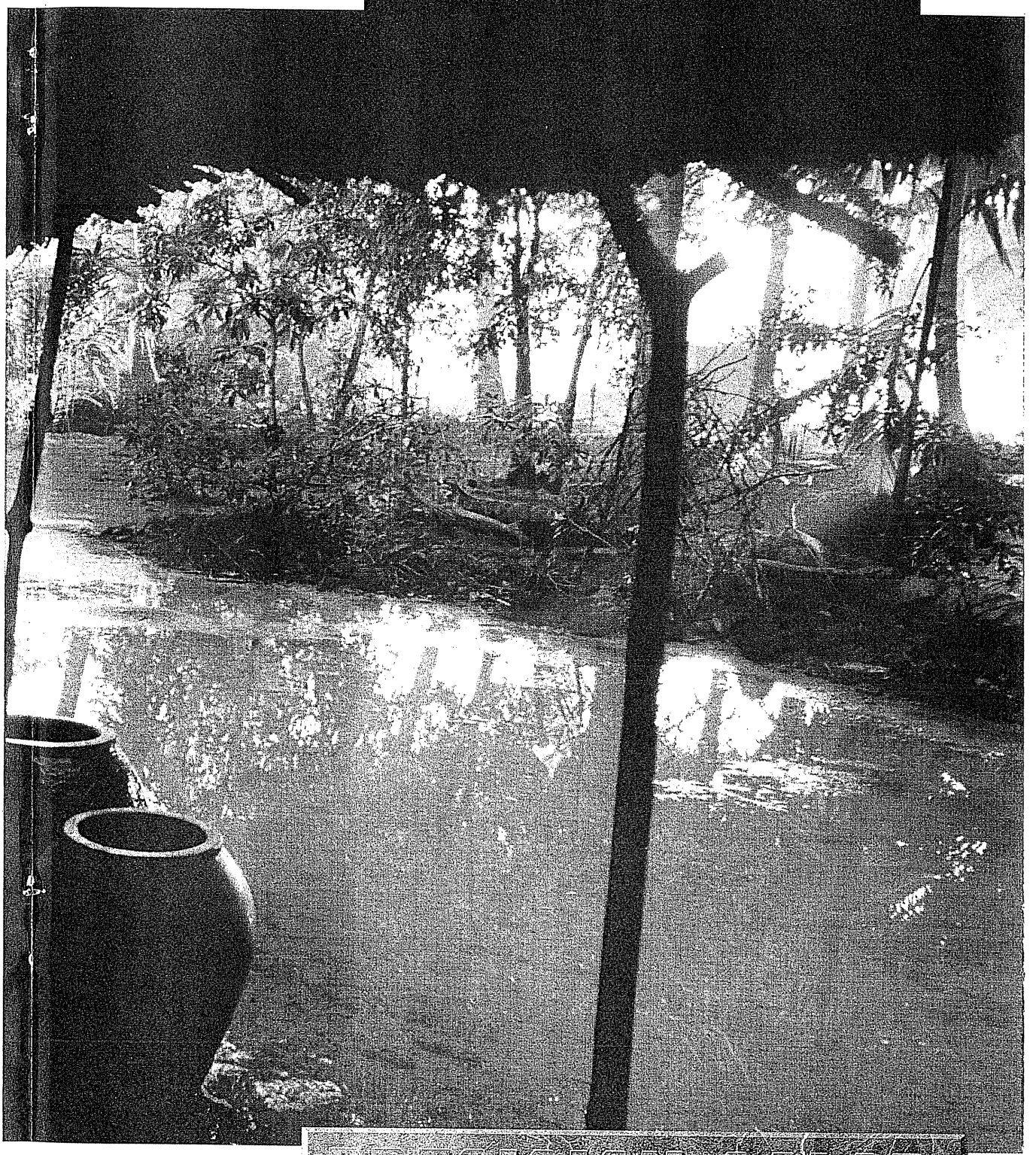

PRECISION COLOR

15703 Valley Boulevard INDUSTRY, CA 91744
Phone (818) 937-6886 Fax (818) 937-6880

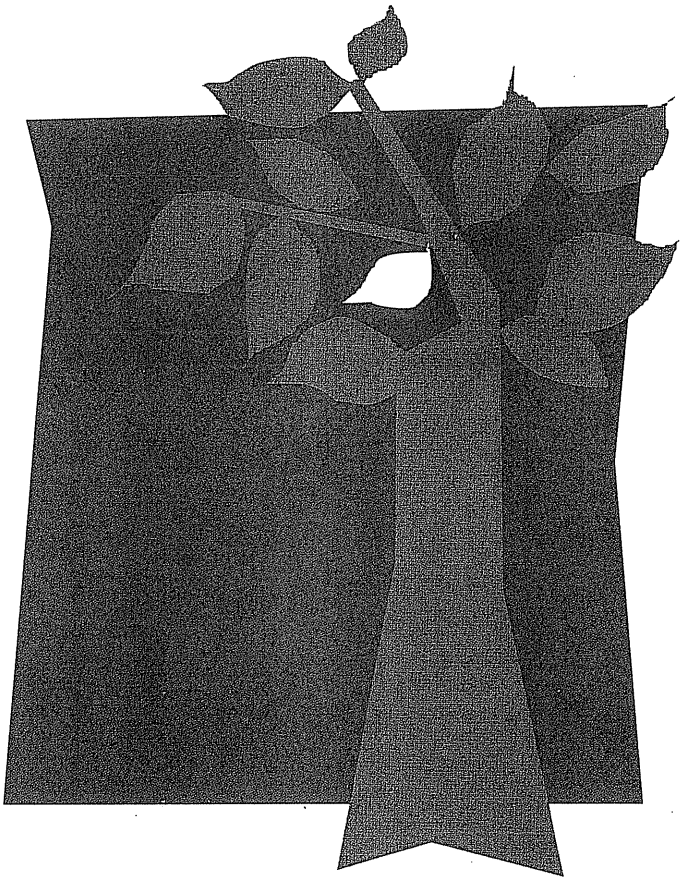

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Tổ chức Triển Lãm - Hội Thảo - Ra Mắt Sách
Nhạc Thính Phòng - Văn Nghệ Thân Hữu

VAALA

11022 ACACIA PKWY # A
GARDEN GROVE, CA 92640
Tel: (714) 537-8352
Fax: (714) 638-1944

viện bảo tàng mỹ thuật với tranh, điêu khắc của Belarus. Có viện bảo tàng khoa học, hay văn chương. Thư viện quốc gia, thư viện Pushkin, thư viện hàn lâm viện khoa học giúp cho dân chúng có nơi để tra cứu.

Giáo dục

Xứ Belarus có một hệ thống giáo dục giống như đa số các quốc gia Âu Châu, từ tiểu tới trung và đại học. Thời gian học cho tới đại học là 12 năm. Tổng số sinh viên của trường đại học quốc gia (State University) ở Minsk là 12.000 người. Trường đại học kinh tế có 10.000 sinh viên. Hàng ngàn sinh viên âm nhạc theo học nhiều môn: nhạc khí, điều khiển dàn nhạc, hát, soạn nhạc, lịch sử âm nhạc và phê bình âm nhạc tại hàn lâm viện âm nhạc tại Minsk. Gần đây có lập thành một ngành nghiên cứu dân tộc nhạc học TS Elena Gorokhovik giảng dạy. Trường mỹ thuật dạy về vẽ, kiến trúc cũng thu hút một số đông sinh viên. Các ngành khác như dược, y khoa, khoa học, vật lý, toán kinh tế, thương mại đều có trường dạy cả.

Tôn giáo

Tính cho tới năm 1996, xứ Belarus có tất cả là 38 tôn giáo khác nhau, đa số là đạo Thiện Chúa. Đạo Hồi, Do Thái, đạo Krishna (Ấn Độ), Jehovah, đạo Bà Hai đều có người theo. Nhà thờ cũng khá nhiều tại thủ đô. Đại thánh đường Saint cũng khá nhiều tại thủ đô. Đại thánh đường Saint Peter, Saint Paul được xây vào thế kỷ 17 được xem là cổ xưa nhứt ở thủ đô Minsk.

Hội nghị nhạc dân tộc

Tôi được mời sang xứ Belarus dự hội nghị về dân tộc nhạc học của dân Slav (International Conference on slav ethnomusicology) từ 23 tới 27 tháng 10, 1996. Tổng số người tham dự hội nghị dân tộc nhạc học slav lần đầu tiên được tổ chức tại thủ đô Minsk của xứ Belarus lên tới khoảng 100 người từ các quốc gia sau đây: Nga, Ba Lan, Belarus, Ukraine, Lithuania, Nam Tư và Pháp. Tôi là người duy nhứt đại diện cho xứ Pháp và được coi là thượng khách của đại hội. Hàn lâm viện Âm nhạc (Academy of Music) của thủ đô Minsk đứng ra tổ chức với một chương trình thảo luận về thành quả nghiên cứu nhạc dân tộc.

Trong suốt bốn ngày đại hội, các đại biểu những quốc gia có mặt được phát biểu công trình nghiên cứu với những bài hát dân ca thu thanh hay quay video. Nhìn chung tôi nhận thấy họ chỉ có một đường lối nghiên cứu chú trọng về thu thanh và ký âm hay nghiên cứu về một số vấn đề có liên hệ tới nhạc dân gian theo chu kỳ đời sống hàng ngày của dân xứ Belarus chứ không bành trướng phương pháp sang những lĩnh vực khác như âm thanh học (acoustics), nghiên cứu đối chiếu (comparative study), xã hội nhạc học (sociomusicology), nhân chủng nhạc (anthropomusicology), khảo cổ nhạc học (archeomusicology), và nhiều khía cạnh khác mà tôi không thể kê khai hết ở đây.

Sự đóng góp của tôi trong kỳ hội nghị quốc tế này.

Với tư cách một nhà nhạc học của Tây Âu và theo trường phái Pháp, tôi được tham luận ở thời điểm quan trọng và tốt nhứt của đại hội. Đó là ngày đầu tiên, sau buổi khai mạc chánh thức với các diễn văn của các nhân vật chính quyền và ban tổ chức.

Tôi được dành cho ba tiếng đồng hồ (thường là 20 phút cho tới 30 phút cho mỗi bài tham luận). Đề tài của tôi không phải là nhạc Việt, mà cũng không có liên hệ gì tới nhạc slav như tất cả những người tới đây tham dự.

Tôi có hai đề tài chánh: 1. Giới thiệu công trình nghiên cứu về giọng hát qua bộ đĩa 3 CD về các loại giọng thế giới do cơ quan nghiên cứu của tôi UMR 9957 thuộc Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học ở Pháp *(Presentation of Vocal Research through the 3 CD set on Voices of the World edited by the French Research Team UMR 9957 of the National Center for Scientific Research); 2. Chiếu cuốn phim về hát đồng song thanh do tôi là đồng tác giả, diễn viên chánh, và người soạn nhạc phim (Showing the Film "The Songs of Harmonics" of which I am the co-author, principal actor and film composer).*

Về đề tài đầu tiên, tôi trình bày phương pháp làm việc của ban nghiên cứu mà tôi là một thành viên. Việc làm đầu tiên là thu thập tất cả những tài liệu về giọng, nhứt là loại giọng đặc biệt, hiếm có mà chỉ có ở một nơi nào trên thế giới. Bộ đĩa này lần đầu tiên gồm những kỹ thuật hát thuộc nhiều truyền thống của năm châu. Đi từ giọng phù thủy Á châu và Mỹ châu, cách than khóc khi có đám tang ở Âu Châu, đến cách hát giọng hầu của dân Eskimo, hay loại hát *yodel* (thay đổi màu sắc giọng từ giọng ngực sang giọng óc) được tìm thấy ở dân Thụy Sĩ, Áo, Trung Phi, Georgia, và đảo Salomon ở Thái Bình Dương, cho đến cách tụng kinh của các nhà sư Đại Hàn, Tây Tạng. Trong bộ đĩa này còn nghe các thể loại hát đồng song thanh của Tây Tạng, Mông Cổ, Tuva, Nam Phi. Một đĩa CD thứ ba hoàn toàn chú trọng đến loại hát đa âm mà thôi (các thí dụ cho nghe đa âm từ hai tới bảy giọng khác nhau cùng hát một lúc). Cách xếp loại không phải dựa theo kỹ thuật hát mà dựa vào phương pháp âm thanh học (acoustical method). Tôi có dịp cho nghe những thí dụ điển hình từ cách gọi thú để cày bừa, hay lùa thú vào chuồng, cách khóc, la buồn thảm khi có người chết, hay hát tập thể. Rồi tôi đưa những bằng chứng âm thanh về cách dùng hơi thở khi ca hát, màu sắc và âm vực, cách luyến láy, cách thay đổi giọng khi mang mặt nạ ở Phi Châu, cách dùng bồi âm và cách dùng giọng để bắt chước nhạc khí.

Về nhạc đa âm, có nhiều loại, khi thì hát hai âm, khi thì ba, bốn, năm âm cùng lúc, với hợp âm, hay song âm với quãng ba, quãng bốn hay quãng năm song song, v.v... Khi giải thích, tôi còn biểu diễn các cách hát khi thật trầm của Tây Tạng, hay cao vút của hát bội Việt Nam, hay tạo giọng khàn biến sang giọc óc o lẫn lộn của múa rối Nhựt.

Sau khi chấm dứt phần giới thiệu dĩa nhạc, tôi bước sang phần giới thiệu cuốn phim hát đồng song thanh với phần biểu diễn trực tiếp về những thể nghiệm của tôi gần đây. Cuốn phim *the Song of Harmonics* được thực hiện trong vòng một năm trời, với tất cả phương pháp hiện đại với máy đo giọng (Sonagraph), với cách dùng xạ tuyến (X-ray) đến cách dạy hát như thế nào. Cuốn phim này đã được bốn giải thưởng quốc tế của xứ Estonia (1990), xứ Pháp (1990), và xứ Canada (1991).

Tất cả các nhà nghiên cứu có mặt tại phòng hội vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Đối với tôi, cuốn phim này chỉ đánh dấu bước đầu của công trình nghiên cứ dài hạn mà tôi hằng đeo đuổi từ hơn 25 năm nay. Tuy nhiên, đối với các nhà ngihên cứu của khối Đông Âu thì hoàn toàn mới lạ. Sau khi tan hội, mọi người tới bắt tay, chúc mừng, khen tặng. Tôi có tặng một bổn của cuốn phim cho Hàn lâm viện âm nhạc nơi đây để dùng làm tài liệu dạy học, cũng như tôi tặng một số dĩa hát nhạc cổ truyền Việt Nam do Bạch Yến và tôi trình diễn. Những tài liệu sẽ được dùng để giảng dạy môn dân tộc nhạc học.

Cảm tưởng của tôi về chuyến đi sang Belarus

Đi sang Belarus lần thứ nhất, tôi có những nhận xét sau một tuần sống tại đó:

1. Về đường lối nghiên cứu nhạc, khối Đông Âu nói chung áp dụng phương pháp nghiên cứu thuộc trường phái cổ xưa của thời đầu thế kỷ 20 (ký âm thật nhiều để đối chiếu về nhạc ngữ, điệu, tiết tấu hơn là đặt âm nhạc trong khung cảnh xã hội, sắc tộc). Chính phủ chỉ chú trọng nhiều về nhạc cổ điển tây phương mà quên đi nhạc truyền thống. Nhạc trên đài truyền thanh và đài truyền hình chỉ cho nghe và xem các ca sĩ nhạc pop, rock, techno, rap. Con cái ở nhà quê lên tỉnh thành đi học, hoặc kiếm việc làm, không màng tới truyền thống dân tộc. Ngay trong trường quốc gia âm nhạc (được thành lập từ năm 1932) bộ môn nghiên cứu dân tộc nhạc học chỉ mới được chấp nhận từ năm 1992, học trò chỉ có chừng 10 người. Phương pháp học chú trọng nhiều về nhạc dân ca Belarus. Học trò không có phương tiện lựa chọn một nơi nghiên cứu xứ ngoài vì không có điều kiện đi ra khỏi xứ Belarus (vấn đề ngoại tệ, và chiếu khán). Ngay trong hàn lâm viện cũng không có một thư viện và tài liệu dĩa hát để sinh viên có nơi để tra cứu, đọc sách, hay nghe nhạc. Giáo sư phải tìm đủ cách để có tài liệu sách dĩa bằng cách xin các bạn bè ở các xứ khác gởi tặng chứ làm sao có tiền để mua khi tiền lương hàng tháng của một giáo sư đại học không bằng lương một ngày của một người thư ký ở Tây Âu. Chính vì thiếu thốn phương tiện làm việc, và không có sách vở để hiểu biết những tiến triển và phát triển môn nghiên cứu dân tộc nhạc học trên thế giới mà khối Đông Âu bị chậm tiến trong lĩnh vực nghiên cứu. Khi tôi sang đây, tôi mang quà cho cô bạn đồng nghiệp của tôi, giáo sư Elena Gorokhovik dĩa hát, sách vở về nghiên cứu nhạc dân tộc. Quà của tôi đối với cô quí hơn vàng giúp cô có tài liệu để dạy học. Tôi tặng cho cô tất cả sách vở và dĩa hát bằng tiền lương một năm làm việc của cô (600 mỹ kim). Không những cô được tài liệu quý giá, mà cô còn dùng để dạy cho sinh viên trong chương trình thiết lập theo tài liệu này.

2. Về đời sống dân chúng, từ khi xứ này được độc lập (năm 1992), dân chúng thấy đồng tiền bị phá giá một cách khủng khiếp. Trong vòng năm năm thôi (từ 1991, năm vừa được độc lập cho tới nay, 1996), tiền bị mất giá mấy chục ngàn phần trăm. Trước khi độc lập, một Rouble trị giá hai Mỹ kim. Với tiền lương 150 Roubles một tháng (tương đương 300 Mỹ kim) người dân sống rất thoải mái. Ngày nay, với

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129

HOÀNG TỐNG
(Tony Hoàng)

Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406

* Tốt nghiệp chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives

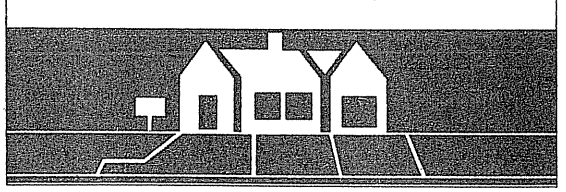

sự mất giá của đồng Roubles, lương một giáo sư đại học là 1.000.000 Roubles (gần 7.000 lần nhiều hơn) nhưng giá trị chỉ bằng 50 Mỹ kim. Nói như thế có nghĩa là sau năm năm, một giáo sư chỉ lãnh 1/3 tiền lương lúc trước, trong khi vật giá đời sống hàng này tăng 20.000 lần! Năm 1992, một vé đi xe bus là 5 kopecks (1 đồng Rouble có 100 kopecks). Năm 1996, một vé đi bus giá 1.000 Roubles (mắc 20.000 lần). Với số tiền lương của một giáo sư đại học chỉ mua được 12 con gà quay, hay 20 kí cá tươi, hay mua một quần Jean Levis.

Nhà hàng rất ít. Có một hôm tôi muốn được đi ăn nhà hàng vào buổi tối để biết dân ở đây có đi ăn cơm ở nhà hàng hay không. Cô bạn của tôi cũng là người hướng dẫn và cũng là người "bảo vệ an ninh" cho tôi, liền nhờ một người bạn trẻ cùng đi chung. Chúng tôi đi gần hai tiếng đồng hồ đi bộ, kiếm một Pizzeria để ăn. Nhưng sau khi tới một Pizzeria thì nhà hàng này chật cả phòng (vào ngày thứ bảy). Rồi lại đi bộ. Tôi thấy trời đã khuya (22 giờ), tôi nói đi kiếm một quán cà phê nhỏ, tôi thấy đầy cả người. Ba người ăn ba sandwich, một dĩa rau, ba chai bia ngoại quốc, tôi trả 130.000 roubles (khoảng gần bảy Mỹ kim).

Món ăn chánh của dân chúng là bánh mì và khoai tây. Một ký khoai giá 1.000 Roubles (khoảng năm cents Mỹ). Đa số dân chúng rất nghèo, phải đi bộ luôn. Tôi phải đi bộ với các bạn đồng nghiệp mỗi ngày gần 10 km, muốn rã cặp giò. Tôi có phương tiện để đi xe bus, xe điện, hay đi taxi. Tuy nhiên, với các bạn đồng nghiệp nghèo hơn tôi, tôi không thể làm như vậy mà phải chứng tỏ mình có thiện chí hòa mình với họ để tránh sự khác biệt giữa người từ một xứ giàu đối với người ở một xứ nghèo (chỉ nghèo về vật chất nhưng rất giàu về hiểu biết).

Có một điều tôi không hiểu là tại sao có một thiểu số người sống rất thoải mái, đi xe Mercedes 500SE, hay Volvo 940, những chiếc xe hơi mà ngay cả các xứ tư bản giàu cũng không phải dễ mua. Họ mặc quần áo sang trọng của những hiệu danh tiếng như Pierre Cardin, Chanel, và họ có thể tiêu xài trong những hộp đêm sang trọng cả ngàn dollars một đêm như là không có gì là khó khăn đối với họ cả. Đó là "bí mật" mà không ai chịu "bật mí" cho tôi biết. Nhìn đời sống ở xứ này, tôi mường tượng chắc cũng giống như cảnh sống ở Việt Nam hiện tại. Lương công chức chỉ có đói mà thôi. Một công chức phải tự tháo vát, tìm việc, đôi khi phải làm hai ba việc ngoài giờ làm việc để tạm gọi là sống được. Còn thương gia biết lươn lẹo, tháo vát, mánh mung thì sống một cách trưởng giả. Hiện tượng này được thấy ở các quốc gia thuộc thế giới thứ ba (Third world), tức là những xứ nghèo muốn tiến tới một cuộc sống khá hơn, hay những xứ nghĩ rằng tư bản là tự do thương mại, tự do làm giàu, tự do kiếm tiền bằng đủ mọi phương cách.

3. Trong suốt thời gian một tuần ở đây, tôi được đưa đi thăm viếng một vài viện bảo tàng, đi nghe nhạc dân tộc của Belarus tại nhà hát lớn, được tiếp xúc với một số nhân vật quan trọng của chính quyền và của các trường đại học. Họ có hỏi ý kiến của tôi về cách làm sao phát huy và bảo vệ nhạc dân tộc. Tôi đưa ra ba đề nghị chính yếu: 1) thành lập ngay một trung tâm tàng trữ tài liệu thu thanh các vùng gần xa trong xứ để sau này có thể củng cố lại nền nhạc dân tộc nếu có phương tiện tài chánh khá hơn; 2) thành lập một hội đoàn gồm các nhà nghiên cứu nhạc để họ có dịp gặp nhau thường xuyên, trao đổi thành quả nghiên cứu qua các hội nghị nhỏ trong xứ; 3) phát hành một tập san nghiên cứu để công bố thành quả, khảo cứu nhạc dân tộc với phần tóm lược bằng Anh văn vì tiếng Anh là ngôn ngữ lưu chuyển (vehicular language) trên thế giới hiện nay. Tôi có hỏi các nhà nghiên cứu của xứ Belarus rằng tài liệu thu thanh từ trước tới nay bây giờ ở đâu, có tại một viện nghiên cứu nào hay không. Họ trả lời rằng tài liệu thu thanh họ thu thập được giữ tại nhà riêng của một nhà nghiên cứu. Chính các nhà nghiên cứu này không có máy móc tốt, nhà cửa họ ở không hội đủ điều kiện bảo lưu. Tài liệu bị tản lạc khắp nơi, có thể bị mai một đi với thời gian. Không có nơi giúp cho giới trẻ nghe, học hỏi thì làm sao khuyến khích giới trẻ đi vào con đường nghiên cứu? Chính phủ không có đủ tài chánh để chi phí cho loại nghiên cứu "dư thừa" này. Nếu các nhà nghiên cứu không có địa điểm để gặp nhau, để công bố những gì họ đang nghiên cứu, không có một tập san để cho họ viết bài vở cho thế giới bên ngoài biết việc làm của họ thì họ chỉ làm việc "cầm hơi," dạy theo kiểu "làm tròn bổn phận của người công dân" thì hoặc đường lối nghiên cứu sẽ cứ như vậy kéo dài với thời gian, hoặc trong tương lai sẽ không tha thiết với việc bảo tồn văn hóa cổ truyền vì không đem lại lợi tức và không có chỗ đứng trong xã hội.

4. Tôi có dịp gặp những đại giáo sư với đầu óc bảo thủ, cũng như những nhạc sĩ trẻ có đầu óc cấp tiến. Hai thế hệ này không thuận với nhau. Tôi chỉ là nhân chứng ngoại cuộc, nên chỉ quan sát mà không thể làm được gì khi mà tình trạng chính trị và kinh tế trong xứ đang ở giai đoạn khủng hoảng. Vào cuối tháng 11,

* Đâu là sự khác nhau giữa sinh viên Oxford và sinh viên Cambridge?

- Sinh viên Oxford tin rằng thế giới thuộc về mình. Còn sinh viên Cambridge thì cóc cần biết thế giới thuộc về ai, miễn là về phần mình, mình có thuộc vào một thế giới nào đấy.

1996, xứ Belarus có một cuộc trưng cầu dân ý để hoặc giao hết quyền định đoạt của đất nước (quân đội, pháp lý, chính trị, kinh tế) vào trong tay một người duy nhứt là tổng thống xứ này. Dân chúng nghèo đói quá nhiều không còn sáng suốt để quyết định và không cần tìm hiểu chi cho mệt trí. Thành phần trí thức hoàn toàn chống lại cuộc trưng cầu dân ý mang tính chất độc tài để trị quốc. Nhưng họ thuộc thiểu số. Lương của công chức có khi trả, có khi không. Có nhiều nơi công chức làm việc cả tháng mà không lãnh lương vì tài chánh của chính phủ bị kiệt quệ. Mỗi người công chức đều có một nhà riêng (gọi là *dacha*) ở ngoại ô để trồng rau, khoai tây ăn cho đỡ tốn. Chính phủ cho những người từ 60 tuổi được đi xe lửa miễn phí từ tháng 6 tới tháng 10 để họ có thể đi tới nhà riêng trồng trọt và làm xong mùa màng tàng trữ khoai tây, cà rốt và một số rau cải khác cho trọn mùa đông. Nhưng dân chúng vẫn đói, vẫn mệt mỏi vì phải xài rất nhiều sức để có miếng ăn. Thay vì cho dân chúng một đời sống thoải mái, ăn uống đầy đủ, sách vở tài liệu đàng hoàng thì nền kinh tế sẽ được phát triển, văn hóa sẽ được nẩy nở, nghiên cứu sẽ được bành trướng.

Có đi sang các quốc gia thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũ, tôi mới thấy sự khác biệt về tư tưởng, suy luận, phương pháp nghiên cứu giữa khối tự do và khối xã hội chủ nghĩa. Ở đây nghiên cứu bất cứ một địa hạt nào cũng không có điều kiện. Một nhà nghiên cứu muốn được đi ra xứ ngoài, điều kiện đầu tiên là phải có giấy mời chánh thức của hội nghị, hay một trung tâm nghiên cứu để họ có thể xin giấy chiếu khán xuất ngoại và chứng tỏ với bộ Nội vụ và bộ Ngoại giao của xứ họ là thời gian ở xứ ngoài hoàn toàn được hội nghị hay trung tâm nghiên cứu đó tài trợ. Đôi khi họ còn được hội nghị gởi giấy máy bay mời luôn. Tuy nhiên, mặc dù hội đủ điều kiện giấy tờ để được xuất ngoại, cái khó khăn khác là làm sao có ngoại tệ để tiêu xài hay mua quà hay xài lặt vặt trong thời gian ở hải ngoại. Đôi khi họ phải mượn tiền bạn bè, hay gia đình để rồi khi trở về xứ, phải cày trả nợ cả mấy năm trời. Với đường lối chính trị hạ thấp dân trí, bần cùng hóa nhân dân, đa số dân chúng của các xứ xã hội chủ nghĩa chỉ biết cắn răng chịu đựng nhịn nhục, cúi đầu chấp nhận một cách đau đớn thầm lặng mà không biết làm sao thay đổi cuộc sống.

Một vài kỷ niệm đẹp khó quên
Một buổi cơm tối đúng truyền thống

Khi tôi mới tới phi trường, qua khỏi chỗ xét hành lý, tôi gặp cô Elena Gorokhovik, một nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học chuyên về nhạc Ấn Độ, đón tôi ở phi trường và có nhiệm vụ "bảo vệ" tôi suốt thời gian ở Minsk. Cô Elena Gorokhovik đã gặp tôi tại Moscow năm 1993 khi tôi sang Moscow dạy ở trường âm nhạc Tchaikovsky. Cô đã theo học lớp của tôi. Ba năm sau, cô này ở trong ban tổ chức hội nghị và gởi giấy chính thức mời tôi sang xứ của cô. Tôi được đưa bằng xe hơi của ban tổ chức về khách sạn sang trọng của thành phố dành cho công chức cao cấp, nhứt là quân đội. Cô này cho tôi biết là nơi đây "an toàn" hơn là ở khách sạn quốc tế (lý do là tại khách sạn quốc tế có nhiều cô gái buôn hương bán phấn và những người địa phương tới quấy rầy các du khách ngoại quốc có nhiều ngoại tệ). Khách sạn tôi ở có tên là Sorok Lyet Pobyedy (40 năm chiến thắng), một loại chung cư với 11 từng lầu. Tôi ở phòng 42, lầu bốn. Trong tất cả những người tham dự hội nghị này chỉ có bốn người được ở tại đây, còn tất cả những người khác phải ở tại một nơi tập thể (một phòng cho bốn người, giống như dormitory). Khách sạn cho là sang, mà cửa phòng của tôi ở có ổ khóa lung lay, mất cả 30 giây mới mở cửa ra được. Bên trong có một cái giường nhỏ, một bàn làm việc, phòng tắm và cầu tiêu chung. Các ống dẫn nước bị rỉ sét hết. Tôi nhìn quanh mà thấy đau lòng. Đối với tôi, chỗ ở không mấy quan trọng nhưng khi thấy sự điêu tàn của khách sạn, tôi có ấn tượng là đời sống dân nghèo sẽ còn khổ hơn nhiều. Tối nay, cô Gorokhovik nói là mời tôi về nhà cô ăn cơm tối. Tôi từ chối vì không muốn làm phiền. Cô này nhứt định mời vì cô nói là đã định như vậy trước khi tôi sang đây. Thế là tôi cùng đi bộ với cô. Cô nói đi bộ sẽ làm cho cơ thể cử động tốt cho sức khỏe. Tôi không dám cãi. Mặc dù mệt vì chuyến đi máy bay từ Paris sang đây (phải đổi máy bay ở Frankfurt bên Đức), tôi cũng phải tỏ ra là mình vẫn "khỏe." Đi cả gần hai tiếng đồng hồ mà vẫn chưa tới. Tôi được cô này giải thích từng nơi đi qua. Nào là công viên xưa nhứt thành phố, con sông duy nhứt chảy qua thành phố, khu thương mại buôn bán dành cho dân "khá giả." Cô giải thích chỗ nào tên gì, có gì lạ, thành ra đi bộ cũng vui. Tôi đề nghị với cô

* "Bác sĩ của anh đã cứu sống anh?"
"Đúng thế. Tôi đã gọi mà ông ta không đến."

* "Vậy là cậu muốn làm rể tôi phải không?"
"Không hẳn như vậy. Tôi chỉ muốn cưới con gái của ông."

* "Anh có thể cho em biết vì lý do gì mà anh không thể cưới em?"
"Anh có thể cho em biết luôn bốn lý do: vợ và ba con của anh."

mua hoa để tặng bà mẹ cô này. Cô đưa tôi tới một hầm xe điện. Hoa hường có đủ loại. Tôi lựa ba hoa hồng thật đẹp giá 100.000 roubles. Sau đó tôi nói với cô nên lấy xe bus đi về nhà cô vì tôi mệt quá. Cô ta nghe lời. Tôi mua 20 giấy bus giá 20.000 roubles (1 dollar). Trong khi đứng chờ xe bus, tôi nhìn thấy mặt dân chúng người nào người nấy buồn hiu như trời sắp chuyển mưa.

Nhà cô Gorokhovik ở trong một khu chung cư được xây cất cách nay trên 40 năm. Cô nói là cha mẹ cô đã mua căn nhà này rồi. Bên ngoài vì thiếu trùng tu nên cũ nát. Nhà cô ở từng thứ sáu, có thang máy. Vào nhà một giai cấp trí thức ở Belarus, điều tôi thấy trước nhứt là một tủ sách to tướng trong phòng khách. Gặp bà cụ (63 tuổi) coi già như 70 tuổi. Bà gốc Do Thái. Sau khi chào hỏi bằng tiếng Anh pha tiếng Pháp vì bà này biết nói cả hai thứ tiếng, tôi được mời ăn cơm tối. Bà nói là nấu cho tôi những món đặc biệt của xứ này. Đó là điều tôi mơ ước mỗi khi tôi tới một quốc gia nào: được ăn món ăn thuần túy, đặc biệt của xứ đó, không cần phải cao lương mỹ vị, nhưng phải là món ăn cổ truyền. Món ăn đầu tiên tên là Borshtch tức là món súp có chất béo của sữa (whole cream), cải đỏ (red cabbage), củ cải đường (beet root), khoai tây, cà rốt, vị hơi ngọt. Tiếp theo là món ăn chánh với khoai tây tán nhỏ vò thành miếng rồi chiên, uống Vodka địa phương chung với dưa leo ngâm dấm và của hành tươi thái nhỏ. Món này có tên là Draniki.

Ăn lạ miệng chứ không ngon lắm. Sau cùng ăn bánh tarte táo (apple pie) do cô Gorokhovik làm. Chót cùng là tôi được uống nước syrup với trái cam quít nấu chung. Sau khi ăn xong, ở chơi một chút rồi tôi kiếu từ đi về khách sạn. Cô bạn phải đưa tôi về nhà bằng xe bus rồi đi bộ 45 phút mới tới khách sạn. Sau đó cô ta phải đi bộ trở về nhà một mình. Tôi giữ mãi kỷ niệm khó quên của sự hiếu khách của người Belarus qua cô Gorokhovik. Cô nghèo mà lòng rất rộng. Hình ảnh đầu tiên khi đặt chân xuống một quốc gia mới tới lần đầu là một hình ảnh đẹp. Đó là điềm báo hiệu tốt cho chuyến đi này. Quả đúng như vậy. Một tuần lễ này mang lại cho tôi những cuộc gặp gỡ vui vẻ như buổi gặp ông phó giám đốc hàm lâm viện âm nhạc đã đãi tôi uống rượu vodka có hình con bò Bison và ăn bánh ngọt. Ông này còn tặng tôi những quyển sách dạy đàn dương cầm do ông viết theo phương pháp giáo khoa sư phạm. Một cuộc thăm viếng viện bảo tàng, một buổi nghe nhạc dân tộc.

Gặp các nhạc sĩ trẻ hòa nhạc chung

Kỷ niệm khó quên thứ hai là buổi gặp gỡ các nhạc sĩ trẻ tại trường đại học kỹ thuật vào ngày chót trước khi tôi lên đường về Pháp. Tình cờ, một cậu nhạc sĩ trẻ nghe có tôi tới dự hội nghị và biết tôi là người hát đồng song thanh đặc biệt liền chạy tới tìm tôi mặc dù cậu này không được mời dự hội nghị. Cậu này tên là Yura, một nhạc sĩ nhạc Rock, Techno, nhưng thích nghiên cứu. Cậu năn nỉ tôi tới phòng thu của cậu ta có nhiều máy móc thu thanh cận đại và muốn cho tôi nghe các bản nhạc do cậu ta hòa âm và chiếu cho tôi xem phim nghiên cứu dân ca và những buổi trình diễn nhạc world music. Tôi bằng lòng ngay và từ giã các người nghiên cứu để đi tới gặp một nhạc sĩ trẻ làm nhạc mới. Cậu này tuổi khoảng 25, đã đi về nhà quê thu thập tài liệu và cùng hát với mấy bà già ở nhà quê. Sau khi thu thập tài liệu mang về thủ đô, Yura mới ký âm, tập với các nhạc sĩ của ban nhạc và phối âm phối khí phù hợp với nhạc thời trang và trình diễn trên sân khấu. Tôi nghe nhạc rất thích vì nhạc có tính sáng tạo. Tôi mới biểu diễn cách hát đồng song thanh. Yura thích quá, xin phép được quay tất cả lời giải thích của tôi về cách hát đồng song thanh. Tôi cho thấy ngay cách truyền dạy của tôi thật là mau, chỉ cần hai phút là có thể hát được ngay. Trong nhóm nhạc sĩ có mặt có một cậu trẻ tên là Dima rất có khiếu về nhạc khí cổ truyền. Tôi chỉ cho Dima và một cô ca sĩ. Chỉ vài phút là cả hai hát đồng song thanh được ngay. Họ mừng quá và cám ơn tôi rối rít. Yura ngõ ý nếu tôi muốn thì cùng

PHÂN ƯU

Chúng tôi vừa nhận được tin buồn:

Cụ PHẠM HUY GIANG

Kỹ Sư Công Chánh hồi hưu

Vừa mãn phần
ngày 17 tháng Mười Hai năm 1996,
nhằm mồng 7 tháng Một Bính Tí
tại Arlington, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 94 tuổi

Chúng tôi thành kính chia buồn với
Ông Bà Nguyễn Ngọc Linh, Chủ
Nhiệm Bán Nguyệt san Ngày Nay,
cùng toàn thể tang quyến,
và nguyện cầu hương hồn Cụ
sớm siêu sinh tịnh độ.

Tạp chí THẾ KỶ 21
Nhật báo NGƯỜI VIỆT
Đài phát thanh VNCR
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

thử với nhau phối hợp cách hát đồng song thanh vào hai bài hát đã thu sẵn trong minidisc, nghe từ computer. Tôi nghe thử hai bản nhạc thấy thích và nghĩ có thể phối hợp với cách hát đồng song thanh.

Tôi thử bài đầu sau khi nghe giai điệu nhạc lần đầu. Cả mấy người trong phòng đều say sưa theo dõi. Một cô nhạc sĩ đã quay video cuộc thể nghiệm này. Bài thứ hai cũng được thu và mọi người đều hân hoan trước sự trao đổi nghệ thuật hiếm có này. Tôi được Yura làm cho tôi một bổn sao phim vidéo thu buổi gặp gỡ hi hữu này. Cậu ta còn tặng tôi một đoạn hát dân ca thu thập tại một làng nhỏ ở Belarus, và một đoạn cho thấy ban nhạc của Yura trình diễn nhạc dân ca cải biên. Cô Gorokhovik nói với tôi là cô ta chưa thấy ai làm việc hăng say như tôi. Chỉ có một tuần mà việc tôi thu thập được bằng một người phải sống ít nhứt là hai tháng tại đây mới có những cơ hội hiếm có như thế.

Những kỷ niệm khác cũng vui đối với tôi là buổi đi viếng chợ bán rau cải, trái cây, thịt, và các loại áo quần ở chợ trời lớn nhứt tại thủ đô Minsk, cũng như đi mua đồ tại một siêu thị sang trọng lớn nhứt của thành phố. Tôi có đi uống bia ngoài đường, ăn cà rem, cũng như vào tiệm sang uống capuchino, ăn bánh ngọt. Tôi được đi ăn cơm ở nhà hàng sang cũng như nhà hàng bình dân, được thấy giới trẻ đi nhảy đầm tối thứ bảy với các loại nhạc disco, punk, rap, techno.

Tất cả những kỷ niệm đã được xảy ra đúng lúc, đúng thời, và hoàn cảnh thuận tiện cho tôi với sự hướng dẫn của một người được sinh ra tại thành phố này, của xứ này, hoàn toàn sẵn sàng làm vui lòng tôi để đáp lại sự tử tế của tôi ba năm về trước tại Moscow, cũng như lúc cô đi sang Pháp vào năm 1995 nhờ vào lá thư mời của tôi, cũng như tất cả tài liệu âm nhạc mà tôi đã tặng cho cô để có đủ sách vở dĩa hát dạy học. Tôi không bao giờ chờ đợi một ngày nào đó tôi sang xứ này và tôi cũng không bao giờ nghĩ rằng cô ta sẽ đáp lại sự tử tế của tôi. Quả đất tròn, tôi được đền đáp ngay trong lúc sinh tiền và điều đó làm cho tôi sung sướng có thêm nhiều bạn mới ở một quốc gia mới.

Tôi có viết một bài thơ để kết thúc bài du ký này.

Lần đầu tới viếng tỉnh Minsk
Được mời tham dự linh đình đón đưa.
Dân ca bàn cãi say sưa
Thành công hai giọng tranh đua hội đàm
Vang danh tiếng tốt Việt Nam
Thỏa lòng hả dạ việc làm năm châu
Công trình nghiên cứu từ lâu
Giờ đây phổ biến muôn màu đẹp tươi. •

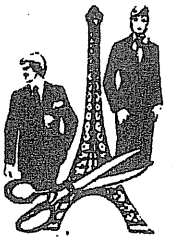

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• Nhận cắt may đồ Veste, sang trọng và nghệ thuật
• Huấn luyện từ A đến Z những ai muốn học nghề may hoặc muốn tu nghiệp nâng cao tay nghề.

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: **(714) 373-4085**

TÔI CHƯA DÁM HÃNH DIỆN LÀM MÁN

PHƯƠNG ANH

Một học giả chuyên khảo Hán Văn và đang dạy bằng Hoa Ngữ ở bậc đại học có lần đưa ra nhận xét là nếu có những chữ đã được dùng và hiểu 'như hồi nào tới giờ dù có sai'' thì cũng cứ để nguyên đó mà dùng, chẳng sao cả. Học giả này nêu nhận xét đó sau khi chính những từ Hán Việt ông dùng đã bị chỉ trích. Nhưng người chỉ trích ông cũng đều là những học giả, nếu không bằng ông thì cũng hơn ông, cho nên những người không phải học giả chẳng có lý do gì để mà nêu nghi vấn về những gì các ông ấy bàn với nhau. Bổn phận của những học giả này là chỉ dạy điều ngay lẽ phải cho những người không phải là học giả. Kẻ sĩ được nêu tên trong ngũ tước và được xếp đứng đầu hàng dân giả không phải là không có lý do. Và đã nói tới dân, nhất là những người vẫn được gọi một cách rất trung thực là 'hgu'' và ''khu đen'' như tiếng vẫn hay được các nhà báo dùng để diễu cợt, thì thói quen phải được coi là quan trọng.

Cho nên nếu có ai đó nhất định đòi phải dùng ''để kháng'' thay vì ''đề kháng'' như vẫn thấy từ lâu nay thì chắc chắn người đó sẽ bị coi là ''lắm chuyện'' hay ''thợ vẽ, chuyên bày thêm trò cho rắc rối cuộc đời.''Một đôi lần đã có người giải thích rõ ràng đâu đấy về nghĩa của từ ''hỗ'' trong Hán Việt (hỗ = lẫn nhau) để yêu cầu dân gian từ nay đừng bao giờ viết những câu đại loại như 'Mỹ đưa quân tới *hỗ trợ* nhân dân Somalie chống lại các lãnh chúa lâu nay hà hiếp họ'' bởi lý do quân Mỹ được đưa tới đó để giúp dân Somalie chớ không hề có sự giúp đỡ ngược lại cho đúng với ý nghĩa của từ ''hỗ.'' Và rồi ''hỗ trợ'' như đã thấy, vẫn được dùng tùm lum, với ý nghĩa 'giúp đỡ,'' mà chẳng ai màng tới ý nghĩa thực sự như đã được các học giả cố gắng giải thích. 'Help,'' hay ''assistance'' gần như vẫn được dịch là 'hỗ trợ'' tuy rằng khi ông cảnh sát ra tay can thiệp để cứu một phụ nữ đang có nguy cơ bị hành hại thì ông ta chỉ giúp cô ấy thoát nạn chớ chẳng mấy khi được cô ấy nhảy ra đỡ đạn giùm nếu chẳng may cái tên cùng hung cực ác đó rút súng nhanh hơn người đại diện luật pháp.

Có phần chắc là những người dùng từ 'hỗ trợ'' thừa biết ý nghĩa đúng của từ đó nhưng thói quen hồi nào tới giờ đã vậy thì vạ gì lại mất công suy nghĩ để tìm ra một chữ khác đúng hơn làm chi? Cho nên lâu nay những tòa nhà xây thật cao, thật to, ngăn ra làm nhiều phòng và cho nhiều người ở vẫn được gọi là 'chung cư'' hiểu theo nghĩa ''ở chung với nhau.'' Hoặc đất nước mà chúng ta đang tá túc đây vẫn hay được gọi dông dài là Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ, hiểu theo nghĩa là có nhiều chủng tộc tới đây, hợp nhau lại, lập thành quốc gia cường thịnh ở miền Bắc Mỹ Châu này. Hoặc những cái dở ẹt của mình thì 'yếu điểm'' chớ không phải là ''nhược điểm.'' Những học giả từng viết bài bảo rằng ''đó là chúng cư chớ không phải là chung cư,'' hoặc ''Hợp Chúng Quốc chớ không phải là Hợp Chủng Quốc,'' hoặc ''nhược điểm trầm trọng nhất của ông chồng đẹp trai của tôi là cứ nằm ì ra bắt vợ hầu''chớ không phải là ''yếu điểm'' của ông ấy (yếu điểm của ông ấy ở chỗ khác) thì phần lớn đều bị làm ngơ, bị gọi là 'puriste,'' hoặc bị diễu là ''lấy le, khoe kiến thức và bày đặt.''

Người học cao xét thấy mình mang trách vụ giáo hóa nhân dân cho nên ra sức dạy bảo những cái hay cho dân là điều rất đúng. Nhưng bảo rằng những người dân phe lờ các ông ấy, hay chế diễu các ông ấy, là sai, thì có lẽ cũng không hoàn toàn đúng. Phó thường dân đầu tắt mặt tối kiếm cho ra cái ăn bỗng thấy ngày nay mình còn phải thêm cái vạ nữa là mỗi lần mở miệng phải đánh lưỡi tám lần - bảy lần đầu là để coi có làm phật ý người nghe hay không theo đúng điều đã được ông bà dạy dỗ từ lâu nay, và lần thứ tám là để coi chữ mình định nói có đúng với những bài giảng dạy của các học giả hay không - thì quả là quá phiền. Vì thế mà thường dân đành phải phe lờ kẻ sĩ sau khi đọc xong và nức nở khen ngợi kiến thức của các vị. Hồi xưa dân quê toàn đi chân đất hoặc quá lắm là cưỡi ngựa hay ngồi xe bò cho nên đã nhất định gọi chiếc xe có hai bánh mà mình phải ngồi lên rồi cong lưng đạp hộc xì dầu thì nó mới chạy tới là 'xe máy'' dù chẳng thấy nó có cái máy nào đẩy mình đi. Mấy chục năm sau, kỹ thuật hiện đại đưa tới Sài Gòn những chiếc xe gắn thêm một cái máy của hãng Sachs, có thể phóng tới 60 kilômét mỗi giờ thì phe mình hết chữ. Đành gọi nó là 'xe gắn máy,'' có lẽ để phân biệt với chiếc xe máy mà không có máy hồi trước. Thậm chí dạo đó được ngồi trong một cái phòng nhỏ tự do và thoải mái giải quyết nhu cầu sau khi ăn uống thay vì phải chạy ra ngoài đồng không mông quạnh cho muỗi cắn thì ông bà mình đã tả cái chỗ ngồi có thể giật nước cái ào đó là 'cầu tiêu máy.'' Nghĩa là cái gì khác lạ, ngon lành hơn, tiện lợi hơn, là nhờ ''máy'' ráo trọi.

Dĩ nhiên cũng không ai dốt đến độ không biết xe đạp là cái gì; nhưng bảo rằng 'bicycle'' là xe đạp chớ không phải xe máy thì các quí ông bà từng mê văn Hồ Biểu Chánh nhất định

sẽ nhổ trầu phẹt một bãi rồi đi chỗ khác. Đồng ý là thời đại máy tính điện tử bây giờ đòi hỏi chính xác; nhưng buộc phải gọi cái "automobile" là xe ô tô thay vì là xe hơi bởi vì chữ "xe hơi" đúng ra phải được dùng để dịch chữ "steam roller" mà hồi nào tới giờ vẫn thường được gọi là "xe hủ lô" thì phiền quá. Tất nhiên là chỉ có khói chớ có ai thấy hơi hám gì đâu mà gọi là xe hơi; nhưng sửa lại thành "xe khói" (?) hay "ô tô" xem chừng nhưng không mấy cần thiết. Còn giả tỉ có ai đó kể "sáng nào tôi cũng phải lái xe hơi làm đường" thì 99,99% người nghe sẽ chẳng hiểu đương sự làm cái nghề quái gì. Ấy là chưa kể ngày nay, "steam roller" của Mỹ cũng không hề dùng hơi nước để chạy như xe hủ lô trong nước mình ngày trước. Trong trường hợp này, "xe hủ lô" (rouleau) xét ra vẫn còn hợp thời chán.

Cho nên trong rất nhiều trường hợp, bắt xài chữ cho thật đúng với nghĩa của chữ là chuyện khó, nhất là khi đã có quá nhiều người quen với nghĩa sai của chữ đó. Dạo trước dân miền khác về thăm thân bằng quyến thuộc ở Sài Gòn cứ bị chủ nhà mời "Đi Sài Gòn chơi." Khách ngơ người hỏi lại "Chớ bộ đây chưa phải là Sài Gòn sao?" Tới lúc đó chủ nhà mới chợt nghĩ lại "Ừa hén. Dậy mà hồi nào giờ mình cứ tưởng ra chỗ bùng binh để đi chợ mới là đi Sài Gòn." Nhưng rồi sau đó, nếu khách ở lại một thời gian, hoặc sống luôn tại Sài Gòn, thì khách cũng sẽ rủ người khác "Đi Sài Gòn chơi."

Nói lông bông nãy giờ chỉ là để bày tỏ lòng biết ơn một cách khó khăn đối với công trình sưu khảo của một học giả. Học giả này là một Bác Sĩ Y Khoa nhưng sau này chuyển qua nghiên cứu, sưu khảo và thỉnh thoảng viết về dân tộc và ngôn ngữ dân tộc. Tất cả những công trình sưu khảo đó đều công phu, đều có chứng minh đầy đủ sách vở và đều cho thấy là học giả rất nghiêm chỉnh, rất khoa học khi thực hiện cuộc nghiên cứu. Năm ngoái, người đọc đã đọc một bài viết trong đó ông chứng minh rằng tổ tiên ta ở nước Xích Quỉ ngày xưa và tổ tiên các thổ dân da đỏ ở Mỹ có liên hệ với nhau. Trong bài, ông cũng có viết rằng tên của tiểu bang Oklahoma ở Mỹ là biến thể của "Xích Quỉ" (Oklahoma xuất phát từ ngôn ngữ của thổ dân Choctaw, có nghĩa là "người đỏ, dân đỏ"). Mọi người đều nhìn nhận và khen ngợi ông đã bỏ công khó. Dù sao thì có liên hệ với các chiến sĩ da đỏ hùng dũng như đã thấy trong phim cũng là điều đáng hãnh diện mặc dù ngày nay, sau bao nhiêu áp bức bất công của đám bạch quỉ, dòng giống xích quỉ ở đây hết thích cưỡi ngựa giao chiến mà khoái nằm khoèo ở nhà sau khi nhậu cho đã và chỉ thích bài bạc thay vì súng ống cung tên như xưa.

Mới đây, học giả nầy đã trở lại vấn đề, bàn luận sâu hơn nữa, cũng với những chứng minh đầy đủ sau một công trình nghiên cứu cũng nghiêm chỉnh và khoa học, để kết luận rằng "Man Di Xích Quỉ là người suy tư, là con trời, là người trời, là người đỏ" và cả quyết qua tựa đề và câu kết luận rằng "tôi, nguyễn xuân quang, hãnh diện là man di xích quỉ của hừng việt" (Hợp Lưu số 31, tháng 10 và tháng 11). Bài viết cũng chứng minh rất đầy đủ rằng man di, mọi rợ, mán, mường... đều chẳng có nghĩa gì xấu cả; trái lại, theo ông, tất cả chúng ta đều nên vỗ ngực nhận mình là man di. Đọc bài ông ai cũng hãnh diện và cũng muốn viết hẳn một tấm bảng lớn đề hai chữ "Man Di" mang trước ngực. Nhưng nghĩ lại thấy hơi ngại. Tin ông và lấy làm thích thú khi đọc công trình nghiên cứu của ông nhưng ngó lại sơ sơ mấy quyển tự điển vẫn hay được người Việt không phải học giả đọc và tra cứu hàng ngày thì vẫn thấy những chữ đó mang ý nghĩa hơi khác. "Man di" theo một tự điển là "Mọi rợ, giống người thiểu số sống trong rừng sâu." Trong cùng tự điển đó "mọi" được coi là "tiếng dùng để mắng, để gọi đám đầy tớ, nô lệ, hồi xưa." Thành thử ra đường gặp người nào đó mà chỉ mặt bảo anh ta rằng "thưa ông ông là một ông man di" thì e là sẽ ăn đạn chẳng chóng thì chầy. Hoặc nếu cao hứng bảo một cô gái đẹp: "Biết cô là cây quế cho nên để mán mường nó leo thì sẽ là chuyện rất xứng hợp, rất đáng hãnh diện cho cô và cả gia đình" thì nhẹ lắm cũng sẽ bị cô bợp cho mấy cái. Những ai tin và nghe theo lời học giả mà sử dụng những chữ đó theo nghĩa mà ông đã dạy thì e khó thoát nạn. Và tới lúc lâm nạn thì e là đã phiêu diêu miền cực lạc trước khi có thể chìa mấy công trình thâm cứu của học giả ra để chứng minh thiện ý của mình.

Mấy chục năm nay, phe mình đã quen mắng mỏ những kẻ không ra gì là thứ man di mọi rợ rồi. Bây giờ, nghe theo học giả mà dùng những chữ đó để khen ngợi hay "vỗ ngực hãnh diện" thì hơi sợ. Thôi thì cứ khâm phục ông và rồi ăn nói cho giống với mọi người tầm thường quanh mình cho chắc ăn. •

* Một con chó rẻ hơn một người vợ. Giấy chứng nhận của nó ít tiền hơn, hơn nữa nó lại có sẵn một cái áo lông.

* Chó sủa là chó không cắn — ít nhất là khi nó đang sủa.

* Chó là người bạn duy nhất mà người ta có thể mua bằng tiền.

* Chắc chỉ là tình cờ thôi, nhưng bạn thân nhất của con người (là con chó) thì lại không nói được.

GỢI Ý VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP "HỌC VẦN QUỐC NGỮ"

PHẠM NGUYỄN ĐOÀN

Trong những năm qua, việc giảng dạy và học hỏi tiếng Việt tại hải ngoại đã ngày một phát triển. Thành quả đó trước hết là do nhiệt tâm của những thầy cô giáo và tấm lòng trân trọng của các bậc cha mẹ đối với tiếng mẹ đẻ. Để vượt qua những trở ngại ban đầu về mặt tài liệu giảng dạy, các thầy cô giáo đã hết sức linh động tháo vát, tìm tòi trong thư viện để có thể có những quyển sách học tiếng Việt (từ sách học vần đến sách tập đọc, giảng văn). Một số nhà xuất bản cũng kịp thời nhận thấy sự cần thiết phải đáp ứng nhu cầu tài liệu giảng dạy tiếng Việt, nên đã cho tái bản các sách soạn từ thời trước nay còn giữ được. Gần đây cũng đã có một vài nhóm soạn giả khởi công bù đắp những thiếu thốn về mặt tài liệu giảng dạy, và đã biên soạn các sách học tiếng Việt ở mọi trình độ. Vài công trình của những nhóm soạn giả ở Úc đã được phổ biến rộng rãi, được biên soạn theo phương pháp song ngữ Anh Việt nên thích hợp cho những nơi sử dụng tiếng Anh. Sự quan tâm của các giới đã là nguồn khích lệ đối với thầy cô giáo đang thực sự đảm nhận việc giảng dạy tại các lớp tiếng Việt mà không phải lúc nào và ở đâu cũng có đủ tài liệu sẵn trong tay.

Hiện nay một số câu hỏi liên quan đến việc dạy và học tiếng Việt cho con em tại hải ngoại hầu như chưa được đặt ra rộng rãi. Đó đây chỉ rải rác một đôi bài nghiên cứu hay tham luận lẻ loi. Trong bài này, chúng tôi muốn được nối đuôi các người đi trước (Bửu Khải và Phạm Văn Lưu) (1) mà bàn góp một vài ý cho việc biên soạn tài liệu giảng dạy học sinh tập đọc chữ quốc ngữ ở giai đoạn đầu tiên, giai đoạn mà chúng ta thường quen gọi là 'học đánh vần."

*

1. Học đánh vần quốc ngữ thực chất là học đọc ở buổi đầu tiên trong một quá trình học tiếng Việt qua chữ viết. Trước khi học đọc và viết tiếng Việt, học sinh có thể đã được học nói tiếng Việt rồi, đã được nghe nói chuyện và kể chuyện bằng tiếng Việt sẵn rồi, do vậy đã có thể có sẵn một số vốn từ. Bước vào giai đoạn học đọc và viết là một bước chuyển quan trọng: giờ đây, học sinh bắt đầu tiếp xúc với một hình thái ngôn ngữ viết. Học đọc chính là học tiếp cận với ngôn ngữ tiêu chuẩn, ngôn ngữ văn hóa của tiếng Việt. Chúng tôi nghĩ là học sinh cần phải được chuẩn bị để *học kĩ, đọc đúng.*

Điểm khởi hành của phương pháp *học kĩ, đọc đúng* là những suy nghĩ xung quanh câu hỏi: làm thế nào để có thể dạy trẻ mới học tiếng Việt ở giai đoạn *đầu tiên* cho được hiệu quả nhanh chóng? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần soát lại những sách xuất bản trước đây về vấn đề dạy 'đánh vần." Theo sự tìm hiểu của chúng tôi thì cho đến nay các sách ra đời trong bao nhiêu thập kỉ qua, dù ở trong nước hay tại hải ngoại, đều nối tiếp một truyền thống phương pháp đã được phổ biến từ thời bộ sách QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ được soạn ra. Bố cục của phần dạy đọc vần (Lớp Đồng Âu) gồm ba phần như sau:

(1) giới thiệu các chữ ghi âm vị và sáu giọng của tiếng Việt (14 bài);
(2) kết hợp một âm tiết mở của tiếng Việt (9 bài);
(3) học các vần của một âm tiết tiếng Việt (10 bài).

Các tác giả đã tiếp thụ những kiến thức mới mẻ nhất về ngữ học ở thời đại các vị để biên soạn phần sách nói trên. Có thể nói là phương pháp do Trần Trọng Kim và các cộng sự của ông là cơ sở biên soạn của bao nhiêu sách giáo khoa về sau này, kể cả bộ sách HỌC VẦN của Nxb. Giáo Dục sau năm 1975. Một vài công trình soạn gần đây tại Hoa Kì cũng bảo là dựa trên cơ sở ngữ học, nhưng đã không tỏ ra tiến hơn thời đại của bộ sách QVGKT là bao (2) về những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt.

Giá trị của 'phương pháp QVGKT' chính là ở chỗ các tác giả dựa trên cơ sở ngữ âm để xác định các đề mục giảng dạy học vần. Nhưng phương pháp này đã gặp phải trở ngại lớn về mặt lí luận cần phải giải quyết: (1) trên cơ sở ngữ âm học tiếng Việt, cần phải trả lời thỏa đáng mấy câu hỏi sau đây: thế nào là một âm tiết tiếng Việt? vần có vai trò gì trong âm tiết? đâu là ranh giới một âm vị tiếng Việt? tiếng Việt có bao nhiêu nguyên âm? có âm đệm trong âm tiết tiếng Việt hay không? chữ viết (chữ quốc ngữ) có quan hệ ghi âm với các âm vị tiết tiếng Việt trong chừng mực nào?... (2)

về mặt sư phạm, làm thế nào để giúp trẻ liên kết giữa âm vị và chữ viết của một từ? dạy học "đánh vần" tiếng Việt nghĩa là gì? dạy học "đánh vần" thế nào để có kết quả nhanh nhất?...

Duyệt lại hệ thống ngữ âm tiếng Việt, chúng tôi thấy còn có nhiều vấn đề cũng cần phải giải quyết trước khi có thể bắt tay vào việc biên soạn tài liệu giảng dạy tiếng Việt theo phương pháp "học kĩ đọc đúng."

Trước hết là vấn đề đơn vị cơ bản của tiếng Việt: âm tiết. Bài học vần tất yếu phải dựa trên cấu trúc âm tiết của một từ. Một âm tiết tiếng Việt thường được phân tích theo hai quan điểm vẫn đương còn song hành:

Âm Tiết	*Âm tiết*
1 Thanh điệu	1 Thanh điệu
2 Phụ âm đầu + 3 *vần*	2 Phụ âm đầu + 3 Nguyên âm + 4 Phụ âm cuối
4 Nguyên âm + 5 Phụ âm cuối	

Hai mô hình cấu trúc âm tiết trên khác nhau ở chỗ hơn kém nhau một lớp cấu tạo, vì có thành phần "vần." Các sách ngữ âm tiếng Việt không giải thích thỏa đáng về chức năm âm vị của 'vần' trong âm tiết, mà chỉ lập luận theo âm vận học Trung Hoa. Hãy quan sát cách trẻ con học đọc, sẽ thấy các cháu có thể nhìn vần theo phương pháp tạo sinh khác hẳn với quan niệm của âm vận học truyền thống: khi học từ tênh, các em ghép một 'vần' đã biết trước */tê/* vào phần phụ âm cuối */nh/*. Có thể nói là ngoài giá trị âm vận học trong thi luật, vần trong âm tiếng tiếng Việt không có ý nghĩa âm vị học nào cả.

Một vấn đề khác cũng gây tranh luận khá lâu dài: phần hạt nhân của mỗi âm tiết. Đấy có thể là một nguyên âm đơn hay một tổ hợp nguyên âm chúm môi, tổ hợp nguyên âm trượt tăng dần hay giảm dần. Chúng đều có giá trị âm vị học ngang nhau về trường độ, về cấu tạo, và chức năng của chúng là làm thành phần cốt lõi của âm tiết.

Có một khái niệm cơ bản khác nữa về âm tiết tiếng Việt thường vẫn bị lẫn lộn trong các sách giáo khoa về học vần. Mỗi âm tiết đều có hai mặt biểu hiện: khi phát âm thì âm tiết được cấu tạo bằng bốn *âm vị* như được mô tả ở trên; nhưng khi viết thì lại dùng các kết hợp chữ cái để thành bốn *đồ vị* tương ứng với các âm vị. Ví dụ: hai chữ *nghiêng ngửa* gồm mười một chữ cái và hai thanh điệu; nhưng về mặt âm vị thì mỗi từ chỉ có bốn âm vị và được thể hiện bằng bốn đồ vị như sau:

nghiêng	<--->	/ngh/ - /iê/ - /ng/ -	<--->	/n/ - /ie/ - /n/ -
Chữ		*Phân tích đồ vị*		*Phân tích âm vị*

Khái niệm *đồ vị* thật ra không có gì mới. Bloomfield (1933: 85-89) đã nhận ra sự bất tương ứng giữa hệ thống chữ cái và âm vị, và đã thấy vai trò của hệ thống phiên âm quốc tế như là giải pháp cho những bất tương ứng giữa âm vị và chữ viết. Tuy nhiên, đối với tiếng Việt thì sự thể có khác hơn, vì hệ thống chữ viết hiện nay tương đối rất sát hợp với phát âm; hiện tượng sai chạy giữa âm vị và chữ viết không nhiều, nên không phải dùng đến hệ thống phiên âm quốc tế (IPA).

Đưa khái niệm đồ vị vào dạy học sẽ giúp học viên sớm nhận ra tính hệ thống của những đồ vị dùng để ghi chép các từ, nghĩa là sự tương ứng một đối một giữa các âm vị và chữ viết. Học sinh sẽ sớm ghi nhận hệ thống đồ vị ngay từ giai đoạn đầu của việc học đọc. Làm như thế đã có thể xem là một bước tiến về mặt phương pháp sư phạm. Có thể nói là chữ viết vẫn là và phải là những cỗ xe chuyên chở các từ, chỉ khác với các phương pháp biên soạn trước đây là chúng tôi quy những chữ viết thành các tổ hợp trong lúc dạy đọc để giúp học sinh ghi nhận từ sớm tính cách hệ thống của đồ vị.

Trước nay, trong các sách ngữ âm tiếng Việt có nhiều khác biệt về quan niệm thế nào là nguyên âm tiếng Việt. Chúng tôi phải làm lại công việc xác định lại các nguyên âm tiếng Việt mà bao lâu nay vẫn còn nhiều giả thuyết nhưng không thật xác đáng, và chỉ làm mờ tính hệ thống của nguyên âm. Nguyên âm tiếng Việt thật ra không đi ra ngoài hệ thống của nguyên âm. Chúng có thể là một âm đơn, một âm đôi với một trong ba thuộc tính: chúm môi, tăng dần về cường độ, và giảm dần về cường độ. Nhờ nhận ra tính hệ thống của các nguyên âm tăng dần và giảm dần, nguyên âm có chúm môi mà vấn đề cấu trúc âm tiết tiếng Việt trở nên đơn giản và nhất quán; và tất nhiên chỉ giúp cho việc giảng dạy thêm xác đáng.

*

2. Phương pháp học kĩ đọc đúng:

(1) *Học Kĩ Đọc Đúng* là phương pháp giảng dạy tiếng Việt dành cho *các học sinh bắt đầu học* ngôn ngữ viết. Hệ thống chữ viết của chúng ta là một hệ thống kí hiệu, mà đọc chữ chính là một quá trình của tư duy để giải mã chúng. Vậy học đọc bước đầu có nghĩa là học giải mã chữ viết. Lần đầu tiên trong đời của số đông các em học sinh ở buổi bắt đầu học ngôn ngữ viết, các em phải vận dụng tư duy để giải mã chữ viết. Chúng tôi xem dạy đọc là một bộ phận của việc hình thành ngôn ngữ. Đọc là hình thức sử dụng xem dạy đọc là một bộ phận của việc hình thành ngôn ngữ. Đọc là hình thức sử dụng ngôn ngữ viết. Vì vậy mục

đích của học đọc bước đầu không thể tách rời mà phải được đặt trong tổng thể của việc giảng dạy ngôn ngữ.

(2) Do đó *mục đích tổng quát* của phương pháp *Học Kĩ Đọc Đúng* là:

• Kích thích các em quan tâm tới chữ viết. Chỉ khi nào đánh động được mặt tình cảm của các em thì việc học đọc mới làm cho các em muốn tiếp nhận các giá trị văn hóa xã hội trong thế giới chung quanh các em. Quan tâm là một bảo đảm chắng những giúp các em tiếp thu được mặt kĩ thuật nghĩa là có thể đọc được mà còn giúp các em sẽ đọc những gì các em thấy cần thiết và bổ ích cho các em.

• Các em phải có thể tự đọc được những bài văn đơn giản nằm trong vốn ngôn ngữ của các em. Gọi là đọc được khi nào các em có thể đọc đúng, nhanh và phát âm các thanh chính xác.

Các em phải hiểu và tiếp thu được nội dung của bản văn. Các em có thể tự giải quyết được những khó khăn đơn giản các em gặp phải khi đọc. Các em cũng phải tập bắt đầu phát triển *tinh thần phê phán* đối với bản văn.

(3) Nhưng để đạt được các mục đích trên thì phải có được một số điều kiện sau:

- Các em phải có một số *vốn từ nói tương đối trước khi học đọc.* Nói cách khác các em phải hiểu được một cách tương đối ngôn ngữ nói của ngôn ngữ mà các em sẽ học.

- Các em phải học phân các từ nói ra thành các âm. Hệ thống chữ viết của chúng ta là hệ thống ghi âm. Để có thể hiểu rõ hệ thống đánh vần của chúng ta, các em phải học phân chia từ ra thành âm vị.

- Các em phải có thể phân biệt và nhận ra được các chữ cái trong các dạng vẽ khác nhau. Các em chỉ cần học biết các đặc tính của một chữ cái để nhờ đó các em có thể phân biệt được chữ cái này với chữ cái kia. Nói cách khác các em phải học được các đặc tính khu biệt của từng chữ cái. Những sự khác biệt về kiểu chữ không phải là cái chính.

- Phải biết hướng viết từ trái qua phải. Phải biết là âm vị các em nghe hay nhìn thấy đầu tiên là bắt đầu từ trái.

- Các em phải biết được mối liên hệ giữa đồ vị và âm vị. Vì vậy phải học các chữ cái trong dạng đồ vị và biết kết hợp được đồ vị với âm vị.

- Các em phải học biết giải mã chữ viết. Trong việc giải mã này các em cũng phải học biết ý nghĩa của từ và mối liên hệ của nó với câu.

- Trong việc chuyển chữ viết thành từ nói các em phải hiểu được ý nghĩa của toàn bản văn. Vì vậy các em phải làm sao chuyển sang được giai đoạn đọc mà ít phải quan tâm tới việc phát âm. Nói cách khác việc đọc đã có thể tự động hóa được.

- Các em phải học suy nghĩ về những gì các em đã đọc và đối chiếu với những gì các em đã biết và trải qua. Do đó việc tập cho các em có tinh thần phê phán nội dung bản văn là cần thiết để giúp các em phát triển.

(4) Trong tiến trình học đọc thì giai đoạn vẫn thường gọi là "học đánh vần" thật là quan trọng. Những khâu của việc học đọc trong giai đoạn đầu tiên này là:

1. đọc từ trái qua phải;
2. phân tích một từ thành các đồ vị, thí dụ t-ê-n (phân tích thị giác)
3. đổi các đồ vị thành các âm vị thích hợp và phát thành âm /t/ê/n/;
4. ghi nhớ các âm theo đúng thứ tự (nhớ ngắn hạn);
5. ghép các âm vị thành một từ /tên/ (tổng hợp thính giác);
6. nhận được nghĩa của từ (mặt ý nghĩa).

(5) Có hai thành phần của việc "học vần" gây nhiều khó khăn nhất:

- Việc liên kết đồ vị với âm vị. Việc liên kết này đòi hỏi một tiến trình học đọc nào đó để có thể liên kết và phát âm không trở ngại và nhanh chóng.

- Việc liên kết các âm vị/đồ vị thành một từ. Việc tổng hợp thính giác bị khó khăn vì các lí do sau đây: trước hết, âm vị, khi được phát âm thường ít khi giống đúng như âm trong từ liên quan được phát âm. Một số phụ âm chỉ có thể phát thành âm khi có âm phụ đi theo (thí dụ: /b/). Kế đó, việc phát âm một từ đòi hỏi có sự chuyển đổi giữa các âm được biểu thị bằng các con chữ/đồ vị (thí dụ: t-r-ư-ơ-ng). Sau nữa, có thể tổng hợp các âm của một từ nào đó đòi hỏi phải nhớ các âm theo đúng thứ tự. Các âm /c/, /a/ và /t/ có thể làm thành từ *cát và tác.* Vì vậy việc nhớ vị trí của các âm khác nhau rất quan trọng.

(6) Để giảng dạy các âm vị và đồ vị tương ứng, cho các em được dễ dàng chúng tôi chọn cho mỗi âm vị và đồ vị tương ứng một *từ cơ cấu mẫu.* Nhờ học *từ cơ cấu mẫu* này các em sẽ dễ dàng, trước hết nhớ được âm vị và sau đó biết được đồ vị tương ứng. Thí dụ để giảng dạy âm vị /m/ và đồ vị tương ứng **m** chúng tôi chọn từ cơ cấu mẫu **mẹ.**

Từ cơ cấu mẫu có nhiệm vụ giúp để học biết về cơ cấu của chữ viết chúng ta. Một số mục đích của từ cơ cấu mẫu, sẽ có liên quan tới việc thực tập học đọc, được ghi nhận như sau:

1. Hệ thống chữ viết của chúng ta trên nguyên tắc là chữ viết theo âm, nghĩa là các nét vẽ thành đồ hình có mục đích diễn tả một từ đang được nói và từ ấy sẽ diễn tả một ý nghĩa. Phần nhiều các em mẫu giáo đã có ý thức là các bài viết có thể đọc thành từ được. Nhưng ý thức ấy cần phải được đào sâu và làm cho rõ ràng hơn bằng cách diễn tả các sự việc hoặc các sự vật bằng hình cùng lúc với một bài viết bằng chữ. Trẻ em sẽ thấy là việc đọc chữ

viết khác hơn là việc coi hình và việc viết cũng khác hơn là việc vẽ. Việc đọc và viết xảy ra trong thực tế như thế nào đó còn là câu hỏi lớn cho các em. Và câu hỏi này có thể sẽ là bước đầu tiên giúp các em tìm hiểu thêm. Cũng có thể việc làm quen với sách vở là động lực thúc đẩy các em học đọc.

2. Việc làm quen với các từ cơ cấu mẫu sẽ giúp các em khám phá ra là các từ được viết ra, được cấu tạo bởi các thành phần là các nét vẽ con chữ hoặc đồ vị. Trẻ em cũng khám phá ra là số lượng nét vẽ con chữ và đồ vị chỉ giới hạn. Trong các từ khác nhau cũng thấy xuất hiện lại các nét vẽ ấy nhưng dưới các cách kết hợp khác nhau. Các con chữ được phân biệt với nhau bằng một số đặc tính nhất định. Không phải mọi sự khác biệt giữa các con chữ và đồ vị đều cần phải quan tâm đến. (Thí dụ sự khác biệt về hình thức của a hoặc g do các kiểu chữ khác nhau). Để có thể phân biệt được các con chữ và các đồ vị phải biết là sự khác biệt nào quan trọng và sự khác biệt nào không quan trọng trong việc phân biệt con chữ và đồ vị. Bằng nhiều bài tập khác nhau với các từ cơ cấu mẫu dần dần vấn đề này sẽ được sáng tỏ.

3. Nhờ vào các từ cơ cấu mẫu các em có thể có kinh nghiệm để phân biệt được các thành phần khác nhau trong một từ được phát âm. Phần lớn các từ cơ cấu mẫu gồm ba âm vị. Âm vị đầu dễ phân tích nhất. Âm vị cuối khó phân tích hơn. Âm vị giữa khó phân tích nhất. Việc học phân tích các từ cơ cấu mẫu được phát âm thành các âm vị là một mục đích quan trọng trong việc học hiểu về cấu trúc của hệ thống chữ viết của chúng ta.

4. Điểm cần quan tâm của hệ thống chữ viết của chúng ta là một đồ vị nhất định sẽ chỉ diễn tả một âm vị nhất định. Trong đời sống thường nhật người ta hay nói là 'biết các con chữ.'' Đúng ra phải nói biết liên kết âm vị với đồ vị thay vì biết liên kết âm với con chữ. Cả đồ vị lẫn âm vị đều là những thành phần chẳng có ý nghĩa gì đối với các em. Vì việc thiếu ý nghĩa ấy làm cho việc liên kết giữa đồ vị và âm vị khó khăn hơn. Do đó cần phải lặp đi lặp lại nhiều lần nhất là với các em có trí nhớ yếu. Bao lâu mà việc liên kết này còn mắc lỗi và không nhanh đủ thì việc phân tích một từ còn là một khó khăn.

5. Hướng mà âm vị được ghi bằng đồ vị trong hệ thống chữ viết của chúng ta đi từ trái qua phải. Trong tiếng Ả rập thì hướng ấy ngược lại với hướng trên. Phần lớn các em không gặp trở ngại trong việc đọc hoặc viết theo đúng hướng. Tuy nhiên cũng có những em khi viết không theo đúng hướng quy định.

6. Việc liên kết các âm vị thành một từ (tổng hợp thính giác và cơ quan phát âm) là một phần khó nhất trong việc học đọc. Ở đây là cái tổng thể chứ không phải là tổng số các thành phần. Việc phát âm các âm vị /t/, /ô/, /i/ khác hẳn việc phát âm từ *tôi*.

Việc nhận được các từ cơ cấu mẫu không phải là mục đích chính. Mà mục đích của nó là giúp học được các kí hiệu trong một hệ thống của chúng, để chúng ta có thể đọc và viết được. Vì vậy các từ cơ cấu mẫu chỉ giới hạn trong số âm vị và đồ vị tương ứng. Chức năng của từ cơ cấu mẫu có thể được tóm tắt như trong bảng sau đây:

Chức năng của các từ cơ cấu mẫu:
phát hiện được cấu trúc của hệ thống chữ viết của chúng ta sẽ giúp chúng ta biết được:
1. từ được viết ra khi đọc lên sẽ cho một ý nghĩa
2. một từ được viết ra gồm các đồ vị
3. một từ được nói ra gồm các âm vị
4. những đồ vị nhất định diễn tả những âm vị nhất định
5. hướng đọc và viết theo chiều từ trái qua phải.
6. các âm vị có thể kết hợp lại với nhau để làm thành các từ.

Như vậy, nhờ biết được các âm vị và đồ vị tương ứng nên khi nghe các em có thể chuyển các âm vị thành đồ vị và viết ra thành chữ. Và ngược lại, khi đọc, các em cũng có thể chuyển các đồ vị thành âm vị rồi ghép lại theo thứ tự để phát hành tiếng.

(7) chúng tôi chi các âm vị và đồ vị trong tiếng Việt thành sáu nhóm, dựa vào tính cách của các âm vị và do đó có thể xác lập đặc tính của các kết hợp thành âm tiết. Để giúp các em làm quen với từ cơ cấu mẫu và nhớ được từ cơ cấu mẫu, chúng tôi sẽ kể cho các em một câu chuyện kể xoáy quanh từ cơ cấu mẫu ấy, trước khi cho các em học phân tích và tổng hợp kĩ lưỡng từ cơ cấu mẫu này. Thí dụ: Nhóm 1: *Chủ đề: Món quà quý nhất.* Với câu chuyện 'Món quà quý nhất'', chúng tôi nhằm dạy các em các từ cơ cấu mẫu: 'me', 'bò', 'đá', 'em', 'hộp', 'xe', 'sách', để qua đó các em học được các âm vị: /m/, /b/, /đ/, /e/, /h/, /x/, /s/. Mục đích của việc soạn các truyện này là:

(1) làm giàu vốn từ tiếng Việt của các em;

(2) giúp trí tưởng tượng của các em phát triển;

(3) nhằm truyền đạt tinh thần nhân văn trong khung cảnh văn hóa hiện đại như ham học, thương yêu bố mẹ, quý trọng người chung quanh, đừng đánh giá con người bằng vẻ bề ngoài v.v...

(4) giúp các em nhớ từ cơ cấu mẫu để từ đó nhớ âm vị và đồ vị.

3. Trên đây là đôi điều gợi ý về một hướng giảng dạy học ''đánh vần'' tiếng Việt ở thời điểm cuối thế kỉ XX. Phương hướng mà chúng tôi gọi là ''phương pháp học kĩ đọc đúng''hiện nay đang được thể nghiệm tại một số nước châu Âu, dành cho các học sinh Việt Nam tại trường học tiếng Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan,

hay một tiếng Ấn Âu nào đó. Những kết quả bước đầu của phương pháp này rất là khích lệ. Phương pháp này cũng sẽ được thẩm giá trên cơ sở nghiên cứu giáo dục mai ngày. Tuy nhiên, ý nghĩa ban đầu của một thử nghiệm mới như thế còn là một biểu hiện của một thao thức mới.

Hiện nay, nhu cầu của học sinh chúng ta là có được những tài liệu học tiếng Việt vừa tinh giản vừa đáp ứng trình độ tư duy khoa học của kỉ nguyên mới. Một số không nhỏ học sinh chúng ta ngày nay học tiếng Việt trong khung cảnh xã hội song ngữ, đấy cũng là một yếu tố thôi thúc việc hiện đại hóa việc giảng dạy học "đánh vần" tiếng Việt. Được như thế sẽ là một niềm tự hào chung cho chúng ta, những người đang còn mỗi ngày làm việc với tiếng Việt.•

Thư mục tham khảo:

Leonard Bloomfield (1935), *Language.* London: George Allen & Unwin.

Cao Xuân Hạo (1985), *Phonologie et Linearité.* Paris: SELAF.

Jeanne S. Chall, *Stages of Reading Development.* New York: McGraw-Hill, 1983

Noam Chomsky (1972), *Language and Mind,* New York: Hartcourt Brace Jovanovich,

Noam Chomsky (1980), *Rules and Representations.* Oxford: Blackwell.

Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ Âm Tiếng Việt.* Hà Nội: Nxb. ĐH & THCN.

Nguyễn Bạt Tụy (1959), *Ngôn Ngữ Học Việt Nam.* Sài Gòn: Ngôn Ngữ

Robert M. Gagné (1977), *The Condition of Learning.* New York: Holt, Rinehart & Winston.

Trần Trọng Kim, et al. (1935), *Quốc Văn Giáo Khoa Thư (sách tập đọc và tập viết)* Lớp Đồng Ấu. Hà Nội: Nha Học Chính Đông Pháp.

Vương Lộc, et al. (1975) *Essais Linguistiques.* (Coll: Études Vietnamiennes, No: 40). Hà Nội: Xunhsaba.

Chú thích:

(1) Xem: Bửu Khải, "Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ trong các học đường Úc," *Thế Kỷ 21* số 20 (12.1990), tr. 58-67 - Phạm Văn Lưu, "Dạy Tiếng Việt cho con em tại hải ngoại", *Thế Kỷ 21* số 72 (4.1995), tr.31-35.

(2) Hiện chúng tôi chưa tìm lại được tập sách do Gs Hoàng Xuân Hãn cùng biên soạn với Trần Văn Giáp và Vũ Huy Trác, nhan đề *Vần Quốc Ngữ - dạy theo phương pháp mới,* ấn hành năm 1938 (có lẽ để cho Hội Truyền Bác Chữ Quốc Ngữ sử dụng?)

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE
CIGNA: DMERC
& CÁC LOẠI BẢO HIỂM

MEDIMPACT, CHG, PHP, MEDCARE, COMPCARE, PACIFICARE, PCS, PCN
WELLPOINT PRO-SERV BLUE CROSS, BLUE SHIELD
AETNA ALL PLANS, SELECT CHOICE, CHAMPUS METRAHEALTH, MEDIMET, THETRAVELERS, PAID PRESCRIPTIONS, PERSCARE, USC, GEM, GPP, MPS, CPM, FOUNDATION HEALTH PROVANTAGE, COMMUNITY RX, APB AMERICA

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

HÀ NỘI XƯA QUA DÒNG CHỮ CỔ

TRỊNH SINH

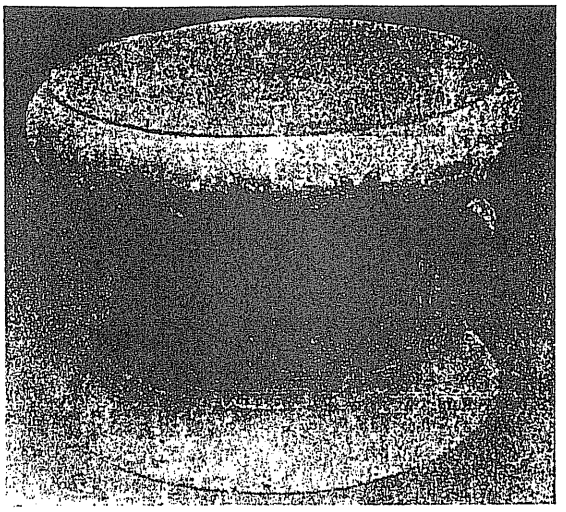

Trống đồng Cổ Loa

Một dòng chữ Hán, cho đến nay là chữ Hán sớm nhất ở nước ta được biết tới, được khắc bên trong thành chiếc trống đồng Cổ Loa nổi tiếng.

Chiếc trống này nguyên được đào lên từ ngay trong lòng đất, lọt giữa phạm vi thành trung và thành nội của tòa thành Cổ Loa của An Dương Vương (xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội) vào năm 1982.

Hơn 10 năm qua, những gì còn lại của dòng chữ (vì trống bị gỉ nát nhiều, nét chữ còn, nét chữ mất, thậm chí thời gian đã làm biến mất hẳn một chữ trên cả dòng v.v...) đã được các nhà khoa học phục nguyên và minh giải.

Nét chữ mang phong cách của thời Tần Hán, vài thế kỷ trước và sau kỷ nguyên Thiên Chúa.

Nếu đọc theo âm Hán Việt thì dòng chữ trên trống, có thể là "Trọng bách tứ thập cân tuyền (?). Đệ nhị Tây Vu, Dung bát thập nhị."

Dòng chữ ghi lại: Trọng lượng của trống là 140 cân, dung tích của trống là 82 (đấu). Đây là chiếc trống thứ hai của vùng đất (huyện) Tây Vu.

Chỉ có 14 từ tạo nên một dòng chữ cổ. Nhưng đã kiểm định và soi sáng nhiều bí ẩn của lịch sử đương thời.

Trước tiên, thời điểm mà những nét chữ này được khắc được làm sáng tỏ. Với phương pháp so sánh các đại lượng cân nặng và thể tích ghi trên trống (được kiểm định bằng chính trống Cổ Loa: nặng 72 kg, thể tích khoảng 162 lít) và các chuẩn mực đo đếm thay đổi qua các thời kỳ lịch sử, các nhà khoa học đã xác định được dòng chữ Hán này được khắc trong và sau thời Vương Mãng (khoảng năm 9-23 sau Công nguyên).

Có lẽ thời điểm trống được đem chôn xuống đất muộn hơn thời điểm trống được khắc chữ một chút, tức vào khoảng vài chục năm sau Công nguyên.

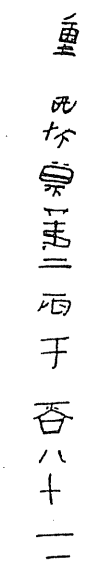

Thời điểm này là thời điểm đầy sôi động trong lịch sử dân tộc ta, đầy nét bi thương và hùng tráng: Nhà Hán đã cai trị được hơn 100 năm, những tưởng tộc người Việt ở đây sẽ bị đồng hóa nhanh chóng dưới thanh gươm quân sự như hàng trăm tộc Việt khác (Bách Việt) ở vùng phía nam sông Trường Giang. Nhưng thực tế cho thấy nhà Hán chỉ có "cai" mà không "trị" được, mà cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ở giai đoạn này (năm 40-43 sau Công nguyên) là đỉnh cao của làn sóng bản địa chống đồng hóa về văn hóa xã hội và áp bức thống trị.

Cái hay của trống Cổ Loa là một bằng chứng xác đáng nhất, trong nhiều bằng chứng lịch sử, nói lên rằng: có một dòng chảy *"Bản sắc văn hóa dân tộc,"* chảy ngầm suốt hơn trăm năm đô hộ mà vẫn mãnh liệt. Người Việt vẫn giữ "Hồn nước xưa" - Là chiếc trống Cổ Loa vào loại đẹp nhất mà người Hán không có.

Người Việt vẫn dùng đồ của mình chứ không dùng đồ Hán: chôn ngay trong lòng trống Cổ Loa là những đồ đồng Đông Sơn, điển hình từ mũi rìu xéo, lưỡi cuốc, lưỡi cày đến dao găm, mũi giáo (tất cả đến vài trăm hiện vật).

Thế mới biết ở ngay nơi "đầu sóng ngọn gió" của công cuộc quyết tâm "đồng hóa" và "chống đồng hóa" (Cổ Loa, Hà Nội thời đó và sau đó là trụ sở của huyện lỵ Phong Khê trong hệ thống quận huyện nhà Hán), chứ chưa nói đến những miền biên viễn xa xôi, người Việt vẫn có sức "đề kháng văn hóa dân tộc" cao, để rồi qua ngàn năm Bắc thuộc sau đó, vẫn không mất đi bản sắc riêng của mình và lại được "hoàn nguyên" vào kỷ nguyên độc lập tự chủ.

Dòng chữ khắc trên trống cũng cho các nhà sử học thêm tài liệu quý để nghiên cứu lịch sử đo lường ở ta vào đầu Công Nguyên. Người xưa đo trọng lượng bằng cân (một cân đương thời khoảng 0.5165 kg), đo thể tích bằng đấu (một đấu đương thời khoảng 0.1981 lít).

Dòng chữ cổ cũng cho thấy đôi điều về lịch sử địa danh Hà Nội xưa.

Các quyển sử cổ nhất nước ta *(Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư)* cũng như thư tịch cổ Trung Quốc *(Tiền Hán thư, Hậu Hán thư v.v...)* đều có nói về một huyện Tây Vu. Nay tên Tây Vu lại được ghi hẳn trên trống đồng Cổ Loa, Hà Nội là một minh chứng về sự tồn tại có thực của một địa danh lịch sử này.

Hà Nội xưa, trước khi thuộc về huyện Phong Khê (gần hai ngàn năm trước đây) đã thuộc về một huyện Tây Vu, và có lẽ ngay cả trước khi là huyện Tây Vu, có thể Hà Nội đã thuộc về một "Bộ" Tây Vu của "Tây Vu vương" thời các vua Hùng, vua Thục như giả thuyết của nhiều nhà sử học.

Dòng chữ cũng ghi: Trống Cổ Loa là chiếc trống thứ hai của Tây Vu (Đệ nhị Tây Vu). Điều đó hứa hẹn còn một chiếc trống nữa (Đệ nhất Tây Vu) mà biết đâu lòng đất Hà Nội còn đang lưu giữ?●

Trích báo Xưa Nay, số 32, tháng Chín 1996

TUỔI TRẺ ĐÁNH MẤT LINH HỒN

TRẦN QUÁN NIỆM

Họ là đôi tình nhân trẻ, chàng 18 và nàng cũng 18. Cả hai vừa bước chân vào ngưỡng cửa đại học. Amy Grossberg là nữ sinh viên năm thức nhất đại học University of Delaware, Brian Peterson cũng vừa nhập học Gettyburg College. Cả hai đều là con nhà giàu có.

Tối 12 tháng 11, Amy kêu điện thoại cho bạn trai, cho hay cô đau đẻ. Brian lái xe từ trường mình ở Pennsylvania tới Delaware, cỡ ba tiếng đồng hồ, đón Amy từ đại học xá rồi thuê phòng ngủ tại lữ quán The Comfort Inn tại Neark, Delaware, bốn giờ sáng Amy sinh một hài nhi nặng 6 pounds 2 ounces.

Brian khai với cảnh sát là anh ta bỏ đứa trẻ sơ sinh vào bao rác rồi vất vào thùng rác. Theo lời anh ta thì lúc đó đứa bé còn sống. Nhưng bác sĩ giảo nhiệm tử thi cho hay đứa trẻ bị chết vì sọ bị nứt do vật cứng đập vào. Điều này ám chỉ Grossberg và Peterson đã giết đứa nhỏ trước khi vứt vào thùng rác. Chính quyền tiểu bang Delaware tuyên bố Grossberg và Peterson can tội sát nhân và nếu tòa xử có tội cả hai có thể bị tử hình.

Tin trên đã làm rúng động dư luận quần chúng. Đâu đâu người ta cũng nghe những lời bàn tán về nội vụ. Ai cũng lắc đầu khó hiểu, cũng như chép miệng thương cảm cho đứa bé vô tội và tương lai đen tối của hai người trẻ. Bạn đồng học với đôi tình nhân rất ngạc nhiên, không thể nào tin nổi cả hai đã có hành động như vậy. Họ cho hay Amy và Brian là những học sinh thông minh, thành công, hoạt động và được bạn bè yêu mến.

Gia cảnh sung túc vào hàng thượng lưu của bố mẹ đôi tình nhân làm người ta dù muốn dù không cũng không thể đặt nặng giả thuyết cả hai sợ hãi bị lâm cảnh túng thiếu không có tiền nuôi con, đến nỗi phải làm bậy. Người ta phải công nhận rằng trước đây, những cô gái trẻ, vì cô độc, vì sợ hãi, đã đem con đi bỏ sau khi sanh, nhưng người ta không thể hiểu được khi Amy và Brian là hai người trẻ, có trình độ học vấn, sống trong điều kiện vật chất đầy đủ lại có thể suy nghĩ hành động giết đứa nhỏ mà không hề nghĩ đến những giải pháp như bỏ đứa bé tại nhà thương, tại nhà thờ để người khác lượm nuôi dùm.

Không ai hiểu được là cả hai đã có những ý nghĩ gì trong óc. Tại sao trước đây họ không tìm cách phá thai? Hoặc liên lạc cơ quan nhận con nuôi? Yêu nhau, với tuổi đó họ có tính đến chuyện lập gia đình hay không? Nếu quả thật họ đã đập chết đứa nhỏ, thì động cơ nào thúc đẩy quyết định như vậy? Có một giây phút nào, một trong hai bất chợt sợ hãi: không, chúng ta không thể giết đứa nhỏ được? Chúng ta điên rồi sao? Tại sao chúng ta có thể làm như vậy với đứa con chúng ta vừa sanh ra? Nếu luật pháp biết được, hậu quả sẽ ra sao? Trước khi hành động, cả hai có bàn luận gì không? Ai đưa ra ý nghĩ thủ tiêu đứa bé sơ sinh và ai đồng ý? Hay là cả hai coi hành động này cũng tương tự hành động phá thai mà luật pháp hiện hành công nhận; chỉ khác về thời điểm (từ vài tuần đến vài tháng so với 9 tháng 10 ngày) và phương thức cùng địa điểm (tự tay làm lấy tại lữ quán chứ không qua tay bác sĩ tại viện phá thai).

Sau hành động vất đứa bé vào thùng rác, cả hai ngủ vài tiếng rồi ai về trường nấy. Chiều đó, Amy bị xỉu tại phòng ngủ trong đại học xá, và khi bác sĩ khám nghiệm cho biết cô vừa sinh khoảng 12 tiếng đồng hồ vừa qua thì nội vụ tới

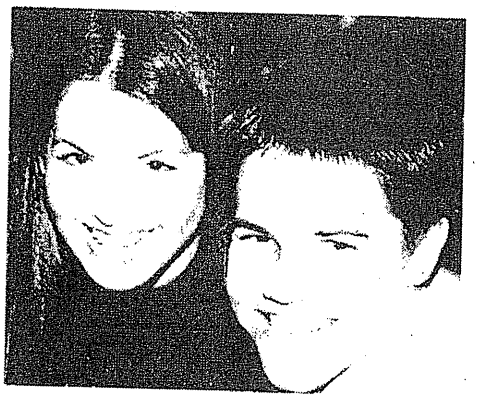

Amy Grossberg và Brian Peterson

tai nhà chức trách địa phương và từ từ phơi ra trước ánh sáng dư luận.

Những người ủng hộ chống phá thai, đã mượn trường hợp này để chứng tỏ ảnh hưởng tai hại của việc hợp pháp hóa phá thai, mà người ta gọi một cách văn hóa là kế hoạch hóa gia đình. Vì chính nó đã làm người ta coi rẻ sinh mệnh các bào thai, rất có thể khiến tuổi trẻ lầm lẫn đưa đến sự quyết định sốc nổi và sai lầm.

Ký giả Laura Ungar và Dennis Thompson Jr. thuộc Ganhett News Service, trong bài tường thuật đã mô tả Brian và Amy là con nhà giàu, suốt đời được chiều chuộng trong nhung lụa nên không có khả năng giải quyết nghịch cảnh quan trọng này. Nhưng hai ký giả quên

một yếu tố là đây không phải là một tai nạn to lớn bất chợt xảy đến khiến cả hai không có thì giờ suy nghĩ, nên hành động sai lầm, mà thật ra họ đã có một thời gian dài, ít nhất cũng 6 tháng để suy nghĩ, nhất là cô gái trẻ, với thai nhi từ từ lớn lên trong bụng thì ắt cô phải suy nghĩ ngày đêm để tìm giải pháp ổn thỏa. Luật sư Joseph Herley, biện hộ cho cả hai, kêu gọi dư luận hãy thương xót hai người trẻ tuổi chót lỗi lầm. Trong khi đó, ký giả Margaret Carlson thuộc tuần báo Time, gay gắt hơn, trong bài bình luận có nhan đề "Những đứa trẻ không có linh hồn - Children without souls" *có những ác quỉ trong xã hội chúng ta, ỷ có cha mẹ giàu có và hàng tá luật sư, lợi dụng nền văn hóa của xã hội Mỹ là dễ dàng quên đi nạn nhân để tha thứ cho tội phạm, đặc biệt là nhắc nhở cho chúng ta rằng, ai mà chẳng có lỗi lầm. Nhưng luận điệu đó không thể áp dụng cho lần này, một tội ác ghê gớm (There are monsters among us who, with wealthy parents and a batallion of lawyers, tap a culture ready to forget the victim and forgive the accused, especially if they remind us of ourselves. But not this time, not this evil).* Ký giả Elaine Reivera, tuần báo Time cùng có giọng gay gắt tương tự. Ký giả này nhắc đến câu châm ngôn *hiểu biết mang lại tha thứ* nhưng lại kết luận *thật khó mà hiểu được Grossbrg và Peterson (To understand all is to forgive all, the old saying goes. Understanding Grossberg and Peterson seems a long way off).*

Những nhà đạo đức thấy rằng tuổi trẻ ngày nay đã có những hành động tàn ác, không một chút suy nghĩ về tinh thần và giá trị đạo đức cũng như hậu quả hành động của mình. Vài tuần trước đây, một em bé 13 tuổi tại Bronx, New York đã cho ra đời một hài nhi và sau đó bỏ ra đường cho em này chết lạnh. Cách đây ít tháng một cặp tình nhân, cả hai đều theo học tại hai quân trường nổi tiếng của bộ binh và không quân đã cùng nhau giết người bạn gái của họ vì người bạn gái này đã làm tình với chàng trai. Chỉ vì ghen mà cô gái đã quyết định giết bạn và được anh bạn trai đồng ý thi hành. Cả hai dụ cô gái đáng thương đi chơi trên xe hơi. Đến chỗ vắng cả hai ra tay giết bạn, không một chút xót thương, hối hận và vùi xác cô bạn ở ven rừng. Người ta chắc hẳn cũng chưa quên là cách đây hai năm Susan Smith đã nhẫn tâm dìm hai con nhỏ chết trong hồ nước để rảnh tay làm lại cuộc đời.

* Có người bình phẩm về nghề nông thế này:

Đó là một nghề rất nặng nhọc. Anh đi ngủ với lũ gà con, thức dậy với con gà trống, làm việc như con ngựa, ăn như con heo, và người ta đối xử với anh như con chó.

Dĩ nhiên chúng ta không thể căn cứ trên hành động của một vài cá nhân để đi đến một kết luận chung cho cả một thế hệ trẻ, nhưng dù sao những hành động lẻ tẻ cũng có thể coi là những cánh cửa mở hé ra cho ta thấy phần nào quan niệm về giá trị đạo đức của tuổi trẻ ngày nay.

Trên bình diện rộng lớn hơn, mức độ khủng hoảng giá trị đạo đức của nước Mỹ được biểu hiện rõ rệt hơn cả trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua. Hẳn nhiên ai ai cũng phải công nhận ứng cử viên Bob Dole có tư cách đạo đức vượt trội tổng thống đương nhiệm Clinton, nhưng kết quả cho thấy Clinton đã thắng. Điều này đã phản ảnh một cách rõ rệt là người dân Mỹ đã ngầm không coi giá trị đạo đức là một yếu tố định đoạt khi họ chọn vị nguyên thủ quốc gia. Có thể nói không sợ sai lầm là chính những người đi bầu thuộc giới trẻ và phái nữ đã giành phần thắng lợi về cho ông Clinton, trong đó có cả các vị nữ lưu bạn của tác giả đã tuyên bố một câu xanh rờn, là *tôi ủng hộ Clinton vì ông ta có mái tóc đẹp.*

Các nhà xã hội học đã đưa đến kết luận là sở dĩ cử tri đã bỏ qua yếu tố đạo đức của ông Clinton vì chính họ cũng đã sống buông thả, không quan tâm đến đời sống đạo đức của chính họ.

Tại học đường, nơi un đúc những mầm non tương lai của đất nước, thì giáo chức làm ngơ trước sự luyến ái quá sớm của học sinh, thậm chí còn tổ chức những đêm nhảy đầm (gọi là social event night) để trai gái (từ lớp 7 lớp 8 trở lên, tương đương đệ lục, đệ ngũ chương trình Việt trước đây) có dịp làm quen. Các em bé gái, phấn son đậm đà, áo dạ hội hở ngực, hở vai, tha thướt, cùng các em nam sinh mặt bấm ra sữa, ôm nhau chặt cứng, xà nẹo trong tiếng nhạc, dưới con mắt hể hả của nhà giáo. Thậm chí con gái của tác giả còn tiết lộ với mẹ nó là cô giáo của nó sống chung không chính thức với anh bồ "nhí" kém bà ta cỡ 10 tuổi và là anh của đứa bạn gái con gái tác giả.

Học đường thì thế, truyền hình thì đầy rẫy cảnh chém giết chan hòa máu me cùng những cảnh tình tứ sống sượng táo bạo, xã hội thì hỗn tạp, chuộng kim tiền, đến một vị nguyên thủ quốc gia cũng vướng mắc vào những scandale sách nhiễu tình ái, và được đem bán như một món hàng (với 5, 10 ngàn đôla ủng hộ quĩ bạn có có thể ngồi ăn cơm với tổng thống, bắt tay và chụp ảnh với ông), thử hỏi nền luân lý đạo đức xã hội đặt nền móng ở đâu?

Theo linh mục Trần Quí Thiện thì *kết quả cuộc thăm dò dư luận mới đây nhất của tuần báo New York thì 75% người Mỹ hiện trên đà suy thoái và băng hoại về luân lý lẫn đạo đức. Vấn đề tội ác, ma túy, án mạng, bạo động, đồng tính luyến ái là những hiện tượng xã hội rất đau buồn và đáng quan tâm hơn cả là chúng đang lan tràn khắp nơi, trong mọi tầng lớp của dân chúng.*●

CHIẾN TRANH QUỐC CỘNG BẮT ĐẦU TỪ BAO GIỜ

N.V.

Trong bài tường thuật vào dịp kỷ niệm ngày 19 tháng 12, đài BBC nói rằng ngày 19 tháng 12 năm 1946 mở đầu cuộc chiến tranh cho đến năm 1975 mới chấm dứt. Nói như vậy vô tình ghép **cuộc kháng chiến chống Pháp** với **cuộc nội chiến quốc cộng**. Đây là một ngộ nhận cần được nói cho rõ, nếu không, các bạn trẻ ít hiểu biết về lịch sử cũng hiểu lầm theo.

Sau Thế Giới Đại Chiến thứ hai, nước ta lại chìm đắm trong chiến tranh, đến năm 1975 tạm ngưng. Tiếp theo là cuộc chiến tranh chiếm đóng Campuchia và tranh chấp biên giới đổ máu với Trung Quốc. Vì đâu dân ta chìm đắm trong chiến tranh như vậy, đó là điều để các sử gia sau này xét đoán.

Nhưng trong thời gian từ 1946 đến 1975 thật ra có hai cuộc chiến. Đầu tiên là cuộc kháng chiến chống Pháp của dân ta, chống lại việc người Pháp muốn tái lập chế độ thực dân tại Việt Nam. Mặt khác, còn cuộc tranh chấp Quốc - Cộng giữa những người Việt Nam, biến thành nội chiến Nam Bắc từ năm 1959, nằm trong cuộc tranh chấp ý thức hệ Tư Bản - Cộng Sản trên thế giới. Khi khởi nghĩa chống Pháp năm 1945, người dân Việt Nam chỉ nghĩ đến chuyện giành độc lập. Nhưng vì có đảng Cộng Sản nên cuộc chiến đó biến chất, thành chiến tranh ý thức hệ quốc tế.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946 mở đầu cuộc chiến tranh Việt - Pháp, chấm dứt năm 1954. Còn cuộc tranh chấp Quốc - Cộng ở Việt Nam đã bắt đầu từ trước đó, có thể nói từ khi có đảng Cộng Sản ra đời, năm 1930.

Trước khi đảng Cộng Sản ra đời, ở Việt Nam có rất nhiều nhóm, đảng, phong trào tìm cách giành độc lập cho tổ quốc. Những nhóm này có chủ trương khác nhau, nhưng họ chưa bao giờ tìm cách tiêu diệt lẫn nhau. Các vụ gà nhà đá lẫn nhau chỉ xẩy ra từ khi có đảng Cộng Sản, một tổ chức có nguồn gốc và bản chất quốc tế, khác hẳn các phong trào thuần túy dân tộc.

Ngay trong thời gian còn hoạt động bí mật, đảng Cộng Sản Việt Nam đã ý thức rằng họ không chung một mục đích với những đảng phái không cộng sản, dù tất cả cùng chống Pháp. Đó là bài học quan trọng do Cộng Sản Đệ tam Quốc tế ở Matx Cơ Va dậy. Cộng Sản Đệ Tam chủ trương rằng kẻ thù lớn nhất của Cộng Sản là "chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi," vì nó trái ngược với chủ trương đoàn kết quốc tế vô sản. Khi mới lập, đảng lấy tên là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Cái tên đó đã bị Stalin bắt thay bằng tên Đảng Cộng Sản Đông Dương, để xóa bỏ tính tự dân tộc. Đông Dương chỉ là một khu vực địa lý. Hồ Chí Minh đã bị Stalin thay bằng Trần Phú. Là những người "cộng sản chân chính," trọng kỷ luật quốc tế, đảng Cộng Sản Việt Nam đã vâng lời Quốc Tế Cộng Sản.

Vì coi các đảng phái quốc gia khác là đối thủ, không cùng chí hướng, nên đảng viên Cộng Sản Việt Nam không ngần ngại dùng chính người Pháp để tiêu diệt các chiến sĩ cách mạng quốc gia. Tiêu biểu là Hồ Chí Minh, khi ông ta còn làm thông ngôn cho các cố vấn Nga Xô ở Quảng Châu. Ông lãnh lương của Cộng Sản Nga Xô, ở trong một ngôi nhà do đảng Cộng Sản Trung Hoa cấp.

Trong thời gian Hồ Chí Minh ở Quảng Châu, nhiều thanh niên Việt Nam đang theo học trường quân sự Hoàng Phố, do chính phủ Trung Hoa Dân Quốc lập. Tưởng Giới Thạch làm hiệu trưởng, còn Chu Ân Lai là Giám Đốc chánh trị của trường. Hồ Chí Minh nhờ sự giúp đỡ của cộng sản Trung Quốc, liên lạc với các sinh viên tại đây, tuyên truyền họ theo chủ nghĩa Cộng Sản. Hồ Chí Minh tình nguyện tổ chức đường dây cho các người này vượt biên giới trở về khi tốt nghiệp.

Tài liệu của Quốc Dân Đảng Trung Hoa về sau này cho biết một bí mật. Đó là sau mỗi lần có một nhóm sinh viên Việt Nam tốt nghiệp trường Hoàng Phố tìm đường trở về nước hoạt động, thì rất nhiều người trong nhóm đó đã bị Pháp bắt ngay khi qua biên giới. Điều tra thì thấy rằng những người bị bắt đều là những thanh niên đã từ chối không chịu gia nhập đảng Cộng Sản. Chỉ có các người theo cộng sản thì về nước trót lọt. Hoàng Văn Chí đã tiết lộ điều này.

Một thí dụ khác là Trần Văn Giầu, một lãnh tụ cộng sản đã được huấn luyện từ trường quốc tế của Stalin ở Matx Cơ Va. Khi bị mật thám Pháp bắt, Trần Văn Giầu cũng cộng tác với Pháp để làm chỉ điểm, tố cáo các người quốc gia chống Pháp, và đôi khi cáo giác cả các đảng viên cộng sản không chịu sự lãnh đạo của Giầu. Điều này được Nguyễn Kỳ Nam tiết lộ trong hồi ký của ông.

Đối với các người học theo Stalin thì những hành động trên rất đúng lý tưởng cộng sản của họ. Đó là các hành động đúng đạo đức

của người "cộng sản chân chính." Sau năm 1989, Trần Văn Giầu vẫn hãnh diện tuyên bố "Tôi có cái tật tin tưởng ở Liên Xô. Đánh cho chết tôi cũng vẫn không bỏ niềm tin ở Liên xô!"

Như vậy, cuộc **chiến tranh Quốc - Cộng** do đảng Cộng Sản Việt Nam khởi sự, và bắt đầu trước khi có các cuộc chiến tranh Việt - Pháp năm 1946, trước khi có cuộc chiến tranh Nam - Bắc cũng do đảng C.S.V.N. khởi sự năm 1959.

Nhưng những hành động gây chiến công khai có ngay từ năm 1945. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 tuyên bố độc lập thì ngày 5 tháng 9 Hồ Chí Minh cho Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng nội vụ, ký sắc lệnh giải tán và cấm hoạt động các đảng quốc gia mạnh nhất lúc đó là Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Xã. Một sắc lệnh khác cho phép công an toàn quyền bắt những người mà chế độ thấy là nguy hiểm cho họ. Ngày 12 tháng 9 Võ Nguyên Giáp đã lập cơ quan mật vụ có quyền giam giữ những người bất đồng chính kiến. Ngày 22 tháng 9 Trần Huy Liệu ra lệnh kiểm duyệt các báo để kiểm soát những tiếng nói độc lập như báo *Ngày Nay* của Quốc Dân Đảng. Chưa đủ, ngày 1 tháng 11 năm đó, Liệu đặt các nhà in dưới sự kiểm soát của bộ Tuyên Truyền, với mục đích ngăn chặn việc phổ biến tất cả các ý kiến độc lập. Khi Việt Minh đồng ý cho quân Pháp vào đóng ở Hà Nội, Võ Nguyên Giáp đã hỏi trước ý kiến của sĩ quan chỉ huy quân Pháp, để bảo đảm họ không can thiệp khi Giáp cho quân cộng sản bắt giết các đảng viên Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Từ đó họ tìm cách tiêu diệt hết những người có khả năng lãnh đạo trong hàng ngũ quốc gia. Trong hơn một năm trời, bao lãnh tụ quốc gia, hay cộng sản mà không theo đường lối Stalin đã bị cộng sản đệ tam tiêu diệt: Bùi Quang Chiêu, Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu, Trương Tử anh, Lý Đông A, Phan Văn Hùm, Huỳnh Phú Sổ, và Khái Hưng, v.v.

Vì cuộc kháng chiến bị đảng Cộng Sản Việt Nam giành lấy quyền lãnh đạo nên đối với các nước Đồng Minh đây là một chi nhánh của đạo quân Cộng Sản Quốc Tế. Từ năm 1945, Hồ Chí Minh đã tìm cách lấy lòng tình báo OSS của Mỹ, có lúc giải tán cả đảng Cộng Sản, nhưng hành động đó không đánh lừa được ai. Các nước Tây phương đang lo sợ sự bành trướng của Liên Xô nên phải bỏ rơi một phong trào do các cán bộ của Stalin lãnh đạo. Chiến tranh giành độc lập của dân ta đã bị quốc tế hóa. Nếu một người hay một nhóm thuần túy dân tộc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp thì phản ứng của các nước Đồng Minh chắc chắn phải khác.

Trong bài nói chuyện ngày 19 tháng 12 năm 1996 ở Hà Nội, ông Võ Nguyên Giáp nói rằng "Chúng tôi có hai mục đích, là độc lập và Chủ nghĩa Xã hội." Chính mục đích thứ hai đó biến nước ta thành bãi chiến trường quốc tế.

Có phải nhờ đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo nên nước ta mới độc lập hay không? Như Dương Thu Hương nhắc nhở, thời xưa nước ta có đảng Cộng Sản đâu mà vẫn đuổi được quân Nguyên, quân Thanh? Hơn nữa, như các cựu đảng viên Nguyễn Minh Cần, Hoàng Minh Chính đều công nhận, các chiến sĩ quyết tử thời 1946 chỉ biết lý tưởng độc lập, không ai nghĩ sẽ chết vì Chủ nghĩa Xã hội. Nhiều đơn vị quân đội không hề có một chi bộ đảng. Có lúc đảng Cộng Sản Việt Nam khoe khoang rằng nhờ họ phát động đấu tố theo gương Mao Trạch Đông nên kháng chiến thành công. Lí do là các nông dân đi chiến trường Điện Biên nức lòng trước tương lai Chủ nghĩa Xã hội. Nay chính họ cũng biết luận điệu đó là lố bịch nên không nói tới nữa!

Mặt khác, các hành động đấu tố và thanh toán những người bất đồng chính kiến mà Cộng Sản Việt Nam khởi sự đã đẩy họ vào con đường duy nhất là bỏ về sống trong vùng do Pháp kiểm soát. Ít nhất, khi sống trong vùng đó, họ không lo bị thủ tiêu, và có hy vọng một ngày sẽ đòi lại độc lập. Cuộc chiến tranh Nam Bắc, với sự can thiệp của Mỹ và Trung Quốc sau này cũng chỉ là hậu quả của tình trạng quốc tế hóa cuộc chiến tranh kháng Pháp mà ra. Vì bị quốc tế hóa nên chúng ta chết thêm mấy riệu người nữa, trong khi các nước cựu thuộc địa khác cũng giành được độc lập với những hy sinh nhỏ hơn.

Vậy cuộc tranh chấp quốc - cộng đã chấm dứt hay chưa? Nếu đảng Cộng Sản Việt Nam đã gây chiến ngay từ đầu, thì họ cũng là những người vẫn còn kéo dài cuộc chiến đến bây giờ. Vì họ vẫn coi tất cả những người bất đồng chính kiến là thù nghịch. Trong nước Việt Nam hiện nay những người có ý kiến vì quyền lợi quốc gia, dân tộc nhưng khác ý kiến của đảng đều bị bắt bớ, giam cầm nếu dám phát biểu ý kiến công khai. Đảng Cộng Sản vẫn tự hào biến dân Việt Nam thành đạo quân tiền phong của Cộng Sản quốc tế, nay họ nuốn dân ta làm đạo quân tử thủ sau cũng của chủ nghĩa đó. Họ đang dùng chữ "các thế lực thù nghịch" để nói về những người bất đồng ý kiến với họ. Cho nên hiện giờ ai đòi tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam đều là thế lực thù nghịch của họ. Xưa kia, đảng Cộng Sản đặt quyền lợi Đệ Tam Quốc Tế lên trên hết. Và bây giờ, họ đặt quyền lợi của nhóm cầm quyền trong đảng lên trên hết.•

* Tình yêu thường làm hư hỏng những tâm hồn trong trắng, mà cũng thanh hóa những tâm hồn hư hỏng.

TIẾNG CHUÔNG CHÙA LẠI NGÂN VANG

TIỂU HUYỀN

"Sau hơn 40 năm, tiếng chuông chùa lại vang lên tại các làng mạc, thôn xóm." Ông Danh, một giáo sư Đại Học Hà Nội đã về hưu, vừa nói vừa rưng rưng cảm động. Ông thật không ngờ mình còn có dịp cùng mấy trăm dân làng thắp nhang lễ Phật và tế thần hoàng tại đình chùa quê mình. Ông hào hứng nhắc tới những những kỷ niệm của các lễ hội lớn như rằm tháng bảy, tết nguyên đán, tế thành hoàng, tại mỗi miền quê Bắc Việt. Trước đây mấy năm, ông còn tưởng chỉ trong hồi ức mới có cái không khí đầm ấm hương khói của những ngày lễ tết xa xưa. Khi còn nhỏ, vào những ngày nhàn nhã sau Tết Nguyên Đán, ông và các anh em trong họ từng được bà nội ông thuê đò dọc chẩy theo sông Đáy vào tới khe Yến, nhập với đám người đông đảo đi trẩy hội chùa Hương.

"Đình chùa một phần bị phá từ thời tiêu thổ kháng chiến hay do bom Mỹ dội nhưng phần lớn mỗi ngôi chùa vẫn còn lại ít gian. Do một chỉ thị của thủ tướng Phạm Văn Đồng, chính quyền Cộng Sản chiếm hữu lần hồi các đình chùa, đền miếu, biến thành nơi hội họp, nhà kho hay vựa lúa của hợp tác xã... Các di tích cổ kính ngày càng trở nên tiêu điều. Sư sãi còn trẻ đều phải đi lính, và đời sống vật chất ngày một cơ cực. Cho tới cách đây mười năm thôi, không ai dám nghĩ tới chuyện sẽ có ngày chuông chùa lại rộn rã."

Ông Danh cho rằng, từ sau khi chính quyền cởi trói kinh tế, cho mọi người một chút tự do làm ăn để kiếm sống, thì người dân lại có cái ăn, cái mặc, và chú ý đến lễ lạc hơn. Nay nhiều người bươn chải giỏi, ngoài chuyện ăn mặc, họ còn sắm được cả TV, điện thoại... nên sinh hoạt tôn giáo, văn hoá lại trở nên những nhu cầu chứ không còn là một thứ xa xỉ

Chùa Cảnh Phúc ngày nay biến thành cửa hàng lương thực, và các biệt thự hai tầng lầu (dấu X trong hình) mọc lên ở trong sân chùa. Dân đến dự lễ Giỗ Tổ phải đứng bên ngoài.

nữa. Ông nói tiếp: 'Những năm đói rách nhất là thời 76-80, trước khi được bà con ở hải ngoại tiếp tế, phải nói rằng chúng tôi sống không ra phẩm cách con người. Cả ngày chỉ lo sao cho có gạo nấu cơm ăn cho no bụng là mừng. Ăn cơm độn khoai sắn hay ăn cháo là chuyện thường tình. Suốt năm ăn nước muối nấu loãng, bữa nào có chén tương và đĩa rau muống là quá sướng rồi! Như vậy thì còn ai nghĩ đến chuyện lễ bái?

Một yếu tố khác nữa là ai cũng sợ, không ai dám lên tiếng đòi lại những khu đất thuộc về đình chùa nay đã bị nhà nước xung công rồi để cho các cán bộ chiếm của công làm của riêng. Họ không thể đòi vì đụng đến các đảng viên cấp lớn là bị vạ ngay. Cái sợ đã tạo nên những hành vi đến mức vô lý, không thể hiểu nổi. Cuối năm 1993, khi trở lại Hà Nội thăm gia đình, tôi thấy người chung quanh còn sợ đủ thứ. Một bữa tôi gọi điện thoại, hỏi nhân viên phụ trách cách thức gọi viễn liên qua Mỹ. Đối đáp bình thường với cô ta xong, tôi còn cảm ơn cô trước khi gác máy. Vậy mà cháu tôi, một sĩ quan quân đội nhân dân, đã nhận xét: "Dì hách quá!" Hỏi tại sao thì cháu đáp: "Ở đây có ai mà dám nói chuyện kiểu đó với điện thoại viên!" Tôi không hiểu trong xã hội Hà Nội đó một nhân viên công ty điện thoại thuộc loại quan chức cao thế nào mà một sĩ quan phải sợ như vậy. Mà lời nói của tôi với điện thoại viên cũng chỉ bình thường như nói với một cô làm cho ATT ở Mỹ, đủ nhã nhặn lễ độ, đã bị nghe là "hách" lắm! Lúc đó tôi mới thấm thía câu nói của Nguyễn Tuân 'Tôi sống sót đến ngày nay vì biết Sợ!"

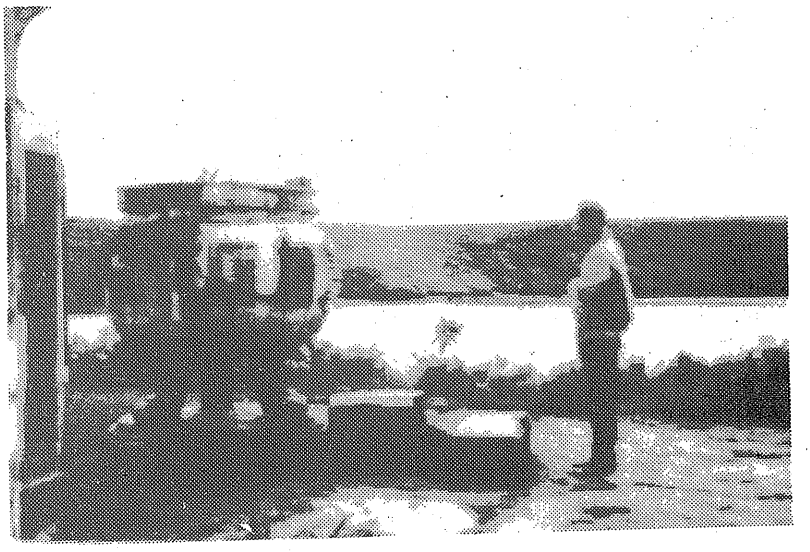

Pleiku: Dân tới lễ lư hương trước Phật đài trống, vì tượng Phật Quan Âm đã bị cộng sản bỏ đi.

Thế nhưng năm nay, khi trở lại thăm làng cũ, tôi thấy dân chúng đổi khác khá nhiều. Họ đã biết đứng lên đòi hỏi. Từ năm 1995, tại xã Cấn Hữu quê tôi ở tỉnh Sơn Tây, các phụ lão đã dám đòi quyền tham gia trực tiếp vào ban tu bổ đình chùa, thay vì khoán trắng cho nhà nước. Nhờ vậy, số tiền quyên góp được của bà con tứ xứ gửi về để xây lại hậu điện đình làng đã chỉ bị thất thoát rất ít (dưới 10%). Các cụ tích cực trong việc kiểm soát, tính toán từ vôi vữa đến gạch ngói, không còn nể nang sợ hãi mấy anh bí thư xã hay chủ tịch xã như xưa. Nơi quê của ông Danh, tại làng Dương Liễu thuộc tỉnh Hà Đông, thì các bô lão hai năm trước (1994) đã bị các quan chức trung ương chỉ định phải để chuyện trùng tu chùa Hương Trai cho xí nghiệp xây dựng của bộ Văn Hoá. Nên quĩ xây cất thất thoát tới 50%!

Hầu như làng quê nào trong vùng cũng lo việc xây dựng lại những nơi thờ tự: Ngoài đình chùa, đền miếu hay nhà thờ họ, người ta còn sửa sang cả những cái Quán - là nơi hương khói thường xuyên thờ Thành Hoàng của làng xã. Tại làng Yên Sở cũng thuộc tỉnh Hà Đông, các bô lão tích cực trong việc trùng tu cái Quán của làng, không cho trung ương dính vô, nên số tiền tu sửa dù lên tới 500 triệu (tức 50 ngàn US đô la, cũng chỉ thất thoát 10% mà thôi.

Dân đòi chùa Cảnh Phúc

Hơn lúc nào hết, dân chúng có lòng tin vào thần quyền và cái Thiện nơi con người. Dân làng tôi kể những câu chuyện mấy anh phá đình chùa bị quả báo chết thảm hay bị điên loạn được dân nhiều vùng quê kể lại. Gần năm mươi năm cai trị bằng chủ nghĩa Duy Vật mác-xít, chính phủ cộng sản vẫn không thể dập tắt được truyền thống văn hoá Phật Giáo của người dân Việt Nam.

Lòng khát khao có nơi lễ bái của dân chúng nhiều xã đã khiến họ can đảm đứng lên đòi lại Đình Chùa - dù đó chỉ còn là cái nền nhà cũ. Như trường hợp ngôi chùa Cảnh Phúc, một di tích lịch sử đã được xây dựng từ đời Lê, trước năm 1665.

Chùa Cảnh Phúc do thiền sư Thanh Quang xây dựng và trụ trì tại đó 9 năm, được trùng tu lần đầu vào năm 1674. Cảnh Phúc Tự thuộc làng Đồng Văn huyện Duy Tiên tỉnh Nam Hà. Toàn thể lương dân và Phật Tử Đồng Văn đã họp nhau nhiều lần, làm một thỉnh nguyện thư ngày 7 tháng 11 năm 1996 để chính thức gửi tới Chủ Tịch nhà nước CHXHCNVN, thủ

tướng chính phủ, chủ tịch Quốc hội... cho tới các bộ Văn hoá, các ủy ban tôn giáo hay ủy ban nhân dân liên hệ, cùng các toà báo...Trong thư, dân làng trình bày rất rõ sự kiện ngày xưa dân làng hỗ trợ chính phủ, đã cho mượn chùa làm kho, rồi làm cửa hàng lương thực từ thập niên 60-70. Sau năm 1975, dân bắt đầu muốn xin lại chùa để cúng lễ, nhưng chính quyền địa phương không đáp ứng gì cả. Cho tới gần đây, họ lại cắt bớt một phần đất của chùa, tức cửa hàng lương thực công bây giờ để bán cho tư nhân, và cho phép những người này xây biệt thự hai tầng ngay trong sân ngôi chùa cũ mà không thèm hỏi dân một lời!

Tử Dương Vọng Đình

Ngoài xã Đồng Văn, trong thời gian vừa qua, dân chúng làng Tía, thôn Tử Dương, huyện Thường Tín (tỉnh Hà Tây) cũng đang xôn xao khiếu nại để đòi lại một ngôi đình của dân làng xây dựng tại số 8 hàng Buồm Hà Nội, tên là Tử Dương Vọng Đình. Đó là nơi biểu lộ sức sống và bản sắc của dân làng Tử Dương, một đất văn vật, quê hương của rất nhiều danh nhân đời xưa. Tử Dương Vọng Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ 17 (còn văn bia năm 1767 ghi lại), do cư dân làng Tía cư ngụ tại Hà thành thời đó góp công của tạo dựng lên, ngay giữa phố Hàng Buồm là trung tâm thương mại của người Trung Hoa. Năm 1993, ủy ban tôn giáo thành phố Hà Nội ra công văn ngày 14/8 xác nhận đó là một ngôi đình cổ. Năm 1994, hội "khoa học lịch sử" đã tổ chức hội thảo về Văn Hoá làng Tía với Tử Dương Vọng Đình, công nhận đây là một di tích lịch sử văn hoá cần được bảo tồn. Nhưng ngày nay, số 8 phố Hàng Buồm vẫn chỉ là một của tiệm buôn bán. Toàn thể khuôn viên ngôi đình đã bị một số gia đình chiếm dụng từ lâu. Dân Làng Tía vận động đòi Vọng Đình rất nhiều lần nhưng chưa có kết quả gì cụ thể. Báo chí, đài phát thanh và truyền hình cũng hỗ trợ nhân dân đòi lại đình, nhưng chính quyền cộng sản vẫn giả điếc, coi như không nghe.

Tượng Phật Bà Quan Âm ở Pleiku

Không phải chỉ ở Hà Nội hay ngoài Bắc Việt, dân chúng mới nổi lên đòi đình chùa, mà dân chúng ở vùng biển Hồ Pleiku cũng đang làm đơn xin dựng lại tượng Phật Bà Quán Thế Âm. Ngôi tượng này được tôn tạo từ năm 1972, là nơi nhiều lương dân tới cầu nguyện. Nhưng sau tháng 4/1975, chính quyền CS đã giật đổ tượng, để nằm lấp sau đám lá cây rừng kế bên. Dân chúng quanh vùng Biển Hồ vẫn nhớ chốn cũ, tới thắp nhang và cầu nguyện cạnh chiếc lư hương lớn còn đó. Và nay họ đang làm đơn yêu cầu chính quyền cho phép để họ được tự chịu phí tổn, dựng lại bức tượng đẹp đẽ trên. Nhưng từ nửa năm nay, vẫn chưa có hồi âm!

* Cái nông trại của anh ta nhỏ đến nỗi bò ở đó chỉ cho... sữa đặc.

* Trí nhớ của tôi rất tốt. Chỉ có ba điều tôi không nhớ được: tôi không thể nhớ nét mặt, tôi không thể nhớ tên, và điều thứ ba... bây giờ tôi lại quên mất không nhớ ra là cái gì.

Chùa Diên Hựu

Cũng trong dịp về thăm Hà Nội vào đầu tháng 11/1996, chúng tôi được đọc báo nói về hai cây bồ đề bên chùa Một Cột (thuộc khuôn viên chùa Diên Hựu) bị trốc gốc vì bão từ ngày 22/8. Cây nhỏ do tổng thống Ấn tặng Hồ Chí Minh từ năm 1958, thì được Công ty Công Viên tới dựng lại ngay, vì nó dính líu tới ông Bác của họ. Nhưng, dựng xong thì phải có tiền trả công ty nhà nước này, trước khi họ dựng nốt cây thứ hai. Nhà chùa nghèo nên yêu cầu sở Văn Hoá Thông Tin thành phố thanh toán cho công ty (4 triệu đồng VN), để họ dựng nốt cây bồ đề lớn đã sống hơn trăm tuổi kia. Nhưng, thư đi mà hơn hai tháng không hề có hồi âm, trừ những lời hứa hẹn xuông. Hội Khoa học Lịch sử cùng nhiều nhân vật quan tâm tới việc bảo vệ di tích, đã phải viết thư chung, rồi thư riêng yêu cầu ông Trần Hoàn (bộ trưởng Văn hóa trước đây) can thiệp, cũng không có kết quả gì. Nhà chùa, khi thấy cây bồ đề lớn bị vàng hết lá, sợ cổ thụ chết mất nên phải đi vay tiền trả cho Công Ty để họ dựng nó lên. Không biết bao lâu thì mới thấy được tiền của chính phủ.

Chùa Diên Hựu là ngôi chùa chánh cùng trong khuôn viên chùa với Liên Hoa đài (mà người ta thường gọi là chùa Một Cột), được xây dựng từ đời vua Lý Nhân Tôn (1105), tại Thăng Long. Cảnh trí đặc biệt của hai di tích lịch sử này đang bị "ấn tiền triệt hậu" (ngăn phía trước, bít phía sau) bởi cái viện bảo tàng và lăng mộ Hồ Chí Minh. Nếu không có sự can thiệp tích cực của các nhà báo Phạm Quế Dương, Lương Qúi, Mạnh Hùng, cùng các giáo sư trong hội Khoa học Lịch sử... thì chùa Diên Hựu đã bị dời đi nơi khác từ 10 năm trước đây. Chính quyền CS chắc không tin gì ở khoa Phong Thủy, cũng như không hề biết là tổ tiên làm chùa đều đã chọn khu đất linh thiêng, nên họ chỉ tính tới cái lợi trước mắt: họ chỉ muốn giữ lại chùa Một Cột để hấp dẫn du khách, còn chùa chính thì bứng đi nơi khác, để tăng phần rộng rãi cho viện bảo tàng của Bác! Người dân Hà Nội bàn với nhau rằng biết đâu, chính vì xây cái lăng và viện bảo tàng "ấn tiền triệt hậu" ngôi chùa này, mà đảng Cộng sản đã động vào phong thủy của đất cố đô, làm cho dân tộc cứ giật lùi hoài cho tới ngày nay?•

CÁI HAY CỦA THƠ ĐƯỜNG

THÁI VIỆT

Có một nhận xét của một giáo sư ngôn ngữ học đã bỏ nửa cuộc đời học về văn học Trung Quốc: "Cái lạ của ngôn ngữ thơ Đường ở ngay chỗ giản dị của nó."

Nếu ta đi qua cái thế giới từ ngữ của thơ văn Trung Quốc, từ Kinh thi, Sở từ, Hán phú, thơ Lục triều cho đến thơ Đường thì chúng ta sẽ cảm thấy bàng hoàng như bước vào một đất nước xa lạ. Trong Kinh thi có hàng trăm tên chim, tên cây, tên núi, tên sông. Tình trạng xa hoa về từ ngữ này càng tăng lên đến mức khoa trương ở trong Hán phú. Thế mà sang thơ Đường tất cả quang cảnh xa hoa về từ ngữ này biến đâu mất. Trên một trăm thứ hoa của Kinh thi và của Ly tao rơi rụng đâu hết chỉ còn chữ hoa trống không. Hàng chục con ngựa trong phú của Tư Mã Tương Như chạy đi đâu cả còn trơ lại con mã khái niệm. Không phải các nhà văn Trung Quốc trước đây hễ nói đến núi thì dùng chữ sơn. Họ có một chữ để chỉ ngọn núi đứng một mình, một chữ để chỉ ngọn núi trên bằng phẳng v.v... Và chữ nào cũng thế: có một chữ để chỉ vầng trăng mới lên, một chữ để chỉ vầng trăng tròn..., rất chi li cụ thể. Trong Kinh thi không có chữ nào để chỉ một cụ già nói chung. Chữ lão để chỉ ông già 70 tuổi, chữ kỳ là để chỉ ông già cần phải có thức ăn riêng ngon lành hơn, chữ cảo là để chỉ ông già thở hổn hển v.v... Và bao nhiêu chữ nữa để chỉ các cụ già khác nhau. Nhưng trong thơ Đường thì khác hẳn: chỉ có một chữ lão để chỉ mọi cụ già; một chữ sơn để chỉ núi; một chữ giang chỉ sông. Trong thơ Đường: chim bao giờ cũng là điểu; hoa bao giờ cũng là hoa. Chỉ khi nào sự vật có một chức năng ngữ nghĩa khác, mà chỉ bản thân nó mới nói lên được thì lúc ấy mới xuất hiện con hoàng oanh hay con anh vũ, hoa lan hay hoa cúc. Chẳng hạn người cung nữ trong Cung Từ của Chu Khánh Dư nói:

Hàn tình dục thuyết cung trung sự.
Anh vũ tiền đầu bất cảm ngôn.

(cảm thấy mối tình canh cánh bên lòng, muốn nói chuyện trong cung, nhưng thấy con vẹt ở trước mắt nên không dám nói). Trong trường hợp này không thể thay con vẹt bằng bất kỳ con chim nào khác, vì con vẹt có tật nhại lại tiếng người.

Như vậy ngôn ngữ của thơ Đường nghèo nàn hơn thơ phú thời trước.

Người ta thường nói thơ Đường hay nhờ nhạc điệu hay âm điệu. Theo giáo sư Phan Ngọc: "Thực ra âm điệu thơ Đường hết sức nghèo nàn. Âm điệu một bài thơ hay ở chỗ nào? Âm điệu của bài thơ hay là ở chỗ, bằng hiện tượng âm thanh có thể gợi lên một hình ảnh của hiện thực. Nhưng thơ Đường hoàn toàn không làm điều đó. Âm điệu của nó hoàn toàn không bắt chước gì hiện thực hết. Đã thế thơ Đường lại loại bỏ mọi từ láy âm thì cái gọi là âm thanh réo rắt của thơ Đường làm gì có nữa.

Trong cổ văn những chữ: chi, hồ, giả, dã xuất hiện bất kỳ, khi ta dở một trang cũng thấy nhan nhản bốn chữ trên. Bốn chữ làm bá chủ trong Kinh thi và Nhạc phủ lại gần như hoàn toàn vắng mặt trong thơ Đường. Tại sao vậy? Tại sao cái hệ thống hư từ: chi, hồ, giả, dã, phù, tắc, cái... tóm lại toàn bộ hệ thống hư từ để chứng minh đều bị loại trừ hết.

Theo Phan Ngọc:

- Nhiệm vụ của thơ Đường là tìm tính thống nhất của sự vật, mà muốn làm như vậy thì trước hết mấy cụ già, mấy vầng trăng, mấy ngọn núi kia cũng phải thống nhất với nhau chứ! cho nên sự vật từ chỗ phong phú đến mức xa hoa, bị rút xuống chỉ còn là nét khu biệt.

- Cái âm thanh réo rắt của thơ Đường tại sao vẫn cảm thấy khi ta đọc một bài Đường thi? Cái âm thanh réo rắt ấy là xuất phát từ sự khám phá hiện thực. Một khi hiện thực được khám phá một cách mới mẻ thì cái âm thanh tẻ nhạt nhất cũng sẽ bị hoán cải mà trở thành réo rắt nhất.

- Tính đồng nhất ở thơ Đường là tính đồng nhất trực tiếp, tiên nghiệm, không cần và thậm chí không được phép chứng minh, vì hễ chứng minh tức là sự vật đã ở ngoài con người rồi. Người đọc phải tự mình suy luận ra TÍNH ĐỒNG NHẤT, chính người làm thơ không được phép suy luận hộ. Vì mục đích của thơ Đường là nêu lên tính đồng nhất cho nên tất cả các hư từ nào có tác dụng giới thiệu sự đồng nhất đều được sử dụng. Đó là hệ: *Tương, dự, cộng* có nghĩa là đại khái cùng nhau. Hay hệ: *nhất, độc, cô,* nhấn mạnh tính thống nhất của cái đơn nhất với tổng thể. Hoặc hai chữ vô, không để nêu bật tính vĩnh viễn của cái tồn tại vày.

Thí dụ:

Lạc hoa tương dữ hận
Đáo địa nhất vô thanh

(Nam hành biệt đệ - Vi Thừa Khánh)

(Hoa rụng cùng buồn với chúng ta, rơi xuống đất không một tiếng động).

hay:

Năm nơi cùng nhớ một quê chung)

Bây giờ đi vào các câu thơ để minh chứng TÍNH THỐNG NHẤT.

- Thời gian tuy khác nhau nhưng tâm trạng vẫn là một, cho nên sự khác nhau ấy tan đi:

Tích thời nhân dĩ một,
Kim nhật thủy do hàn.
(Dịch thủy tống biệt - Lạc Tân Vương)
(Người xưa tuy đã mất tôi,
Sông Dịch vẫn lạnh hệt thời ngày xưa)

Chữ "do" là một chữ khổ công và giàu sự suy nghĩ. Nó khiến cho ta nghĩ tới tính thống nhất giữa Kinh Kha thời Tần ngày xưa từ biệt thái tử Đan ở sông Dịch Thủy, vì căm giận nhà Tần tàn bạo mà tóc dựng lên mũ, và cái hào khí ấy làm cho nước sông lạnh (thống nhất giữa con người và vũ trụ), nhưng cái lạnh bắt đầu từ lúc ấy vẫn còn mãi đến bây giờ (thống nhất giữa quá khứ và hiện tại).

- Cái hữu hạn dễ dàng thống nhất với cái vô hạn. Chẳng hạn cái cao hữu hạn thống nhất với cái cao vô hạn:

Phi lưu trực há tam thiên xích,
Nghi thị ngân hà lạc cửu thiên.
(Vọng Lư Sơn bộc bố - Lý Bạch)
(Từ ba ngàn thước lao bay xuống,
Ngỡ sông Ngân đổ tự trời cao)

Lý Bạch không so sánh mà chỉ băn khoăn không biết đó có phải là sông Ngân hà thôi. Nếu so sánh cái hay sẽ biến mất, tính thống nhất sẽ tan vỡ.

- Đồng nhất giữa con người với thiên nhiên.

Theo Như Thành: "Bầu trời và thiên nhiên là cái nền của thơ Đường. Vì thơ Đường cốt yếu nêu lên tính thống nhất, mà tính thống nhất chủ yếu là tính thống nhất giữa con người với thiên nhiên cho nên tất yếu nó hướng về thiên nhiên." Nhưng tại sao tính thống nhất giữa con người và thiên nhiên lại là chủ yếu? Điều ấy Như Thành không giải thích. Nên Nguyễn Thị Bích Hải trong cuốn 'Thi Pháp thơ Đường" đã giải thích: "Sở dĩ thơ Đường thể kiện tính thống nhất giữa con người với thiên nhiên vì quan niệm nghệ thuật về con người của nó (của thơ Đường) là con người vũ trụ. 'Con người vũ trụ' quan niệm cho rằng: Con người liên quan mật thiết với đất trời — Vũ trụ. Con người là một 'tiểu vũ trụ' trong lòng 'đại vũ trụ.' Đó cũng là quan niệm nghệ thuật về con người thời cổ và thậm thí còn tồn tại đến thời cận đại. Con người đó xuất hiện trong tư thế vũ trụ, đứng giữa đất trời, đầu đội trời, chân đạp đất, nối đất với trời. Tiếng thơ cất lên như tiếng 'giữa trời.' Ta thấy ít khi nhà thơ xuất hiện với cái ta cách một cái tôi, cá nhân, bởi con người đó là con người siêu cá thể.

Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất kiến lai giả
Niệm thiên địa chi du du
Độc thường nhiên nhi thế hạ.
Dịch thơ
Người trước chẳng thấy ai
Người sau thì chưa thấy
Ngẫm trời đất thật vô cùng
Riêng lòng đau mà lệ chảy.
(Trần Tử Ngang - Đăng U châu đài ca)

Điểm nhìn nghệ thuật được đặt chính giữa trung tâm của vũ trụ; trung tâm của không gian thiên địa (vũ), trung tâm của thời gian tiền hậu (trụ). Con người đứng ở giữa giao điểm của không thời gian mà lên tiếng. Đó là tiếng nói của một tiểu thiên địa, giữa lòng đại thiên mênh mông và giữa thời gian tiền - hậu vô thủy vô chung. Cái 'tiểu thiên địa' ấy chỉ biết 'độc thương nhiên nhi thế hạ' khi đối diện với

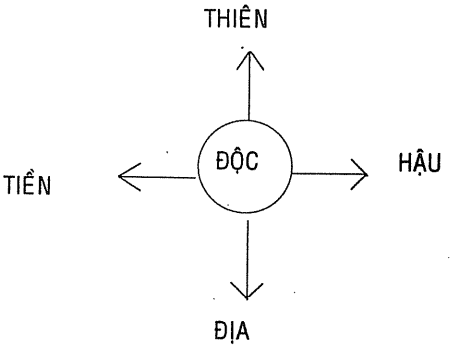

vô hạn vô cùng vủa vũ trụ.

Trần Tử Ngang trong khoảnh khắc trên đài U châu là một con người vũ trụ tiêu biểu."

Trong thơ Đường, vị trí trung tâm ấy được xác định như một lẽ tự nhiên và bao giờ cũng đẹp.

Độc tọa u hoàng lý
Đàn cầm phục trường khiếu
Thâm lâm nhân bất tri
Minh nguyệt lai tương chiếu.
(Vương Duy - Trúc Lý Quán)
(Một mình trong khóm trúc
Gẩy đàn rồi hát chơi
Rừng sâu không kẻ biết
Soi nhau với trăng ngời)
Mộ tòng bích sơn há
Sơn nguyệt tùy nhân quy
(Lý Bạch - Há chung nam sơn)
(Chiều hôm bước xuống chân đèo
Ánh trăng trên núi cũng theo người về)
Nhân phan minh nguyệt bất khả đắc
Nguyệt hành khước dữ nhân tương tùy.
(Lý Bạch - Bá tửu vân nguyệt)
(Người với lên trăng vin chẳng được
Khi đi trăng lại mãi theo nhau)

Qua những câu dẫn chứng trên ta thấy con người ở đâu thiên nhiên cũng bao quanh; và khi con người di chuyển thì cả vũ trụ cũng chuyển dời theo để con người vẫn ở vị trí trung tâm.

người ở đâu thiên nhiên cũng bao quanh; và khi con người di chuyển thì cả vũ trụ cũng chuyển dời theo để con người vẫn ở vị trí trung tâm.

Phi điểu mộ hà xứ
Thanh sơn không hướng nhân
(Chim bay biến mất đâu rồi
Non xanh quay lại phía người bâng khuâng)

Cái hay trong hai câu thơ này chính là ở chỗ ngọn núi trong thơ không phải im lìm, mà lại vận động, nó quay về phía người, chứ không phải như trong cuộc đời con người quay về phía núi. Non xanh cũng chiều con người, hướng về con người, để con người ở vị trí trung tâm.

Cái nhu cầu thấy mình thống nhất với ngoại giới, đòi hỏi một sự thể hiện nghệ thuật mà nếu không có nó thì không thể nào bộc lộ được. Một so sánh nhỏ với tục ngữ sẽ cho ta thấy rõ. Tục ngữ Việt Nam ai cũng phải thừa nhận là một hệ thống suy luận rất chặt chẽ cũng không có những từ chỉ suy luận. Thế mà tục ngữ vẫn dạy chúng ta suy luận được, vẫn là cái kho suy luận vô giá biểu hiện sự suy nghĩ của chúng ta. Qua bản thân sự đối lập người ta sẽ tức khắc rút ra được kết luận suy lý: *Khôn nhà dại chợ; ngồi mát ăn bát vàng; ăn vóc học hay; đi một ngày đàng học một sàng khôn*; ai mà không suy luận.

Thơ Đường không dùng hệ thống suy luận mà vẫn thúc đẩy người ta suy luận chính là vì thế. Cố nhiên thơ Đường không loại trừ mọi chữ có tính cách suy luận. Nó chỉ gạt bỏ những chữ suy luận quá lộ liễu thôi. •

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Anh
NGUYỄN PHƯỢNG YÊM

Nguyên Luật Sư, Thượng Nghị Sĩ
Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa

đã từ trần ngày 12/12/1996
tại Montreal, Canada

Hưởng thọ 66 tuổi.

Các bạn thân thiết của anh xin thành kính chia buồn cùng chị Yêm và tang quyến.
Và xin cầu nguyện cho Anh được toại nguyện thanh thản nơi chốn Vĩnh Hằng

Vũ Ngọc Đại (FLA)
Đoàn Thanh Liêm (CA)
Lê Trọng Nghĩa (CA)
Đỗ Quý Toàn (MTL)
Nghiêm Xuân Hồng (CA)
Nguyễn Hữu Thống (CA)
Nguyễn Bảo Trị (CA)
Trần Thiện Hải (CA)
Nguyễn Đức Thịnh (CA)
Phạm Quốc Bảo (CA)
Nguyễn Cao Quyền (DC)
Đinh Từ Thức (DC)
Nguyễn Ngọc Đĩnh (DC)
Đào Mộng Nam (CA)
Lý Đại Nguyên (CA)

VAALA
(714) 537-8352

KICON

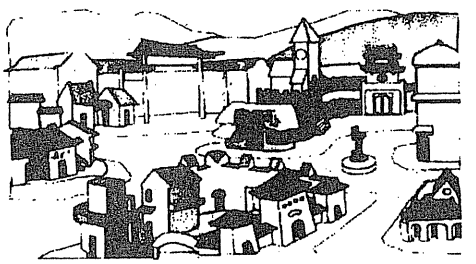

http://kicon.com

12866 Main Street, Suite 101
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 590-3080
Fax: (714) 590-3084

BẠCH TUYẾT, MỘT MÌNH GIỮA TRÙNG VÂY CỦA GIÓ BÃO THỜI ĐẠI

TRẦN HỒNG CHÂU

Năm 1965, vào những ngày dầu sôi lửa bỏng của Sài Gòn, thù trong giặc ngoài, tổ chức, phe phái cực kỳ lộn xộn thì một tập thơ nhỏ ra đời, trong im lặng thanh bình của mắt bão. **Mắt Mầu Nâu** mở rộng, vừa hồn nhiên ngây thơ, vừa *chua cay người lịch duyệt,* nhìn thẳng vào trận đồ thế sự hỗn mang của một quê hương đau khổ.

Cơn hồng thủy đổi đời đã để lại nhiều dân biển trên khuôn mặt đô thành miền Nam. Một buổi chiều, đi trên hè đường Lê Lợi, tôi chợt buồn, ngạc nhiên thấy lại *Mắt màu nâu đã trở thành đen sẫm,* trải dài trên những trang giấy vàng úa, nhàu nát, của đám người bán hàng rong ở một miền đất không còn là chỗ dung thân cho trí thức và tình cảm nữa.

Tôi bùi ngùi cảm động. Tuyết sương xưa bây giờ ở đâu? Tác giả tập thơ, một trong những học trò "ruột" của "ông thầy Văn Khoa" giờ ở phương trời nào? Còn hay mất giữa cái bấp bênh, đổ nát, cái phù du kinh hoàng của những cuộc đời và tâm hồn 'biểu hiện" thời hậu chiến? Còn ở với Thơ nữa không? Còn ôm ấp những giấc mơ lớn lao của Tuổi trẻ đường Nguyễn Trung Trực và Cường Để nữa không?

Cho đến mùa Xuân năm nay tôi được tin — có lẽ do vần xoay của đất trời, lúc nào cũng tròn — là nhà thơ tuổi trẻ khi xưa hiện đang dừng chân ở miền Tây Bắc Hoa Kỳ, xứ sở của hoa hồng.

Hôm nay Hồng Khắc Kim Mai cùng vài bạn đồng song, mừng mừng tủi tủi đến thăm tôi. Tay bồng tay mang. Hai đứa con tinh thần. Hai tập bản thảo giấy hoa tiên mầu pastel, hoa cà và phấn hồng tôi hằng ưa thích. Ngoài *Mắt Màu Nâu* được in lại, còn có *Em Cho Ta Tình Thơ.* Tất cả để kể nỗi hàn ôn với người yêu thơ.

Hồng Khắc Kim Mai. Có chăng, một phần nào, thuộc di huệ của Hồng Tú Toàn, sau khi lãnh tụ thất trận và tự vẫn ở Giang Tô, đã trôi giạt về phương Nam? Tuy thu đã khởi sự mùa thiếu phụ nhưng vẫn còn nguyên dáng vẻ người nữ sinh viên Văn Khoa thông minh duyên dáng và lanh lợi của những năm khói lửa vừa qua.

Con người của Thơ, lãng mạn mộng mơ là thế đấy, nhưng khi bị định mệnh phũ phàng ném xuống biển đời khắc nghiệt, cũng vùng dậy theo bản năng sinh tồn của dòng Việt để phấn đấu và tồn tại. Xa cách người thân. Vượt sóng. Hải đảo Thái Bình Dương.

Vác một đàn con trên vai
Ta đi bụi đời
Chín hướng mười phương...
và
Bằng đôi chân của khủng long
Bằng đôi cánh đại bàng

Rồi *xứ hào quang,* đất tạm dung, đoàn viên hội ngộ, quanh năm buôn bán ở ven sông, quên mình cho đến ngày con cái thành đạt

Quên thời gian
Quên phấn quên son
Hôm nay nghe con ra trường
Ta rộn ràng
Thấp thỏm soi gương
Mới thấy hoang tàn
Đời dâu biển trên nét mặt

Để hôm nay lại hân hoan tâm sự là nhiệm vụ bà Tú Xương đã chu toàn rồi, xin trở lại với Thơ, mối tình đầu. Trở lại hết mình. Để những người đồng hội cùng chia xẻ, cảm thông

Trở lại hoàn người
Nối lại vần thơ đứt đoạn

Trở lại trong từng phút giây, vì cuộc đời ngắn mà nghệ thuật thì cứ dài dài, và bóng hoàng hôn đã sập đổ ngoài hiên rồi!

Cảm tưởng chung là cuộc đời và Thơ đã dành riêng cho Hồng Khắc Kim Mai một rừng biện chứng, dầy đặc cây mâu thuẫn, sừng sững trên lối đi. Biện chứng Lãng mạn Thơ và Thực Tế Đời như đã thấy. Tập thơ là một xen kẽ nhịp nhàng giữa những phút quên đời và những phút thật là gắn bó với đời. Tất nhiên, tác giả đã không quên là Thơ dấy lên từ lòng cuộc đời và được nuôi dưỡng bằng hơi thở nhân sinh, dù Thơ vẫn đồng nghĩa với thoát ly và mộng mơ.

Biện chứng hai miền đất mến yêu với những ngoại và tâm cảnh nhiều lúc đối lập, dằn co. Portland, Oregon. Miền Tây Bắc hiền hòa với thánh phố có mỹ danh Hoa Hồng và dòng sữa tuyết. Đất và Thánh nữ bao dung, có bốn mùa tuyệt vời, có thông có biển, ủ ấp lòng người tha hương... Nhưng quên làm sao được *dòng người chợ bến Thành.* Quên làm sao được *giọt Non Nước đá mòn...* Dễ gì quên được quê nghèo *Huế thành đô chốn xa mờ bờ bụi.* Con nhà nghèo vốn thương Mẹ hơn ai hết!... Bên đồi vắng, nhìn thấy ruộng vườn *y chang,* con ngựa hồng *(ngựa Hồ nghe gió bắc thổi?)* chợt nhớ một vùng đất cũ. Thấy *chim bay về hướng ấm* lại hình dung trong trí *mái trường một thuở* và mơ về *bến đậu quê nhà,* trong một nguồn cảm tứ ngôn không thiếu phần cổ kính

Tình quê mặn mà
Như nước với non
Như em nụ cà
Tiếc tím chiều sương
Như anh nhạt nhòa
Lưng trời bóng vạc
Phong trần chân mây...

Biện chứng tình yêu phóng khoáng vô biên và nghĩa phu thê truyền thống. Thơ và nhà thơ vốn bản chất đa tình. *Thị chân tài tử tự phong lưu.* Không tình thì không có thơ. Đó là một định lý, một sự-thật-ở-đời. Có thể nói, nét chính, đề tài hiện rõ nhất trong thơ Hồng Khắc Kim Mai là Tình yêu. Tâm hồn tác giả mở cửa đại hội, ngập tràn yêu thương. Tình yêu dưới mọi hình thức. Linh hồn và Thể xác. Lý tưởng và Nhục cảm. Ly tao và Vệ nữ. Thực ra, những Vạn lý trường thành, ngăn sông cách núi, đều mang tính chất giả tạo, không tưởng. Tình yêu đích thực trong bản chất, trái lại, là một phức hợp, một giao thoa nằm ở vùng tranh sáng tranh tối, giữa hai mệnh đề đối lập của một tổng thể hòa hợp nhịp nhàng

Anh nâng em vào tận cung mây
Bước bước lướt ngàn
Du cõi mộng
Nghĩa tào khang
Tango, tango blues
Đôi mắt em ngời giọt thiên thu

Cầu vồng tình bảy mối. Địa ngục - Trần gian - Thiên đường, ba tầng vũ trụ vật chất và tâm linh... Tất cả đều hư thực, mờ ảo, tắm trong một cực lạc vô biên khi tình yêu đến với con người. Nhà thơ tinh tế, mẫn cán hơn dung nhân. Thấy và sống nhiều hơn. Tình yêu, *Vú mộng muôn đời của thi sĩ.* Những cánh hoa ân ái nở rộ trên từng trang giấy, từng nẻo đường cảm xúc

Anh đã về hơ nóng ngọn anh đào
Anh đã về nhã nhạc phím thanh tao
Tay anh ấm sờ đâu môi cũng nở
Nắng đa tình chết đứng những hàng sao

và

Nghe dòng suối sầu thương
Sùi sụt tận đáy lòng
Nghe tim dậy cuồng phong
Từng sợi giận, từng sợi thương

Để đi đến chân lý

Tình yêu hằng cứu
Là khi hai bên cùng đưa tay
đè nén nhịp tim cùng một lúc

Nhưng cuối cùng, vẫn phải nhận định là khía cạnh sắc dục của tình yêu đã được khai thác tối đa trong *Em Cho Ta Tình Thơ*

Trong nhục thể
Em sầu bi
Trong nhục thể
Em trầm luân

Rồi những đường nét, khối hình, những gợi cảm bỏng lửa làm nhớ lại những cảnh yêu đương trên dãy phù điêu bằng sa thạch hay

Hồng Khắc Kim Mai (Ảnh Lê Tam Ca)

cẩm thạch của Ấn Độ và Hy Lạp xưa, hai dân tộc lớn về nghệ thuật điêu khắc luôn luôn ngợi ca tình yêu và tôn vinh thân hình hồn nhiên, tuyệt vời nhất của những người tình.

Ôm bầu rượu tuyết thần kỳ
Anh núc từng đêm không biết mệt
...
Tóc em đen trên giòng sông
Sương đã mềm như mềm môi hôn
...
Rất bẽn lẽn đêm nằm nghe vương vãi
Phút đưa tình ong bướm tận thâm sâu
...
Cho em thoát lốt nhu thuần
Với anh ân ái ngực trần khuya nay

Đó chỉ là những câu tương đối hiền lành mờ nhạt, xa vời thôi. Thực ra con người *bạt mạng nhất thiên đường* còn đi xa hơn nữa, tả chân hơn nữa, "Kim Bình Mai" (không phải là Hồng Khắc...) hơn nữa. Nhưng may mắn là tất cả đều còn nằm trong giới hạn Thơ, một vương quốc lúc nào cũng sương mờ bao phủ, gợi ý nhiều hơn là nói thẳng. Trong chiều hướng đó cũng nên nhớ là những đoạn mô tả nhục cảm của D.H.Lawrence chẳng hạn, những đoạn thường được coi là "thật" nhất, thành công nhất, lại chính là những đoạn nhiều chất thơ, phiêu diêu mộng mơ nhất.

Nhưng dù sao, và đây là điểm chính. Cái biển sắc dục nhà thơ ôm đấm đuối trong vòng tay cũng có bờ bến, có đập có đê. Nó đóng đô trong một khu vực nhất định và chỉ hướng về

một đối tượng duy nhất. *Chồng em, đấng lang quân.* Đối tượng chính thống, độc tôn mà truyền thống và đạo lý Đông phương đã bồi đắp từ xưa, qua nhiều ngàn năm kinh nghiệm sống

Thánh rất ngài
Ngài của em
Đức lang quân yêu dấu
...
Cắt dòng máu em dâng trào
Cho đời anh vui thỏa
...
Vợ chồng mình yêu thương nhau hoài anh nhé
Em sống suốt đời để chăm sóc cho anh
...
Ru con ru giấc tâm đoài
Ru anh sương khói đục lời yêu thương

Mô thức tình yêu rất Đông phương cổ điển. Một số nhà văn nữ của chúng ta thường tỏ vẻ táo bạo, khiêu khích, "bất cần đời" khi mô tả tình yêu sắc dục trên giấy trắng mực đen của bàn viết. Nhưng cách đó vài thước là bàn bếp, nơi họ vẫn làm trọn vẹn nhưng việc không tên hàng ngày và bổn phận của người đàn bà Việt Nam điển hình. Hiện tượng "bạt mạng" mang tính cách rất sách vở, trừu tượng đó có những lý do tâm lý và xã hội. Có thể là hư cấu sáng tác. Có thể là ý muốn thoát ly trong tưởng tượng do mặc cảm "bù trừ." Và sự cần thiết xác định bản ngã trong không khí ngột ngạt của một cơ cấu xã hội vốn được xây dựng trên nguyên tắc "thập nữ viết vô."

Biện chứng tình yêu lý tưởng và tình yêu nhục thể.

Biện chứng tình yêu phóng khoáng và tình yêu phu thê.

Những vế phạm trù này nổi bật trong thơ họ Hồng, dù tác giả đang sống trong một xã hội xa lạ, nơi những giá trị truyền thống hầu như mỗi một ngày một tan vỡ thêm... Dù sao, đứng trên cương vị phân tích tâm lý, thơ Hồng Khắc Kim Mai là một trường hợp khá hiếm hoi, cho thấy khuôn mặt tình yêu *nhìn từ phía người nữ.* Bình thường vì người nam phần lớn là tác giả nên chiếm vị trí trung tâm, nói về mình, tự phân tích bản thân nhiều hơn. Và *nghĩ hộ, nói hộ* người nữ cũng nhiều. Hậu quả có thể là tâm hồn phụ nữ bị lãng quên, hoặc chỉ được mô tả một cách hời hợt, hay ở trong tư thế phỏng đoán, không thực.

Như đã thấy, sau gần hai chục năm *vác một đàn con đi bụi đời,* sau bao nhiêu năm làm người đàn bà chỉ biết sớm tối lo cho chồng con *quên phấn quên son* và hơn ba mươi năm sau tập thơ đầu, Hồng Khắc Kim Mai nay quay lại với Thơ *thắp ngọn nến trầm tư kêu chữ nghĩa trở về.* Mối tình với Thơ vẫn âm ỉ mãi trong lòng người đàn bà đó, không phụ Thơ được. Lại cám ơn *Đấng tối cao* và coi sự việc được làm thơ như một ân sủng *hạt ngọc Ngài đặt trong tâm.*

Thơ phải có hồn. Đó là cơ bản. Người ta thường khuyên, nếu không có hồn thơ thì đừng loạng quạng đi nhầm đường vào đền Ly tao. Hồng Khắc Kim Mai đã có một khởi đầu tốt và chứng tỏ không xa lạ gì với chất thơ đích thực. Tác phẩm của người thơ miền Tây Bắc rõ ràng có lửa. Ngọn lửa nhen nhúm từ một tâm hồn phong phú, mẫn cảm. Tất cả được chuyên chở bằng một ngôn ngữ đa dạng. Ngôn ngữ có nhạc tính và mầu sắc (HKKM ngoài những lúc làm thơ còn soạn nhạc, là một giáo sư dương cầm và cũng có nhiều tác phẩm hội họa sơn dầu). Nghệ sĩ như thế kia nên ngôn ngữ sáng tạo thơ táo bạo, có lúc cũng vươn tới cái độc đáo mới lạ. Từ đầu đến cuối tập

Câu thơ nóng chi nóng
Sốt chi sốt
Đốt phỏng tim gan
Ta lăn ra sàn
Cười ốt dột
Nghe châu thân
Mặn nồng
Ứa giọt
Bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông
Nó như tiếng đàn
Nốt thanh trầm bàng bạc
Của Rung nôn-nao-chờ-đón
Của Chùng khắc-khoải-đợi-mong
Nỗi Ngân vàng-trời-nhung-nhớ
Nỗi Xoáy vũ-bão-môi-hôn

Nó làm ta say trong sáng tạo cũng như say trong tình yêu

Ai quay tít con thuyền
Say lơ đời em

Nói chung, tất cả những mâu thuẫn, từng cặp một, đã phân tích ở trên, hiện ra như một trận đồ bát quái với trăm ngàn đường ngang ngõ dọc. Tất cả cũng đồng nghĩa với cái phong phú muôn mặt của cuộc đời và nghệ thuật. Hồng Khắc Kim Mai đi vào phố phường mê cung đó. Với tất cả cái nhu thuần hiền lương, cái khiết bạch chân chất của Bạch Tuyết, của người Thơ. Mặc dầu một bề ngoài ồn ào, đáo để.

Giữa trùng vây của thiên la địa võng cuộc đời và nghệ thuật, người Thơ dù ở thời nào vẫn cứ ung dung tự tại tiến bước. Không vấp váp. Không sai lầm. Vì người Thơ không tự giới hạn tâm hồn. Nhất thiết không chịu là thành phần của phe phái, của khuynh hướng chật hẹp, tha hóa này hay nọ. Vì người Thơ có "trái tim muôn vàn," dung hòa và trung hòa tất cả những khác biệt để tiến trên đường vạn dặm của Nghệ thuật.

Trước đây tôi từng nói thế với Hồng Khắc Kim Mai như một môn sinh. Hôm nay tôi nói lại những điều đó với tác giả như một bạn thơ, một người đồng điệu.

Tôi biết là Hồng Khắc Kim Mai đã được trang bị khá đầy đủ, sẽ đi những bước vững chắc về phía trước...•

Anaheim, California tháng Mười 1996

CHUYẾN XE

TRẦN CÔNG SUNG

"Chạy thôi, ông tài. Trễ rồi, giờ này còn ngồi đây."

Người tài xế, miệng nhai nhồm nhoàm miếng bánh ú, mắt vẫn không rời tờ báo trải trên tay lái:

"Chạy ngay mà, bà con. Chạy ngay mà."

Để bày tỏ sự sốt sắng của mình, người tài xế mở "công tắc" cho máy chạy. Tiếng động cơ rầm rì chỉ là thủ đoạn làm nguôi cơn sốt ruột của hành khách. Chiếc xe rên gừ gừ như một con mèo bị bệnh suyễn, vẫn không muốn nhúc nhích.

"Đi thôi, ông nội. Nằm đây hoài."

Người tài xế đủng đỉnh gấp tờ báo cất đi, nuốt miếng bánh cuối cùng, đưa ra lời giải thích chính thức cho sự chậm trễ:

"Còn một hành khách nữa. Bà con ráng chờ chả một chút."

"Thằng cha kỳ cục, giờ này còn la cà."

Người than phiền là một gã đàn ông vạm vỡ, da mặt sạm đen, cháy nắng, ngồi băng cuối. Y tỳ một cánh tay lên cửa xe, chiếc áo ố vàng mở tung hai nút, để lộ một bộ ngực rắn như hai viên gạch nung. Trên ngực phía trái xâm một trái tim với mũi tên xuyên qua, máu rơi lả chả và một hàng chữ xanh đậm: 'Hận kẻ bạc tình."

Mãi mười phút sau, người hành khách cuối cùng mới tới. "Thằng cha" là một thiếu phụ phốp pháp, da trắng ngần ngộn. Quần lãnh đen bóng, áo ni-lông vàng mỏng, để lộ làn da hồng và đôi vai tròn trẳn, mát rượi. Nàng có cái vẻ tự tin của những người đàn bà được trang bị một cặp vú nở nang, khỏe mạnh ở đằng trước.

Người đàn ông hận kẻ bạc tình xích vào trong, nhường chỗ cho người mới tới. Y không còn cái vẻ sốt ruột hồi nãy. Người đàn bà ngồi sát mông vào y. Y cảm thấy móng ran ở những chỗ tiếp xúc giữa hai da thịt.

Chiếc xe chật cứng khiến không ai đụng đậy được. Đó là một chiếc xe du lịch cũ mèm. Cũ đến nỗi người ta ngạc nhiên thấy nó chạy. Hay ngạc nhiên thấy nó chạy mà không bung ra từng mảnh như trong phim hoạt họa.

Một chiếc xe du lịch, theo dự tính của người sản xuất, chỉ để chở bốn người. Người Việt Nam vốn tháo vát, người ta nhét hai người ngồi đằng trước với tài xế, bốn người ngồi ghế sau. Ở giữa, chêm thêm một cái "băng" nhỏ, đủ cho ba người ngồi khom khom trong suốt cuộc hành trình dài hơn hai trăm cây số. Người hận kẻ bạc tình có lẽ là người duy nhất không phiền hà về sự lạm dụng đó.

*

Chiếc xe rú lên và cuộc hành trình bắt đầu. Lúc đó chưa quá năm giờ sáng, còn cái mát mẻ của ban đêm. Ra khỏi bến xe, chiếc xe chạy qua Sài Gòn còn ngủ vùi. Con đường vắng, đen lánh, ướt sương đêm, láp nháp dưới bánh xe. Nhà cửa hai bên đóng im ỉm. Ở những góc phố, những ngọn đèn "măng sông" của các tiệm ăn Tầu rọi sáng trưng. Những người phu xích lô, công nhân đi làm sớm ngồi chồm hổm uống cà phê đĩa.

Người đàn bà ngồi gần tài xế thỉnh thoảng lại vỗ vỗ vào vai ông ngồi cạnh, vịn đầu ông ta xuống, lấy chỗ cho bà ta thò đầu ra cửa xe, nhổ cốt trầu đỏ lòm. Người chồng —chắc là người chồng —đã hom hem lại càng có vẻ nhỏ

bé hơn, bên cạnh một bà vợ mập mạp, đồ sộ. Cái bất tương xứng về lực lượng đó khiến ông ta tuân lời vợ một cách nhịn nhục. Người tài xế, bất bình trước cảnh đàn áp một người thuộc phái mạnh, dù một người phái mạnh rất hom hem và an phận, bèn ngừng xe lại, nói như ra lệnh:

"Bà đổi chỗ cho ổng. Bà ngồi ngoài, muốn nhổ lúc nào thì nhổ."

Sự sắp xếp mới khiến người đàn ông gầy còm thấy thoải mái hơn. Ông ta gục đầu vào vai vợ, lim dim ngủ.

Chiếc xe bỏ thành phố, chạy trên con đường đầy ổ gà của vùng ngoại ô. Tiếng sỏi cát bắn kêu long cong dưới gầm xe. Hai bên là những dãy nhà tôn và một khu chợ tồi tàn.

Xe đang chạy ngon, đột nhiên thắng két một cái. Một thằng nhỏ lạng quạng trước mũi xe, té nhào trên vỉa hè, cà nhắc, cà nhắc đứng dậy, mặt tái xanh. Người tài xế hoảng hồn, chửi:

"Đù mẹ, sáng chưa uống cà phê sao mậy?"

Người con trai ngồi ở băng giữa bị va đầu vào thành ghế trước, trán bầm tím. Người tài xế hỏi:

"Sao không thấy?"

"Không, không hề chi."

Gã thanh niên trả lời lí nhí một cách rụt rè. Gã như không muốn ai để ý đến mình. Tai gã đỏ lên khi có cảm tưởng những người chung quanh đang buồn cười trong bụng về cái vụ y đập đầu vào thành ghế. Y ôm một cái cặp da to tổ bố trên đùi, cái cặp da của phi công Mỹ vẫn thấy bán ở chợ trời, chữ American Pilot vàng lấp lánh.

Đầu rẽ thẳng, chải bóng loáng, áo sơ mi mới ủi cẩn thận, gã thanh niên ngượng nghịu đó là một ông giáo mới tốt nghiệp. Gã mang trong bụng một sự hồi hộp lớn lao. Nhiều lần gã định lên tiếng hỏi người tài xế về cái thành phố sắp đến, nơi gã sẽ lưu trú, sẽ bắt đầu sự nghiệp gõ đầu trẻ nhưng không dám mở miệng.

Người con trai ngồi bên cạnh anh thầy giáo trẻ có vẻ quê mùa. Cặp lông mày rậm gần như giao nhau trên đôi mắt đục đầy gân máu. Tóc hớt cao, hở cả những cái sẹo to bằng đồng bạc trên gáy. Áo bà ba đen cáu ghét ở cổ. Quần ka ki cộc lốc, cũn cỡn, để lộ một đôi chân thô với những ngón chân dài, đen. Anh ta ngồi, im như một con hến, không liên hệ gì đến những chuyện xảy ra chung quanh.

Bên cạnh y, một bà cụ người Bắc mặc chiếc áo nâu cũ, bạc thếch, đeo đủ thứ tượng Chúa, tượng Đức Mẹ củng củng ở trước ngực. Bà cụ già nhăn nheo như một quả trám khô, ngồi thu mình, không muốn làm phiền ai.

Chiếc xe bỏ những căn nhà rải rác hai bên đường, chạy giữa những thửa ruộng mạ trải dài xa tít đến cuối chân trời, xanh rờn. Tấm thảm xanh thỉnh thoảng bị xé rách bởi những hố bom.

Bà cụ già ngồi yên lặng nhìn hai bên đường, nghĩ đến những thửa ruộng ở một nơi quê hương xa lắc. Những hành khách khác thiu thiu ngủ. Bà cụ lục trong áo một cái túi vải đen, lấy ra những tờ giấy bạc, gấp làm tư cẩn thận, đếm đi đếm lại. Mắt kèm nhèm, bà già đưa từng tờ giấy bạc lên tận ngang mày, vừa vuốt ve tờ giấy vừa lẩm nhẩm tính toán. Số tiền đó là tiền bà già để dành bao nhiêu năm làm lụng để về cưới vợ cho con. Bà già ở đợ cho một gia đình giầu có ở Sài Gòn. Ông chủ là một người cùng quê. Ông ta không muốn mướn người ngoài vì bà cụ là chỗ quê quán dễ tin cẩn hơn. Và cũng là một cách giúp đỡ bà con thân nữa. Lương trả cho một người làm trung bình là một ngàn đồng. Ông ta vì chỗ quen biết, trả bà già năm trăm. Và cũng vì rất tín nhiệm bà già, ông ta trao cho bà làm đủ thứ việc, từ trông coi mấy đứa nhỏ, nấu cơm, giặt giũ quần áo, gánh nước, lau nhà và hàng trăm thứ việc lỉnh kỉnh khác. Bà già dè sẻn để dành cho con. Trong suốt năm năm trời, bà già chỉ tiêu phí hai lần. Một lần bị đau bụng dữ dội, bà già gọi gã y tá trong xóm chích cho mũi thuốc. Cái tiếc tiền, hơn là mũi thuốc của anh y tá, đã làm tiêu tan cơn bệnh trong ba phút. Lần thứ nhì là hôm qua, bà già mua mấy thước vải, tính may một cái áo dài mới ngày đi hỏi vợ cho thằng con.

*

Qua khỏi một con cầu gỗ lung lay, người tài xế đang ư ử ca một câu vọng cổ để khỏi ngủ gật, bà già kêu hốt hoảng:

"Tốp! Tốp! Ông tài."

Chiếc xe lạng vào lề đường, thắng lại hoảng hốt. Bánh xe nghiến sỏi nghe rợn da. Cả xe choàng tỉnh dậy. Người tài xế hỏi:

"Gì vậy, má?"

"Đồng bạc của tôi. Lậy Chúa, tờ giấy bạc..."

Bà già lom khom móc tờ giấy kẹt ở khe cửa.

"Trời, má làm hết hồn. Xong chưa?"

Bà già gấp tờ giấy bạc đút vào túi.

"Có bấy nhiêu đó thôi." Người tài xế rên. "Chèng ơi, tưởng bạc triệu chớ. Mười đồng bạc mà má bắt tốp lại. Má biết chỗ này nguy hiểm thế nào không?"

Bà ăn trầu hỏi:

"Mất an ninh lắm hả?"

"Chứ sao."

Giọng người tài xế ra vẻ quan trọng khi thấy hành khách chú ý đến câu chuyện.

"Tháng trước xe Bửu Hiệp bị giựt mìn, chết cả chục mạng."

Mối lo ngại chạy nhanh trên những khuôn mặt, người đàn ông ngồi cạnh bà quấn lãnh ở băng cuối:

"Thường lắm à, mấy vụ đó?"

HOÀNG XUÂN SƠN

VÔ CƯƠNG KHÚC

Lên đồi non lên đồi
non
thoạt trông thấy nụ cười
buồn
của mây
chim sa
xuống vụng tay đầy
về chưa di điểu
cuối ngày lâm ly
nắng tàn
thôi đã cự li
đồi nương xuống tóc
vân vi
sợi buồn
tơ lòng rối chỉ nghìn phương
còn chi khung mộng
sương
buồn
vẻ xuân
miếng thơ
ngâm lạnh phù trần
thôi
hình cưỡi dệt với ngần hanh hao
lên-đồi-cao-khắc-tình-sâu
bỗng oan trái rụng
hoa vào
kiếp ngân.

"Như cơm bữa. Nhưng giờ này chưa đâu."

Mọi người bàn tán về chuyện an ninh, chuyện xe bị mìn. Bà già ngồi im đếm lại những tờ giấy bạc, gói vào một tờ giấy báo, chằng sợi cao su, cho vào một cái túi vải, chằng thêm một sợi cao su, đút vào cái túi áo lớn khâu phía trong ngực, cài thêm hai cái kim băng cho chắc ăn.

*

Ở băng cuối, người đàn ông hận kẻ bạc tình đặt tay lên chiếc quần lãnh bóng láng của thiếu phụ. Cuộc chinh phục yên lặng, chóng vánh. Người đàn bà thấy nóng bừng hai bờ vai và khắp thân thể. Người đàn ông quay lại, chạm môi vào má thị. Má người đàn bà đỏ au. Lúc chú Tầu ngồi cạnh đang ngủ vùi mở mắt thức dậy, chú ta thấy bàn tay của người đàn ông đang lần mò thám hiểm trong cái quần lãnh đen. Người Tàu, họ chỉ muốn yên ổn làm ăn, không muốn dây dưa đến chuyện của người khác. Áp dụng đúng nguyên tắc của ba con khỉ bịt tai, bịt mắt, bịt miệng, không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì, không bép xép, chú Tàu nhắm mắt ngủ tiếp.

Chiếc xe hãm bớt tốc lực. Phía trước là một đồn canh, dây kẽm gai bao quanh, trấn ngữ yết hầu một thị trấn. Mấy người lính súng ống hờm sẵn, người tài xế nói:

"Chuẩn bị giấy tờ, bà con."

Người lính quân cảnh thò đầu vào trong xe xét giấy. Gã giáo viên đưa một cọc giấy tờ hầm bà làng những thẻ kiểm tra, giấy tờ quân dịch và sự vụ lệnh của bộ Giáo Dục. Gã thanh niên áo bà ba lúng túng ra mặt. Người quân cảnh xem thẻ kiểm tra, hỏi:

"Chứng chỉ hợp lệ quân dịch?"

Gã con trai ngập ngừng: "Dạ, dạ... Để quên."

Người lính nhìn mặt người con trai áo bà ba, lấy làm ngạc nhiên tại sao người ta có thể nêu một lý do đơn giản đến như thế:

"Anh xuống đi."

Gã thầy giáo ôm cái cặp to tổ bố xuống trước, nhường lối. Gã thanh niên áo bà ba bước xuống, chiếc quần ngắn cũn cỡn, nhầu nát. Người quân cảnh dẫn y đến trình diện viên trung úy đứng ở cổng bót. Nhìn sắc mặt người thanh niên, người ta hiểu rằng câu chuyện không mấy thuận lợi cho gã.

Chiếc xe lên đường, bỏ lại người con trai áo bà ba đen ở lại với mấy người lính.

"Tội nghiệp," bà ăn trầu nói lúng búng nước trầu đầy miệng.

"Không giấy tờ mà cũng mò đi làm chi không hiểu," người chồng gầy ốm bình phẩm.

Người tài xế, vẻ thông thạo:

"Bót này kỹ lắm. Bị tháng trước mấy nẫu giả thường dân đi xe đò đánh úp. Chết cũng bộn, thành mấy chả phải kỹ."

Y bàn tiếp về người con trai thiếu giấy tờ:

"Tui cũng nghi cha nội đó quá. Cái bàn chưn nứt nẻ của chả có vẻ ở trong bưng ra."

Câu chuyện xem ra không được chú ý mấy. Bà ăn trầu thò đầu ra nhổ cái toẹt đỏ lòn xuống con đường đất. Người chồng vạy đầu ngủ, nói ú ớ cái gì trong họng. Phía băng cuối, người đàn bà quấn lãnh rướn người dưới bàn tay sờ soạng của người láng giềng.

*

Chiếc xe đến một quận lỵ khi đêm bắt đầu phủ xuống. Ai nấy mệt lừ và tê dại vì ngồi chật cọ người. Hai ba tiệm ăn mở cửa mời chào. Ông tài nói:

"Để tui đưa bà con tới quán này đàng hoàng lắm. Ghế bố sạch sẽ cho thuê rẻ. Bà con ăn no, ngủ một giấc cho đã rồi mai lên đường sớm."

Y ngừng trước một cái quán ăn đầu đường. Một người đàn bà mập ù đứng đợi ở cửa, tay cầm quạt, phất phành phạch. Gã tài xế nói:

"Tui mang khách lại đó, thưởng cái chi?"

Người đàn bà mập ký đầu y, cười híp mắt:

"Thưởng chi rồi hay. Sợ bò lê, bò càng thôi."

Gã tài cười phụ họa, dâm đãng.

Cơm và thức ăn đã nguội cả. Mụ chủ nhà chạy lệch bệch như con vịt sắp đẻ, sai bảo mấy đứa nhỏ dọn ăn. Trong khi mọi người xì xụp ăn uống, bà cụ già người Bắc mua một đĩa cơm cháy và một tô xương phở ngồi gặm một mình. Sau bữa cơm, mụ chủ cầm đèn đưa khách sang căn nhà bên cạnh. Hàng chục cái ghế bố kê sát nhau chỉ chừa chỗ lách chân. Người đàn ông nói bô bô:

"Không có mền, đêm lạnh thấy mẹ nghe."

Gã tài nhìn y và ngó người đàn bà quần lãnh, mắt láu lỉnh, ý nghĩa:

"Cần gì mền, thầy. Đắp cái khác ấm hơn. Thầy biết chuyện cái mền không. Cô giáo hỏi trò Tư: 'Couverture' là cái gì. Trò Tư bối rối. Cô giáo nhắc: Ban đêm, má em ngủ, trên bụng má em có cái gì. Dạ có ba em. Thế trên ba em có cái gì? Dạ, có hai cái chân má em."

Mấy người đàn ông cười. Ông gầy ốm hom hem cười lớn, có vẻ thú vị một cách quá lố. Khi quay lại, thấy mặt bà vợ lạnh như tiền, ông ta nín ngang, chưng hửng.

Gã tài cười khi khí, theo mụ chủ nhà mập ù, hai cái mông thây lẩy, leo lên cái gác hẹp. Người đàn ông hận kẻ bạc tình tìm được câu trả đũa: 'Để sức mai lái xe nghe cha."

Khoảng ba giờ sáng, người Tầu thức dậy vì muỗi với rệp đốt quá, thấy hai cái ghế bỏ trống. Hai chiếc ghế của người đàn ông và thiếu phụ quần lãnh. Anh này đưa người bạn gái xuống căn nhà sau bếp. Họ đẩy cửa mò mò đi vào. Đêm tối đen. Tiếng gà kêu lao xao. Mùi phân gà nồng nặc. Người đàn bà bịt mũi:

"Hôi quá!"

"Ăn nhằm chi, cưng."

Những con gà nhốt trong mấy cái lồng lục đục thức dậy, lao xao. Người đàn ông bật quẹt, dẫn người bạn gái lại một góc trống đằng sau những chiếc lồng gà chồng chất. Dưới đất phân gà nhớp nháp. Người đàn ông tặc lưỡi:

"Đứng cũng được. Chiến tranh mà."

——Y ghì người đàn bà vào tường, hôn ngấu nghiến, hơi thở dồn dập. Người đàn bà rên:

"Từ từ chứ ông nội. Làm như chết đói cả năm."

Những con gà bị đánh thức, lục đục nhớn nhác trong những lồng rộng. 'Đù mẹ, mò cắn ngứa chết cha."

*

Buổi sáng, bà già bù lu bù loa kêu toáng cả góc nhà. Người ta đã móc trộm cái túi tiền của bà lão. Bà già vật vã, than vãn, tóc sổ tung, mắt đỏ ngầu, cái lưng gầy rung rung theo mỗi tiếng nấc. "Chúa ôi... Đức Mẹ ôi. Ối Lụa ôi, ối Kìm ôi, nó ăn cắp hết tiền dành dụm của tôi rồi. Hu, hu..."

Người ta bu quanh dỗ dành, bàn ra, tán vào như một cái chợ nhỏ. Mụ chủ nhà xoen xoét.

ĐẶNG HIỀN

BÀI TẶNG H.

Tôi muốn làm bài tháng Chín
Tặng em
Nhưng sợ tháng Mười mất thời gian tính
Đành nấn ná
Làm nguyên một mùa
Nhưng sợ xuân sang
Sẽ vàng bài thơ cũ

Thế nhé...
Này đời tôi
Tặng cả em rồi

"Mèng ơi, tội chưa. Có tiền mà không cất cho kỹ..."

Người ta vực bà già rũ như tầu lá úa lên xe. Bà già ngồi co quắp, khóc than khan cả tiếng.

Chiếc xe đi vào một khu rừng rậm. Con đường đá đỏ vắng tanh. Nhiều đoạn đường bị phá loang lổ. Nhiều thân cây nằm ngổn ngang. Vài cái xác xe nhà binh nằm chổng gọng, cháy đen. Đột nhiên xe chạy chậm hẳn lại. Phía trước ba người vác súng giơ tay ra hiệu cho ngưng lại. Cả ba đều mặc quần áo rằn ri. Bác Tài lắc đầu:

"Mấy nẫu."

"Lính mình mà," gã thầy giáo cãi.

"Nhìn chân mấy chả coi. Lính gì mà đi đất."

Hành khách được lệnh xuống xe. Lại một màn xét giấy tờ. Gã thầy giáo khổ sở không biết dấu cái cặp to tổ bố ở đâu. Gã quay hàng chữ American Pilot áp vào bụng. Người cầm súng còn trẻ măng như con nít, coi giấy xong, hỏi: "Làm gì?" "Dạ, giáo viên." Y run lẩy bẩy, không hiểu lời khai đó có mang tai vạ gì đến cho mình hay không. Y thở phào khi được lệnh đứng chung với những người đã xét giấy tờ. Đến lượt người đàn ông hận đời:

"Làm gì?"

"Buôn bán... Tôi buôn bán."

Gã du kích soi bói nhìn mặt người đàn ông, nhìn giấy tờ, cuối cùng cho phép anh ta đứng chung với mọi người. Sau khi lục soát chiếc xe, những người cầm súng ra lệnh cho mọi người đi theo vào rừng. Một chiếc xe đò bị chặn từ trước nằm sẵn giữa một bãi trống. Đám hành khách ngồi đứng lúc nhúc dưới bóng cây. Mọi người sốt ruột chờ đợi. Người tài xế tỏ vẻ sành sõi:

"Tui nghi mấy chả giữ mình ở đây để lính trên tỉnh xuống cứu, cho mấy chả đánh."

"Nếu vậy thì nguy đa." Người đàn ông hom hem vừa nói vừa nhìn vợ. Bà này gạt đi: "Biết chi mà bàn. Người ta đã điên ruột còn bàn thối."

Bà cụ già đã giấu hết tượng Chúa, tượng Đức Mẹ vào trong áo, ngồi bệt xuống đường, ủ rũ như con gà mắc mưa. Giữa trưa, một cán bộ đội nón vải tới. Y thấp bé và gầy, hai má hóp, mặt vàng bủng vì ngã nước. Ông ta đứng trên một mô đá cao, thuyết một thôi một hồi về công cuộc chống Mỹ cứu nước, về cách mạng toàn cầu, về xã hội cơm no áo ấm một khi Mỹ ngụy bị tiêu diệt. Ông cán bộ nói, bọt sùi cả hai bên mép. Ông hỏi có ai thắc mắc gì không. Thắc mắc gì cũng được trả lời. Nhưng tất cả, mọi người, từ bà già người Bắc tới ông Tầu và bà ăn trầu, mọi người đều đồng ý hoàn toàn với diễn giả. Đám hành khách được dẫn trở ra xe sau khi đã tự nguyện đóng góp cho Cách Mạng, bỏ tiền vào cái thùng giấy đặt trên mô đất giữa hai người du kích gườm súng. Ai nấy thở phào. Ông hom hem nói:

"Kỳ này về nhà nhớ mua hoa trái cúng nghe bà con. Phước mình còn lớn lắm đó."

Lúc xe sắp sửa chạy thì người du kích chú ý đến cái gì ở nóc xe. Anh ta leo lên, vứt xuống một gói giấy rách mấy chỗ, lòi một bộ quần áo rằn ri của lính dù. Người du kích mặt trẻ măng như con nít, xé tung gói giấy, vứt bộ quần áo xuống đường, hỏi: "Của ai?"

Không ai trả lời. Ai nấy nhìn xuống đất. Người cán bộ mũ vải nói:

"Không ai nhận thì giữ tất cả ở nại!"

Người tài xế đưa mắt nhìn người đàn ông xâm ngực. Ông cán bộ hỏi:

"Của anh hả?"

"Của tôi." Người đàn ông đáp, giọng khô.

"Anh ở nại. Những người khác nên xe."

Người đàn bà quấn lãnh nước mắt chảy quanh. Người đàn ông ra hiệu cho chị ta lên xe. Chị đàn bà nhìn theo cái dáng cao lênh khênh của người đàn ông giữa đám du kích. Đột nhiên, anh ta quay lưng, chạy như ma đuổi vào phía bụi cây. Một tràng AK chát chúa. Người đàn ông chúi xuống, đứng dậy, chạy nữa, loạng quạng. Một loạt đạn AK. Người đàn ông té đập mặt xuống đất. Không đụng đậy. Đầu anh ta gục trên một bãi nước. Nhìn xa giống như người đang nằm uống nước trong những phim về sa mạc.

Bà già người Bắc làm dấu thánh giá. Gã tài xế run rẩy mở máy cho xe chạy, cuống quít xuýt nữa nhào xuống cái mương bên đường. Người đàn bà quấn lãnh lấy vạt áo lau nước mắt.

"Sắp tới rồi, bà con. Tới đây là an ninh rồi."

Câu nói của người tài xế khiến cho ai nấy nhẹ nhõm. Hai bên đường đã thấy những ngôi nhà lá, nhà tôn xiêu vẹo. Người đàn bà quấn lãnh vẫn sụt sịt khóc. Bà ăn trầu than: "Thiệt rầu."

Lúc xe chạy vào quận lỵ, gã giáo viên hỏi:

"Ông biết tỵ Tiểu học ở đâu không, ông tài?"

"A, cái đó thì tôi chịu à thầy. Bộ thầy không có ai ra đón sao?"

"Có người bạn. Mà xe trễ cả ngày trời, người ta biết đâu mà chờ."

Bà ăn trầu an ủi:

"Rồi kiếm cũng ra thầy ơi. Toàn mạng về tới đây là may rồi."

Chiếc xe ọp ẹp đậu ở đầu bến xe vắng hiu. Hành khách lục đục vác hành lý xuống. Bà cụ già mất tiền thất thểu ôm cái bị vải nâu, mũi rãi, vừa đi vừa nói lẩm nhẩm. Gã thầy giáo ôm cái cặp, phân vân.

"Thầy xuống hỏi mấy người lính, họ chỉ cho." Gã tài xế khuyên. "Tôi có đi học hồi nào mà biết mấy chuyện đó. Mà lè lẹ lên nghe. Ở đây mười giờ tối là giới nghiêm rồi. Thầy đi lạng quạng, quân cảnh họ hốt vào bót ạ."

Y đóng cửa xe cái rầm, xách chiếc thùng đựng nước đi về phía cái quán ăn duy nhất còn chong đèn lù mù. Y kêu một chai "33", ngửa cổ, tu một hơi. La de chẩy ướt cả cổ, và ngực. Y hỏi người bán hàng:

"Chi lạ không, dì Tư?"

"Lạ mẹ gì, ngày nào cũng vậy thôi."

"Dì thấy thằng Hai Đực lại chưa?"

Người đàn bà ngồi sau quầy vén quần, gãi sồn sột:

"Hai Đực hả. Xe nó bị mìn ở Trảng Bàng. Nghe nói hành khách chết tan xác cả."

Người tài xế tu nốt chai la de, đưa vạt áo lên lau bọt trắng hai bên mép, nói, không hiểu nói với người đàn bà hay tự nói với mình:

"Đù mẹ, chắc tui đổi nghề quá."

Bên kia ngọn đồi trọc, súng nổ lẹt đẹt. Một chiếc máy bay oanh tạc chao lên chao xuống như con dơi đớp muỗi. Trời bắt đầu chạng vạng. Gió lạnh gây gấy, rú lên trong những ngọn cây, và dưới nóc nhà tôn còn hầm hập nóng như lửa. Cả cái quận lỵ đóng cửa im lìm. Ngoài đường chỉ có tiếng gió hú với tiếng mấy con chó đói cắn nhau ăng ẳng ngoài bãi.

Cuối bến xe, đầu con đường bụi đỏ, anh chàng thầy giáo ôm cái cặp American Pilot đứng ngơ ngác.•

BÀI THƠ CHO BẠN TÔI

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Nhớ Nguyễn Phương Loan

Dáng anh cao lớn và oai nghiêm, thoạt trông trẻ con hoảng sợ. Nhưng rồi chúng đến vây quanh anh thân ái, khi chúng nhìn thấy đôi mắt hiền buồn như mắt của một nghé tơ và giọng nói nhẹ dịu dàng "Các cháu lại đây với chú. Nào lại đây với chú."

Anh hãy còn độc thân. Anh có yêu một người con gái nhưng nàng không yêu anh, đã tự lâu, và anh còn yêu nàng mãi... Anh vẫn viết thư thường xuyên cho nàng, những bức thư là những bài thơ tình tuyệt vời không bao giờ có hồi âm.

Bạn tôi, anh là lính trận, nhưng cũng là một thi sĩ. Tôi nghĩ rằng anh chỉ là một thi sĩ. Anh viết những bài thơ trong bụi rậm, trên quyển sổ tay nhỏ hay những mảnh giấy vụn. Những bài lục bát không bao giờ xuất hiện trên mặt báo. Nhưng cây lá, những cỏ mọn hoa hèn và côn trùng — những chú dế nhỏ, cào cào, sâu bọ — biết qua giọng ngâm gợi cảm của anh. Và vài người bạn thân nhận được những bài thơ của anh từ những vùng hành quân xa xôi.

Anh liên miên đi từ chiến trường này đến chiến trường khác.

Đầu thu: Anh đang ở mặt trận Tây Nguyên, Kontum. Nơi đó có gia đình vợ con tôi. Anh thường ra thăm lũ trẻ, đem theo những viên kẹo và những chiếc bánh ngọt — anh đã mua với số tiền nhín ra từ đồng lương ít ỏi của anh.

Khi tôi về phép thăm nhà thì anh đã theo đơn vị đến một chiến trường khác vùng Duyên hải. Tôi không được gặp anh.

Anh gởi người bạn mang về cho tôi tập thơ "Kẻ tiên tri" của Kalil Gibran, anh đã cẩn thận sửa những lỗi in sai. Anh viết cho tôi trong một bức thư ngắn với nét chữ run rẩy, rằng anh đang bị sốt rét rừng. Anh gởi lời thăm tôi và gia đình an mạnh, mong giữa mùa Thu sẽ gặp lại. Tôi viết thư trả lời anh. Cầu chúc anh luôn gặp những điều may mắn và cũng mong sẽ còn gặp lại nhau.

Nhưng anh đã nhận được thư của tôi chưa?

Giữa mùa thu:

Tôi được tin anh đã trở lại chiến trường Pleime, nơi đó anh bị thương. Một mảnh thép đã len vào thân thể anh, nằm trong phổi khiến máu anh chảy ra nhiều cùng với những chiếc bong bóng màu hồng. Việc tải thương chậm chạp và anh đã bất tỉnh. Anh vào nằm bệnh viện và qua một cuộc giải phẫu.

Người bạn anh nhờ mang sách về cho tôi kể chuyện:

"Buổi sáng, anh tỉnh dậy sau cơn mê man suốt đêm. Anh đã ngồi lên được và anh hút thuốc — thú vui duy nhất của anh đó mà. Buổi trưa anh cảm thấy mệt nhiều. Anh đã nói với người bạn nhờ nhắn lại cho gia đình tôi biết, nếu anh mệnh hệ nào. Đúng nửa đêm hôm đó..."

...Bạn tôi, người bạn thi sĩ mà tâm hồn cao thượng và hiền hòa như lá cây đã vĩnh viễn từ biệt cuộc đời.

Có linh hồn không? Và linh hồn anh đã bay về đâu? Hẳn là linh hồn anh đã nhập vào những nụ hoa của một mùa xuân vĩnh cửu. Hay đến cư ngụ nơi một vì sao, trong ánh trăng vô thủy vô chung, hay đang bay lượn thảnh thơi trên những tầng thang khí? Ở đó, anh không còn là thi sĩ nữa, anh chính là thơ. Một bài thơ vô thanh vô sắc mà con người chỉ có thể nhận ra bằng linh cảm, với xúc động bàng hoàng. Một bài thơ đẫm lệ âm u.

Từ nay trên thế gian, không nơi đâu tôi có thể tìm thấy bạn tôi, với nụ cười hiền hòa và đôi mắt như mắt một con nghé tơ nữa. Cuộc đời chúng tôi đã bị chia cách bởi một vực thẳm huyền bí mang tên Tử diệt. Chúng tôi có bị chia cách không? Không. Tôi muốn tin như thế cho đến ngày tôi bước vào thế giới của anh và cuộc đời chúng tôi được nối kết lại — anh vẫn còn tiếp tục sống trong đời sống của tôi.

Tôi lần dở những trang sách anh tặng tôi vào mùa Thu. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp vài nét chữ của anh. Hẳn những dấu tay anh mà tôi không trông thấy còn in lại trên những trang sách? Những trang sách giữ lại một cách vô tình hơi hướm của anh? Tôi đọc lại bức thư cuối cùng. Những nét chữ run rẩy vì cơn sốt rét rừng giờ đây đang run rẩy trong tâm hồn tôi.

Sáng nay, một buổi sáng xanh có nắng trong nhuộm rực rỡ khu rừng nơi dừng quân, tôi nhớ bạn tôi. Tôi muốn nghĩ rằng ở một nơi nào đó anh vẫn còn đang sống. Trong ánh nắng vàng trong vắt của bình minh kia anh đang cười và trên những chiếc lá xanh kia anh đang viết những câu thơ lục bát bằng ngòi viết tâm hồn anh và mực nắng ban mai. Anh đang nhớ đến người con gái anh yêu, gia đình anh, bè bạn và đời sống.

Nhưng không. Mặc cho sự phỉnh phờ của cơn mơ mộng, trong tận cùng tâm trí tôi có một nơi bóng tối không chịu rời xa — dù chỉ một chút bóng tối nhỏ nhoi — từ đó một tín hiệu âm u liên tục đánh đi và tâm hồn tôi luôn tiếp nhận. Rằng: "Bạn anh đã chết! Bạn anh đã chết! Đã chết..."

* "Thôi, nói một lời nữa rồi em còn phải về với má em."
"Taxi!"

MẢNH TRĂNG NON

NGUYỄN HỮU NHẬT

thiền sư đã rót xong trà
khách còn bận đứng phủi hoa ngoài thềm
một cơn gió khác êm đềm
hoa soan tím lại rụng thêm lên người

Nền trời xanh tối màu men lam đồ gốm Huế, phất lên một nét cánh sen trắng bạc, mảnh trăng non chếch ngang, tỏa những viền sáng mờ nhạt, không đủ làm rõ nét đám lục bình trôi trên dòng sông rộng ở phía dưới. Nhưng lại nổi bật lên nét chấm phá sáng rõ. Con đom đóm đậu trên một cách bèo, dờ dật trong đêm, chiếu rạng màu biếc của lá, thấy rõ từng mép quăn của nụ bèo tím sắc hoa cà. Càng nhìn xa, bức tranh treo trong phòng Mật Thể, càng cuốn hút tôi vào các khuôn của bản đàn trầm không gian mà nốt cao nhất lại là một sinh vật nhỏ bé, đơn chiếc trên một giống 'hoa vừa đi vừa nở,'' cũng không cần biết sẽ đi về đâu. Giòng sông chở cánh bèo. Cánh bèo mang trên lưng một vật biết bay, chắc gì đã chịu đậu lâu ở đó, cùng ngưng đọng lại trong lòng người xem tranh. Mật Thể bảo tôi:

''Quán Chỉ thích, cứ mang về phòng... Còn một bức nữa, cũng khá đẹp.''

Tôi ngồi xuống ghế, chỉ vào con đom đóm, nói:

''Coi! Cái ánh sáng này! Vậy mà hôm Mật Thể ở Bắc vào, nói có mấy bức tranh đẹp... Tôi bận... Nay mới được xem. Thế còn bức kia?''

''À, đây! Cảnh núi Yên Tử. Cả hai đều là cổ họa. Không rõ ai vẽ. Ra Hà Nội, tôi có trở về thăm lại ngôi làng thời thơ ấu của ông thân tôi ở Nghi Tàm. HỌ hàng nghe tôi kể gốc gác thì cũng chỉ biết vậy thôi, tôi sinh trong Nam, thành ra bà con gặp nhau mà vẫn thấy xa lạ. Người em gái của ông nội tôi mà tôi phải gọi là bà cô đã cho tôi hai bức tranh này.''

Căn phòng của Mật Thể, như phòng tôi, hẹp. Thầy lại không cho treo nhiều thứ trên vách. Mật Thể phải hạ bức tranh con đom đóm xuống, lấy chỗ treo bức Yên Tử. Xong, hỏi tôi:

''Bức này, sao?''

Tôi lùi ghế lại, ra phía sau một chút, ngắm bức tranh. Thành thật mà nói, bức này cũng gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Ở chỗ cảnh gần, một ngôi chùa chỉ có một mái vươn lên theo chiều cao, cắt đôi một cách táo bạo cảnh xa, đám mây lớn trắng như bông và núi xanh uốn mình... Tôi kêu lên:

''Cả hai bức đều lạ! Bức trước thì động trong tĩnh. Bức sau, ngược lại.''

''Tôi cũng thấy vậy, nhưng không nói được ra như Quán Chỉ.''

Trời trong tranh chuyển mây, vần vũ, mái chùa, nhọn hoắt đầu mũi tên chỉ còn một ngạnh, chọc thẳng vào đám mây. Riêng cái bóng người ngồi đọc sách ngoài hiên chùa lại

tĩnh. Rất tĩnh. Mật Thể như đoán được ý tôi:

"Bà cô tôi kể, lúc ông chú tôi còn sống, nói người ngồi đọc sách là vua Trần Nhân Tông. Cái chùa có độc một mái kia, mang luôn tên là chùa Một Mái. Tôi thích bức tranh này lắm. Nhưng chưa đóng được khuôn..."

Trước khi sang thăm phòng Mật Thể, một phần tôi muốn vâng lời Thầy dạy, phần khác lại muốn làm cái công việc của người Tỳ kheo, Bhiksu, đi ăn xin, theo một nghĩa khác. Dẫu trong cuộc gặp gỡ này, nhận được những lời cay đắng của Mật Thể, tôi cũng bằng lòng. Người khất sĩ đi xin ăn, ai để món chi vào bình bát cũng nhận, trước hết, xóa dần và xóa hết tính kiêu ngạo, khinh người. Lòng bình bát chỉ chứa đủ ăn, ngày một bữa, nhiều nhà nghèo hay một nhà giàu cho cũng chỉ ngần ấy thôi. Thức ăn, ai đã đem lòng cúng dường, đều tươm tất cả. Ngay thời đức Phật tại thế, ngài cũng đi khất thực hàng ngày... Nghĩ buồn mà cười, ngày nay chúng tôi ôm bình bát đi đâu? Những người hôm qua là thí chủ thì hôm nay, thỉnh thoảng, còn phải nhận gạo chùa.

Mật Thể thấy tôi cười, hỏi:

"Có gì vui vậy, Quán Chỉ?"

"Lúc khác tôi sẽ nói! Mật Thể có thích dòng Thiền Trúc Lâm, Vénuvana, của vua Trần Nhân Tông không?"

"Thơ văn của các thiền sư phái Trúc Lâm rất hay. Nhưng cung cách thầy trò đối, đáp nhau về Thiền, theo thiển ý, âm u không kém gì các công án Thiền Trung Hoa. Thơ Điều Ngự, tức vua Trần Nhân Tông (1258-1308), đọc lên mà người nào biết vẽ có thể tạo nên những bức tranh tuyệt tác. Nếu tôi nhớ không lầm thì như thế này: 'Dưới ruộng cò bay ngàn điểm tuyết. Trên cây oanh hót một nhành hoa.' Hoặc: 'Gió đông nhè nhẹ ngàn hoa nở. Lách cách vành xe một tiếng vang.' Nhưng Thiền Trúc Lâm, dù do một nhà vua khơi mở, sống trọn đời mình với nguồn Thiền như Lai, cũng không được đám đông đón nhận, vì: 'Khi Pháp Loa người học trò lớn hỏi: Thế nào là bản lai diện mục? - Ngài, tức Thái thượng Hoàng Nhân Tông và cũng là thiền sư Hương Vân dòng khổ hạnh, im lặng giây lâu, hỏi lại: - Hiểu chăng? - Pháp Loa đáp: Chẳng hiểu! - Ngài liền đánh.'"

Tôi bật cười:

"Nhưng ngài Pháp Loa hiểu được!"

"Đã đành! Song, đâu phải ai cũng là Pháp Loa. Còn 'hỏi' và trông chờ câu 'đáp' là chưa bước vào 'tâm cảnh' mà các thiền sư thường muốn các học trò mình phải tự trả lời ngay tức thì: 'Gương mặt thật của con người, trước lúc cha sinh mẹ đẻ ra sao? Nói ngay!' Không thể trả lời được và cũng chính nhờ việc ấy mà 'chợt hiểu ra ngay,' hoát nhiên đốn ngộ, cái 'Ta' tuy 'Có' lúc này, bắt nguồn từ cái 'Không.' Lấy 'dị' để nói về 'đồng,' nhị nguyên, hỏi đáp, chỉ là phương tiện, để tiến tới nhất nguyên, cứu cánh là nguyên lý 'tính và thể' đều 'Không'..."

Trong lúc Mật Thể đi pha trà, tôi ngồi một mình, lặng ngắm bóng người đọc sách trong tranh. Chưa hẳn tôi đã cùng một ý nghĩ với Mật Thể về việc người nọ phải 'đánh' người kia trong lúc dạy học. Bên cạnh một tình 'thương cho roi cho vọt,' người mình còn có những câu: "Dạy dỗ," "dạy bảo." Đừng tưởng "miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ mãi" như nhau bởi cùng chung kết quả là "nhớ." Sau mỗi đau đớn quá độ, một con người cũng như một dân tộc, trên thực tế, thường bị què quặt tâm hồn. Nhất là loại đau đớn lẽ ra tránh được hay phải tránh bằng được. Đức Phật, bậc Thầy Lớn của nhân loại, trong kinh kệ cũng như ngoài truyện cổ dân gian, chưa thấy ghi điều gì chứng tỏ, chỉ một lần, ngài đã đánh mắng học trò. Tự nhiên tôi mường tượng khoảng cách giữa mình và Mật Thể, nếu có thật, cũng đang rút ngắn lại.

Mật Thể vừa rót trà vừa nói: "Trà Blao, thứ toàn búp. Nước xanh. Vị hơi chan chát, nhưng ngọt vào tận cổ..."

Nối lại câu chuyện bị đứt ngang lúc nãy, trong niềm vui sướng tìm lại được một tình bạn, tôi nói:

"Bây giờ, tôi hiểu vì sao cây cung và cái yên ngựa của con cháu Thành Cát Tư Hãn đã không làm gì được nước ta..."

"Nhờ cái tâm của người nắm vận nước mà bao người tài mới chịu quây quần. Tâm ấy, không nương, trụ vô trụ, là tạm nương vào cái "không nương" nên vua Trần Nhân Tông mới truyền ngôi sớm cho con, để mình vào núi Yên Tử làm nhà sư Hương Vân, sống đời khổ hạnh mà "Ý lan hoành ngọc địch. Minh nguyệt mãn hung khâm," đại ý: Dựa lan can, nâng ngang sáo ngọc. Ngực trải đầy ánh sáng trăng soi. Đức Phật, xưa, bỏ ngai vàng "sắp có." Nay, thiền sư Hương Vân, sơ tổ phái Trúc Lâm, bỏ ngai vàng "đang có."

"Tôi không nhớ ngài lên ngôi năm nào..."

"Năm hăm mốt tuổi. Bỏ ngôi năm băm sáu tuổi. Thấm cái phần hồn của đạo Phật, đời bớt đi những tham vọng điên cuồng về một quyền lực tăm tối, đầy ma lực. Con giết cha, em hại anh, bạn bè bức tử nhau vì quyền bính..."

Tôi tính nối thêm vào câu trên, 'người trong một nước" đã chẳng "thương nhau cùng," còn coi nhau như quân thù nghịch, lại thôi. Ném hòn đá vào lòng giếng, lát sau mới nghe tiếng vang lên. Mật Thể nhìn tôi, ánh mắt thật hiền lành:

"Tôi... tôi có điều... Muốn, nhưng không biết có nên nói ra không. Từ mùa thu năm Tám Tám, tôi đã "làm việc với" họ trong Hội Phật Giáo mới. Gần đây, tôi ra ngoài Bắc hành hương, chỉ là cái cớ! Anh em nhìn tôi ra người xa lạ. Tôi biết. Người ta có thể im lặng hiểu. Song, khó mà hiểu cho sự im lặng. Nhưng nói

MINH HÂN

TA VỀ

Gửi Tô Thùy Yên

Ta về qua những sông cùng núi,
Chẳng thấy người xưa, chẳng thấy ta.
Hai mươi năm lẻ, ai còn nhớ?
Lạ bước chân đi, lạc ngõ nhà.

Ta về qua những năm cùng tháng,
Cúi lạy tro tàn, khóc mẹ cha.
Nhìn quanh — chỉ một trời hiu hắt,
Chợt thấy ven đường nở đóa hoa...

ra, lỡ được việc này lại hỏng việc kia, mang họa thêm, thì sao? Thật thà không đúng lúc, lại không đúng người, còn tệ hại hơn là nói dối. Riêng với Quán Chỉ, lúc này tôi cần phải... Tôi xét mình cũng không làm gì bậy. Trước nay, chỉ là chưa nói ra thôi!"

Tôi gật đầu, bảo Mật Thể:

"Tôi biết. Sự tế nhị đôi khi có chung một bề ngoài với sự dối gạt, nhưng bên trong chúng khác hẳn nhau..."

"Tôi sẽ ra khỏi đó! Nhưng chưa phải lúc này. Ngay khi mới bước vào, tôi đã tự nhủ, để tìm đường ra, không phải cho riêng thân mình. Kiếm lối thoát chung cho chùa, lại không được lệnh của chùa, thật khó khăn. Nếu tôi 'làm việc cho họ,' xin Quán Chỉ hiểu cho, những bài thơ mà Quán Chỉ viết vào bên trong cái áo cũ, may lại thành chiếc gối, thỉnh thoảng còn dùng làm 'bồ đoàn'... Chắc phải vỡ lở? Còn làm sao mà tôi biết được, lại là chuyện khác..."

Mật Thể, qua nét cười đọng lại trên môi, thanh và nhẹ, không một dấu vết 'khủng bố tinh thần" nào đối với tôi cả. Tôi cũng thành thật bày tỏ:

"Tôi có ngờ vực... Trong năm mối nghi tình, 'visikcha,' tôi đã rơi vào 'nghi tăng,' tôi có nghi Mật Thể, bởi phần lớn 'tăng' ngày nay ra sao, Mật Thể hẳn rõ. Nhưng chính Mật Thể nói ra là 'làm việc với họ,' còn đâu là nghi tình nữa? Trước kia, thâm tâm tôi thật sự chưa rõ, Mật Thể làm việc 'với họ' hay 'cho họ'? Nay cũng đã sáng tỏ. Ông cụ Nậm thật tinh ý, đã nói với tôi, 'không có thầy Mật Thể, chùa này tan lâu rồi.'

"Tôi chỉ cố gắng noi gương người mà tôi thích, vua Trần Nhân Tông hai lần cùng toàn dân đánh đuổi quân Nguyên, giữa vẹn bờ cõi. Bây giờ họ đánh trống lảng, kể công thống nhất đất nước cho mọi người quên đi cái tội họ đã dâng đảo Hoàng Sa cho Tàu. Cái tội năm Năm Tư ở Genève, chính họ đặt bút ký tên, bằng lòng chia cắt đất nước. Dẫn tới việc, thậm tệ, chia nát 'hồn nước,' không biết đến ngày nào mới hàn gắn lại được! Nói theo giọng người xưa, chỉ khổ lây trăm họ. Nhưng nhà vua, vị anh hùng dân tộc Trần Nhân Tông rũ chiến vào và cả hoàng bào để khoác áo nâu sồng, làm thiền sư Hương Vân trong am Ngọa Vân núi Yên Tử. Không ngồi mãi trên ngai cao, bắt dân ở dưới thấp, cúi dập đầu xuống nền đế chế mà tạ công ơn chống xâm lăng. Một nhà vua như thế, xem trong sử sách, đã thấm nhuần lẽ Đạo từ năm mười sáu tuổi, chỉ muốn nhường chức Hoàng Thái Tử cho em..."

Tôi sửng sốt vô cùng. Tôi chỉ rành về lịch sử Phật giáo, tôi chỉ đọc sách Phật học, tôi chỉ biết các thánh nhân nhà Phật. Còn các thánh nhân của dân tộc như Đức Thánh Gióng, như Đức thánh Trần Hưng Đạo, như Trần Nhân Tông... cùng lịch sử cả nước bao đời, như pho kinh lớn chảy một dòng sinh mệnh dân tộc, lại chìm dần trong tôi và tôi chìm ngay trong tâm cảnh hờ hững. Ngạc nhiên cho tôi, hơn nữa, khi Mật Thể bảo rằng:

"Đam mê thường dẫn tới cuồng tín. Lòng mộ đạo cũng là hình thái của sự đam mê, như người nghệ sĩ đam mê nghệ thuật. Gác bỏ mọi việc, ngày đêm lo việc vẽ tranh, tạc tượng, làm thơ. Mất nước, đối với họ, chưa chắc đã đau khổ bằng mất nghệ thuật? Vua Nhân Tông, năm còn là Hoàng Thái Tử, có lần nửa đêm đã trèo lên thành trốn đi, vào núi Yên Tử, ăn chay, học đạo. Phụ hoàng Trần Thánh Tông phải cho người tới bắt, lúc đó, ngài mới chịu về triều. Sau này, nếu như lòng mộ đạo của nhà vua không cao ngang tình yêu nước, nại cớ 'lòng từ bi' mà đầu hàng giặc thì sao? Quân Nguyên Mông đâu có diệt đạo Phật. Trái lại, dưới đời nhà Nguyên bên Tàu, chùa chiền vẫn san sát như bát úp. Nhưng vua Nhân Tông không phải hạng người bằng lòng với việc 'mất nước cũng được, miễn không mất đạo'... Quán Chỉ nhìn lại mà coi, từng bộ phận một của guồng máy lớn dân tộc ngày nay, đều quay theo mỗi ngả khác nhau, mong gì lấy Thánh Tổ Hùng Vương làm 'Một' để 'Một Là Tất Cả.' Nếu không cùng lúc gánh hai nhiệm vụ, người dân và người đi lễ chùa, có kêu gào đoàn kết chỉ thêm uổng công! Đúng là 'người đây, hồn chẳng ở đây,' nhóm thì hướng về Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh, hay Hoa Thịnh Đốn, nhóm lại hướng về Thiên Trúc hay Tào Khê... Cứ thế mãi!"

Tách trà trên bàn đã nguội đi, sao trong người tôi lại nóng ran lên, như bị kích động. Lạ thay, chính sự dung tục này lại phá tan mọi nghi tình. Mật Thể thấy tôi nhấp chén trà lạnh, vội vàng đi rót tách khác, hơi nóng thơm bay

mùi hoa sen. Vị đắng đắng, ngòn ngọt của trà làm tinh thần tôi sảng khoái. Mật Thể chưa dứt được sự sôi nổi:

"Thiền sư Hương Vân thổi sáo dưới trăng, đuổi hết các kẻ hầu người hạ chốn trần tục ra khỏi cảnh chùa, để vẫn nồng nàn tấm lòng một người thân 'chống gậy, xuống núi, về thăm một người thân khác, công chúa Thiên Đoan bệnh nặng, sắp mất.' Ngài còn 'khuyên dân dẹp bỏ những miếu thờ dâm thần, dạy dân học mười điều thiện.' Đấy là sự buông bỏ 'làm vua là việc nhỏ' để cưu mang, nắm bát cái 'lẽ sống chết, sướng khổ của người dân là việc lớn.' Quán Chỉ có nghĩ rằng tôi coi 'cái hội của họ' như con đò, giả dụ chở toàn phân, nhưng nhiều người như tôi, vẫn giấu được những bông sen trong ngực áo. Quyền trong tay, người ta muốn 'nhà nước hóa' các chùa chiền bằng cách gài người của người ta vào. Tôi chỉ khác Quán Chỉ cách chống lại. Xin phép Thầy ư, hẳn là không xong rồi... Tôi như Thiền, là một trẻ thơ 'hồn nhiên' của đạo Phật, lại mang tiếng là đứa con hoang. Trong lúc Thiền lặng lẽ dắt từng người con Phật, Thiền cũng âm thầm dắt tôi, từng bước một, như dắt đứa con trôi dạt lâu ngày, trở về mái nhà xưa, nơi người cha thân yêu hàng ngày mong đợi sớm, chiều. Lúc đầu, Quán Chỉ ạ, tôi mê lắm cái khẩu hiệu nghe như Tâm Kinh 'con người là vốn quý'."

Mật Thể tháo tung bức tranh "Mảnh Trăng Non" ra khỏi cái khung sơn mài, đưa cho tôi, rồi lồng bức "Núi Yên Tử" vào, xong treo lên vách. Tôi cảm ơn và hỏi:

"Thế... Ngày nay có cách nào làm sống lại cái linh hồn của 'Rừng Trúc,' Trúc Lâm trong giòng Thiền Việt?"

Mật Thể đáp ngay:

"Đúng ra là chiếc Thuyền! Nhưng nó đã chở những gì và đi về đâu? Cũng vẫn muôn đời sáng ánh Kim Cương. 'Thủy chung vô vật, diệu hư không. Hội đắc chân như, thể tự đồng,' lời dạy của Thiền sư Khuông Việt, chức Thái sư triều vua Lê Đại Hành. Trước sau không một vật, tựa hồ như hư không, trống rỗng. Hiểu thấu lẽ Chân Như, thấy mọi vật thể đều giống nhau..."

Tôi vừa cuộn bức tranh 'Mảnh Trăng Non" vừa hỏi:

"Thế thì có khác gì bài kệ của ngài Huệ Năng, với câu 'Bản lai vô nhất vật.' Xưa nay không một vật?"

"Câu hỏi thật thú vị! Xưa không một vật. Nay không một vật. Do đó, xưa và nay đều như nhau. Rõ hơn, chẳng có gì khác biệt giữa 'tâm đời xưa' với 'tâm đời nay.' Lòng yêu nước của Cô Giang giống như lòng yêu nước của Bà Trưng. Trong tiếng Hán Việt, chữ 'tâm tâm' nghĩa là nỗi lòng trước và nỗi lòng sau, người xưa và nay, thầy và trò. Nhưng 'tâm tâm tương ấn,' tấm lòng này như in với tấm lòng kia, mới là 'tâm ấn' của Thiền. Thuyền tâm ấn, đời này in lại cho đời sau chữ Tâm của đức Phật. Giao cho nhau những gì ngoài tinh thần Kim Cương Tâm Kinh, nghĩ cho cùng, thời này không gọi là mạt pháp thì biết kêu bằng gì? Như Lai là không từ đâu đến và chẳng đi về đâu, tất cả chỉ là việc hóa thân hay sự chuyển thể, ở đây ngay lúc này. Khuyên ta, đừng tham, chớ hưởng thụ, bởi vì: 'Bồ Tát sở tác phúc đức, bất ưng tham trước thị cố thuyết bất thụ phúc đức." Tóm lại, Bồ Tát 'tác phúc đức' nhưng không 'thục phúc đức,' làm điều lành cho người mà không mong mình hưởng..."

"Tuyệt diệu!"

Mật Thể đưa tôi hai sợi dây thun để buộc bức tranh cho chặt. Tôi hiểu đấy là cách người "chủ nhà" muốn tiễn khách ra về. Nhưng tới ngưỡng cửa, Mật Thể còn cố đọc hai câu thơ của thiền sư Pháp Loa, nói là Tổ thứ hai phái Trúc Lâm (1284-1330), "Trân trọng chư quân hưu tá vấn. Na biên phong nguyệt cánh man khoan," bắt tôi phải nán lại đứng nghe: "Xin các bạn thôi đừng hỏi nữa. Bên ngoài kia trăng gió thảnh thơi!" Rồi cười, hết sức sung sướng.

Khuya. Áng chừng hoa buởi ngoài vườn chùa nở rộ, tôi đóng kín hết các cửa mà hương vẫn thơm sực nức trong phòng. Mùi hoa, càng lúc càng ngọt ngắt và vị trà đặc làm cho tôi choáng váng như say. Tôi thường mất ngủ vào những đêm Rằm. Nhưng đêm nay tôi mất ngủ không chỉ vì chén trà, mùi hoa buởi và ánh trăng sáng, sáng tới nỗi tôi có thể đọc sách được. Tối nào trước khi đi ngủ, Thường Chuyển cũng dùng phép quán tưởng chữ "Vô!", Tâm Đối lại chọn "Không!" Còn tôi, chữ "A!", cho giấc ngủ được êm và nhẹ. Lúc đầu hai tai còn nghe thấy miệng nói "A, A, A!..." Thầy từng dạy chúng tôi: "Khi các con quán chữ Vô, chính là Không, nguồn từ âm tiết "A" của tiếng phạn. Như Amitabhâ, A Di Đà Phật là Vô Lượng Quang Phật. Như Asoka, A Du Ca hay Vơ Ưu Hoa Thụ, cây hoa Không lo. Sẽ ngủ ngon!"

Nằm trên giường, duỗi thẳng chân tay, nhưng tôi lại quán tưởng như mình đang nằm trên lớp sóng dập dờn. Rồi bắt đầu tập lại cái bài học đã thuộc lòng: "Cứ đọc đi! Cứ đọc đi! Tới khi nào chữ 'A' trở thành tiếng 'A!' như tiếng kêu ngạc nhiên của người chợt nhận ra đời mình rồi cũng tàn tạ, mất đi. Hay tiếng reo của người mừng rỡ, thấy được cái điều mà mình cất công tìm kiếm. Lâu dần, mỗi khi ngả lưng trên giường, miệng không cần phải nhắm đọc hay để giọng mũi tự phát ra thanh âm "A!..." nữa. Tiếng "A" trong đầu, như ngân lên từ một sợi dây vô hình, nối liền giữa cát bụi nhỏ nhoi với cái bao la của trời đất. Cả hai, vang vang trong nhau. Cùng cất lên điệu nhạc A! A! A! Từ lớn tới nhỏ dần. Tắt rồi tắt hẳn, A... có lần Tâm Đối đã bảo: "A phát ra thanh nhạc, tựa hồ trẻ thơ nghe lời mẹ ru "À... ời" hoặc "Âu... ơ" rồi thiếp ngủ. Phần lớn những

gì mà người đời cho là "rất có ý nghĩa" lại thường vô dụng, chẳng bổ ích gì hết cho cuộc nhân sinh, đôi khi còn ác hại. Thiền giúp ta nhìn ra, thấy được cái ích dụng của những hình ảnh hay thanh âm vô nghĩa như "Âu, chó con đấy hả?", đứa trẻ toét miệng ra cười. Tiếng nựng và lời ru là thơ lẫn nhạc, là nhạc lẫn thơ. Những khẩu hiệu cô đọng trong chính trị cùng các bài giảng trường giang về đạo lý, đầy ý nghĩa, nhưng cuộc sống lạnh lùng cho biết, thường chúng vô tích sự. Một thời quỷ ám, người ta lấy những nhai thi bị nạo, nấu lên, cho heo ăn. Gói trẻ sơ sinh còn sống bằng giấy báo, rồi đem bỏ ngoài bãi rác. Chồng hành hạ vợ, trói lại, không đánh mà lại cấn cho đến chết. Bên cạnh các bài báo ấy là những khẩu hiệu "Con người là vốn quý."

A... A... A... Bỗng có tiếng gì gõ cửa, giọng khàn đặc của ông cụ Nậm, ở ngoài kia vọng vào:

"Thầy có làm sao không, thầy Quán Chỉ? Không sao hả? Hết cả hồn, tưởng gió máy..."

Trong này, tôi bật cười rũ ra, vội tung chăn trở dậy, lết nhanh đôi guốc mộc, mở toang cửa:

"Không... Có gì đâu! Cụ còn thức à?"

"Trăng sáng quá, ngủ nghê gì nổi! Thức mãi cũng chán. Tôi nấu chè bí đỏ, mời thầy xuống bếp dùng thử một bát..."

Tôi từ chối:

"Ăn đêm? Phải tội chết!"

"Vẽ!"

Chúng tôi ngồi trong bếp nhìn ra. Lòng sân như trải chiếu vàng, ánh trăng trộn với sắc gạch lẫn rêu xanh màu đồng rỉ, thành ra tim tím biếc. Tôi không quen ăn đêm, chỉ ngồi nhìn những ngọn lửa nhỏ liếm quanh chiếc nồi đất, lòng thấy vui vui khi nghe tiếng than củi nổ lách tách. Mùi đường thẻ và mùi bí đỏ ngậy lên hương thơm mía lùi và khoai lang Thanh Ngọc, thứ khoai ruột trắng xanh, ăn vào ngọt giọng. Bí đâu có ăn nhập gì với khoai, nhưng hồi ức trong tôi bừng dậy, nhớ lại một ngày nào xa xôi lắm, gần như mơ hồ. Đêm mẹ bỏ nhà ra đi, tôi khóc vì nhớ, bố thức và luộc khoai cho tôi ăn. Chính các ngọn lửa đã làm cho tôi lặng tiếng khi tôi mải mê nhìn chúng nhảy múa, tôi quên cả khóc, rồi thiếp ngủ đi, quên cả ăn khoai. Trong thoáng chốc, tôi quên mình đang là một nhà sư, trăng khuất sau một đám mây, toàn bộ ngôi chùa chìm vào đêm tối. Chỉ còn ánh lửa bếp ửng sáng màu vàng đục cùng khuôn mặt nhăn nheo, của ông cụ Nậm, đẩy cao mớ tóc hoa râm đang lay lắt trước làn gió sông thổi lên. Đêm nay, tôi như gặp lại ánh mắt chăm sóc của bố, qua hình ảnh khác, cũng thắp lên ngọn lửa dỗ dành tôi. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao người ta có loại nước mắt chảy ngược vào trong lòng, ngoài miệng vẫn mỉm cười.

Ông cụ Nậm cũng có một mái nhà và những người thân yêu đang ở đâu đó? Tôi muốn hỏi cụ mà không dám. Lỡ chạm mạnh phải một vết thương chưa kịp kéo da non thì sao? Ngày ông cụ đến ở đây, tôi còn nhỏ quá, cho tới nay cũng chưa có dịp nào hai người hỏi thăm nhau về quãng đời riêng đã trôi qua. Tôi cứ lớn lên và ông cụ cứ già đi. Lẽ nào cái câu nói bóng gió sau đây của nhà Phật: 'Không có ông bà, không có cha mẹ, anh em. Không có vợ chồng, con cái. Chỉ có sự sống và sự chết nối tiếp nhau mãi mãi mà thôi" lại là khuôn mặt thật của kiếp người? Không! Giữa sống và chết còn có một Tấm Lòng, những người viết sách, in kinh ngày trước, nay đâu còn nữa, sao bao việc tốt đẹp vẫn chẳng hề mất đi? Tôi không biết phải nói như thế nào cho gãy gọn, cảm nghĩ của tôi, về chữ Tâm. Chữ Tâm đẹp, như ngài Huệ Năng, con nhà nghèo gánh củi oằn vai nuôi mẹ già nua. Mẹ thương con vất vả, mỗi tối dâng hoa cúng Phật, đọc mấy thời kinh, nguyện xin cho con mình bớt khổ tâm và nhà có bát ăn, thêm bát để. Nếu như linh hồn của ao sen là tiếng cá chép vàng quẫy nước, theo cách nói của Tâm Đối, 'đêm người nằm trong chùa nghe thấy cả cái chuyển mình của cuộc sống ngoài kia, không giây lát ngừng, cả tiếng những hạt nước rơi trên mặt nước. Chẳng có gì đứng trơ trọi và càng không đứng yên một chỗ. Vô thường trụ. Hãn linh hồn của Kim Cương Chân Kinh là lời nhắc nhở không ngớt của chư Phật: 'Hãy cho, hãy cho và hãy cho không!" Cho là nhận và mất là còn. Người nên cho liền và quên ngay những gì vừa mới cho ai, làm nên cái hạnh 'Bố thí Vô tướng," làm phúc chẳng kể công, dưới nét nhìn Thiền ra "Liễu Tam Không." Người cho, của cho và người được cho đều không biết nhau.

Tôi sung sướng vì trong lòng chưa hề một lần gợn lên nỗi oán mẹ, giận cha. Tôi mong ước có ngày gặp lại bố mẹ để bày tỏ lòng biết ơn công lao đã sinh ra tôi. Không ai bỏ ai hết, chỉ được đi cùng hay phải đi khác con đường. Đúng hơn, cũng tùy duyên mà chia tay nhau sớm hay muộn, nhưng chắc chắn là phải chia tay. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, ngài Huệ Năng kể truyện trước khi đi tới chùa Hoàng Mai: "... Lại nhờ có một người cho mười lạng bạc, khiến tôi sắp đặt được việc nhà cho mẹ, rồi tức thì từ biệt..." Cảnh nhà nghèo nàn, đơn chiếc, chỉ hai mẹ con nương vào tình Mẫu Tử mà sống qua ngày. Vậy mà bà mẹ đã vui lòng để con ra đi, không biết đến ngày trở lại. Coi như mất con. Coi như "cho không" bao công lao mình "mang nặng đẻ đau," góa chồng sớm và ở vậy nuôi con tới khôn lớn. Chữ Tâm nơi bà mẹ ngài Huệ Năng, bao la quá, không nghĩ là con bỏ mẹ, đã tặng cho đời một tâm hồn lớn, ít nhất trải dài tới nay, suốt trên ngàn năm, từ Đông sang Tây. Một người nào đó phải có ý "cho không" nên mới giao mười lạng bạc cho "một người nhà quê, bán củi," hai mươi bốn tuổi vào năm 638 dương lịch đời Hoàng Đế

Trinh Quán nhà Đường, chỉ để "vu vơ" đi tìm thầy học đạo. Triết học "Tính Không" cao vời vợi và sâu thăm thẳm, chẳng từ trên trời rơi xuống hay từ dưới đất nhô lên, mà nó bắt nguồn từ con người. Đạo với đời là một! Chính là Phật tính, tính Không, bởi "Không phải thường, không phải vô thường, thế nên không thể đoạn được, đấy là cái nghĩa - không phải hai, bất nhị - nhất nguyên." Ngài Ấn Tôn đang giảng Niết Bàn Kinh tại chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, nghe ngài Huệ Năng nhắc nhở câu nói trên, liền vượt thoát khỏi vực sâu cố chấp, chắp tay và nói rất ân cần: "Tôi giảng như gạch ngói, còn thấy nói như vàng ròng." Thế rồi, vào hàng sư phụ mới được quyền cắt tóc cho người mới đi tu, Ngài Ấn Tông làm lễ "thí phát," xuống tóc cho ngài Huệ Năng và tôn lên làm thầy... Lạ lùng thay Thiền! Tuyệt diệu thay Tấm Lòng nhà Phật thấm nhuần Kim Cương Chân Kinh. Ngài Huệ Năng chưa chính thức đi tu đã trở thành vị thầy-của-vị-thầy tại chùa Pháp Tánh. Bỏ đi rồi lại tìm về, năm 713, ngày mồng Tám tháng Bảy, trước khi mất ngài muốn về Tân Châu yên nghỉ, sau bốn chục năm trời xa cách. Trong đó, mất mười lăm năm trôi giạt, trốn chạy "những người ở trong chùa" Hoàng Mai, thân tu nhưng tâm chưa tập, còn lại những hăm nhăm năm, trước sau như một, toàn nói về Lòng Người và Tâm Kinh in lẫn vào nhau, tâm tâm tương ấn. Câu nói cuối cùng của ngài Huệ Năng để lại cho đời, làm bàng hoàng cả thiên hạ, chỉ vì hết sức dễ hiểu: "Nếu biết rõ chúng sinh là thấy được Phật tính! Nếu không biết rõ chúng sinh thì vạn kiếp tìm Phật cũng không gặp." Hiểu chúng sinh cả tới việc này: Tuy rằng "Nam Năng, Bắc Tú", chia Thiền ra đôi ngả "đốn" và "tiệm" ngộ, nhưng hai ngài Huệ Năng và Thần Tú vẫn tâm lượng rộng. Song, "đồ chúng," những người theo đạo mỗi bên, thường nhìn nhau như kẻ thù. Khi Chí Triệt là thích khách, nửa đêm tới Tào Khê ám hại ngài Huệ Năng, việc không thành vì ngài biết

PHAN NHẬT NAM

NÓI CHUYỆN LOẠN LẠC THỜI NAY

Nhân đọc Bành Nha Hành
(Chạy loạn ngã Bành Nha) của Đỗ Phủ

Như qua lời thơ kể
Loạn thuở Bác không nhiều
Khổ hôm nay kinh khiếp
Toàn cảnh đời triệt tiêu
Con đói Bác ẵm bế
Con tôi thảm vượt biên
Thân nhỏ phơi bão biển
Tan tác cọng rong rêu
Bác tạm lành tấm áo
Mong manh che màn mưa
Chúng tôi thật trần truồng
Trước đám đông đường phố
Quả mận đắng dấu chát
Nhỏ nhà Bác no lòng
Trẻ Sài Gòn thấm nhục
Bên lề đường xin ăn
Buổi Khiết, Hồ loạn lạc
Thơ ấu còn tiếng cha
Con tôi đêm khóc òa
Thiêm thiếp chờ bóng lạnh
Niên thiếu không lớp học
Cuốc núi đá trồng khoai
Vợ dãi dầu se tóc
Lội vũng lầy mót rau
Bác thậm khổ đường xa
Quá Gia Oa gặp bạn
Nồng hậu đèn thắp sáng
Ân cần đắp tấm chăn
Thân tôi ngàn dặm trường
Cảnh cùng đường mất nước
Nghiệt ngã phận lưu đày
Giữa quê nhà đồng loại
Chó gầm gừ canh giữ
Người cuồng khấu chưởi rủa
Đêm ngủ đỗ nơi nao
Không nắm đất gối đỡ
...
Loạn thời Bác hẳn hết
Sớm trở về nhà xưa
Viết thư thăm bằng hữu
Đêm trầm trầm nghe mưa
Tôi mười năm mất bặt
Không hơi thở bóng người
Bạn cũ đồng xa vắng
Chốn cuối trời lạnh tanh.

trước. Khi tha cho Chí Triệt, ngài bảo: "Hãy đi đi đã! Nếu không, e đồ chúng làm hại. Ngày khác, hãy thay hình đổi dạng, đến đây tôi nhiếp hóa cho!" Cho nên cái câu "không phân biệt thiện ác", trong kinh nhà Phật, có nghĩa là "đừng cho rằng mọi người ở ngoài chùa là ác hết," chớ nghĩ rằng các "đồ chúng" trong chùa Hoàng Mai hay Tào Khê là thiện cả. Như thế mới chính là "phân biệt thiện ác" một cách rạch ròi, theo tinh thần "pháp mà không phải là pháp mới là pháp." Sau ngài, những gì như 1700 công án chỉ là "ứng dụng tùy tác, ứng ngữ tùy đáp," cốt tìm ra ngay, trong mỗi người, chiếc bóng "Phật tính" nơi tâm mình mà quên đi mất hình hài "chúng sinh"! Nên đời này, vào cửa Thiền, qua lối

"tùy tác," đánh đập la hét và "tùy đáp" như "cái khía của tấm ván mọc lông" làm sao mà vào cho nổi? Thiền ở trong đạo Phật và đạo Phật ở trong Lòng Người. "Trực diện" lòng người, thấy được "tự tính", đương nhiên thành Phật. Tính sinh ra tình, tình sinh ra cảnh. Tính là hạt nhân, là cỗi rễ, nguyên lý bất hiến, chẳng rời đổi. Phật tính sinh ra tình người từ bi và tiếp đến cảnh thanh tịnh, trong trẻo và vắng lặng. Trong sạch và yên ổn từng ý nghĩ, lời nói và việc làm. Cõi thanh tịnh, "xứ Phật" nơi Kim Cương Chân Kinh, "trang nghiêm tịnh độ," ý sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng, chẳng phải là "cõi Phật" trang nghiêm, mà người có "trí tuệ bát nhã," cực kỳ sáng suốt, phải biết rằng mình có trang nghiêm, giữ giới, thì mới "độ" cho người khác được. Cũng như việc đưa người khác sang "bờ bên kia" phải được làm hết sức thành tâm trang nghiêm, không làm lấy lệ cho qua. Chữ "cõi Phật," lòng mình, "tự tính" của nó nào có "trang nghiêm" hay "không trang nghiêm" bao giờ đâu? Trang nghiêm từ ánh mắt, nụ cười, cách ăn mặc và đi đứng với một tấm lòng "vô sở trú," chẳng "lên mặt" cũng không "ra điều" đang làm chuyện "trang nghiêm cứu đời." Ngược lại, nếu "trực diện" tâm Phật, mượn lời của kinh cùng dựa chữ của kệ, không thấy được "tự tính," rõ ràng "vọng động," bất quá chỉ thành nhân, một người như bao người khác, thường tình. Tâm sáng thì chúng sinh cũng thành Phật, tâm mờ thì nhà tu từng làm mòn bao đợt y bát, dẫu có lúc thành Phật rồi, cuối cùng cũng hóa ra chúng sinh. "Tự tâm" là lẽ ấy! Ngài Huệ Năng đã gởi một Tấm Lòng, qua Chí Thành là người học trò sáng dạ của ngài Thần Tú chùa Ngọc Tuyền, tới phái Thiền Bắc Tông, rằng: "Tự tánh không tăng cũng chẳng giảm, như kim cương." Chứ không phải Kim Cương rắn chắc như tự tánh. Mềm hay rắn hoặc phướn động hay gió động của tùy tâm cả. Thiền sư Tịnh Giới, đời thứ mười dòng Vô Ngôn Thông đất Việt, thường nhắc nhở các học trò: Muôn pháp về Không, chẳng thể nương. "Vô khả y" bởi "vạn pháp quy Không!"

Ngoài tiếng côn trùng vọng lên từ những khu vườn quanh chùa cùng búi cỏ ven sông lẫn tiếng ngáy đều đều trên võng của ông cụ Nậm, đêm trong tôi và tôi trong đêm, hoàn toàn yên lặng, in vào nhau hai dòng chảy: Sông và nỗi thao thức. Chỉ ồn ào mỗi tiếng ếch kêu đầu tuần trăng sáng, đập mạnh vào trí nhớ tôi, ngôi nhà thời thơ ấu. Đó là chiếc võng và tiếng mẹ ru. Thấy nhà ai mẹ con cắng đắng nhau, ông cụ Nậm cũng kêu lên: "Mẹ nuôi con, con nuôi mẹ, sướng vô cùng... Còn than van cái nỗi gì? Rõ quân ngu!" Tôi cũng không thể nào quên được câu nói tóm gọn của Thầy tôi: "Tâm Kinh gói tròn trong hai chữ Cho và Không. Tiếng Việt mình hay lắm, "cho không," chẳng

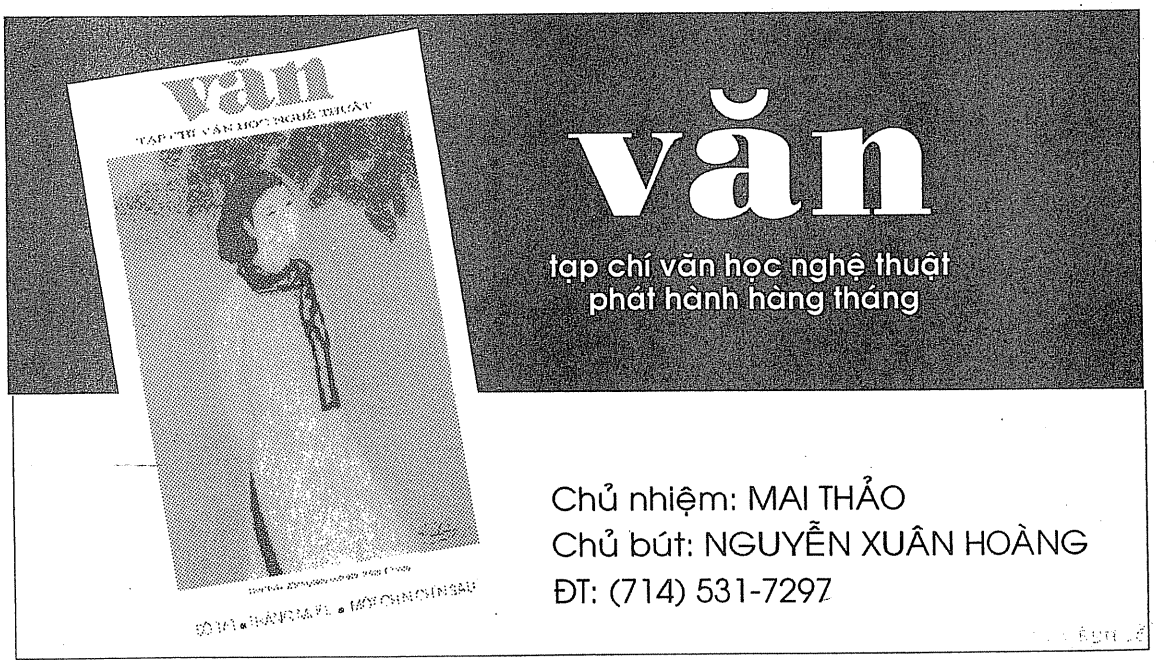

những không nhận lại tiền hoặc một vật gì ngang xứng mà còn không tính nhận cả lời cảm ơn. Đời nhiều người cho xong lại kể, mấy ai đã hiểu lẽ Đạo 'Cho Không!"

Đôi khi tôi thử nghĩ ngược lại, 'Cho Không" là lẽ Đạo, vẫn thấy đúng vì 'vô sở trú" dẫn tới Trí Huệ Bát Nhã. Bằng chứng là ngài Huệ Năng đã 'hiểu ra ngay," hoát nhiên đốn ngộ, khi tình cờ nghe kinh Kim Cương, tới câu 'ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm." Tiếc thay, sau này Thiền Hoa xa dần Thiền Ấn. Nhưng Thiền Việt, qua Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Quốc Toản, bộc lộ tính hoài nghi triết học để tìm ra chân lý: 'Hoàng cúc ly biên bất thị xuân," hoa cúc vàng nở bên hàng giậu, đã chắc gì mùa xuân? Không có tinh thần ngờ vực cần thiết này, chúng ta nhắm mắt tin theo 'dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa, hoa lan sang đồng Việt Nam ta" mất gần nửa thế kỷ mới nhận ra rằng dân ta không "vui hát" được trên một cánh đồng toàn hoa đỏ...

Như người vừa lật từng trang kinh vừa suy nghĩ, tôi thấy: Kim Cương Tâm Kinh, ngọc sáng và rắn chắc, ngay trong phần phụ lục, chuyện kể bên lề cuốn kinh, đã khiến tôi phải suy nghĩ, về "chữ Tâm," Tấm Lòng, theo nhiều giềng mối khác nhau: "Xưa, ông Tu Đạt Đa, Sudatta, một vị đại thần nước Xá Vệ, Sravasti, nhà giàu và tính hay bố thí, thường chu cấp cho những ai cô đơn, khốn khó nên được người đương thời gọi là ông Cấp Cô Độc, Anathapindika. Thời đó, thái tử Kỳ Đà, Jetireta, có một khu vườn đất đai bằng phẳng ở ngoại thành, cây cối tươi tốt. Ông Tu Đạt muốn mua khu vườn ấy để cất nhà, mời đức Phật đến giảng đạo cứu đời. Nhưng thái tử nói: 'Nếu đem vàng trải kín khu vườn thì ta bán cho!" Ông Tu Đạt vội làm theo lời. Chỉ còn thiếu một khoảng, tính đem xe chở vàng tới trải nốt, lại nghe thái tử bảo: 'Ta nói đùa vậy thôi. Xin tả lại vàng cho ông!" Ông Tu Đạt liền trả lời: 'Mọi người sẽ chê cười vì lời nói của thái tử. Sau này, làm vua sao được?" Thái tử đành phải bảo: 'Thôi! Đừng chở vàng tới nữa. Vườn, của ông. Cây cối thì của tôi. Cùng đem dâng Phật cả, được không?" Tại đây, đức Phật đã giảng Kim Cương Chân Kinh. Đem vàng ra trải đầy vườn chỉ cốt cho mọi người được nghe lời dạy của đức Phật. Vả lại đạo quý hơn vàng, trước hết, bởi cái tâm của ông Cấp Cô Độc, một người biết dạy người khác làm vua. Muốn làm kẻ đứng đầu trăm họ thì phải tập cái tính 'hói chỉ một lời." Tấm lòng ấy, nơi vị đại thần nước Xá Vệ, ngày nay ít thấy. Người trên, như thái tử Kỳ Đà, biết nghe lẽ phải từ phía kẻ dưới, giờ càng hiếm hơn. Tâm kinh 'ra đời" trong bối cảnh lòng người tràn đầy tốt đẹp. Đức Phật, người giảng kinh, từng là Hoàng Thái Tử, cũng đã buông lìa cả ngai vàng, châu báu. Rời bỏ cung vàng điện ngọc, đi khất thực như người khốn khó, xin ăn, nhưng để cứu vớt những người thật sự phải ăn xin, vươn lên cánh cửa "tâm bình đẳng." Tinh thần ấy, mấy nghìn năm sau, khiến cho trước câu hỏi 'mang lửa thử vàng" của ngài Hoằng Nhẫn chùa Hoàng Mai bên Tàu: 'Ngươi là người Lĩnh Nam, lại là kẻ quê mùa, sao mà làm Phật được?", ngài Huệ Năng đã trả lời được ngay, rất rành rọt: "Con người có Nam, có Bắc. Nhưng Phật tính vốn không Bắc, chẳng Nam. Cái thân con quê mùa, không giống thân Sư tổ, nhưng Phật tính thời có gì khác biệt?" Chẳng cứ xã hội cổ thời

NGUYỄN THANH GIANG

VÔ ĐỀ

Những cây Floss Silk California
Nở màu hoa đào
Tôi nhìn
Giống hoa gạo quê tôi

Những em nhỏ Việt Nam nói tiếng Việt
Tôi nghe
Như tiếng nước ngoài

Những chú ngỗng trời
Xáo xác
Rót vào lòng tôi
Tiếng khóc

Bao giờ
Chim tìm được
Quê hương

Los Angeles 8-96

MÀU XƯA

Mênh mông Thung Lũng Hoa Vàng
Ngỡ sim biển biệt đồi hoang bên trời
Dấu vàng rơi - Dấu vàng rơi
Vẫn ngan ngát tím một thời nhớ nhau

San Francisco 9-96

Ấn Độ, mà ngày nay giới bị người đời hành hạ, nguyền rủa và xem khinh vẫn là những kẻ lang thang không nhà, đầu đường xó chợ. Ngoài lẽ Đạo ra, người giảng Tâm Kinh là đức Phật, bằng cả Tấm Lòng, lấy chính cuộc đời của mình ra làm chứng: Chống lại mọi chấp trước, trong một xã hội tận cùng bất công và áp bức mà sự phân biệt giai cấp nghiệt ngã nhất trần gian, kéo dài suốt bạo đời. Hai mươi bảy vị nối tiếp tổ giòng thiền Ấn, sau đức Phật Thích Ca, đều lần lượt truyền cho nhau những bài kệ rút ra từ chất ngọc sáng của Tâm Kinh, Bồ Đề Đạt Ma, vị cuối cùng, sang Trung Hoa mang theo lời dạy cốt tủy của đức Phật, mà vị tổ thứ ba, ngài Ananda, ghi lại trong Kim Cương Chân Kinh: "-Ông Tu Bồ Đề! Ông có thấy ta đang thuyết Pháp không? Thưa không! Sao vậy? -Vì Phật không hề nói Pháp nào cả. Có Trí Tuệ Bát Nhã là phải lìa bỏ mọi sắc tướng. Lìa cả ý nghĩ, lời nói, văn tự mới thấy được sự Chân Như của Tâm." Khơi nguồn cho giòng Thiền "một bông hoa năm cánh nở," ngài Bồ Đề Đạt Ma cũng nhắc nhở việc "không dùng chữ nghĩa," thầy truyền tâm ấn cho học trò, đặc biệt, ở chỗ "ngoài những bài giảng đạo lý" vì chỉ có "trực chỉ nhân tâm," đi thẳng vào lòng người, mới "kiến tánh thành Phật" được! Mặc dù trong bốn mươi chín năm trời, những "lời" đức Phật "nói" đủ cho người đời

sau ghi lại thành mấy vạn bộ kinh. Nhưng tất cả, "lời" và "chữ", theo nguyên lý tính Không, chỉ là "ngón tay chỉ vầng trăng, không phải là vầng trăng." Chỉ là con đò hay chiếc bè đưa người ta qua sông, sang "bờ bên kia," đáo bỉ ngạn, Praramita, không hơn không kém! Năm cánh hoa Thiền từ ngài Huệ Khả (486-593) tới ngài Huệ Năng (638-713), vẫn chỉ một Tấm Lòng "ưng vô sở trú," không nương dựa vào bất cứ gì, kể cả chính mình cũng "vô ngã." Nắm bắt được "nghĩa" rồi, liền buông bỏ ngay tức thời cả "lời" lẫn "chữ." Rốt ráo hơn, bỏ luôn cả "nghĩa" vừa nắm bắt được. "Nghĩa" ở đây là việc giúp người, cứu đời. Cứu giúp xong, quên ngay, để chính lòng mình càng thêm thảnh thơi, yên vui cùng tận. "Lời" và "chữ," vốn chỉ là phương tiện của việc cứu giúp, càng nên quên nhanh. Như sang sông rồi, tới bến cuối cùng, còn ai ngồi mãi trên đò hoặc cõng chiếc bè trên lưng mà đi. Nếu không, Kim Cương Chân Kinh hỏi còn có ích cho ai, mà đạo Phật qua cánh cửa Thiền, khiến các Thiền sư bao đời nay sống chết chẳng màng, cốt cho đời hiểu được đạo 'làm lành, tránh ác" để thân và tâm mỗi người đều được yên vui như nhau? Hiển nhiên đã "vô ngã" thì còn có ai để mà trông chờ trả công hay nhớ ơn? Khi mà ta với người là một, việc nhận công lao hay ơn huệ, chẳng khác hình ảnh một người tự soi gương rồi lạy tạ chiếc bóng của mình. Cho nên khi nghe lời tạ ơn - "Huệ Minh này tuy ở Hoàng Mai mà thật chưa biết "bản lai diện mục" của mình. Nay được ngài chỉ dạy, thật như người uống nước, tự mình biết, nóng hay lạnh!" - ngài Huệ Năng chỉ nói: "Nếu ông được như vậy thì chính là cùng-với-tôi tôn thờ bậc thầy Tổ chùa Hoàng Mai, đó!" vì "Cái tôi nói ra cho ông, đâu còn mật ý nữa. Nếu ông tự phản chiếu thì mật ý nơi ông!"

Lẽ đạo tự có trong lòng mỗi người. Không ai dám nhận là mình đã dạy cho ai. Lời vàng mà mình truyền lại đã trở thành ý ngọc của người. Bát cơm ta bưng tới cho người đang đói sẽ trở thành máu huyết của họ. Những hạt máu ấy góp phần vào sự sống của đời khiến lòng ta vui sướng. Nhờ sự sống ấy, người kia có thể là một người làm vườn, lại trồng rau nuôi ta. Lại nung đất sét thành gạch để ta cất một ngôi nhà hay dựng một nếp chùa. Nếu cần, cả hai cùng phải cảm ơn nhau. Chẳng ai "cho" và cũng chẳng ai "không cho" như ngài Huệ Năng nói với Chí Triệt: "Ấy không phải là thầy cho. Cũng không phải là ta được." Nên chẳng lao vào mê lộ một chiều, người dân phải "đời đời nhớ ơn" nhà cầm quyền, vốn đã không làm cho họ sung sướng mà còn vì việc cố nắm quyền, của một số người làm chính trị sai lầm, khiến cho người dân thêm khổ đau. Muốn "vi tiếu," mỉm cười, mà không chịu "niêm hoa," dâng bông? Chuyện chưa từng có! Trong vắng lặng, Thiền mượn tiếng của người và chữ của đời để làm sáng tỏ nghĩa Đạo, xong lại phủ nhận ngay chính mình thì còn ý nghĩa nào tồn tại cho nổi. Huống chi cái "ý nghĩa" hẹp hòi của người đời, quen giải thích theo lòng tham lam, oán giận và tăm tối? Mê chìm không kém, nếu như người ta chỉ lo đào bới trong 1700 công án Thiền Hoa, sau thời tổ thứ sáu, để mong tìm ra cái "hoát nhiên đốn ngộ," đấy chỉ là những chiếc bóng trong gương mà người xưa còn phảng phất. Trực diện nhân tâm, mỗi người, theo thời và tùy cảnh, tự nhìn thẳng vào lòng mình bằng một cách riêng. Cách riêng là hình ảnh thực của lòng mình. Cách riêng của một đất nước là dân tộc tính. Mất nó, không phải chỉ một mình anh Năm Cao, người xóm Đầm Sen đi bán máu độ thân, mà cả một dân tộc... Nào chỉ xuất huyết, còn bán cả cái Tâm. Sống thế? Cầm bằng... chết mà chưa chôn!

Bếp lửa như đêm đã tàn. Trên lầu, chuông sớm, ngân từng hồi thức tỉnh. Tôi nghe oang oang tiếng Thường Chuyển, phía hòn non bộ, đang kêu lên với ai đó: "Lạ quá! Suốt đêm qua mất ngủ!" Một đàn kiến lửa đang bò quanh miệng bát chè, còn nguyên trước mặt tôi, ở giữa có con ruồi đang vùng vẫy, cố thoát khỏi những cái chấm đỏ đeo bám thật chặt vào mình. Đèn nến trong Thiền đường thắp sáng lên cùng lúc các vì sao ngoài trời tối xuống, tắt dần. Rạng ngày, mặt trời mọc sau đám mây màu huyết dụ, lộ đường viền vàng lòng trứng, cong tớn như mảnh trăng non...●

(Trích Bờ Bên Kia, sắp in)

GÃ TỪ QUAN

XUÂN ĐỖ

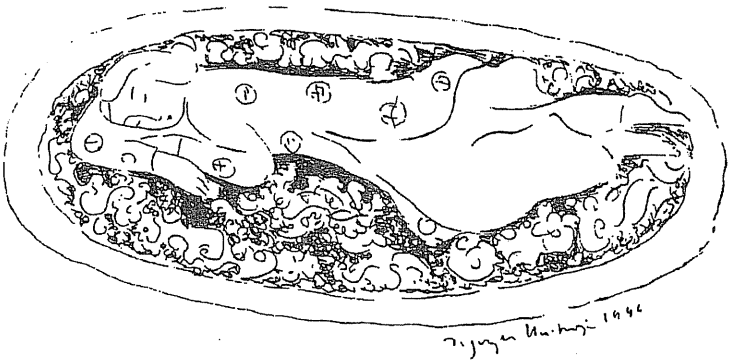

"Rằng xưa có gã từ quan,
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say"
(Phạm Thiên Thư)

Tony cảm thấy e ngại khi Henry, bạn cùng sở, rủ anh đến tham dự cuộc họp mặt của nhóm sinh viên Việt Nam các trường Đại học tại phòng hội của trường đại học UCLA. Cuộc họp mặt có tính cách thân hữu giữa những người bạn trẻ đang học hoặc đã tốt nghiệp đại học ở Hoa Kỳ. Cuộc họp mặt của những người bạn trẻ cùng chủng tộc nhưng bây giờ sinh sống, lớn lên và hấp thụ nền văn hóa tây phương. Họ gặp nhau để chuyện trò, cười đùa, hát hò hoặc thảo luận một số vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

Tony nói cho Henry nghe sự do dự của mình. Henry cho biết, nên đến những nơi họp mặt này của những bạn bè cùng trình độ, cùng những thao thức để nhìn lại mình, để làm quen lại nền văn hóa của quê hương Việt Nam. Henry cũng hiểu rõ nỗi e ngại của bạn, đến một nơi chưa có ai quen thân, nói chuyện cùng nhau với một ngôn ngữ pha trộn nửa Việt nửa Mỹ.

Henry hóm hỉnh:

"Mày không có gì e ngại cả. Đến đó mày sẽ gặp nhiều bạn mới, nghe nhiều chuyện vui và gặp nhiều cô gái Việt Nam thùy mị, xinh đẹp và hiền ngoan."

Tony lắc đầu:

"Mày lúc nào cũng vậy. Nơi nào có con gái là mày đến ngay. Mày quên rằng, mày có khoe với tao là mày có cô bé người Nhật ở vùng Vịnh San Francisco rồi mà. Bộ tụi mày "break up" với nhau rồi à?"

Henry tâm sự:

"Tụi tao vẫn còn là đôi bạn thân thiết. Thế thôi. Chưa đi tới đâu cả. Tụi tao tuy cùng dân Á Đông với nhau nhưng đôi khi vẫn còn nhiều khác biệt về cuộc sống, có lẽ do hai, ba nền văn hóa khác nhau, Việt, Mỹ, Nhật. Nhưng thôi, quên chuyện đó đi. Hôm nay tao có nhã ý muốn mở mắt mày vì mày có vẻ xa lạ với quê hương của ông cha mình."

Tony nhớ những lời nói tương tự của ba mẹ hay nói với Tony, với anh em của Tony trong nhà. Mẹ lúc nào cũng hỏi, con có bạn Việt Nam nào không, con có quen biết với các bạn gái Việt Nam không. Làm như các bạn bè khác của Tony là bỏ đi cả.

Khi Tony chuyển qua làm việc ở vùng Los Angeles, phụ trách giải quyết về bảo hiểm thiên tai, lụt lội, Tony làm việc chung với Henry cùng phòng và trở thành đôi bạn thân.

Tony có vẻ khựng lại, khi Henry mở cửa phòng họp bước vào. Tiếng ồn ào nói chuyện của hơn vài chục người trong phòng vọng ra. Henry kéo Tony lại giới thiệu với đám bạn quen:

"Đây là Tony, bạn của tôi. Chúng tôi cùng làm việc chung với nhau ở hãng bảo hiểm State Farm Insurance. Tony sinh ra ở Việt Nam, nhưng lớn lên và thành tài ở xứ người Da Đỏ Oklahoma và Đại học SMU xứ cao bồi Texas. Tôi lôi Tony đến đây để anh ta 'tìm về cội nguồn.' Xin các bạn nối một vòng tay đón nhận."

Cả nhóm ồn ào vỗ tay, huýt sáo. Một tên nói lớn:

"BỎ tên Tony đi. Có tên "cúng cơm" Việt Nam không? Như mày Henry, đến đây phải gọi tên cũ "Thành láu."

Tony e lệ trong tiếng Việt ngập ngợ:

"Cám ơn các anh chị. Tên 'cúng... cơm'

NGUYỄN CHÍ KHAM

PHỐ CŨ

suối chảy về con sông sương mù
buổi chiều ngây dại vắng mùa thu
khi cánh rừng thưa còn mộc bản
hẹn mai sau theo người ra đi

năm ấy cây xanh trồng phố cũ
chắp nối những ngày tôi đã quên
bây giờ bỗng chạnh niềm thân thiết
gửi một nụ cười nơi mắt em

sau đó thời gian thả cánh tay
mây đang về rải rác phương này
ai xa đứng một mình vô hạn
khi cuối đời xanh lỡ tháng ngày

một thoáng đã mờ trên mái tóc
bóng hình còn im lặng trong mưa
nghe xuống buổi chiều thêm chút nữa
ngày dài như vậy có em chưa

9-7-1996

của tôi là Thịnh. Tôi hân hạnh... hân hạnh được biết các anh chị, các bạn."

Lại ồn ào vỗ tay, huýt sáo. Thịnh bắt tay các bạn mới, nào Sơn, nào Dũng, nào Tuấn, nào Lực, nào Oanh, Lê, Nguyệt, Hồng Hạnh. Nhiều quá nhớ không hết. Hồng Hạnh chỉ gật đầu chào thay vì bắt tay. Hồng Hạnh có nụ cười tươi, nhí nhảnh trong chiếc áo dài màu hồng gạch.

Tony đã từng thấy mẹ, các chị bà con mặc áo dài trong các dịp Tết, nhưng nhìn Hồng Hạnh trong chiếc áo dài, Tony thấy là lạ, thật xinh. Tony khen:

"Lần đầu tiên tôi thấy cô gái Việt Nam mặc áo dài đẹp quá. Hồng Hạnh đẹp lắm."

Hồng Hạnh e thẹn, trả lời:

"Cảm ơn anh Thịnh. Chiếc áo dài này mẹ mới may cho trong dịp sinh nhật tháng trước, nên Hồng Hạnh muốn mặc để khoe trong dịp họp mặt hôm nay. Chưa ai khen cả, chỉ có anh Thịnh khen đó. Cám ơn anh."

Hân, trưởng ban tổ chức, bước lên bục gỗ, xin mọi người chú ý, anh có vài lời về cuộc họp mặt và kiểm điểm các thành quả từ khi có ý kiến thành lập nhóm sinh viên Việt Nam thân hữu từ hai năm qua. Thực sự các cuộc họp mặt hoàn toàn tự do, không theo một lịch trình định kỳ nào cả. Các đề tài nói chuyện và thảo luận cũng có tính cách thật thân mật, trao đổi những kinh nghiệm, suy tư của lớp người trẻ ở rải rác mọi nơi trên xứ Mỹ, trên thế giới nhưng tâm tư luôn luôn tìm về cội nguồn, quê hương, về nền văn hóa và lịch sử ngàn xưa của dân tộc Việt Nam.

Hân cho biết, một số anh chị em có ý kiến làm một tờ đặc san, có thể vào dịp hè, dịp Tết âm lịch. Đề tài tự do. Bài viết dài, ngắn tự do. Ngôn ngữ viết cũng thật tự do, miễn là diễn đạt, chuyên chở được mọi suy tư về các vấn đề con người, xã hội, cuộc sống. Bài viết có thể viết bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, ngôn ngữ nơi mình cư ngụ, vì bây giờ người Việt đã rải rác sống trên khắp nơi trên thế giới. Nhóm báo chí sẽ nghiên cứu chi tiết hơn và sẽ trình bày cũng như kêu gọi sự hợp tác, đóng góp bài vở và ủng hộ khi dự án thành hình. Chương trình văn nghệ, ca nhạc nho nhỏ để giúp vui hôm nay, có ban nhạc sinh viên với các giọng ca mới đưa bạn bè vào những tình ca, tình tự của dân tộc.

Tiếng vỗ tay và huýt sáo làm không khí phòng họp ồn ào trở lại. Một anh bạn trẻ có tên Viễn Du được giới thiệu lên hát bản 'Ghé Bến Sài Gòn" của nhạc sĩ Văn Phụng, trong tiếng nhạc vui nhộn, bập bùng. Mọi người tham dự, cùng vỗ tay và hát theo thật hào hứng.

Khi bản nhạc chấm dứt, mọi người la ó, huýt sáo trong tiếng la bis, bis vang dội. Viễn Du cầm máy viễn âm nói hóm hỉnh:

"Đây là lần đầu tiên tôi lên hát trước khán giả nhà trong bài hát tiếng Việt. Bài 'Ghé Bến Sài Gòn" vừa rồi tôi mới tập được. Tôi mong lần sau, tôi sẽ tập hát thêm các bài khác. Và tôi cũng còn biết, chương trình ca nhạc của chúng ta hôm nay còn nhiều tiếng hát đầy nghệ thuật và tài hoa khác. Tôi xin chân thành cám ơn bạn bè và xin gặp lại lần khác."

Tiếng nhạc hòa tấu của ban nhạc làm vang động không khí hội trường. Chương trình ca nhạc tiếp tục được giới thiệu tiếng hát mới, Hồng Hạnh, một giọng ca mới của trường Dược Khoa UCLA.

Thịnh che tay hỏi Thành:

"Cô bé Hồng Hạnh lúc nãy phải không? Tao đâu có ngờ cô ta là người tài hoa đến thế?"

Thành gục gật đầu:

"Tao đã bảo mày, tới đây là thấy vui rồi.

Trông mày có vẻ 'chịu' Hồng Hạnh thì phải?"

Trên sân khấu, Hồng Hạnh bắt đầu hát bản "Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng" thơ của Phạm Thiên Thư, nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc. Tiếng hát của Hồng Hạnh nhẹ như gió mùa xuân, ấm áp như làn khói bay trong một chiều thu và ngân dài như làn sóng chạy lăn tăn trên mặt nước. 'Rằng xưa có gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng nhớ nhau..."

Thịnh nhớ một lần, Thịnh có nói với mẹ, tiếng Việt líu lo, như chim hót trên cành cây đầu nhà vào một buổi sáng đẹp trời. Tiếng Việt chứa đựng đầy nhạc tính, nên khi nói chuyện với nhau cũng nghe như một bản nhạc hòa tấu. Mẹ cười và đùa, khi ba mẹ cãi nhau, con có nghe thi vị và đầy nhạc tính không? Thịnh cười khúc khích, nhìn mẹ, dạ có chứ mẹ, một bản nhạc hòa tấu cung bậc hơi cao và có nhiều tiếng phèng la, xập xõa đệm vào.

Tiếng hát Hồng Hạnh đôi khi lên cao như một cánh chim bay vào bầu trời xanh thẫm và trở lại điệp khúc 'thôi thì thôi..." Thịnh thấy mình như quên hẳn thực tại, như phiêu lãng ở một cõi mộng mơ nào đó. Có lẽ bên cạnh có Hồng Hạnh, có tà áo dài màu hồng đào bay phất phơ theo tóc xõa trong gió lộng, tiếng hát ru hồn về nơi không dung tục.

Hồng Hạnh vừa chấm dứt bản nhạc, tiếng vỗ tay vang dậy cả phòng họp. Bài hát hay, tiếng hát mới, không khí thân mật bạn bè đã ươm thêm tình thân hữu, mọi người như mở rộng cõi lòng để đón nhận bạn bè, đón nhận tiếng hát đưa về quê hương Việt Nam bên kia biển Thái Bình.

Hồng Hạnh bước đi trong bối rối. Trở vào hậu trường hay hát thêm một bản nhạc nữa như sự yêu cầu của mọi người. Hồng Hạnh nhìn cầu cứu anh nhạc trưởng, anh ta gục đầu bảo Hồng Hạnh hát thêm một bản nữa. Hồng Hạnh lưỡng lự và bước trở ra nói ngập ngừng:

"Xin cảm tạ các anh chị, các bạn. Hồng Hạnh xin hát thêm bản 'Ngày Xưa Hoàng Thị' cũng thơ Phạm Thiên Thư, cũng do nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc."

Tiếng vỗ tay tán thưởng trỗi lên rồi lặng yên. Không khí như có vẻ chờ đợi, như có vẻ lắng đọng để nghe thêm Phạm Duy đưa dòng nhạc vào cõi thơ lãng đãng ngày xa xưa ấy, của một thời cắp sách đến trường.

Trong âm hưởng điệu luân vũ chậm, tiếng hát Hồng Hạnh như nhí nhảnh, như ngập ngừng theo ý thơ của Phạm Thiên Thư trong cái không khí e ấp của nụ hoa hàm tiếu, chờ gió xuân mơn man đến, nhưng lại sợ bướm ong dập dìu.

NGỌC THỦY

VÀO ĐÔNG

Gió lạnh cùng mưa ngập lối về
Hồn đơn se sắt nỗi tái tê
Khung trời ai nhuộm mà sao tím
Tím cả ngày xưa buổi ước thề

Giá buốt sương mù đã chớm đông
Còn đâu nắng ấm sớm mai hồng
Nghe hàng cây khóc mà thương lá
Khổ lụy trần gian cũng mỏi mòn

Vũ trụ vần xoay lá úa vàng
Cành trơ thu cũ đón xuân sang
Chồi xanh hy vọng yêu đời mới
Giữa trái tim còn một cánh lan

Đông 96

Thịnh nhịp nhịp mấy ngón tay lên thành ghế theo điệu nhạc. Thịnh thấy bài hát này có vẻ dễ hiểu hơn bài trước. Mối tình học trò như giọt nắng ban mai làm tan những hạt sương lóng lánh bên chòm cây, vệ cỏ. Mối tình học trò thật nhẹ nhàng, lãng mạn, rồi tan theo bụi mờ vào dĩ vãng.

Khi tiếng hát Hồng Hạnh vừa dứt trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt của mọi người, không khí cuộc họp bạn lại lắng trầm xuống trong tiếng nhạc hòa tấu những bản nhạc êm dịu. Thành lững thững cầm lon nước ngọt đi lại chỗ Thịnh ngồi, cười hỏi:

"Mày có vẻ ngưỡng mộ tiếng hát Hồng Hạnh lắm phải không?"

Thịnh gật gù:

"Ừ, nhạc hay, người hát hay, không khí thân mật. Một buổi gặp gỡ tuyệt diệu. À này Thành, để tao chỉ mày vài điểm về bản nhạc 'Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng'.

Thành gật đầu. Thịnh nói:

"Hai bản nhạc đều hay cả. Hay cả ý, cả tình, cả cảnh. Với khả năng tiếng Việt của tao, tao hiểu bản nhạc 'Ngày Xưa Hoàng Thị' hơn. Nhưng với khả năng thưởng thức nhạc, tao thích bản 'Đưa Em tìm Động Hoa Vàng.' Nó có một vẻ gì đó, là lạ, khi ẩn khi hiện, thật khó diễn tả bằng lời, thật khó hiểu, nhưng với một cảm thức bén nhạy mình cảm thấy như hòa đồng với cái không khí ẩn hiện đó."

Thành nhún vai:

"Ừ, thì trên phương diện nghệ thuật, cái gì mình thích, cái gì đánh đúng vào cảm quan của mình thì mình cho là hay, mình nâng niu, trân quí. Thế thôi. Còn việc hiểu hay không hiểu, không làm giảm sút lấm sự thưởng ngoạn. Dĩ nhiên, nếu mình hiểu tường tận hơn, sự thưởng ngoạn sẽ thú vị hơn, sẽ hoàn hảo hơn, nhưng lại không để lại một cảm giác luyến lưu, thắc mắc."

Thịnh tiếp:

"Thì tao vẫn biết, âm nhạc là nghệ thuật của âm thanh, là tiếng nói chung, phi thời gian, phi không gian của con người trên thế gian này. Tao vẫn còn một vài thắc mắc, ví dụ, gã từ quan là ai? Tại sao 'lên non tìm động hoa vàng... ngủ say'?"

Thành lắc đầu:

"Thực sự tao cũng như mày, có biết gì lấm về văn chương Việt Nam đâu. Thôi chờ chốc nữa, hỏi người hát bản nhạc đó, may ra cô ta trả lời được những 'ấm ức' của mày."

Nói xong Thành bỏ đi. Một lúc khá lâu, Thành và Hồng Hạnh đi lại chỗ Thịnh ngồi. Thành chỉ Thịnh cười nói:

"Hồng Hạnh giải thích dùm những 'ấm ức' cho 'gã từ quan' này dùm tôi."

Thịnh và Hồng Hạnh cười vang về điều khôi hài của Thành. Hồng Hạnh nói:

"Thực sự nhân vật trong bài thơ trên có tên là Từ Thức, một huyền thoại trong nền văn chương Việt Nam. Ông Từ Thức từ chức quan để đi chu du vào những vùng rừng núi thiên nhiên, đi tìm cái đẹp của đất trời. Một ngày kia ông lạc vào một cánh rừng có nhiều hang động (động hoa vàng của nhà thơ Phạm Thiên Thư) và gặp các nàng tiên nữ. Ông ở lại cảnh tiên, bên cạnh các tiên nữ xinh đẹp đó. Sau một thời gian vui thú ở tiên cảnh, ông lại nhớ quê nhà, nhớ nơi trần thế có nhiều tục lục, hạnh phúc trộn lẫn khổ đau. Ông đòi về. Các nàng tiên một mực bắt ông ở lại. Nhưng nỗi nhớ quê nhà, nỗi nhớ trần thế của ông càng ngày càng thúc dục ông rời cảnh tiên để trở về lại mái nhà xưa. Khi ông đặt chân trở lại trần thế, cảnh vật, thời gian đã hoàn toàn thay đổi hẳn, ông trở nên kẻ xa lạ với mọi người, với quê hương của mình trước đây."

Thịnh chăm chú nghe say sưa, gật đầu thích thú:

"Thích quá nhỉ. Văn chương Việt Nam sao có những câu chuyện đầy sáng tạo, mộng mơ quá nhỉ. Nhưng khi tôi nghe Hồng Hạnh hát, bài hát đâu có theo bố cục câu chuyện như vậy. Có một vẻ gì đó thoát tục, xa trần thế, nhập vào cõi từ bi của con người chân thật."

Hồng Hạnh cười:

"Như vậy anh Thịnh hiểu bài thơ đó rồi. Hoặc nói đúng hơn, khi anh thấy thích bài thơ đó qua dòng nhạc trữ tình của nhạc sĩ Phạm Duy, anh cảm nhận bằng trực quan có cái gì đó. Điều này anh cũng giống Hồng Hạnh, lúc đầu khi nghe và tập hát bài này, Hồng Hạnh thích nhưng chẳng hiểu gì cả. Một hôm Hồng Hạnh nghe ba và các bạn của ông nói về bài thơ trên, Hồng Hạnh mới được biết, ông Phạm Thiên Thư khi làm bài thơ này, ông còn trẻ lắm, hình như chưa quá 24, 25 tuổi. Sau này ông trở thành một nhà sư. Ba và các bạn của ông bảo, bài thơ chứa đựng triết học của Tam giáo đồng nguyên Nho, Thích, Lão. Các ông cũng tranh luận với nhau về ba chữ 'gã từ quan." Có hai phe. Một phe cho rằng "gã từ quan" là một vị quan họ Từ. Phe kia cho rằng "gã từ quan" là gã Từ Thức từ chức quan để vui thú ngao du sơn thủy, lên động hoa vàng... gặp tiên."

Thành chen vào:

"Tiếng Việt sao rắc rối quá vậy. Tôi vẫn thích như Thịnh, gã từ quan là vị quan tên Từ nên tôi mới đặt cho nó cái biệt danh 'gã Từ quan' cho nó đẹp."

Thịnh cười:

"Hồng Hạnh mới nói, ba Hồng Hạnh và các bạn ông cho rằng bài thơ chứa đựng triết học của ba nguồn văn hóa lớn Nho, Thích, Lão. Thật sự điều này tôi chẳng hiểu gì cả. Hồng Hạnh có thể 'giảng' rõ hơn được không?"

Hồng Hạnh cười, lắc đầu:

"Hồng Hạnh đâu có nói Hồng Hạnh hiểu. Hồng Hạnh cũng như anh, như các bạn khác, xa Việt Nam và không có một căn bản nào về nền văn chương Việt Nam. Hồng Hạnh rời Việt Nam khi mới 15 tuổi, cho nên bây giờ cũng mù tịt về Việt Nam như các anh. Hồng Hạnh đề nghị như thế này nhé. Ba Hồng Hạnh là người ngưỡng mộ thơ Phạm Thiên Thư, ông có thể giải thích các thắc mắc của anh Thịnh. Hồng Hạnh mời anh Thịnh, anh Thành đến nhà Hồng Hạnh vào dịp cuối tuần, tuần sau nhé? Hồng Hạnh sẽ nói với ba để ba tiếp và nói chuyện với các anh. Hồng Hạnh cũng tham dự để học hỏi với."

Thành vỗ tay:

"Thế thì nhất rồi. Tôi nói 'nhất rồi' cho gã Từ quan này."

Thành cười chỉ Thịnh. Thịnh gật đầu:

"Cám ơn Hồng Hạnh. Tôi sẽ đến."

Buổi họp mặt chấm dứt. Mọi người lục tục, ồn ào chào nhau, hẹn gặp lại nhau trong một dịp khác. Hồng Hạnh viết vội cho Thịnh địa chỉ và số điện thoại. Thịnh móc bóp đưa cho Hồng Hạnh tấm danh thiếp của anh. Thịnh nói:

"Tôi sẽ gọi điện thoại cho Hồng Hạnh. Cảm ơn Hồng Hạnh rất nhiều."

Thịnh bước ra, đi theo Thành đã ra mở cửa xe. Thịnh nhìn đồng hồ, gần 11 giờ đêm. Thịnh nghĩ giờ này có lẽ trễ quá để gọi điện thoại cho mẹ, báo tin cho mẹ, rằng Thịnh đã tìm thấy động hoa vàng.●

Tulsa chớm thu 92

NHỮNG NGÀY CUỐI NĂM

LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Những ngày cuối năm luôn luôn là những ngày bận rộn. Đối với người Việt ở Mỹ, còn bận gấp bội, vì người Việt ăn Tết hai lần: Tết Tây và Tết Ta. Có lẽ vì thế mà tháng qua TK chỉ có hân hạnh đón tiếp một ít khách phương xa.

Nữ họa sĩ **Trương Thị Thịnh** đã lâu không triển lãm, nhưng bà vẫn vẽ tại nơi bà đang sinh sống: Bắc Cali. Đến thăm TK 21, nữ họa sĩ Trương Thị Thịnh cho biết sinh hoạt nghệ thuật tạo hình ở Nam Cali lúc nào cũng sôi nổi hơn các nơi khác. Bà cũng hy vọng có dịp thuận tiện sẽ đem tranh xuống trưng bày tại đây. Tranh của Trương Thị Thịnh có đặc điểm là đường nét mạnh bạo, khiến người thưởng ngoạn khó lòng nghĩ rằng tác giả là một nữ họa sĩ.

Trương Thị Thịnh

Trần Thu Hòa là một kỹ sư trẻ, ngành điện toán, nhưng lại say mê công tác văn hóa và cộng đồng. Từ Minnesota đến quận Cam nhân một chuyến công tác, anh ghé thăm tòa soạn TK, và đài VNCR. Dịp này, anh Hòa đề nghị VNCR cho phép anh và nhóm bạn của anh ở Minnesota trích các chương trình phát thanh VNCR trên Internet để phát lại cho cộng đồng người Việt ở Minnesota được nghe. Anh cho biết, ở Minnesota, với phương tiện điện toán có sẵn trong tay, anh và nhóm bạn trẻ vùng Vạn Hồ vẫn đọc TK 21 và nghe VNCR trên 'lưới.'' Đài VNCR đã đồng ý để nhóm của anh Hòa trích các chương trình phát thanh để dùng cho các chương trình truyền hình cable tại địa phương.

Hương Thơ

Hương Thơ đến thăm TK 21, và cũng nhân dịp trả lời một cuộc phỏng vấn thu thanh của đài VNCR do Hoàng Trọng Thụy thực hiện. Hương Thơ bắt đầu hát từ năm 1985, đã thâu băng và video của các trung tâm Asia, Mây, Thúy Nga và Hải Âu. Hiện là chủ nhân một nhà hàng, nhưng Hương Thơ vẫn tham gia các buổi trình diễn, và đôi khi đi lưu diễn xa. Hương Thơ vừa phát hành một CD mang tên ''Khi Anh Thoáng Qua Đời Em.'' Nói với TK 21, Hương Thơ cho biết: ''...Càng về sau càng thấy mình cần sống thực với mình hơn. Sân khấu có những hào nhoáng riêng mà không có đời sống thực ở đó.''

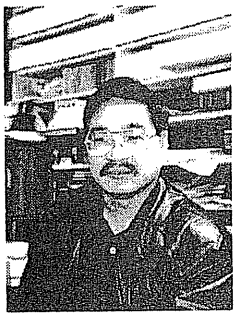

Trần Thu Hòa

Trịnh Cung là một trong số những người sáng lập và điều hành Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam ở Saigon những năm 1960. Ông đã bị cộng sản bỏ tù gần ba năm, nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để ra đi như một HO, ông tiếp tục vẽ ở Saigon. Vừa qua, ông được đại học San Francisco mời sang nói chuyện về hội họa. Nhân đó, ông xuống Nam Cali thăm bạn bè, và mong tìm được hứng khởi để vẽ một loạt tranh mới. Năm 1995, ông cũng đã được một tổ chức văn hóa ở Pháp mời sang Pháp. Ông cho TK biết, những chuyến đi ra ngoài giúp ông tìm hiểu nghệ thuật tạo hình thế giới, nhất là những trào lưu mới. Cứ mỗi lần đi ông lại tìm được hứng khởi và đề tài mới. Ông hy vọng trước khi rời Mỹ trở lại Việt Nam, nơi ông còn vợ và hai con sinh sống, ông có thể tổ chức được một cuộc triển lãm nhỏ những tranh ông vẽ ở Mỹ.•

Trịnh Cung

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

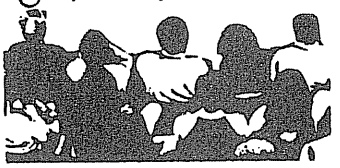

LÊ TAM CA

NAM CALIFORNIA

Nhiếp ảnh gia Việt Nam chiếm nhiều giải quốc tế

Nữ nhiếp ảnh gia Việt Nam Tôn Nữ Thu Nga, hội viên Hội Anh Nghệ Thuật Việt Nam Hải Ngoại, cư ngụ tại San Dimas, California, đã chiếm huy chương vàng PSA trong cuộc thi ảnh quốc tế lần thứ 46, từ 17 tháng Mười đến mùng 3 tháng Mười Một 1996.

Cuộc thi ảnh này có sự tham dự của nhiếp ảnh gia từ 16 quốc gia, và Tôn Nữ Thu Nga đoạt huy chương vàng với tác phẩm "Hải Đăng Chim Bồ Câu," khổ lớn, chụp tại đài hải đăng Santa Cruz, California.

Trong loại ảnh khổ nhỏ, nhiếp ảnh gia Mai Trần, cư ngụ tại Tacoma, tiểu bang Washington, đoạt huy chương vàng PSA.

Ngoài ra, nhiếp ảnh gia Hoàng Sĩ Vinh được hai bằng tưởng lệ danh dự.

Riêng về Tôn Nữ Thu Nga, người ta còn biết cô còn theo đuổi hội họa và điêu khắc. Phu quân của cô, Trần Tuấn, cũng là một nhiếp ảnh gia từng đoạt giải "Bức Ảnh Trong Năm" của Hội Ảnh Nam California năm 1995, với tác phẩm "The Proud Pelican," và huy chương bạc năm 1996 với tác phẩm "Cô Tôi."

SAN JOSE

Triển lãm tranh Nguyên Khai và Khánh Trường

Ngày mùng 8 tháng Mười Hai, tại Vina Art Gallery, trên đường Santa Clara, cuộc triển lãm tranh của hai họa sĩ đến từ miền Nam Cali, Nguyên Khai và Khánh Trường, khai mạc.

Phần tranh của Nguyên Khai mang chủ đề *Con Người và Computer*, được thực hiện bằng chất liệu hỗn hợp, là những vật dụng phế thải trong máy computer (phần lớn là những con *chip*), cùng với sắt, kẽm, gỗ, thảm lót nhà, bao gạo, bố, sơn dầu, acrylic.

Bằng một trái tim nhạy cảm, Nguyên Khai đã biến những vật liệu thô cứng vừa nêu thành những không gian mới, với *gam* màu dứt khoát, mạnh bạo nhưng vẫn thấp thoáng chất thơ. Đó là những không gian có thể gợi mở, dẫn đưa khách xem tranh đến mọi bến bờ kỳ thú bất ngờ.

Phần tranh của Khánh Trường mang chủ đề *Ngày... Tháng...*, tất cả được thực hiện với khuynh hướng "vô hình thể." Khánh Trường cho rằng chức năng của hội họa là tìm kiếm và phô diễn cái đẹp. Trong quá trình làm việc, cái đã thành tựu khi không mảy may liên hệ với cái đã ấp ủ trong đầu. Yếu tố may rủi và hoạt động của tiềm thức bao giờ cũng chiếm vị trí cực quan trọng. Cũng có nghĩa, sự bất ngờ luôn luôn là yếu tố sinh tử. Vì vậy đặt tên cho một bức tranh thường vẫn là việc làm khiên cưỡng, do đó ông chỉ ghi *ngày tháng năm* hoàn tất.

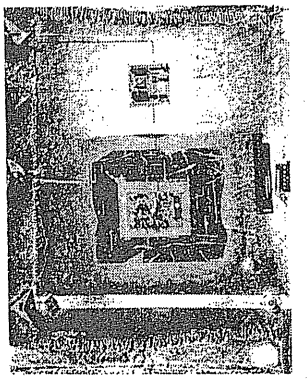

Tranh Nguyên Khai

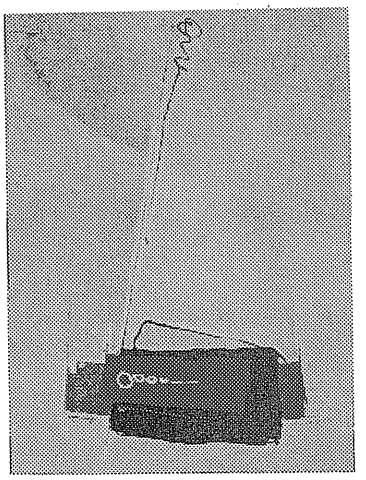

Tranh Khánh Trường

QUẬN CAM

Họa sĩ thiếu niên Phan Dân Sinh biểu diễn tại VAALA

Họa sĩ Phan Dân Sinh, 13 tuổi, người gốc Việt sinh ở Đài Loan, đáp lời mời của cộng đồng người Đài Loan ở Los Angeles, và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ở quận Cam, đã tới Mỹ hôm mùng 5 tháng Mười Hai, và triển lãm tranh cùng vẽ biểu diễn tại chỗ tại VAALA trong ba ngày liền (từ thứ Hai 9 đến thứ Tư 11).

Nhìn những họa phẩm vẽ theo lối thủy mặc của Trung Hoa, nhất là những bức vẽ tùng, trúc, và cả những dòng chữ lạc khoản

(chữ đề ở góc một bức tranh), không ai nghĩ rằng tác giả là một cậu bé 13 tuổi. Quả thật, Phan Dân Sinh, sinh năm 1983 ở Đài Loan, mang 75 phần trăm dòng máu Việt. Mẹ cậu là bà Trần thị Bích Hà, người vùng đồng bằng sông Cửu Long, và cha cậu, ông Phan Quốc Lai, người Việt gốc Hoa ở Saigon.

Nét bút xương kính, đề tài cổ điển, những bức tranh Phan Dân Sinh chọn in trong một tuyển tập cho người xem cảm tưởng đang thưởng lãm những bức tranh Tàu của một cụ già, hay ít ra của một người đã đứng tuổi.

Giáo sư hội họa Hư Kinh Diệp, người dạy Sinh vẽ, đã viết trong lời giới thiệu rằng: "Sinh sinh ra đã có tài lớn. Em học vẽ từ năm lớp Năm. Chỉ trong vòng 18 tháng, Sinh đã nắm vững kỹ thuật căn bản. Với bản chất hồn nhiên và sự trong sáng của tuổi trẻ, Sinh tự tạo cho mình một bút pháp, khiến cho giới hội họa phải kinh ngạc."

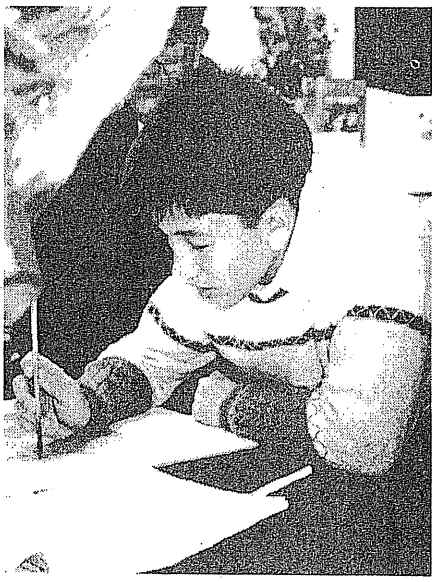

Phan Dân Sinh biểu diễn vẽ tại Hội VAALA

Trước những đường nét mạnh mẽ trong tranh Phan Dân Sinh, người ta không mấy ngạc nhiên khi biết rằng Sinh còn là một cao thủ võ lâm, với đai đen môn không thủ đạo, đoạt nhiều huy chương quốc tế. Thày dạy võ của Sinh, võ sư Từ Đường Thành, viết trong lời tựa tuyển tập tranh của Sinh như sau: 'Tôi rất hài lòng là Sinh đã nghe lời tôi luyện võ không thủ đạo. Phối hợp tài vẽ và võ thuật, Sinh đã phát triển được một phong cách độc đáo, vừa nhẹ nhàng, uyển chuyển, vừa khuôn phép, đúng luật tắc."

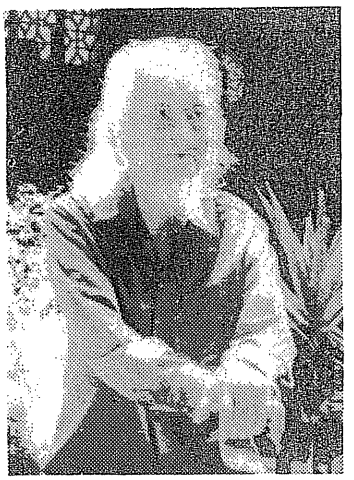

Học giả Vương Hồng Sển

VIỆT NAM

Học giả Vương Hồng Sển qua đời

Học giả Vương Hồng Sển vừa qua đời lúc 8 giờ 35 sáng ngày 9 tháng Mười Hai 1996 tại nhà riêng của ông ở Gia Định, thọ 94 tuổi.

Linh cữu của ông được đưa về quê quán ông là tỉnh Sóc Trăng để an táng cạnh mộ của song thân ông, theo như ý muốn của ông lúc sinh tiền.

Ông Vương Hồng Sển là một nhà khảo cổ, một người chơi cổ ngoạn, thời Việt Nam Cộng Hòa đã từng làm giám đốc Viện Bảo tàng tại Sài Gòn, đã giảng dạy tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn và Huế, là tác giả các cuốn sách nhiều người biết đến như *Sài Gòn Năm Xưa, Thú Chơi Sách, Thú Chơi Cổ Ngoạn* v.v... cùng nhiều cuốn khảo về đồ cổ. Gần đây, vào năm 1995, một cuốn sách mới viết của ông đã được xuất bản ở hải ngoại, đó là cuốn *Hơn Nửa Đời Hư*. Nhưng đó chưa phải là cuốn cuối cùng, cuốn mới nhất của ông nhan đề 'Nửa Đời Còn Lại" hiện đang được nhà xuất bản Văn Nghệ ở California ấn loát sẽ được phát hành trong thời gian sắp tới.

Là một người say mê môn chơi cổ ngoạn từ khi còn trẻ, những bộ sưu tập đồ cổ của Vương Hồng Sển là cả một bảo tàng quý giá. Có một thời gian phải vô nằm bệnh viện Nguyễn Trãi vì bị liệt cả hai chân, ông đã làm đơn hiến toàn bộ tài sản gồm đồ cổ, sách báo quý cho nhà cầm quyền. Họ đã đến kiểm kê và niêm phong, nhưng khi ở bệnh viện về thì ông đòi lại nhà, gỡ bỏ niêm phong. Thời gian này bạn bè thường lui tới thăm ông, Nhưng sau đó nhà cầm quyền lại thành lập Ủy ban tiếp quản tài sản hiến của ông, và công an bắt đầu canh gác nhà ông, sự lui tới khó khăn. Người con trai duy nhất của ông lại đang ở trong vòng lao lý, nên không có ai săn sóc ông trong những ngày cuối. Tang lễ được tổ chức tại nhà dưới chứ không được tổ chức tại phòng lớn của nhà trên, tức Vân Đường Phủ, như ông gọi chỗ ở của mình lúc sinh tiền.

Ông Vương Hồng Sển chỉ có một con trai là Vương Hồng Bảo mà ông có với người vợ sau cùng là cố nghệ sĩ sân khấu Bà Năm Sa Đéc. Trong đám tang của ông người ta nhận thấy có người em trai của ông tuổi đã ngoài tám mươi, một số người thân trong giới văn nghệ cũ như ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhà sách Khai Trí, các ông Nguyễn Minh Hoàng, Lê Ngộ Châu, Nguyễn Thắng, nhà thơ

Hoàng Hương Trang v.v...

Trong suốt cuộc đời dài của ông, ông Vương Hồng Sển đã đóng vai trò một nhà văn hóa khi ông say mê sưu tầm và nghiên cứu về đồ cổ, viết sách làm sống lại giá trị những gì đã qua, và truyền đạt cho các thế hệ sau mình những gì hay đẹp của quá khứ dân tộc qua môn Văn minh Việt Nam mà ông giảng dạy.

PARIS

Ra mắt sách Thái Tuấn

Chiều Chủ Nhật 15 tháng Mười Hai, trên đường Boileau, quận 16, hội trường số 43 xôn xao tiếng cười, tiếng nói của hơn 200 khách đến góp vui với "người họa sĩ Orléans" — Thái Tuấn.

Sau hai cuộc triển lãm, ở Washington DC tháng Chín, và ở quận Cam tháng Mười, 30 bức tranh trong loạt mới nhất có tên "Nguồn Cội" của Thái Tuấn đã bán hết, nên hôm nay ông chỉ bày vài ba bức "không bán," nhân dịp ra mắt cuốn sách "Tuyển Tập Tranh và Tiểu Luận" do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ấn hành.

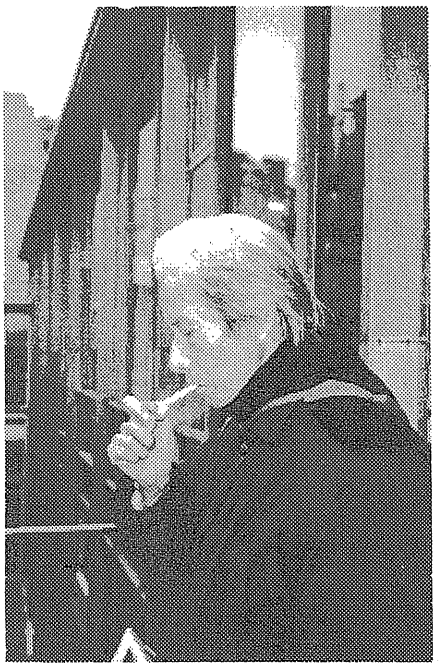

Thái Tuấn ở Paris 12/96 (*ảnh Lê Tam Ca*)

Câu Lạc Bộ Bưởi - Chu Văn An và Thân Hữu Paris đã đứng ra tổ chức buổi sinh hoạt này với sự đóng góp của nhiều nghệ sĩ Việt, Pháp, Miên và Nhật.

Nhà thơ Phạm Xuân Tích, tác giả tập kịch thơ "Hoa Vàng Cũ," điều khiển chương trình phần nghi thức, với các phát biểu của ông Võ Thế Hào, chủ tịch CLB B-CVA, ông Lê Đình Điểu, chủ tịch Hội VAALA, họa sĩ Lê Tài Điển và họa sĩ Thái Tuấn.

Họa sĩ Lê Tài Điển ví Thái Tuấn như con chim đậu trên cây xương rồng mà vẫn hót được — như người nghệ sĩ lưu vong vẫn sáng tác để phục vụ nghệ thuật và con người.

Bà Như Hoa giới thiệu chương trình văn nghệ, với các giọng hát của Phương Thủy, Quỳnh Tư, Thục Hiền, Lê Hoài Anh và giọng ngâm thơ của Bích Xuân.

Phần cuối của buổi sinh hoạt diễn ra ở một phòng khác, dành cho tiệc trà và tiếp xúc thân mật với họa sĩ. Thái Tuấn nói rằng ông cảm động không vì mọi người đến để mua sách của ông, mà vì ông có dịp gặp gỡ bạn bè, và cũng là dịp để mọi người gặp gỡ nhau.

QUẬN CAM

Băng truyện "Trại Kiên Giam" ra mắt

"Trại Kiên Giam" là một cuốn sách ghi chép chuyện những năm tháng tù đày của tác giả Nguyễn Chí Thiệp. Xuất thân từ trường Quốc Gia Hành Chánh, tác giả làm việc trong chính quyền miền Nam Việt Nam, nên khi cộng sản chiếm miền Nam, ông bị tù hàng chục năm, và bị "kiên giam," tức là loại tù hắc ám nhất.

Sau hai năm viết xong bộ hồi ký tại Texas, mặc dù có người bạn nói rằng loại sách này nhiều người đã viết rồi, Nguyễn chí Thiệp vẫn cho xuất bản, và được đón nhận nồng nhiệt. Nay ông cho đọc truyện vào băng cát-xét, và ra mắt đồng bào quận Cam.

Nguyễn Chí Thiệp nhận định: "Đọc sách cộng sản không bằng ở với cộng sản, ở với cộng sản không bằng ở tù cộng sản, nhưng ở tù dưới tầng địa ngục mới thấm thía cộng sản, tầng địa ngục đó là Trại Kiên Giam." Tác giả kết luận: "Chống cộng là hành động đúng đắn nhất, dù ngày nay chúng ta thua trận."

QUẬN CAM

Nhà thơ Hoàng Duy ra mắt thi tập

Nhà thơ Hoàng Duy, đã có thơ đăng trên các tạp chí văn học, lần đầu tiên ra mắt hai tập thơ là "Như Bóng Mây Bay," và "Bát Ngát Hương Đời." Buổi sinh hoạt ra mắt diễn ra tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, chiều thứ Sáu 13 tháng Mười Hai, do Hội Ái Hữu Cựu Giáo chức Việt Nam Hải Ngoại và Thi Văn Đoàn Hương Việt bảo trợ.

Do Nguyễn Đình Cường điều khiển chương trình, buổi sinh hoạt bắt đầu với giáo sư Nguyễn An Phong giới thiệu tác giả Hoàng Duy, tức giáo sư văn chương Lê Văn Ba. Sau đó, giáo sư Lưu Trung Khảo nhận xét về tác phẩm, và giáo sư Nguyễn Sỹ Tế phân tích từng bài thơ.

Phần văn nghệ phụ diễn có sự đóng góp của nhiều văn nghệ sĩ như Bích Thuận, Hồ Liễu, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, v.v...

Ban tổ chức buổi sinh hoạt cho biết số tiền bán sách trong dịp này đều tặng vào quỹ của hai hội đoàn bảo trợ buổi ra mắt sách.•

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Lời Của Quá Khứ

tập truyện của **Khế Iêm**, Văn Mới xuất bản, bìa của Thái Tuấn, phụ bản do Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường, 120 trang, giá US$7.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Tập truyện của Khế Iêm sẽ đem lại một nét lạ trong làng truyện ngắn hải ngoại hiện nay. Bây giờ không thấy ai viết kiểu như thế. Sách có chín truyện, truyện đầu (Ánh Trăng) được ghi viết tại Sài Gòn năm 1973, và truyện cuối (Thời Của Những Kẻ Bị Ma Nhập) viết tại Pulau Bidong 1988. Nội dung các truyện chứa đựng trong quãng thời gian ấy, thời gian người Việt Nam ở miền Nam chịu đựng nhiều nỗi đau khổ, của chiến tranh, của thua trận, của vượt biển... Nhưng truyện của Khế Iêm ít khi bày ra cảnh đời cụ thể, tất cả chỉ được trình bày như một cảm thức, không giống như đời thực, chẳng khác nào vật thể được nhìn qua sự khúc xạ của nước hoặc không khí. Chính hiện tượng khúc xạ ấy — và môi trường khúc xạ ở đây là tâm hồn và cái nhìn của nhà văn — đã biến truyện Khế Yêm nhiều khi thành những tùy bút, hoặc những đoạn thơ văn xuôi. Có những đoạn tuyệt hay. Chính những đoạn ấy nói lên được những gì tác giả cần nói hơn là toàn thể 'truyện,'' thường chỉ là một khối xúc cảm được diễn đạt bằng ngôn từ và hình ảnh rất trừu tượng. Ngôn từ là cái đáng kể ở đây, chúng đã đóng tối đa vai trò của chúng để tạo nên hình tượng, ấn tượng, mang rất nhiều tính chất tượng trưng. Cả nhân vật, những *chàng*, những *nàng* cũng chỉ là tượng trưng, *impersonnel*, và ngôn ngữ đối thoại của họ lại càng như thế, những câu cô đặc không có trong đời thực.

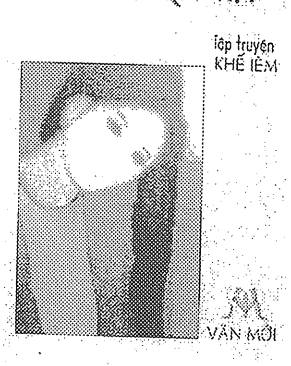

Bút pháp ấy rất riêng biệt của Khế Iêm. Nhưng tình trạng nhân vật phi nhân vật, cảnh trí phi không gian của những truyện đầu càng về sau càng bớt đi, cụ thể như truyện Thời Của Những Kẻ Bị Ma Nhập thì người đọc tạm đi ra khỏi sự mơ hồ để nhận ra khung cảnh của một trại tị nạn trên đảo với những nhân vật vượt biên trong đó. Nhưng tác giả vẫn tiếp tục cái sở trường của mình để tạo ra 'bầu khí quyển cảm thức'' mà mình mong muốn: đó là sức mạnh của cách sử dụng ngôn ngữ.

Hát Ru Ba Miền

sưu tầm và sáng tác của **Lệ Vân**, tác giả xuất bản, 240 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Lệ Vân, 223 Britanica Rd, Ottawa, Ontario, Canada K2B 5X1. Tel: (613) 596-8181.

Đối với một con người bình thường, tiếng mẹ ru từ thuở nằm nôi là một trong những yếu tố cơ bản và lành mạnh tốt đẹp nhất để giúp xây dựng đời sống tinh thần và tình cảm của người ấy cho suốt cuộc đời. Cùng với bú mớm, ẳm bồng, nâng niu, tiếng ru là một cách truyền dưỡng chất văn hóa đầu tiên để cho sinh vật non yếu từ khi mới chào đời nhận được sức mạnh để khởi sự một cuộc sống trần thế. Dân Việt Nam cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, có một vốn liếng những bài hát ru và những điệu hát ra tích lũy từ nhiều đời và vẫn tiếp tục phong phú thêm theo với đời sống của từng thời đại. Và điều quan trọng hơn cả là những em bé Việt Nam ra đời vẫn được tiếp tục đón nhận nguồn dưỡng chất văn hóa ấy để làm thành sự sống và nhân cách của mình.

Nhưng những em bé Việt Nam ra đời ở hải ngoại thì sao? Các bà mẹ trẻ bây giờ có biết hát ru không, có còn quan niệm hát ru là một yếu tố quan trọng cho sự sống của đứa con mình không? Cách đây vài năm, nhà báo Ngô Đình Vận có đi làm một cuộc điều tra về việc này trong các cộng đồng Việt Nam tại Mỹ (bài đăng trên Thế Kỷ 21), kết quả cho thấy rằng việc hát ru đang bị mai một đi nhiều, chỉ gia đình nào còn người lớn tuổi (thế hệ ông bà) thì mới còn giữ được chút ít. Trong tình hình ấy,

cuốn **Hát Ru Ba Miền** của Lệ Vân ra đời như một nhắc nhở và một đề nghị tích cực. Tác giả đã bỏ công sưu tầm những câu hát ru của khắp các miền đất nước, phân loại, như những câu trẻ con thường hát, những câu liên quan đến nghề nông, câu hát đố, câu của chị ru em, của mẹ ru con v.v... Ngoài phần sưu tầm, có phần các bài mới sáng tác theo các làn điệu Trung Nam Bắc của các tác giả Lệ Vân, Diên Chi và Ngọc Sương. Một đặc tính chung của những câu hát ru trong tập này, dù cũ hay mới, là rất êm đềm, từ nội dung tình cảm đến hình thức thể hiện, dù mức độ mộc mạc hay óng chuốt có khác nhau. Ru thì phải êm, vì mục đích của nó là giấc ngủ, nhưng tình cảm thiết tha trìu mến là cái rất cần cho đứa trẻ còn non nớt. Cuốn sách là một tài liệu rất quý cho các gia đình Việt Nam ở hải ngoại, và có lẽ cả trong nước nữa, vì, như tác giả viết, *Qua lời ru, người mẹ ngày nay gặp người mẹ ngày xưa; đứa bé ngày nay cùng chung hưởng với đứa bé thời xưa; văn hóa giao lưu từ đời trước truyền đến đời sau. Những lời hay tiếng đẹp được chọn lọc dần, theo với thời gian, và được quý báu giữ gìn, qua bao nhiêu thế kỷ vẫn còn tồn tại.*

Ca Dao Đố Vui Học Tiếng Việt

sách dạy tiếng Việt của **Đỗ Quang Vinh**, Đa Hoa Gia xuất bản 1996, 224 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Lan Do, 51 Warwick Castle Court, Scarborough, Ontorio, M1B-3E5 Canada. Tel: (416) 287-0456.

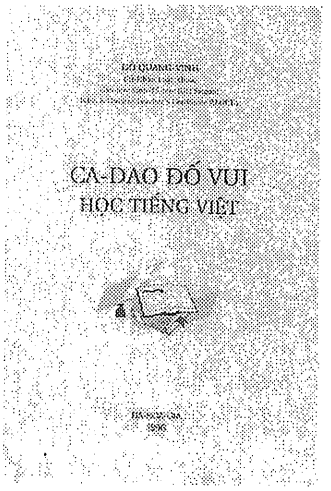

Đọc cuốn sách, mới thấy công khó và lòng thiết tha của tác giả đối với việc dạy tiếng Việt ở hải ngoại. Là một nhà giáo, tác giả, qua kinh nghiệm giảng dạy của mình, đã nghĩ ra những phương pháp mới mẻ linh động để việc dạy tiếng Việt được hấp dẫn và hữu hiệu. Một trong các phương pháp ấy là câu đố vui, bằng văn vần, được ứng dụng vào hình thức ô chữ, có mục đích học ráp vần, ngữ vựng, tìm các từ chuẩn xác và đặt câu, giảng văn tả cảnh, tập triển khai ý tưởng v.v... Ví dụ muốn đố chữ "sớm" trong ô chữ, tác giả viết:

Hẹn nhau đến lúc bảy giờ
Năm giờ đã tới gọi là làm sao?

Từ điều cụ thể đến những ý tưởng trừu tượng, tác giả đã đặt hơn 900 câu đố (một câu đố gồm ít nhất hai câu lục bát, có thể dài đến sáu hoặc tám câu), và còn phải tạo nên ô chữ cho từng bài, rất là công phu. Có những câu dễ tìm thấy lời giải, có những câu khá khó, hoặc tối nghĩa, nhưng cuối sách đã có phần giải đáp. Câu đố là một phương pháp hay để giúp trí nhớ, vì khi người học phải động não để tìm giải đáp thì sẽ nhớ lâu. Hy vọng học viên tiếng Việt sẽ tìm thấy sự thích thú và đạt được kết quả tốt với cuốn sách này.

Một Thoáng Hương Xưa

thơ của **Dư Thị Diễm Buồn**, Bảo Linh xuất bản 1996, tranh bìa của Hồ Thành Đức, phụ bản của Bé Ký, Hồ Ý, Nguyễn Hữu Nhật, tựa của Nguyễn Thị Vinh, bạt của Hồ Trường An; 92 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Dư Thị Diễm Buồn, 1250 Army Trail Rd, Addison, Ill 60101. Tel: (630) 628-8167.

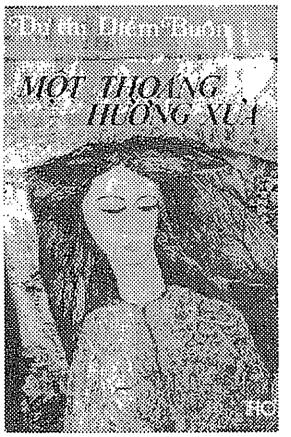

Hồ Trường An có biệt cảm với thơ Dư Thị Diễm Buồn vì thơ của cô mang nhiều màu sắc của phần đất mà ông gọi là Quê Nam, tức "miệt vườn" lục tỉnh mà ông vô cùng yêu mến. Ông cho là thơ Diễm Buồn giữ cái "bản sắc đôn hậu, chân tình, hồn nhiên; mộc mạc như khóm lúa, khóm bắp, vồng khoai ở vùng Tiền Giang và Hậu Giang có vẻ đẹp tươi mươn mướt khỏe mạnh." Quả thật thơ trong Một Thoáng Hương Xưa không buồn như người ta tưởng khi đọc tên tác giả, *người phụ nữ lấy nỗi Buồn làm bút hiệu*, như Nguyễn Thị Vinh nói. Tác giả nhớ rất nhiều mảnh quê hương nay mình đã xa, nhưng nỗi nhớ rất trong sáng, đôi khi mạnh mẽ. Ngay những bài mang tên buồn (Hạ Buồn), hay khóc (Tôi Đã Khóc) cũng không làm người đọc thấy lòng rũ ra vì lây cái tình cảm của tác giả. Lý do vì tình của cô không sướt mướt, mà rất chân thật, hồn nhiên, khỏe mạnh như đặc tính vùng đất quê cô. Rõ ràng là dù muốn cái buồn vận vào mình đến độ lấy nó mà đặt tên, nhưng thơ của cô lại không tuân theo ý muốn ấy, nó chỉ cho phép cô buồn *một thoáng* thôi, còn thì có khuynh hướng đi theo mặt tích cực của lòng người và cuộc sống.

Mưa Nắng Sân Trường

thơ **Trần Thu Miên**, Tủ Sách Gia Đình xuất bản, bìa và phụ bản của Nguyên Long,

100 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Tủ Sách Gia Đình, P.O. Box 7051, Quincy, MA 02269.

Trần Thu Miên tên thật là Trần Văn Thành, là một nhà giáo đã dạy học nhiều nơi trên đất Mỹ, nhưng vẫn thiết tha với thi ca tiếng Việt. Thơ của Trần Thu Miên có mẫu số chung với hồn thơ của rất nhiều người Việt xa xứ: hoài niệm. Ở một lứa tuổi nào đó mà bị dứt ra khỏi đất nước của mình thì đời sống tinh thần thường hướng về quãng đời đã qua, trong đó có các yếu tố văn hóa, tình cảm đã xây dựng nên con người của mình. Và lúc bấy giờ thơ sẽ là phương tiện hữu hiệu nhất để chuyên chở các nỗi niềm thương nhớ. Người ta không cần điều động nhiều lắm khả năng của ngôn ngữ, không cần tìm ý tứ cho thật lạ kỳ độc đáo, người ta chỉ cần những vần điệu quen thuộc đơn sơ để bộc bạch nỗi lòng của mình. Mà thường là thành công. Sự bộc bạch chân thành trong tình cảm dễ gây đồng cảm nơi người khác hơn là sự cầu kỳ cố ý. Đọc kỹ thơ của Trần Thu Miên ta sẽ bắt gặp sự cảm động ấy, vì tác giả khơi động hộ cho ta những điều ta vốn có mà không có cách phát biểu ra được. Lúc bấy giờ chỉ xin nhắn với tác giả một câu thôi: xin cám ơn.

Ngày Về

tuyển tập truyện ngắn của **Lê Thị Nhị**, Cỏ Thơm xuất bản 1996, 173 trang, giá US$10.00, ngoài Hoa Kỳ thêm $2.00. Liên lạc: 3111 Cranleigh Ct, Fairfax, VA 22031, USA.

Sách gồm 12 truyện ngắn từng đăng rải rác trên báo chí Việt ngữ hải ngoại, có bối cảnh Việt Nam và Hoa Kỳ. Những tâm lý khúc mắc, những hoàn cảnh xung đột giữa hai nền văn hóa, phong tục Việt, Mỹ đã được tác giả đề cập tới. Đặc biệt là tâm sự của người Việt hải ngoại về thăm Việt Nam.

Truyện có cái phong vị đằm thắm, chừng mực của một nhà văn nữ hiền hòa. Tuy nhiên đôi khi chúng ta cũng bắt gặp những 'bước ngoặc" bất ngờ hay ngỡ ngàng, lý thú như trong truyện *Vợ Hiền và Quê Hương*, chàng trai hải ngoại sau một năm hạnh phúc với người vợ xinh đẹp, một sáng khám phá ra là mình bị lừa cả tình lẫn tiền, hay *Người Mẹ* trong viện dưỡng lão phải thuê người vào thăm, tự mua quà để tặng mình, hoặc ray rứt xót xa như trong *Đêm Cuối Cùng*, và cái tâm trạng dằn vặt, lôi kéo giữa sự lựa chọn một đời sống tranh đấu vì lý tưởng và một đời sống êm đềm bên vợ con của *Sẽ Nói Với Em.*

Hai mươi năm sau ngày dân tị nạn Việt Nam tản mác khắp thế giới, Lê Thị Nhị đã ghi lại những dấu ấn thời đại không nhiều thì ít đã là cái tâm trạng chung của người tị nạn tha hương thuộc thế hệ thứ nhất.

Sách ấn loát sáng sủa trang nhã, có kèm những hình ảnh đẹp về quê hương Việt Nam thuở thanh bình xa xưa của các nhiếp ảnh gia tên tuổi. *(Trần Quán Niệm)*

Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam 1960-1995

biên khảo tập thể do **Trần Anh Dũngchủ** biên, với sự cộng tác của Hòa Sơn, Joseph (Huế), Nguyễn Đức Khiết, Nguyễn Ngọc Dũng, Phạm Bá Nha, Thanh Giang,, Trần Ngọc Thụ, Trần Văn Trang, Hồ Ngọc Cẩn, Ng. Long Xuyên, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyên Hương, Phạm Xuân Hy, Trần Đức Anh, Trần Phúc Nhạc; Đắc Lộ Tùng Thư tại Paris phát hành, 545 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

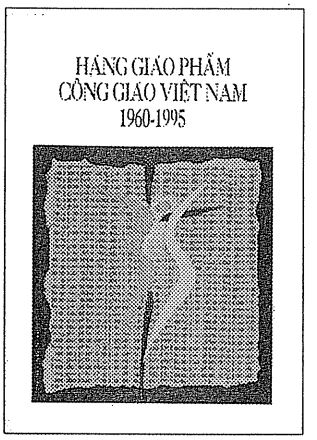

Nội dung của cuốn sách rộng lớn hơn nhan đề của nó nhiều. *Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam 1960-1995* chỉ là tên một chương ngắn 14 trang trong tổng số 545 trang của cuốn sách, trong chương ấy sự kiện quan trọng nhất có lẽ là Sắc Lệnh thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam do Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII ký ngày 24-11-1960. Việc lấy tên một chương đặt tên cho cả cuốn sách giống như các văn sĩ lấy nhan đề một truyện ngắn đặt tên cho tuyển tập truyện của mình, nhưng đây là một tập biên khảo và sưu tầm tài liệu về tôn giáo nên việc chọn lựa ấy chắc hẳn có một ý nghĩa riêng.

Đây là một cuốn sách tài liệu rất phong phú về lịch sử đạo Công giáo tại Việt Nam, từ khi đạo này lần đầu tiên vào nước ta năm 1533, trải qua hơn bốn thế kỷ với bao thăng trầm để có một giáo hội và một hàng giáo phẩm như ngày nay. Ngoài phần tài liệu thuộc nội bộ giáo hội như các bức thư chung, thông cáo, sứ điệp, sắc lệnh, danh sách hàng giáo phẩm... còn có phần nghiên cứu lịch sử như 'Những trang đầu lịch sử truyền giáo tại Đàng Trong,"

"Giáo sĩ Đắc Lộ: từ cửa Bạng đến Thăng Long," "Lịch sử Địa phận Hà Nội dưới triều nhà Nguyễn," sự tích nhà thờ Đức Mẹ tại La Vang... Cuốn sách có nhiều tài liệu quý, giúp ích không những người trong đạo Công giáo mà còn cho những ai muốn tìm hiểu về lịch sử.

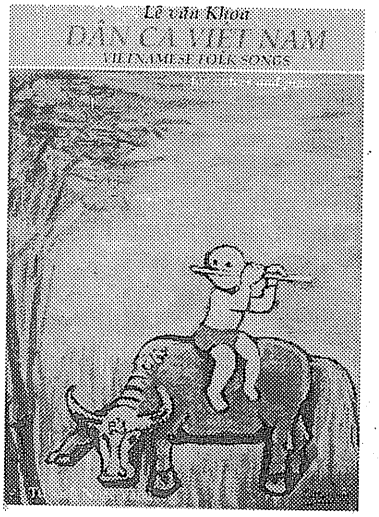

Dân Ca Việt Nam và Nhạc Việt Mến Yêu

hai cuốn sách âm nhạc do **Lê Văn Khoa** biên soạn, Người Việt xuất bản 1996, các họa sĩ Nguyễn Đồng, HỒ Thành Đức, Bé Ký chăm sóc phần trình bày, mỗi cuốn dày 34 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Người Việt, Inc. 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 892-9414.

Dân Ca Việt Nam: gồm năm bài dân ca cổ truyền chia ra một bài miền Bắc, một bài miền Trung, ba bài miền Nam. Các bài dân ca được Lê Văn Khoa soạn thành nhiều giọng dành cho những nhóm hợp ca hay hợp xướng, cùng với phần đệm cho dương cầm. Bài soạn công phu đã được ban hợp xướng Ngàn Khơi trình bày nhiều lần qua những buổi công diễn. Dân ca Việt Nam, tương đối còn xa lạ với người thưởng ngoạn thế giới. Việc giới thiệu dân ca dân nhạc Việt Nam với các dân tộc khác là rất cần thiết. Việc làm của Lê Văn Khoa đã có đã có nhiều người đi trước. Sự thành công tương đối với khán thính giả người Việt, với cái lạ (là dân ca của chính mình) và phức điệu hóa. Tất cả các nhà soạn hòa âm (phức điệu hóa) cho dân ca đều cố gắng xây dựng nền hòa âm riêng cho dân ca Việt Nam. Những cố gắng đó rất đáng ca ngợi dù vẫn chỉ là thể nghiệm. Lê Văn Khoa từ rất lâu, âm thầm tìm tòi thử nghiệm. Năm bài dân ca phức điệu hóa trong tập Dân ca Việt Nam chỉ là một phần trong số những bài dân ca Lê Văn Khoa đã soạn hòa âm cho người thưởng ngoạn không phải là người Việt, như Lê Văn Khoa nói ở đầu tập nhạc: ..."Hòa âm theo ý hướng đưa dân ca Việt vượt thoát biên cương quốc gia... hòa âm cho hợp ca nhiều bè theo tiêu chuẩn nhạc ngữ quốc tế, viết phần đệm piano để các nhóm nhỏ, hoặc các ban hợp ca lớn có thể trình diễn dễ dàng..."

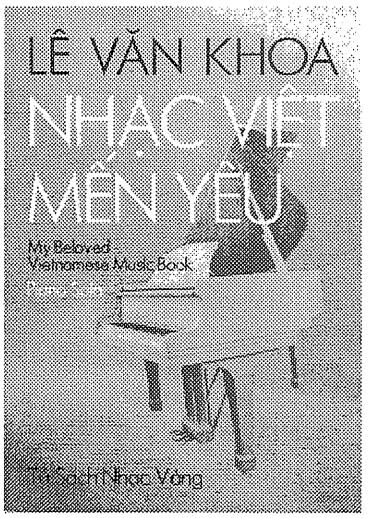

Nhạc Việt Mến Yêu: gồm mười ca khúc của các tác giả Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Hùng Lân, Cung Tiến, Lê Thương, Nguyễn Văn Thương, Hoàng Giác được Lê Văn Khoa biên soạn cho dương cầm đơn diễn. Những ca khúc rất quen thuộc với lớp trung niên, nhưng còn tương đối lạ với lớp trẻ, được soạn công phu, kỹ thuật phổ thông nhằm phổ biến rộng rãi. Điều này nói lên kinh nghiệm sư phạm và lòng yêu trẻ của Lê Văn Khoa. Ông cũng giải bày tấm lòng của ông muốn giới thiệu và lưu giữ lại những tác phẩm có giá trị của nền tân nhạc Việt Nam. Việc làm này như một trách nhiệm, đồng thời mang nặng đạo lý Á Đông như ông viết:

"... là người chịu ơn rất nhiều với các nhạc sĩ đã sáng tác những giai điệu hay.... Hy vọng các nhạc sinh trẻ cũng yêu mến Nhạc Việt như tôi hằng yêu mến..."

Cả hai tập nhạc đều được chăm sóc kỹ lưỡng, trình bày và ấn loát đẹp, và đặc biệt rất tiện dụng. *(Tâm Hoa)*•

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA...."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
2110 EAST FIRST STREET #104, SANTA ANA, CA 92705
PHONE: 714-245-2700 • FAX: 714-245-2704

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: * Giá trị nhà thấp hơn nợ cũ * Tiền trả hàng tháng cao quá * Bệnh nặng hoặc chết chóc * Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, Conv (trên toàn Hoa Kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down

"Lead" prvided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Đấu giá (BID) nhà của chính phủ hoặc ngân hàng ở những vùng Irvine, Mission Viejo, Fountain Valley, Huntington Beach.

e-mail: jm-mtg-cor@apc.net

Kha John (Pager: 714-571-6885)

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
*Không bột ngọt
*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SÁCH GẦN TUYỆT-BẢN... VÌ KHÔNG TÁI-BẢN NỮA

Trọn bộ

VIỆT-SỬ BẰNG TRANH

gồm 30 tập

Cho tới hôm nay, ngoài một số sách lẻ sót lại, thì chỉ còn mấy chục Bộ **VIỆT-SỬ BẰNG TRANH**, mỗi bộ gồm đầy-đủ 30 tập, do **BÙI VĂN BẢO** biên-soạn với sự cộng-tác của 12 nhà-giáo nổi danh và 15 họa-sĩ tài-hoa.

VIỆT-SỬ BẰNG TRANH gồm có 30 tập, biên-soạn từ đời vua Hùng cho đến đời vua Quang-Trung, mỗi tập 88 trang gồm 40 trang tranh vẽ lớn in trên nền màu và 40 trang chữ **VIỆT**, chữ **ANH**, chữ **PHÁP**.

Tổng-cộng với gần 3000 trang ruột, giấy trắng tốt và 30 tranh bìa nhiều màu lộng-lẫy, mỹ-thuật, bộ **VIỆT-SỬ BẰNG TRANH** này rất xứng-đáng được lưu-giữ cho con cháu và trưng-bày trong Tủ-sách Gia-đình.

Vì chỉ còn mấy chục bộ là đầy-đủ hoàn-toàn, xin Quý-Vị đặt mua ngay mới có trọn bộ để làm một món Quà quý-giá, hữu-ích tặng con em, trong các dịp Lễ Giáng-sinh, Tết Nguyên-đán Âm-lịch, Ngày Sinh-nhật hoặc Lễ Tốt-nghiệp, Lễ Ra trường...

Giá trọn bộ là **240 Mỹ-kim** hoặc 300 Gia-kim. Có thể trả góp dần làm 3 tháng, mỗi tháng **80 Mỹ-kim** hoặc 100 Gia-kim. Ngoài ra Quý-Vị nào muốn xem thử 1 tập, thì xin gửi **8 Mỹ-kim** cùng Địa-chỉ nhận sách rõ-ràng về cho soạn-giả.

Thư-từ, chi-phiếu xin đề gửi về:

Ông BÙI: 128 Stephenson avenue
Toronto, Canada M4C-1G4

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn
(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Bánh Mì Cali

$1.35/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tai chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Quỹ Cứu trợ Bão Lụt cho Việt Nam
Flood Relief Fund for Vietnam (FRF/VN)

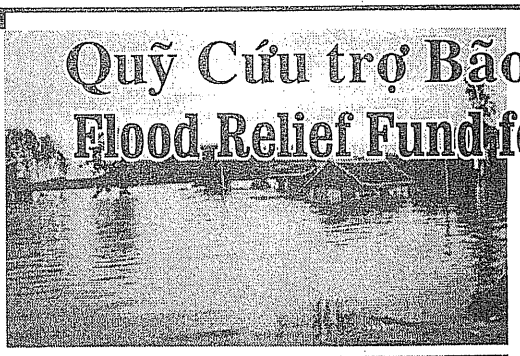

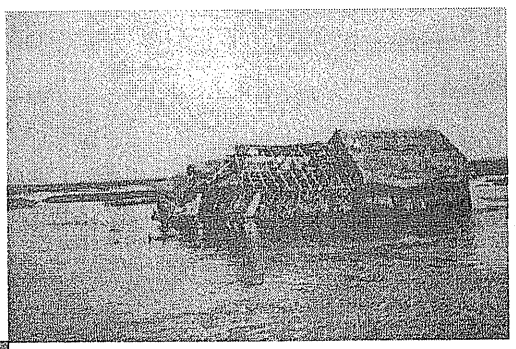

Với sự phối hợp của 4 đoàn thể trẻ:

- **Hội thiện nguyện SAP-VN** (Green Cross)
  Đại diện: Nguyễn Ngọc Thành
- **Hội Ái Hữu Sinh Viên Việt Nam**
  Đại diện: Đinh Ngọc Lệ Hồng
- **Liên đoàn Thanh Niên, Sinh Viên, Học Sinh Việt Nam**
  Đại diện: Vũ Quốc Phong
- **V.I.E.T. Foundation**
  Đại diện: Nguyễn Công Bằng

... và một số thân hữu.

Chủ trương:

TRỢ GIÚP TẬN TAY ĐỒNG BÀO NẠN NHÂN THIÊN TAI, BÃO LỤT.

Địa chỉ liên lạc:

Flood Relief Fund for Vietnam
622 So. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92704-1340

Phone/Fax: **(714) 775-9528**
email: floodSOS@aol.com

Xin quí đồng hương vui lòng liên lạc với FRF/VN để biết thêm chi tiết.

Ảnh từ trên xuống:

- Một cảnh lụt ở Thanh Hóa ('96)
- Một buổi phân phối quà cứu trợ ở Kiên An (Kiên Giang, '94).
- Thăm viếng và cứu trợ đồng bào ở Sơn Hòa (Phú Yên, '93)
- Một cảnh lụt ở Châu Đốc ('95).

PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên: _____

Địa chỉ: _____

Thành phố: _____ Tiểu bang & Zip: _____

Điện thoại: _____

Số tiền ủng hộ: $_____

** Tax Deductible Receipt issued by SAP-VN*
CA Non-profit ⊙ Federal ID #33-0539755

Chi phiếu và ngân phiếu xin đề tên:
Flood Relief Fund for Vietnam -FRF/VN
622 So. Harbor Blvd., Santa Ana, CA 92704
Phone/Fax (714) 775-9528

Xin giúp FRF/VN bằng cách sao lại bản này và gửi đến các thân hữu hảo tâm. Rất cảm ơn.

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

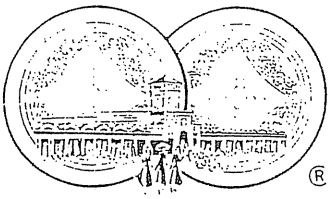

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

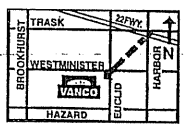

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

VNCR
VIETNAM
CALIFORNIA
RADIO
106.3 FM

PHÁT THANH 7 NGÀY MỘT TUẦN:

- **THỨ HAI, BA, TƯ, NĂM ,SÁU: từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều**
- **THỨ BẢY: từ 6 giờ chiều đến 7 giờ tối**
- **CHỦ NHẬT: từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều**

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim